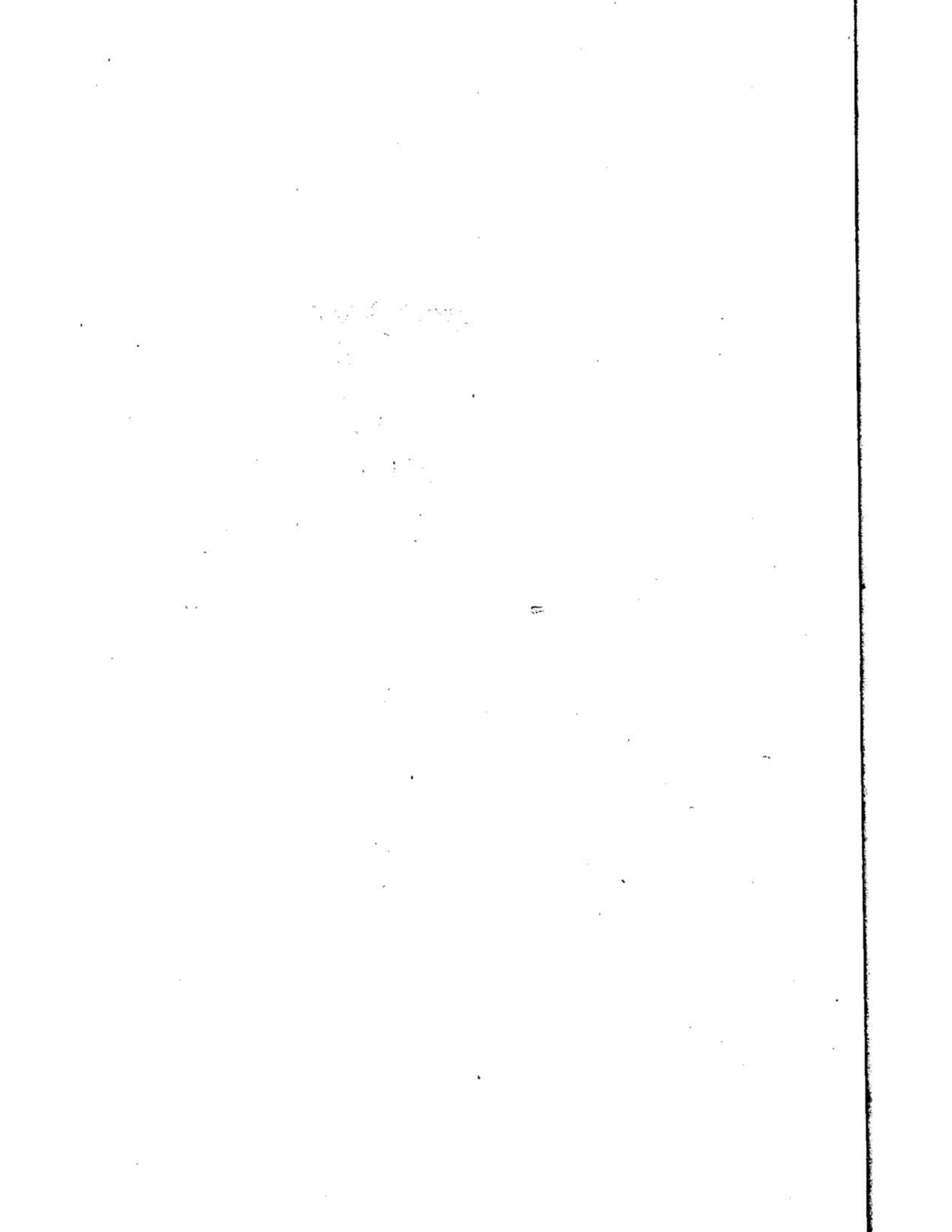


Khái niệm về chủ nghĩa

NHẬN - VỊ

(Tài-liệu của Trung tâm Huấn luyện Nhân vị Vĩnh-Long)



TỰ A

Quyển sách này gồm một số bài giảng về thuyết « Nhân-vị » của các vị Linh-mục Giáo-sư ở Trung tâm Huấn-luyện Nhân-vị Vĩnh-Long, mà Liên-Đoàn Công-Chức Cách-Mạng Quốc-Gia đã được phép ấn-hành, để làm tài-liệu học-tập cho anh chị em đoàn-viên.

Nguyên-tắc tôn-trọng nhân-vị đã được Quốc-hội Lập-hiến long trọng tuyên-bố và ghi ở trang đầu bản Hiến-pháp Việt-Nam Cộng Hòa. Nguyên-tắc ấy chính là căn-bản của công-cuộc kiến-thiết quốc-gia trên mọi lĩnh-vực do NGÔ TỔNG-THỐNG lãnh-đạo từ bốn năm nay.

Sau bao nhiêu thử-thách khó-khăn và mặc dầu còn nhiều trở-lực cần phải được khắc-phục, đời sống của chúng ta, người dân Việt tự-do, hiện nay đã trở nên tươi sáng và đã thoát khỏi các tệ-hại xấu-xa của thời Phong-thực, khác hẳn với tình-cảnh của đồng-bào miền Bắc rên siết dưới ách thống-trị của Việt-cộng. Điều này đã sáng tỏ và nếu còn có kẻ hoài-nghi, thiết tưởng các lời tường-thuật của đồng-bào vượt tuyến, — mỗi ngày một đông, — cũng đã đủ làm cho họ thức-tỉnh rồi.

Như vậy, sự cách biệt giữa hai đời sống, hai chế-độ là do ở đâu, nếu không phải là vì trên phần đất Quốc-gia, nhân-vị của mỗi người công-dân được tôn-trọng, trong khi ở vùng Việt-cộng, nhân-cách đồng-bào bị chà đạp, con người bị hạ xuống địa-vị một con vật, một cái máy để sản-xuất.

Trên thế giới ngày nay, lý-tưởng nhân-vị là thành-trì kiến-cổ đề bảo-vệ tự-do và hòa-bình, trước sự xâm-lãng của tà-thuyết duy-vật. Riêng ở Đông Nam-Á, Việt-Nam Cộng-Hòa, với vũ-khí tinh-thần sắc bén ấy, có thể tự-hào đã đứng vào hàng-ngũ tiên-phong các quốc-gia dân-chủ, trong mặt-trận chống Cộng.

Hơn thế nữa, lý-tưởng nhân-vị áp-dụng ở Việt-Nam đã được nhân-sĩ và chính-khách nhiều quốc-gia bạn đặc-biệt lưu-tâm nghiên-cứu, và tìm đến tận xứ ta để học hỏi và suy nghiệm.



Bởi các lý-do trên đây, và nhất là sau khi đã nhận-thức rằng anh chị em Công-chức Cách-mạng Quốc-gia muốn làm trọn vẹn nhiệm-vụ của mình trong công cuộc kiến-thiết xứ sở hiện-tại, cần phải, trước hết, hiểu rõ lý-tưởng chỉ-đạo công-cuộc ấy, Ban Chấp-hành Trung-ương Liên-đoàn Công-chức Cách-mạng Quốc-gia đã quyết-định xin phép ấn-hành tập sách này, để dùng làm tài-liệu học-tập cho anh chị em công-chức.

Một điều mà Ban Chấp-hành Trung-ương cần lưu-ý các học-viên là lý-tưởng nhân-vị có một giá-trị tự-tại không liên-quan đến tôn-giáo, — mà mỗi học-viên đều có nhiệm-vụ phân-tách và tìm hiểu.

Sau hết, nhân danh Ban Chấp-Hành Trung-ương Liên-Đoàn Công-Chức Cách-Mạng Quốc-Gia, tôi xin vị Linh-mục Giám-Đốc Trung-Tâm Huấn-Luyện nhân-vị Vĩnh-Long và các vị Giáo-sư đã cho phép ấn-hành tập sách này, vui lòng nhận nơi đây lời cảm tạ chân thành của Liên-Đoàn Công-Chức Cách-Mạng Quốc-Gia.

LÂM - LỄ - TRINH

Bộ - Trưởng Nội - Vụ

Chủ-Tịch Ban Chấp-Hành Trung-ương

L. Đ. C. C. C. M. Q. G.

BÀI NHẬP ĐỀ

*Linh mục Nguyễn-văn-Tất Giám đốc
Trung Tâm Huấn Luyện Nhân Vị Vĩnh Long.*

Đời bây giờ là đời cạnh tranh.— Chúng ta cần phải hoạt động — chúng ta không được ơ-chờ lãn đạm — Nếu chúng ta không hoạt-động, và kẻ khác sẽ hoạt-động và sẽ hoạt-động ngược lại với chúng ta.

Vì con người là vật có lý-trí, chúng ta không thể hoạt-động một cách mờ-ám, không tìm hiểu nguyên do nguồn gốc và kết quả của mọi hoạt-động của chúng ta. Trước khi làm phải suy-nghĩ, trước khi suy-nghĩ phải đề cập vấn-đề. Nếu chúng ta không có quan-niệm nào về đời sống trí-tuệ, luân-lý, tinh-thần và các ngành hoạt động của chúng ta, làm sao chúng ta có thể suy-nghĩ được ? Cho được suy nghĩ, chúng ta cần phải suy-nghĩ về một vấn đề nào. Cho đặt vấn đề, chúng ta phải đặt nó ra — phải học — suy-nghĩ xong chưa đủ, chúng ta cần phải phán-đoán — suy-nghĩ là phán-đoán — phán-đoán là chọn lựa. Đây là đặc tính của con người. Biết chọn lựa, là dân con người có tự-do. Chúng ta đừng bắt chước con lừa Buridan : chết đói ở giữa 2 bó cỏ, vì không biết phải ăn bó nào.

Chọn lựa xong chưa đủ, chúng ta phải hoạt-động. Sự chọn lựa không đưa đến hoạt-động là một chọn lựa vô ích.

Phần đầu của khóa huấn-luyện, chúng ta cố gắng tìm biết những vấn-đề một người học thức cần phải biết và những phương pháp để đặt các vấn đề ấy :

— Tuần thứ hai chúng ta sẽ suy-luận các vấn đề về chính nhân-vị.

— Tuần thứ ba phương pháp thực hành trong đời sống cá-nhân.

— Tuần thứ tư phương pháp thực hành trong đời sống xã-hội.

Trước khi đề cập đến các vấn đề trên chúng ta cần phải hiểu và giải-quyết : *con người là gì ?*

Thật là một câu khó trả lời. Chúng ta phần đông có một số tuổi đã sống đời sống con người — nhưng nếu chúng ta thử hỏi ; con người là gì ? có mấy ai trả lời được. Đây là một câu

hỏi cố cữu như nhân loại, một điều mà chúng ta chỉ giải-thích được, khi chúng ta tìm thấy lý do nó ở ngoài vạn vật, ngoài con người. Lý do con người không tìm chính ở trong con người.

Trước hết con người phát-triển trong trí giác ngoại giới chúng ta như một thực-thể vật-chất với vài tính cách, cử chỉ hành-động làm cho chúng ta tức khắc nhìn nhận đó là con người. Nếu đem sự sưu tầm và suy-nghĩ, chúng ta vượt khỏi cái thực thể hiện ra nơi giác quan của chúng ta. Nếu đem sự sưu tầm và suy-nghĩ trên những người khác và hành-vi của họ trên chính chúng ta và những hành-vi của chúng ta, chúng ta sẽ thấy mình đứng trước một tác động riêng biệt, tác động của tư-tưởng và ý-chí, biểu thị bằng một giá trị và những đặc-tính cao hơn những đặc tính của thể xác và hoạt-động của nó.

Nếu chúng ta đi từ hiện hữu và đặc-tính của tác-động thể xác đến hiện hữu và đặc-tính của nguyên-do thực thể, chúng ta có thể suy-luận chắc chắn có một thực-thể vô-hình, khác với cái thực thể vật chất và hữu hình, một thực thể linh động và hoạt-bát, kể như nguyên thủy tinh-thần để cấu tạo cái động vị sống động mà chúng ta gọi là con người.

Tiếp tục phân-tách và khảo cứu cái nguyên-thủy vô-hình này, chúng ta sẽ đi đến sự xác thực này : nguyên thủy ấy phải là một thực thể cá tính có bản tính lý-trí, tự sống, tự do và tự lập và không thể thông báo được. Cái nguyên thủy vô hình có nhiều đặc tính ấy gọi là NHÂN VỊ.

Nhân-vị thuộc loại thực thể.

Nhân-vị một thực thể có cá tính đơn độc-một phần tử có tính cách riêng biệt-không lẫn lộn với một người khác.

Nhân-vị là một thực-thể có lý-trí để chủ-trương mọi hành-động của mình.

YẾU TỐ THỂ XÁC

Khi chúng ta đặt cho con người danh-từ Nhân-Vị, khi chúng ta nhận cho con người có một yếu-tố vô hình, chúng ta đừng lẫn lộn cả con người với yếu tố cấu tạo của nó. Nói con người là một nhân-vị chúng ta không muốn nói hay tưởng con người chỉ là thực-thể cá tính có bản tính lý-trí, nhưng chúng ta muốn nói con người có một động lực có giá-trị hơn giá-trị

thể xác, mỗi lần chúng ta muốn xác định giá trị và cứu cánh con người ! Con người là con người — không phải chỉ có thể xác hoặc tâm linh không — con người gồm có thể xác, và tâm linh. Muốn có một quan-niệm xác đáng về con người, chúng ta phải nhận hai yếu-tố căn bản cấu tạo con người là xác và hồn.

Nhờ yếu tố thể xác, con người có một dụng cụ tất yếu để thông báo với ngoại giới và với những người khác. Cái thể xác có giá trị, nhưng chỉ có giá trị của nó — không phải nên một trở lực cho tâm linh — phần cao thượng nhất của con người là tâm linh.

GIÁ TRỊ :

Nhìn nhận con người là một Nhân vị, hiển nhiên là chúng ta xác-nhận giá-trị, phẩm-giá và cứu-cánh con người. Nói cách khác, giá trị và phẩm giá con người là một kết thúc tất yếu của bản thể con người. Trong con người cái mà chúng ta gọi là động lực linh-hồn đi đến trình-độ thực thể — tự hữu — vĩnh-viễn. Giá trị cá nhân nguồn gốc bởi hai thực tại :

1) Con người cũng như các động vật khác có một sự sống riêng làm cho con người nên một sinh vật tự trị, tự túc, đầy đủ, cứng rắn.

2) Con người chiếm một địa-vị cao nhất trên giai-cấp các động-vật : địa-vị tâm linh.

ĐẶC QUYỀN :

Điều đáng chú ý khi chúng ta quan sát con người, chúng ta nhận thấy hai trạng thái :

1) Một trạng thái, nhờ đó, con người là một cá nhân tồn tại trong thể xác, sống động trong không gian và thời gian.

2) Một trạng thái, nhờ đó, con người là một thực trạng tâm linh vượt khỏi không gian và thời gian để đi đến phẩm-kiến và tuyệt-đối và có một giá trị trội hơn các giá-trị vật chất. Nhận bản thể con người, chúng ta nhận thấy những đặc-quyền sau đây :

1) Con người là một vật tự túc, đầy đủ và phân tách ra mọi vật khác — không làm một phần-tử của một vật khác.

2) Con người một vật tự do.

3) Vì có tự-do, con người được làm chủ mọi hành-vi của mình, có quyền lợi và nhiệm vụ, quyền sở hữu và quyền thương yêu và được thương yêu — và chỉ có con người đi đến linh yêu vô vị lợi.

4) Con người có trí tuệ, và có thể hiểu cái gì tổng quát, tuyệt đối và tất yếu.

CỨU CẢNH :

Vì muốn khảo cứu con người hoàn-toàn, chúng ta cần phải xét đến cứu cánh của nó.

Vì là con người, nên không bao giờ là hoàn-toàn được : cần phải tìm sự hoàn toàn trong sự nhận thức và thấu đạt một vật khác, một vật kiểu mẫu hoàn toàn — đạt cứu cánh.

Nhưng không phải đạt bất cứ cứu cánh nào, nhưng một cứu cánh hoàn toàn — làm thỏa mãn mọi ước muốn của con người.

Vì con người là tạo vật có tâm linh, đối tượng của tâm linh là cái toàn hảo của thực tại, điều thiện ; chỉ trong nhận thức và ra chuông cái toàn hảo, con người đeo đuổi cứu cánh của mình, nhưng cái toàn hảo chúng ta không thể kiếm gặp nơi tạo vật : điều kiện và cứu cánh tuyệt vời chỉ tìm gặp ngoài và ở trên các tạo vật, tìm nơi Đấng Thượng Đế. Đi tìm chân lý, đi tìm Thượng Đế là một tác động cao quý nhất của con người — đi tìm và đạt cứu cánh tốt cùng.

Ai muốn đạt cứu cánh, cần phải dùng phương pháp như những nấc thang đem chúng ta đến cứu cánh tốt cùng.

Những phương pháp sắp đặt tùy theo năng lực, khuynh hướng và hành động đời sống động vật, đời sống sinh vật, đời sống nhân vật, đời sống tâm linh. Con người trong ngành hoạt động phải coi như một cứu cánh, chứ không phải một dụng cụ, một phương tiện.

Con người trực tiếp hướng về Thượng Đế. Chủ-nghĩa cá nhân làm cho con người cô lập — chủ-nghĩa độc tài làm cho con người nô-lệ Quốc-gia chủng tộc. Chủ-nghĩa Công-Giáo đặt con người trên hết thực tại và chỉ tùy tùng một mình Thượng Đế.

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI :

Con người luôn luôn tiến triển — nhờ tiến triển để đi đến sự hoàn hảo — đi đến cứu cánh.

Vì con người (gồm có) bao hàn thể xác và tâm linh, sự tiến triển cần phải chú ý đến đời sống vật chất, trí tuệ, luân lý và tôn giáo, không thềm không bớt.

Sự tiến triển phải có hệ thống : cảm giác phải tùy theo lý-trí. Con người phải tùy tùng Thượng Đế — nhưng tùy tùng không phải tiêu-diệt.

Con người vì phải sống trong xã-hội, sự tiến triển cần phải được chi-phối bằng những đức tánh gia đình, công dân, xã-hội.

Mỗi người không tìm tư lợi cá nhân, sống chỉ tìm công ích — và nhờ đạt đàn cứu cánh của mình.

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?

Mỗi một phái định-nghĩa triết-học một cách, tùy theo quan-niệm của mình. Nói cho đúng hơn không có triết-học thuần-túy, chỉ có một thứ triết học nào, chỉ có những triết học gia mà thôi.

Muốn định nghĩa triết-học, trước hết chúng ta hãy trở nên một triết-học-gia, nghĩa là một người biết suy-luận để tìm cho biết nguồn gốc vạn-vật.

Nếu tôi đề-nghị câu định nghĩa này : « triết-học là khoa-học những căn nguyên là lý do căn bản sự thật, các bạn cho là quá xa xôi, quá trừu tượng, quá mơ hồ. Nếu tôi quả quyết : Triết-học là khoa học để giải thích một cách thâm thúy sâu xa căn nguyên vũ trụ, các bạn có lẽ hiểu rõ hơn một chút. Nhưng các bạn buộc phải tìm nơi lời nói của tôi, và trong thâm tâm các bạn, các bạn tự hỏi cái công thức này có khi là quá cao vọng, và có thể như các bạn đã biết rồi, bị phi bát bằng sự đụng chạm dư luận quần chúng.

Tốt hơn tôi khoan định nghĩa triết học, tôi muốn làm cho các bạn thấy mình cần phải suy nghĩ đã, suy nghĩ một cách khoa học, có hệ thống.

Các bạn tưởng tượng con người như một mầm cây mọc trên mặt địa cầu, bị ném qua một lớp không gian đang quay cuồng. Mỗi cá nhân bị ném đó, kèm theo một đời sống lộn lộn vui buồn, thương ghét, và bị lôi cuốn trong một chiều chuyển động người ta phải gia - nhập vào mà không hiểu tại sao.

Nhưng cái ảo ảnh âu lo này sẽ sai lạc hẳn nếu chúng ta không xem cái gì khác nữa. Nó chỉ tương ứng như cái bên ngoài. Tư tưởng con người đang lúc bị vũ trụ chi-phối, tùy thuộc vũ trụ và dường như bị vũ-trụ đè ép, tư tưởng con người cao thượng hơn mọi cái chi phối chính mình, vì con người biết mình bị chi phối. Mọi lo âu xác thực hơn mọi lo sợ, vì nó không chỉ thấy nô lệ con người, mà còn nhận thấy cái cao thượng của mình. Nguồn gốc sự ngạc nhiên là ở đây ! khoa học đầu sự ngạc nhiên (Aristote), cái nhu cầu cần của suy nghĩ là đây, ở cái chênh lệch giữa cái nhỏ nhoi bấp bênh của địa-vị con người với cái nhảy vọt lên cao của tư tưởng làm cho con người thấy mình cao quý hơn địa-vị thực tại. Triết lý chánh là phân tích cái âu lo này.

Nếu con người ngạc nhiên khi nhìn xem vũ-trụ, ngạc nhiên vì xem chính mình như hồi nhỏ chúng ta có biết bao nhiêu cái ngạc nhiên, nếu yêu sách ngạc nhiên có hai phần, nhiều con đường suy tầm mở rộng trước chúng ta. Chúng ta có thể chứng minh dễ dàng các thứ khoa học không làm thỏa mãn âu lo của chúng ta, cho dầu về phương diện trí thức mà thôi.

Cốt yếu là cái gì thực tại và bao quát. Một bên sự thăm kín luôn ẩn lánh quá riêng biệt, đóng kín, một bên một cái bao quát quá trừu tượng và dường như đọng lại trong ước hiệu. Triết lý là chính cái hồi tưởng bao quát thực tại giữa những biến chuyển không ngừng. Vì vậy cho đặt định nghĩa triết - học, cần phải trở nên một triết-học-gia.

Tóm tắt triết học là phân tích cái âu lo, nhưng không phải là cái âu lo tầm thường, chính là cái âu-lo có hệ-thống, cái âu-lo loài người cái âu lo tính cách khoa học.

Triết học là sự nhận thức liên quan của âu-lo, và do đó triết học là sức cố gắng để xác định ý nghĩa của âu-lo, để có thể điều-khiển và hướng dẫn đời sống theo một nguyên tắc khôn ngoan, khôn ngoan để tìm hiểu chính mình và tìm hiểu vũ-trụ.

Triết học gia là một kỹ-thuật gia, một nhà chuyên môn về tư tưởng. Tư tưởng khác với dụng cụ kỹ thuật thế nào, thì triết học gia khác kỹ thuật gia thế ấy. Triết học gia là nhà chuyên môn suy tưởng, là nhà bác học của nhận thức tư tưởng có hệ

thống. Do đó các hệ-thống hóa triết-lý là những khoản tất yếu, nhưng tạm thời, của chuyển động hay sự vượt quá bất tuyệt của tư tưởng. Luôn luôn chúng ta có thể tiến, chúng ta có thể hiểu rộng hơn. Hệ-thống hóa triết-học là nhằm mục đích và tượng trưng triết học đơn - vị mà chúng ta chưa đạt đến, cái triết học lý tưởng. Hệ thống hóa triết học là phân tách chúng ta ra khỏi cái gì quá hữu hình, quá hiển nhiên, những biểu tượng làm cản trở tư tưởng của chúng.

Triết học chẳng những đem chúng ta ra khỏi cái hiện hữu, nó còn đem chúng ta đi đến bên kia, cái ngoài con người, đối tượng của siêu hình học.

Giá trị đặc biệt và cao thượng nhất của triết học là làm cho chúng ta nhận thức sự thiếu thốn, cái bất toàn của con người.

Ngày nay người ta phân biệt triết học làm bốn phần: tâm lý học, luân lý học hay đạo đức học, và siêu hình học cũng gọi là triết học tổng quát.

1.— **TÂM-LÝ HỌC** : quan sát các hiện tượng sinh hoạt nội giới của con người và cố tìm ra căn cứ và định luật của các hiện tượng ấy.

2.— **LUÂN-LÝ HỌC** : xác định các quy tắc chúng ta phải theo để khám phá và chứng minh chân lý. Nó gồm hai phần : luận lý hình thức và luận lý ứng dụng cũng gọi là phương pháp (logique formelle et logique appliquée ou méthode scientifique). Luận lý hình thức thiết lập các quy tắc cho hết mọi môn khảo cứu (recherche) và không tùy thuộc vào một đối tượng riêng, còn luận lý ứng dụng xác định những quy luật riêng cho từng môn khảo cứu (étude) như vật lý học, xã hội học, tâm lý học.

3.— **LUẬN LÝ HỌC** : hay đạo đức học xác định các quy luật phải theo để hướng dẫn đời sống đến một lý tưởng.

4.— **SIÊU HÌNH HỌC** : muốn tìm hiểu những cái gì vượt quá phạm-vi thực-nghiệm của giác-quan và ý thức và chỉ có lý trí mới nhận thức được. Nó gồm cố trí năng phê bình luận xác-định giá trị của lý trí. Siêu hình tổng quát, hay là bản thể luận (ontologisme) học về vật thể (ens-être) kể là vật thể và xác nhận những điều kiện nào là những điều-kiện khiến cho vật thể có thể hay là có thực (ens possibile, ens reale), và siêu

hình riêng (spécifique) biết tìm sự cắt nghĩa cuối cùng về sự vật : sinh hoạt là gì, vật chất là gì, linh hồn là gì, Thượng đế là gì, đó là những vấn-đề siêu-hình riêng-biệt muốn giải quyết.

Định nghĩa đề-nghị : Triết-học là học về tinh - thần người ta và tất cả những cái gì ở bên kia địa hạt hữu hình mà tinh-thần ấy có thể biết được. (Science de l'esprit de l'homme et de ce que, au delà du domaine sensible, cet esprit peut connaître).. Học về tinh thần : tâm lý học, luận lý học, và đạo đức học.

Vấn đề giá-trị của nhận thức phê - bình năng trí là siêu hình học.

Triết học với các khoa học khác.

A) — Triết học không phải là một khoa học như những khoa học khác. Hệ số (coefficient) nhân các quan trọng đối tượng lý hóa học đo lường được và không lệ thuộc vào sự phán đoán riêng nhà bác học, đối tượng triết học không hề đo lường được và thường thường lệ thuộc tình trạng mỗi một linh hồn người.

Nhà bác học đi đến chân lý trí tuệ, nhà triết học phải đi đến với tâm hồn mình. Phát minh khoa học có hay không, không làm thay đổi đời sống đạo đức, nhưng có Thiên Chúa hay không, có tự do hay không, rất quan hệ đến đời sống đạo đức.

B) — Triết học vẫn đáng mang danh từ khoa học. Triết học muốn đạt đến những lý do sâu thẳm của vạn vật. Chân khoa học là khoa học có căn do : triết gia hơn nhà bác học. Như triết học chỉ mưu đạt đến một tư tưởng hoàn toàn duy lý.

Nhà bác học : lý do thiên cận — Nhà triết học : lý do cùng tột.

C) — Triết học và khoa-học giúp lẫn nhau. Nhà triết học nhờ kinh nghiệm khoa học để suy lý. Nhà bác học công nhận những nguyên lý tư tưởng của triết học. Nhà triết học quan.sát cách thức (moyen de connaissance) khảo cứu (étude) của nhà bác học và hệ.thống hóa các cách thức ấy.

TINH-THẦN TRIẾT-HỌC :

Nguyên.tắc thực.tế và thiện ý trong lúc suy tầm triết lý.

Ừa thích thấu hiểu tổng quát và đầy đủ, quan niệm tổng hợp vĩ đại.

Đức tính đặc sắc : thoát ly bản ngã chật hẹp ích kỷ, vô vị lợi, chân thành với chân lý. Lo lắng cho nhân quần xã-hội, đời sống điều-hòa, hạnh phúc.

LUẬN LÝ HỌC

Con người khác với vật, vì người có lý trí, tri giác mỗi tương quan tất yếu giữa sự vật. Khảo cứu các phương pháp giúp con người hiểu biết sự vật (áp dụng lý trí vào việc tìm chân lý) là đối tượng của luận-lý học.

I) ĐỊNH-NGHĨA LUẬN-LÝ-HỌC

Luận lý là tìm lý.

A) — Theo nghĩa rộng, luận lý là hết mọi thể-thức suy-luận đúng hay không đúng.

B) — Theo nghĩa hẹp, luận-lý có nghĩa là sự nối-kết các ý-tưởng một cách có mạch-lạc (cohérent) hẳn hoi và hợp lý.

Định nghĩa đề-nghị : Luận lý học là một khoa học có mục-dịch xác-định cho biết trong những tác-động trí-tuệ hướng đến sự nhận thức chân-lý, tác-động nào là đúng và tác-động nào là không đúng (La logique est la science ayant pour objet de déterminer parmi les opérations intellectuelles tendant à la connaissance du vrai, lesquelles sont valides et lesquelles ne le sont pas).

Là một khoa học : phương pháp để đạt tới chân-lý và tổ chức các bước tiến của tư-tưởng thành hệ-thống, luận lý học là một nghệ-thuật. (art)

Về các tác-động trí-tuệ : ý-niệm, phán đoán và suy luận. Cái gì đúng cái gì không đúng, quan sát và phê-bình.

II) SO SÁNH LUẬN-LÝ HỌC VỚI CÁC NGÀNH CỦA TRIẾT-HỌC

A) *QUAN-NIỆM CHỦ-LÝ*.— Theo triết-học cổ-truyền, con người có lý trí, và lý trí có giá trị tuyệt-đối.

1) — Luận-lý học và tâm lý học hoàn-toàn khác nhau :

a) *Về đối tượng* : đối tượng của tâm lý học rộng rãi hơn đối tượng của luận-lý học.

b) *Về quan-điểm khảo cứu* : Tâm-lý học khảo cứu tất cả các tư tưởng. Luận lý học là khoa học qui-tắc cái hư cái thực, cái hợp lý cái bất hợp lý.

2) — Luận lý học và đạo-đức học : Hướng dẫn tư tưởng, hướng dẫn hoạt động. Qui luật luận-lý không có tính cách nhất thiết bắt buộc. Qui luật đạo đức có tính cách bắt buộc không điều kiện.

Theo quan-niệm chủ lý, luận lý học gần như lẫn với siêu hình học tổng quát : thực-tế thể học (ontologie), vì nguyên lý của tư tưởng có tính cách tuyệt đối, các quy luật của tư tưởng cũng là quy luật của thực-thể (être), nhờ khảo cứu tư-tưởng người ta có thể xác-định được các điều kiện sinh-tồn của thực thể.

B) — *Quan-niệm chủ-nghiệm* : Theo Aug. Comte, tư tưởng nhân loại từ buổi sơ khai cho đến nay đã trải qua ba trạng thái (état) trên lịch-trình tiến-hóa : trạng thái thần-lý, trạng thái siêu hình, và trạng thái thực-nghiệm (état théologique, état métaphysique, état positif ou scientifique).

Luận-lý học không thể là một khoa-học khảo-cứu những quy luật tuyệt đối của tư tưởng, nó chỉ là một khoa học thực-nghiệm cũng như tâm lý học.

Tâm lý học xét tư tưởng cá nhân,

Luận lý học xét tư tưởng đoàn thể,

— Luận lý học xét cái thường lệ trong tư tưởng,

— Đạo đức học xét cái thường lệ trong hành vi,

— Luận lý học là một phần của xã-hội học,

BÌNH PHẠM : Nhờ xã-hội học mà tư tưởng cá-nhân được phát-triển dễ dàng, nhưng những nguyên-tắc thuần lý của lý trí là những nguyên tắc bẩm sinh (inné) và tuyệt-đối, có trước xã-hội và không tùy thuộc xã-hội.

III.— HAI THỨ LUẬT LÝ HỌC

A) *Luận lý học hình thức* (logique formelle) học các thể thức của tư tưởng (ý tưởng, phán đoán, suy luận) và xác-định các quy-luật về các thể thức ấy. Đại số học về tư tưởng.

B) — *Luận lý học thực nghiệm* (logique appliquée ou

méthodologie scientifique) học những điều kiện phát minh và phương pháp chứng minh chân lý trong phạm-vi nhất-định : vật lý, tâm lý, sinh lý.

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TỔNG QUÁT CỦA SỰ SUY TƯỞNG

(*Les procédés généraux de la pensée*)

I) — TRỰC-GIÁC VÀ SUY-LUẬN

A) — *Trực giác* : là nhận thức trực tiếp, biết lập tức và ngay thẳng một đối tượng tư-tưởng hiện có trước trí-óc.

1) **Trực giác thực nghiệm** (Intuition empirique)

a) *Trực giác giác-quan* là nhận thức trực tiếp về các vật trước giác quan. *Trực giác ngoại-giới* chiếm một địa-vị quan-trọng trong trí thức : là khởi điểm (point de départ) của trí thức (connaissance).

b) *Trực giác tâm lý* (intuition psychologique) trực giác của ý thức (conscience), biết tất cả những tình trạng xảy ra trong bản-ngã.

2) **Trực-giác thuần-lý** (intuition intellectuelle). Về toán học, nguyên lý bầm sinh bao quát một luận chứng hay một thuyết-lý.

3) **Trực giác phát-minh** (invention, découverte)

4) *Trực giác siêu-hình* (intuition métaphysique), quan-nghiệm trực-tiếp về thượng đế và linh hồn.

B) — *Suy luận* : Nhận thức biện chứng : diễn-dịch pháp và qui nạp pháp.

Nhận thức gián tiếp : trí (tuệ phải đi từ thực tại này sang thực-trạng khác, từ ý-tưởng này sang ý-tưởng khác mới kết-luận, mới đạt đến sự thực trí-tuệ muốn biết.

1) **Qui-nạp pháp** : (Induction)

a) *Qui nạp hình thức* (induction formelle) không khám phá ra một sự thực mới, chỉ đem lại một hình thức mới cho những sự thực đã biết.

b) *Phóng đại qui-nạp* (induction applifiante ou réelle). Khám phá ra một sự thực mới.

Qui-nạp pháp là một phương pháp lý-luận đi từ thực-tại đến định luật.

2) **Diễn-dịch pháp** (déduction)

a) Hình thức diễn-dịch ý luận tam đoạn. Hai đặt điểm : câu kết luận là tất nhiên.

— Một thứ diễn dịch thuần hình thức, không sự thật mới, chỉ hình thức mới.

b) Diễn dịch thực sự hay chứng minh (déduction réelle ou démonstration). Dùng trong toán học. — Câu kết thúc là tất nhiên — Biết thêm cái mới.

Diễn dịch là suy luận từ một trường hợp chung để đoán định ra một trường hợp riêng.

3) **Lý luận loại suy**. Lý luận dựa vào một sự giống nhau đã quan sát được, mà kết luận một sự giống nhau khác không quan sát được.

C) — *Tương quan giữa trực giác và suy luận*. Cả hai là động tác của trí-tuệ. Trực giác có tính cách cụ thể, cá thể. Suy luận có tính cách trừu tượng, chung.

1) Trực giác mở đường và dự bị cho suy luận.

2) Các thể thức trực giác can thiệp vào suy luận.

a) Trực giác kinh-nghiệm làm khởi điểm cho suy luận : qui nạp và diễn dịch.

b) Trực giác thuần lý đem những nguyên tắc cần kíp cho sự suy luận.

3) Trực giác thuần lý tổng hợp suy luận trong một quan niệm bao quát, đại khái.

II.— PHÂN-TÍCH VÀ TỔNG HỢP

« Tất cả các nhận thức là một sự phân tích ở giữa hai sự tổng hợp. »

Phân tích là chia toàn khối ra từng yếu tố cấu-tạo của nó. Phân tích khác với phân chia.

Tổng hợp là lấy các yếu tố đã phân tích ra để cấu tạo lại toàn khối. Tổng hợp khác với hỗn hợp.

A) — Các thứ phân tích và tổng hợp

1) **Phân tích và tổng hợp thực nghiệm** : áp dụng vào những thực thể cụ thể (données concrètes) như các thể chất (substances) vật chất giới, hiện tượng ngoại giới (faits d'expérience) hiện tượng tâm lý.

a) Phân tích và tổng hợp thực sự : theo các yếu tố của một vật gì ra thực, lấy các yếu tố tháo ra, đã tách ra, rồi hòa hợp lại thành toàn thể thật sự.

b) Phân tích và tổng hợp bằng ý tưởng : trong trí khôn mà thôi (seulement dans l'esprit). Giúp khoa học thực nghiệm và các khoa học, có thể hay không có thể áp dụng phân tích và tổng hợp thật sự.

2. — *Phân tích và tổng hợp thuần lý*. Những cách thể tách ra hay nối lại những ý tưởng (phán đoán) hoặc những mệnh đề khác nhau (suy luận)

a) Phán đoán là một tác-dụng trí tuệ vừa gồm có phân tích và tổng hợp.

b) Lý luận gồm có phân tích và tổng hợp.

Lý luận phân tích : từ kết thúc của nguyên lý đến chính nguyên lý.

Luận lý tổng hợp : đi từ nguyên lý đến kết thúc dĩ nhiên của nguyên lý ấy.

B) — Địa-vị của phân tích và tổng hợp

Phân tích là một phương pháp sưu tầm (procédé de recherche) và khám phá (découverte). Tổng hợp một phương pháp giải-thích (explication) dùng để giảng thuyết các sự đã sưu tầm được.

Cả hai phương-pháp đi đôi với nhau và bổ túc cho nhau trong sự sưu tầm, cũng như trong sự giảng-thuyết khoa-học.

C — Óc phân-tích và óc tổng-hợp

a) Óc phân tích chuộng thực tại (culte du fait), thích sự xác định (précision) minh bạch và phân loại có phương-pháp (classification méthodique).

Quá lạm dụng có thể là một chướng ngại cho khoa học

vì rút tầm con mắt trí-tuệ lại làm cho người không thể bao quát sự vật.

b) óc tổng-hợp thích những quan-điểm tổng-quát, ít chú ý đến chi-tiết tỷ-mỷ, có thể làm cho người ta hấp tấp lăm lạp.

Tốt nhất là dung hòa được óc phân tích với óc tổng-hợp.

KHOA - HỌC VÀ CÁC THỨ KHOA - HỌC

I) **Khoa-học là gì ?** Khoa-học là một nhận-thức, nhưng là một nhận-thức có hệ-thống. Có 4 thứ nhận-thức :

A) *Nhận-thức loài vật.*— Loài vật cũng có cảm giác như loài người; nhưng loài vật không có lý trí : chúng tri-giác sự-vật, nhưng không thể tri-giác tương-quan giữa sự vật, nó không suy luận và không rút được kết thúc của những điều đã tri-giác. Nó không có những nguyên-lý gàn cốt của mọi suy-luận, không đặt vấn đề lý-thuyết để giải-quyết những vấn đề thực-tiền, không hành động một cách hợp-lý, không biết có những tương-quan tất yếu, nguyên-lý nhân-quả. Con vật nhận thức kinh-nghiệm dựa vào giác-quan và liên tưởng.

B) *Nhận-thức thông thường.*— Auguste COMTE nói : « Tinh-thần triết-học — tức là tinh-thần khoa-học — chỉ cốt ở sự khuếch trương lương-tri thông thường một cách có phương-pháp đến mọi vấn đề mà lý trí người ta có thể đạt được. »

Người hơn vật ở chỗ tri-giác được những mối tương-quan giữa các sự-kiện và biết có những tương-quan tất yếu.

a) Tương-quan về tương-tự hay tương-phản,

Tương quan về ngẫu-hợp hay sự kế tiếp không thay đổi.

Tương-quan tất-yếu : nguyên-lý.

b) Phương-pháp hoàn-toàn kinh-nghiệm, không thực-nghiệm hay khoa học, không có sự tổ-chức những điều kiện hiểu biết một cách thuần-lý.

C) *Nhận-thức khoa học.*

1— Nhận thức khoa học chắc thật hơn nhận thức thông thường.

2— Nhận-thức khoa-học xác định (précis) hơn.

3— Nhận-thức khoa-học tổng-quát hơn.

4— Nhận-thức khoa-học thuần-lý hơn,

5— Nhận-thức khoa-học có hệ thống hơn.

D) *Nhận-thức triết-học.*—

a) Theo triết học duy-lý cựu-truyền, siêu-hình học là phần căn bản.

Nhận-thức triết-học sâu xa hơn nhận-thức khoa học, không thể kiểm chứng được một cách thực-nghiệm, căn cứ trên suy luận, có tính cách quy phạm (nhận cái gì phải, cái gì không thể không có).

b) Theo triết-học thực-nghiệm, nhận-thức triết-học. Triết-học cốt yếu là siêu-hình : khảo cứu về bản thể sâu xa và giải thích lý do cuối cùng của sự vật, song triết-học đồng thời cũng là học nhân bản — tâm-lý học — nhân-tính học.

II) Nguồn gốc khoa học

A— *Khoa học và kỹ-thuật.*— Khoa học có mục đích tìm kiếm những định-luật giải thích các hiện tượng. Kỹ-thuật chỉ phối sự sản xuất kỹ-nghệ.

Tương-quan mật-thiết giữa khoa-học và kỹ-thuật :

a) Khoa học và kỹ-thuật bên nào có trước ? Kỹ-thuật thường có trước khoa học.

b) Khoa-học xuất - hiện cách nào ? Theo các triết-gia chủ thực-dụng thì hành động sinh ra tư-tưởng, kỹ-thuật sinh ra khoa học theo sự tiến-hoá tự nhiên (hành động) — Theo thuyết chủ chí (intellectualiste), sự xuất hiện của khoa học như một cuộc cách mạng thực sự, khi trí-tuệ tách khỏi thực tế : « khoa học khởi đầu ở sự ngạc nhiên » không do nhu cầu hành động mà nhu-cầu hiểu biết.

Kết-luận : Nhu cầu đời sống tạo kỹ-thuật — Khoa học xuất hiện làm cho kỹ-thuật tinh-xảo hơn.

B— *Khoa học, ảo-thuật và tôn-giáo.*

1— Tôn-giáo, ảo-thuật là gì ?

a) Tôn-giáo là toàn-thể tín-ngưỡng, những tình-cảm, những hành vi, lễ-nhạc ràng buộc người đời với Thượng-đế, kể như đáng thiêng liêng, quyền phép, có thể can thiệp vào sự chuyển vận của những biến cố trong vũ-trụ.

b) Ảo thuật là phép tác động trên tạo-vật và nhờ những phù

chú bí mật để đạt đến những kết quả trái với luật thường của tạo-hóa. Ảo-thuật gần với khoa học, khác với tôn-giáo.

2— Vấn đề — Khoa học từ đâu phát ra, từ ảo thuật hay từ tôn giáo ?

a) Theo Aug. Comte, khoa học do tôn giáo mà phát sinh : luật tam-trạng của phái xã-hội học thực-nghiệm.

Theo Ecole sociologique, khoa học do tôn-giáo mà phát sinh, nhưng trung gian là ảo-thuật, chứ không phải siêu hình học.

b) Theo nhà nhân chủng sinh học Anh Fazer, tôn-giáo là do ảo-thuật — Tôn-giáo — khoa học.

c) Theo Bergson, ảo-thuật và tôn-giáo, khoa học và ảo-thuật không cái nào do cái nào mà phát sinh cả.

QUAN-NIỆM ĐỀ-NGHỊ :

a) Kỹ-thuật và ảo-thuật cùng một loại, vì cả hai nhằm mục-dịch hành-động (không phải mục đích hiểu biết).

b) Khoa học cùng một loại với tôn-giáo, vì cả hai đều giải thích vận vật một cách thuần lý.

c) Giữa ảo-thuật và tôn-giáo có sự tương nhập cũng như sự tác động lẫn nhau giữa kỹ-thuật và khoa-học.

III — Công dụng của khoa học.

A — Quan niệm thực dụng.

I— Chủ-nghĩa Bacon : « Biết để tiên đoán, tiên đoán để cung cấp.

2— Quan-niệm về khoa-học của Bergson thâm thúy hơn « Trí tuệ không phải để hiểu biết, chỉ để gây ra một uy-lực, không giải thích ngoại giới, chỉ giúp người ta tác động trên ngoại giới.

B— Quan niệm chủ lý.

I — Nhiều nhà tư tưởng và bác học muốn xem khoa học như là một cứu cánh tuyệt đối, tượng-tự như một tôn-giáo.

Bình luận : Khoa học chỉ là một trừu-tượng, là toàn thể những tri-thức của toàn thể người ta.

2— Khoa học chỉ là một phương tiện.

IV — **Óc khoa học**

A — *Đức tính trí thức.*

I — Óc quan sát : tìm cái gì có thật.

- a) khách quan, đặc tính cốt yếu.
- b) Tính ưa minh bạch xác thực.
- c) óc phê phán.

2 — Óc minh chứng cốt yếu trong toán học.

- a) căn cứ trên chủ-nghĩa duy-lý khoa học.
- b) Liên-hệ mật-thiết với phương-pháp
- c) Hệ thống hóa nhận thức khoa học.

B — *Đức tính luân lý.*

I — Tính thành thật : công bình.

2 — Tính không vụ lợi.

C — *Đức tính nào quan trọng hơn.*

Đức tính luân-lý là yếu tố căn-bản của tinh-thần khoa học, nhưng có nên đặt nó trên đức tính trí thức không? Theo Go. blot, đức tính tuân-lý là cốt yếu của tinh-thần khoa học.

a) Nếu người ta cho từ ngữ « tinh-thần khoa học » một ý-nghĩa trí thức thì tinh-thần khoa học cốt ở những tính trí thức.

b) Tinh-thần khoa học theo một ý nghĩa luân lý,

V — *Phân loại các thứ khoa học.*

Khoa học là nhận thức có hệ thống, nhận thức tổng quát. Phân loại có ích nhưng khó.

ARISTOTE : Tư tưởng thực hành, thuyết-lý, thi-nghệ

— Khoa học thuyết lý có mục đích nhận thức và giải thích sự vật : Toán, Vật-lý-học, Siêu hình học.

— Khoa học thực hành mục đích hướng dẫn con người trong đời sống cá nhân (luân lý học) trong đời sống gia đình (kinh tế) trong đời sống xã hội (chánh trị)

— Khoa học thi nghệ mục đích sản xuất tác phẩm văn hóa: Tu từ học, thi pháp và biện chứng pháp.

BACON : căn cứ cứ trên năng lực.

— Khoa học ký ức : Sử-ký.

- Triết học là khoa học của lý trí.
 - Thi ca là khoa học của óc tưởng tượng.
- AUG. COMTE* : Nhận thức thuyết lý : thực hành.
- Các khoa học tùy thuộc nha.
 - Sáu khoa học căn bản : Toán, Thiên-văn-học, Lý-học, Hóa-học, Sinh-học và Xã-hội học (Toán, Cơ-học, Lý-học, học, hóa-học, sinh học, tâm lý học, xã hội học).
-

NHÂN - VỊ VÀ XÃ - HỘI

*Bài giảng của Linh-mục Thiện giảng sư tại
Trung Tâm Huấn Luyện Nhân vị Vĩnh-Long*

MỞ ĐẦU : Đaug khi nước nhà, cũng như thế giới, nỗ lực chiến đấu để xây dựng tương lai trên một nền vững chắc, mọi người trong chúng ta, là một phần tử trong đại gia-đình nhân loại, không thể ngủ êm trong giấc mộng. song phải mở mắt nhìn vào thực tế và suy xét sâu xa tìm hiểu sự chân thật, để khỏi sai lầm thất bại trong cuộc xây dựng chung.

I. NHÂN-VỊ VÀ XÃ-HỘI

NHÂN VỊ : Nhân-vị là phần tử của xã-hội, nhưng chẳng thể ví như viên gạch trong ngôi nhà. Nhân-vị trong xã-hội có nhân phẩm riêng, có cứu cánh riêng.

Con người là tiểu vũ-trụ đứng trong càn-khôn, về phương diện vật-chất, con người trong càn khôn sánh như giọt nước trong biển cả, về phương diện linh thiêng, con người thấu biết càn khôn, cao hơn càn khôn vì có lý trí.

Pascal đề câu rằng : « Con người là một cây sậy yếu ớt nhứt trong vũ-trụ, nhưng là cây sậy có tư tưởng. Núi non đánh nát được con người, mà núi non không hay biết ; con người bị đánh nát mà biết mình bị đánh nát ».

Nhân-vị có tư tưởng, có tình yêu bao la ; nhân vị chẳng phải là vật chất mà thôi, song gồm có linh hồn bất tuyệt ; nhân-vị có nhiều cứu cánh cao siêu.

XÃ-HỘI : Nhiều nhân-vị hợp thành xã-hội (gia-đình, quốc-gia, nhon-loại). Xã-hội có địa-vị đặc biệt, có quyền đòi hỏi ích chung. Xã-hội có cứu cánh chung với nhân vị.

— Xã-hội phải tùy theo nhân vị hay là nhân vị phải tùy xã-hội ?

Đề : Chủ nghĩa cá nhân định rằng xã-hội chỉ là phương tiện giúp cá nhân thỏa mãn nhu cầu riêng, và đưa cá nhân đến cứu cánh riêng. Nói thế có phần hợp lý, nhưng nếu đặt cá-nhân làm trung tâm của xã-hội và kể cá nhân là cứu cánh của xã-hội, chẳng qua là tung trọng ích kỷ, mà ích kỷ phản nghịch với chân lý ? Ai chẳng lên án ích kỷ ?

Phản đề : Chủ nghĩa xã-hội, ngược lại, chỉ kể cá-nhân (nhân-vị) là phương tiện giúp đưa xã-hội đến cứu cánh mình. Cá-nhân phải hy-sinh vì ích chung, phải phụng-sự ích chung. Thuyết này cũng có phần hợp lý.

Nếu phải kết luận : nhân-vị là cứu cánh của xã-hội và xã hội là cứu cánh của nhân-vị, thì chỉ ở trong vòng tròn lẫn lộn, chẳng giải quyết chi cả.

Tổng-hợp đề : Trí khôn luận xét đòi phải ra khỏi vòng lẫn lộn ấy, là tìm thấy và nhìn nhận nhân vị và xã-hội chung một cứu cánh. Cứu cánh ấy phải ở ngoài và ở trên Nhân-vị cùng Xã-hội.

Cứu cánh chung ấy ở đâu ? Triết lý Khổng giáo dạy : căn bản nhân vị ở trời mà đến. Theo Nho-giáo, trời là một thể độc lập. Nhờ cái tinh-thần của Trời đã phú giao, con người mới biết cội gốc của người là ở Trời và người với Trời có tương cảm tương ứng với nhau..... Những nhà Stoiciens (thế kỷ 4 trước Chúa giáng sinh) bảo : con người, về thể xác, là một phần của vũ-trụ, về phần hồn là một phần của Trời (tức là Thượng Đế)..... Phật giáo chỉ ngộ cho con người tu luyện để thành Phật Thiên Chúa giáo dạy : Con người bởi Thiên Chúa tạo ra, và phải trở về cùng Thiên Chúa.

Khi nhận thấy con người, dầu khác hân, khác dân tộc, màu da, đều chung một cội rễ và sống cho đặng đến bờ đến chung tất nhiên ta phải nhận định xã-hội cùng nhân vị có cứu cánh chung và cứu cánh ấy phải là Đấng Tạo Hóa,

Ở trong đấng Tạo Hóa, Xã-hội lan rộng sâu xa về không gian và thời gian. Ta liên lạc chặt chẽ cùng cả nhân loại, hiện tại cũng như quá khứ, tương lai.

Liên lạc nhờ tình yêu vô tận Tạo Hóa thông cho.

II. ÍCH CHUNG

Như ta đã nhận thấy, nhân vị, tuy là một thể độc lập (personne), một vũ-trụ (univers), nhưng nhân vị đứng trong xã-hội, trong nhân loại, có liên lạc chặt chẽ với các nhân-vị tất cả, mà liên lạc ấy chẳng phải là sợi giây nhơn tạo tự ý ta đặt ra, nhưng là một liên lạc thiêng liêng cao siêu ở trong hồn tánh con người. Liên lạc ấy chính là nguồn gốc chung và cứu cánh chung của cả nhân loại.

A.— ÍCH THIÊNG LIÊNG

Nguồn gốc chung, cứu cánh chung đòi buộc phải phụng sự

ích chung và trước tiên phụng sự ích thiêng liêng Ích chung đòi tôn trọng nhân vị gia-đình, tổ quốc, nhân loại. Tôn trọng là hiểu biết bản tánh thiên con người, biết sứ mạng gia-đình, tổ-quốc, biết cứu-cánh nhân-loại và nhìn nhận những nhu-cầu cần thiết để đưa tất cả đến cứu-cánh chung.

Lầm lạc to nhất là không chịu nhìn-nhận địa-vị cao-siêu Trời ban cho con người, chỉ nhìn thấy phần thú mà thôi. Vật chất phải phục vụ linh-tâm mới đúng trật tự thiên nhiên. Đảo lộn trật tự ấy mà chỉ biết có vật chất mà thôi có phải là tôn trọng nhân-vị đâu ? Bảo không có Trời, không có Thiên Chúa, không có Tạo Hóa, để hạ con người xuống bậc thú, mà gọi đó là ích chung thật là điên đảo.

B. — PHẢI NHẬN HIỂU NHỮNG GIÁ-TRỊ CĂN-BẢN.

Con người tự xét đoán và chọn lựa nên cần biết những giá-trị căn bản để xét đoán và chọn lựa cho hợp lý.

a) *Chân* : phải cần biết sự thật căn bản và nhắm theo Sự Thật ấy mà xét đoán và chọn lựa.

Sự thật căn bản phải là Đấng Tạo-Hóa : Tạo hóa ban trí-khôn cho con người. Trí-khôn đòi thỏa-mãn nhu-cầu nó. Cả văn hóa qui về việc làm thỏa-mãn trí khôn là tìm biết Sự Thật.

b) *Thiện* : Nghị-lực con người đòi hỏi hạnh-phúc (Le Bien) Tạo-Hóa cho con người lòng ước muốn vô bờ bến, phải được của vô giá mới phải lòng. Của ấy là « Thiện », là đấng tốt lành vô tương vô đối.

c) *Mỹ* : Lòng yêu mến sự Đẹp, Sự Đẹp căn bản các sự đẹp (tức là Đấng Tạo Hóa)

Phải nhắm vào Chân, Thiện, Mỹ mà nhận xét đâu có chân, có thiện, có mỹ mà chọn lựa.

Ích chung là cái đem đến Chân, Thiện, Mỹ.

d) *Tự do* : là một giá-trị căn bản.

Con người cao hơn các tạo vật. Cầm thú có bản năng điều khiển. Con người có trí-lý, làm chủ bản năng. Cần hiểu rõ tự do và áp dụng tự do mới khỏi sai lầm về ích chung.

Tự do là tự tuân theo luật-định thiên nhiên. Tự do ở tại con người khác hẳn con vật, có lương tâm nhận định phận sự theo luân-lý. Nhiệm-vụ luân-lý phải tự tâm đưa ra, lẽ luật, giới răn chỉ có tánh cách hướng dẫn.

Cũng vì làm hiểu tự-do mà tư bản kể cho mình có trọn quyền (droit) mà không nhìn nhận phận sự (devoir). Tự-do áp chế, tự-do đánh dẹp mọi quyền tự-do khác, dầu phải là tự-do, song là nô-lệ cho áp lực của ích kỷ.

Cộng-Sản vô thần đòi tự-do phải là thoát khỏi luật thiên nhiên. Thoát khỏi luật thiên-nhiên đặng tự-do: con ghét cha mẹ, cha mẹ bỏ con, gia đình chia rẽ, giày đạp tình yêu, nung đúc oán ghét, cất quyền sở hữu và cúi đầu dưới chế-độ độc-tài tàn nhẫn. Thế mà xưng tự-do làm sao?

Tự-do phải là tự tôn-trọng mình, mà tôn-trọng mình đem tới sự tôn trọng nhân-vị trong hết mọi người và sau cùng tự-do là tôn trọng ích chung.

e) Bác-ái giá-trị căn bản

Luật Thiên Chúa dạy thương yêu nhau. Sách có câu: Từ hải giai huynh đệ.

Muốn giải quyết thật sự các vấn-đề xã-hội trước hết phải bác-ái. Có bác-ái rồi sẽ có công bình.

KẾT LUẬN: Tìm ích chung, phụng sự ích chung ấy là xây dựng xã-hội.

III. GIA-ĐÌNH VỚI XÃ-HỘI

Theo quan niệm chúng ta đã thấy: Nhân-Vị và Xã-Hội liên-quan chắc chẽ với nhau vì cả hai chung một cội rễ, chung một cứu-cánh. Quan-niệm ấy rõ nhất nơi gia-đình. Gia-đình là một xã-hội nhỏ hiệp với nhiều gia-đình thành xã-hội, quốc-gia, nhưn-loại.

Gia-đình có nhiệm-vụ quan-trọng trong xã-hội. Xã-hội có nhiệm-vụ tương đối với gia-đình.

1) SỨ MẠNG CỦA GIA ĐÌNH.

Gia-đình có sứ-mạng cao cả là cộng tác với Tạo Hóa.

a) *Trong sự tạo sinh nhân loại:* Con người do bởi Trời mà ra. Trời phú cho cha mẹ một phần công việc sinh con người. Tuy sinh con theo thể xác mà thôi (hồn do Tạo Hóa dựng) nhưng việc sinh con và trao cho con đủ phương tiện thành một nhân-vị xứng đáng thật là một việc hệ trọng và cao cả. Một vi thành hay một vi anh-hùng nưng cao xã-hội phải

bởi gia-đình tạo ra, một tội nhân phá hại xã-hội cũng bởi gia-đình đưa ra.

b) *Trong sự làm cho nhơn-loại vĩnh-viễn* : Về thời gian, mỗi gia-đình tiếp tục việc tạo nhơn loại. Gia-đình không nên quên mình tiếp nối việc tổ-tiên. Tổ-tiên đã qua, nhưng còn ở lại trong ta (Aug.Comte nói : xã-hội gồm những phần-tử đã quá giang nhiều hơn những phần tử hiện sống) và đòi ta xây dựng tương lai, nên chi gia-đình hiện tại phải tiến bước và giúp tương lai tiến bước hơn mới khỏi lỗi với nhiệm vụ. Nếu lỗi nhiệm vụ để cho nhơn loại suy-đổi, gia-đình tránh sao khỏi trách nhiệm trước Đấng Tạo Hóa ?

c) *Trong sự đưa nhơn loại đến cứu cánh thiên-nhiên* : Hạnh-phúc vô tận của nhơn loại tức là hạnh phúc của Tạo Hóa ban. Gia-đình không lo cho con cái đạt hạnh-phúc này, ấy là sinh con để cho con khốn khổ, là lỗi với tổ-tiên, với Tạo Hóa. Gia-đình phải tròn sứ mạng đưa nhơn loại đến cùng Đấng Tạo Hóa là cứu cánh cuối cùng của nhơn loại.

2) GIA-ĐÌNH CẦN NHỚ XÃ-HỘI ĐANG CHU TOÀN NHIỆM-VỤ

Gia đình đẹp thì xã-hội mới đẹp. Xã-hội có phận sự :

a) *Giúp đỡ gia-đình*

b) *Tôn trọng gia-đình*

1) **Được mực sống an-ninh** : đủ cơm ăn, áo mặc, nhà ở điều dưỡng v...v... Chánh trị, Quốc-gia, đoàn thể và cả thế-giới đều lo nung cao đời sống gia-đình. Chủ nghĩa nào, vì tư lợi dè ép gia-đình, chủ nghĩa ấy phản nhơn loại.

2) **Được đủ vệ sinh** : lành mạnh thể xác, lành mạnh tinh-thần.

3) **Được bảo đảm giáo dục con cái thôn-quê cũng như đô thị phải đủ dạy trẻ con, thề dục, trí dục, đức dục** : Giáo-dục cần giữ tánh cách gia-đình, không nên vì đảng phái mà cất quyền cha mẹ trong sự giáo dục con.

b) *Tôn-trọng gia-đình.*

1) Phải dựa vào nền luân-lý chơn chánh và giải-quyết các vấn-đề liên quan đến gia-đình.

2) Hôn nhơn phải duy-nhất và trường cửu, tránh nạn đa thê, dẹp bỏ ly-dự.

3) Tạo bầu không khí trong sạch và đạo đức để thanh-niên, thiếu nữ đủ điều kiện và cao tinh thần trong việc hôn nhân.

« Việc hôn nhân xưa nay không thể kể như một giao kèo do hai bên ưng thuận mà thôi. Có một luật định khác quan trọng hơn để kết thành hôn là ý định Thiên Chúa trong phép hôn nhân và ý định của xã hội trong khi lập hôn-thú » (Ch. Le. fèvre, giáo sư Đại Học Luật Khoa, Paris).

4) Xã-hội (Chánh-phủ) phải tôn trọng quyền lợi và nghĩa-vụ vợ chồng. Bảo vệ quyền lợi gia-đình chẳng những bằng ngăn cấm phong tục tồi bại mà lại ủng-hộ luân-lý và đạo-lý. Những chủ-nghĩa vô thần khinh rẽ gia-đình bao giờ cũng đánh đổ đạo giáo cốt ý hạ phẩm giá con người.

5) Kính quyền lợi cha mẹ và quyền lợi con cái.

KẾT LUẬN: vấn-đề gia-đình là vấn-đề xã-hội. Người Việt-Nam bao giờ cũng quý-trọng gia-đình. Chớ nên theo lý tưởng ngoại phương mà để cho gia-đình kém giá-trị.

IV. GIÁO DỤC

Gia-Đình truyền sự sống thì phải bảo vệ sự sống. Nhưng con người chẳng phải là vật chất mà thôi, linh tâm con người trọng hơn, nên sự bảo vệ sự sống linh tâm quan hệ hơn. Xã-hội chớ nên quá chú ý đến vật chất mà bỏ quên tinh-thần. Luân lý, đạo lý là thực phẩm của linh tâm.

1) GIÁO DỤC CÓ TÍNH CÁCH BẮT BUỘC.

Hiến-Pháp Quốc-Gia Việt-Nam nhấn mạnh về tánh cách bắt buộc này, là dựa theo sự bắt buộc của thiên nhiên. Bồn tánh con người có trí khôn đòi buộc thỏa mãn nhu cầu trí khôn. Xã-hội để cho người ta ngu dốt tức nhiên lỗi nặng hơn để cho người ta đói. Con người có tự-do nên phải tự xét đoán và tự chọn lựa. Cần sáng suốt mới xét đoán được và phải đủ đức tánh năng lực mới chọn lựa hợp lý. Sự sống vật chất cũng bắt buộc giáo dục: con người phải làm việc để nuôi sống, nhưng ta rõ thấy phải mở mang trí óc nhiều mới rành nghề, mới chuyên môn, mới bảo đảm đặng đời sống.

2) Giáo dục con cái là nhiệm-vụ chính của cha mẹ. Truyền sự sống và bảo đảm sự sống phải đi đôi với nhau. Sự mạng

của gia-đình buộc gia-đình giáo huấn con cho đủ điều cần thiết về thể-dục, trí-dục và đức dục. Đoàn thể, xã-hội có phận sự giúp gia-đình trong nhiệm-vụ này.

3) Học đường.

Mặc dầu con nhà Việt Nam rất mộ học và phụ huynh muốn cho con em đi học, nhưng phải công nhận rằng học-đường còn thiếu kém lắm. Xứ ta có văn minh lâu mà Đại Học chưa có đủ lại còn chưa đẹp đặng nạn mù chữ.

Xã-hộ cần lo cho các thôn xã cũng như ở đô-thị có đủ trường tiểu-học.

Trường tiểu-học phải có tánh cách gia-đình.

a) Trường học phải bỏ túc cho gia-đình và phải được qui trọng ít nữa là bằng đền thờ, ngôi chùa hoặc công sở vì sự thờ phụng hay công ích căn cứ nơi lòng người và do tâm hồn người mà phát ra. Thiên Chúa giáo dạy : Tâm hồn con người là đền thờ sống.

b) Cần các gia-đình được phương tiện trực tiếp điều-khiển trường tiểu-học. Điều khiển chẳng phải là thay thế ty giáo-huấn trong chuyên-môn, song là được phần trông nom và liên lạc với giáo-viên : Thầy, Cha.

c) Hương thôn phải được phần tự trị về tài-chánh để mở mang tu bổ học đường và giúp đỡ học sinh nghèo. Quá tùy tùng cấp trên, học đường thôn xã thường bị coi rẻ và bỏ rơi.

d) Hàng tỉnh được có ban kiểm soát có quận, xã tiếp tay với ban thanh-tra có tánh cách trông nom săn sóc.

Như vậy chẳng những vừa tôn trọng quyền lợi cha mẹ mà cũng vừa tôn trọng nhân phẩm trẻ con, vì đứa trẻ, tuy chưa trưởng thành, nhưng cũng là một nhân-vị, có cứu cánh thiên nhiên phải thực hiện.

4) Trường sư-phạm.

Muốn có giáo-viên đủ tư-cách phải đào tạo về mặt kiến thức và nhất là về mặt sư-phạm. Trường sư-phạm cũng phải dựa trên những nguyên tắc chính đáng, được tự-do học về tôn giáo.

5) Tâm-lý trắc-nghiệm : Nên dùng phương pháp « tâm-lý trắc-nghiệm » để biết rõ sở thích và năng khiếu đứa trẻ. Nhưng

đừng để thấy trước bước đường tương lai của đứa trẻ chớ không phải để bắt buộc cha mẹ hay đứa trẻ phải hoàn toàn tuân theo.

6) Trường chuyên nghiệp : Cần có những trường văn-khoa, mà cũng cần phải có những trường chuyên nghiệp, chuyên dạy thủ công nữa. Hạng trí thức chưa đủ, cần có hạng thủ công. Có đông những tay thủ công kỹ tài, thạo nghề, ham việc thì tương lai xã-hội nước nhà rục rỏ. Nhất thiết là huấn luyện cho hết mọi phần tử xã-hội được « có lương tâm nhà nghề ».

KẾT LUẬN : Xã-hội xây dựng trên nhân-vị. Xã-hội phải nâng cao nhân-vị bằng cách tạo cho nhân-vị nền giáo-huấn xứng hợp với nhân phẩm. Nhân-vị hoàn-toàn sẽ nâng cao xã-hội thì cả hai đưa nhau đến cứu cánh siêu nhiên là hạnh-phúc vô tận.

XÃ HỘI VÀ KINH TẾ

Bảo vệ gia-đình, bảo vệ giáo-dục là hai vấn đề lắm nơi lắm lúc nan giải vì kinh-tế khuyết điểm.

Hiện nay với những phương pháp tối tân hiệu quả để xuất sản mạnh mẽ mà thế giới phải đứng trước một tình cảnh thê thảm : hai phần ba nhân-loại thiếu ăn.

Của cải chẳng thiếu, chỉ thiếu công bình.

Đức Giáo-Hoàng Piô XI tuyên bố ngày 15 Mai 1939 : « Có một sự trái ngược độc ác là một năm người phú quý mà muôn vạn người bần khổ ».

Phân chia của cải cho công bình.

Xã hội có nhiệm-vụ phân chia của cải cho công-bình vì là phương-pháp để giải-thoát quần chúng khỏi nô-lệ cảnh đói, và sống xứng phẩm con người (nhân-vị).

Phải dựa vào đâu mà chia của ?

Tổ chức cho hết mọi người có việc làm, và việc làm đủ sống cho xứng đáng. Đức Giáo-hoàng Leon XIII : « Sự làm việc là nguồn duy nhất tạo thành vượng cho các dân ». Đức Giáo-hoàng Piô XI : « Con người sinh ra để làm việc cũng như chim để bay ».

Ba cách thức làm việc để sinh sống :

a) Dùng tư sản (đất, vườn), để xuất sản vật cần thiết, Cách

thức này (kể cả nông sản) làm phù hợp nhất với nhân-vị : Tự làm chủ miếng vườn, thửa ruộng, làm chủ cả công việc làm, khỏi phụ thuộc, nô-lệ.

b) Dùng tài nghề chế ra những món đồ có giá trị, bán ra đồ ấy mà bảo đảm sinh sống. Tiềm công nghệ phải được quý trọng vì người làm được tự chủ và hưởng được cả huê lợi. Giết chết tiềm công nghệ là hại cho xã-hội.

c) Cho kẻ khác mượn công (hạng vô sản). Huê lợi chia ra nhiều ngõ : vốn, khí cụ, máy móc, người chế tạo, người cai quản, người buôn bán, người thợ. Cách thức thứ ba có nhiều điều rắc rối. Muốn cho công bình phải kể công có giá trị nhưt, công thợ cũng như công chủ. Vốn chỉ là phương tiện để làm việc. Cái lợi của vốn phải để sau cái lợi của lao-công. Vì đảo lộn trật tự này, (vì không kể nhân vị) nên càng xuất sản càng thấy nghèo thiếu.

Sự làm có tánh cách xã-hội :

Làm việc cho đặng riêng hưởng không đúng với phẩm giá con người. Nhân-vị là phần-tử xã-hội, là anh em trong đại gia-đình nhân-loại. Công việc của mỗi người phải cộng tác vào ích chung.

Đức Giáo Hoàng Piô XII (21 Mars 1947) khuyên : Bất cứ ai làm việc dầu những kẻ học cao văn chương khoa học, dầu hạng thợ thuyền đều phải nghĩ suy công việc họ làm là cao thượng cả, vì nhờ nó mà mọi người tự sống và bổ ích chung.
Tôn trọng sự làm việc và tránh khỏi giai-cấp.

Tại sao có hạng thượng lưu, có hạng lao-động và lao-động nô lệ thượng-lưu ? Chẳng phải là tại đặt giá trị đồng tiền trên phẩm giá con người sao ? Đấng Tạo-Hóa dựng nên của cải cho con người hưởng, của cải để phụng sự con người theo trật tự thiên nhiên. Bất con người phụng sự của cải là trái ngược luân lý.

Tình hình Việt-Nam đối với sự chia phối công-bằng.

Trong lãnh-thổ Việt-Nam, sự chia của cải cho công bình không đến nỗi khó khăn lắm, vì :

- 1) Đất đai còn rộng lớn
- 2) Người Việt-Nam quý trọng gia-đình, người Việt-

Nam có óc trật tự.

Được hoàn toàn cải cách điền địa cho hợp lẽ công là được 2/3 thắng lợi. Mỗi người được hưởng tư sản để nỗ lực nung mưng sống lên, cố gắng làm việc và cần kiệm sẽ mau mở mang văn hóa mỹ thuật.

KẾT LUẬN: Cần xây dựng xã hội tương lai trên CÔNG BÌNH và BÁC ÁI. Tranh đua là cao thượng, tranh dành là đê hèn.

VI. KINH-TẾ XÃ-HỘI

Phân chia của cải cho công bình là vấn đề xã hội cần giải quyết mau chóng. Nhưng đau đớn thay: thấy vô số của cải dùng vào chiến tranh tàn sát đang khi nhân loại đói khổ.

Duyên cớ tại đâu? Hai phe đối lập đổ lỗi cho nhau: Cộng-Sản lên án tư bản, tư bản đổ tội cho Cộng-Sản, và hai bên đều tin-tưởng rằng phải tiêu diệt đối phương mới có thể giải quyết vấn-đề kinh-tế.

Cần có lực lượng thứ ba đủ tư cách để xây dựng đang khi hai lực-lượng kia phá hoại. Lực-lượng thứ ba lấy nhân-vị làm căn bản trong việc sản xuất và phân phối của cải.

TƯ BẢN: Tập trung vốn vào những cơ sở to tát để xuất sản nhiều và rẻ là một thắng lợi cho nền kinh-tế. Nhờ vốn lao-động có việc làm, có vật liệu, có khí cụ, được lãnh tiền công trước khi có lời.

Tại sao tư bản bị thất bại và bị oán ghét? Tại khinh rẻ lao động, không kể nhân-vị.

Tư bản chỉ chú tâm đến lợi của vốn mà thôi, nên kể công khó của lao-động như món hàng, mua rẻ bán mắc. Người thợ bị coi rẻ hơn máy móc, khí cụ. Tư bản lại giết chết tiểu công nghệ, chẳng những để dành thị trường mà nhứt là để nắm lao-động trên tay. Vì không phương sinh sống lao-động, túng thế phải bán rẻ công lao của mình và chịu nô-lệ cho khỏi đói. Tư bản tự cho mình giúp ích xã-hội, cho lao-động có việc làm đang khi họ lợi dụng, bóc lột lao-động một cách tàn nhẫn. Khinh rẻ nhân-vị, bắt nhân-vị nô-lệ đồng tiền, tư bản đã đi đến thất bại và gây thất bại cho xã-hội: gây ra cuộc tranh đấu giai cấp và chiến tranh hoàn cầu.

CỘNG-SẢN: Cuộc giải-phóng lao-động đã phải đưa đến một thất bại nặng hơn.

Cộng-sản lợi dụng cuộc giải-phóng lao-động mà làm thành ra cuộc tranh đấu giai cấp, bắt lao-động nô-lệ một đảng chính-trị. Kết quả : lao-động chỉ được đổi chủ mà vẫn còn mang ách. Khác là dưới chế độ chủ mới không quyền giải thoát, không quyền đình công. Phàm giá con người, giá trị gia-đình bị hủy bỏ tất cả, không còn mong nhờ luân-lý, tôn giáo nữa. Cái xiềng của Cộng-sản buộc tới cả tâm hồn của lao-động. Lợi dụng cảnh đói khổ mà bắt dân chúng nô-lệ cho đảng và gây chiến-tranh để dành quyền quản-trị cho một nhóm người phải chăng là kẻ con người như món hàng rẻ ?

NHÂN - VỊ CHỦ - NGHĨA

Phải dựng kinh-tế trên chủ-nghĩa nhân-vị mới tránh khỏi chiến tranh. Kinh-tế để phụng-sự nhân-vị, vì Trời ban của cải cho hết mọi người hưởng. Sức cần lao ở trong nhân - vị tức nhiên giá trị của nó phải được cao hơn bạc vàng. Sức cần lao phải được tôn trọng xứng quyền tối thượng của nhân vị. Nhân-vị chủ nghĩa không phủ-nhận quyền của tư-bản song chủ-trương sự hợp tác giữa tư bản và cần-lao.

KINH TẾ NHÂN BẢN :

Điều-kiện cần thiết để thực hiện kinh-tế tôn trọng nhân-vị :

a) Hạn chế quyền sở hữu. b) Sửa đổi chế độ làm việc. Hạn chế quyền sở hữu là ngăn cấm tài sản quá to cốt ý cho mọi người hưởng quyền ấy.

Xã hội phải trừ liệu cho mọi người được quyền sở hữu :

1) Sơ đẳng cấp : đủ cơm ăn, áo mặc, nhà ở v.v..
2) Nhờ cần kiệm đạt đến sở hữu nhị đẳng cấp : hưởng dặng những vật tiện nghi có ích cho con người nở nang.

3) Sau hết thâu được sở hữu tam hạng để hoạt động văn-minh : Khoa-học, mỹ-thuật, trí dục, đức dục, thờ phượng v.v...

b) Sửa đổi chế độ làm việc : Cộng tác mật thiết giữa chủ và thợ. Cần lao được tôn trọng và tham gia phần nào trong việc cai quản. Cần lao được hưởng lợi ngoài tiền công ra. Tạo bầu không khí gia đình giữa chủ và thợ (Bác ái).

CÁCH MẠNG

Nhân vị chủ-nghĩa cần dùng cách-mạng trong công bình và bác-ái để đem tình yêu mà xây dựng.

VII. — VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở THÔN QUÊ

Xứ ta là xứ canh nông. Gia-đình đạo giáo, giáo dục, kinh-tế, an-ninh phải dựa vào sự thịnh vượng của thôn quê.

1) Đền thờ hay ngôi chùa với nghĩa địa là tượng trưng tổ-quốc.

2) Ngôi nhà, miếng vườn, thửa ruộng đã bảo đảm mực sống an ninh cho gia-đình, mà lại còn giữ vững nền luân-lý tổ-tiên di truyền.

3) các phần tử trong thôn xã cần biết nhau, chung vui chung buồn với nhau, giữ tánh cách gia-đình trong sự thương yêu giúp đỡ nhau.

4) Thôn quê được an-ninh thịnh vượng thì đô thị được hưởng và quốc-gia cường thịnh.

TỔ CHỨC THÔN XÃ

Việc cải cách điền địa và di dân khai thác những miền mới là phương pháp hiệu quả giải-quyết vấn-đề xã-hội.

Nhưng chánh-phủ xã-hội lo cho công dân được hưởng quyền sở hữu mà thôi chưa đủ, phải tôn trọng thôn xã.

Dân quê xưa thường bị coi rẻ. Nhà cầm quyền chỉ chú ý đến thuế và số nông sản.

Nhân-vị chủ-nghĩa không thể chịu để cho phần tử nào hay một hạng nào trong xã-hội bị khinh rẻ.

KẾ HOẠCH

a) Quý trọng hội-đồng xã, đại diện của dân bao giờ cũng phải được cấp trên trọng đãi thì dân mới tự trọng mình mới quý nhân phẩm. Đại diện dân mà bị nhà chức trách coi thường thì dân xa nhà cầm quyền, giữa dân và nhà chức trách chẳng có tánh cách gia-đình không chút thương mến.

b) Thôn xã phải có phần tự trị. Tự trị là có phần trách nhiệm cai quản. Nếu thôn xã chỉ có việc thu thuế và phúc-trình lên cấp trên thì giá trị (personnalité) của xã kém lắm. Ít nữa thôn xã có quyền phương tiện để bảo đảm vệ sinh, giáo dục, đạo giáo, khỏi phải tùy tùng chờ cấp trên.

c) Thôn xã cần được ngân quỹ để tiện bề mở mang và tránh khỏi thua kém (complexe d'infériorité)

Tôn trọng nhân-vị đòi buộc tôn trọng cần lao mà cần lao xứ ta là nông dân.

VIII. — TRUYỀN BẢ SỰ THẬT

Muốn cho các vấn-đề xã-hội được dân chúng quan tâm và cho mọi người tận tình áp dụng những phương pháp chánh đáng cần yếu hoặc để sửa chữa hoặc để tạo xã-hội trước tiên phải có một bầu không khí thuận tiện. Việc tuyên truyền rất quan hệ trong vấn đề xã-hội.

Dùng áp lực như chánh sách độc tài bắt buộc dân chúng đổi cũ thay mới là vô nhân đạo, trái ngược với nhân đạo, trái ngược với nhân-vị.

Lấy quyền lực nắm cả trẻ con cùng thanh niên để nhồi sọ đã là tàn nhẫn lại phải thất bại, vì con người biết suy xét, mà biết suy xét nên sẽ mau thất vọng. Và thất vọng hại nhưt cho tuyên truyền.

1) Tuyên truyền phải trọng sự thật và trọng tự do :

Sự dối gạt cho có sinh ích bao nhiêu cũng là một điều nghịch lý và trái với nhân phẩm. Lường gạt là chạm đến lòng tự ái là một sỉ nhục lỗi phạm quyền lợi cao cả của con người. Chủ nghĩa vô thần bởi không kể nhân phẩm nên lấy sự lường gạt làm khí giới mà đánh phá sự thật mà mờ ám lương tâm dân chúng để bắt dân chúng phụng sự mình. Nói láo để đánh đổ các giá trị căn bản, để mị dân. Và sau cùng đem dân vào thất vọng.

Sự thật cùng thiện mỹ, phải để cho lòng người mến sự thật chớ không nên ép buộc. Áp chế tinh thần lỗi nặng hơn áp chế thể xác.

ÍCH CHUNG XÃ-HỘI BUỘC :

A. — Đánh dẹp tuyên-truyền phá hoại :

Nhiều kẻ vì mưu lợi mà bành trướng những mối gây nên tai nạn xã-hội như : rượu chè, thuốc phiện, mãi dâm, cờ bạc, hối lộ, đặt lợi, sách vở, báo chí, hình ảnh xấu xa v.v... nhân-vị chủ-nghĩa phải tận tâm đánh đổ, vì những kẻ ấy là những phần tử phản xã-hội. Phản xã hội nhưt là tuyên-truyền chống những giá-trị căn bản của phái vô thần.

B.— Chủ-trương tuyên-truyền xây-dựng :

Chân, Thiện, Mỹ là thực phẩm tinh-thần. Nhân-vị chủ nghĩa xây-dựng trên phẩm giá con người phải bảo đảm cho xã-hội được đầy đủ thực phẩm ấy là làm cho mọi người nghe, thấy, hiểu và mến sự thật.

Phương pháp cần thiết và hiệu quả nhất của tuyên truyền là đời sống gương mẫu của đàn anh, của người hướng dẫn. Cấp chỉ-huy, hạng cán-bộ phải trong sạch, ngay thẳng, sáng suốt : Vì thánh, vị anh-hùng nung cao xã-hội hơn cả.

IX.— XÃ-HỘI QUỐC-GIA

Quốc-gia là một xã-hội thiên nhiên do nhiều gia-đình hợp nhau để đạt ích chung thế tục. Cũng gọi là Tổ-Quốc (có nghĩa là phần đất tổ-tiên đã ở, đã gởi nấp xương). Cũng gọi là dân-tộc : Chữ Dân-Tộc ý nghĩa sâu xa hơn chữ tổ-Quốc. Gọi là Chính-Phủ khi hiểu về pháp nhân cầm vận mạng tổ quốc, dân tộc.

Con người là một vũ-trụ ở trong càn khôn. Các vật vô tri nằm trong trật tự thiên nhiên ; con người cũng phải theo trật tự ấy, nhưng với tư cách tự-do, nghĩa là nhìn thấy trật tự và tự tuân theo trật tự.

Trật tự thiên nhiên ở nơi : vật chất (trong con người) phải ở dưới quyền điều khiển của tâm-linh (linh-hồn), và linh hồn vưng phục Thượng Đế (Đấng Tạo Hóa) Đoàn thể xã-hội phải theo trật tự thiên nhiên.

1) Quyền hành bởi đâu ?

Dân tộc, Quốc-gia cần có người cai quản mới giữ được trật tự và hành-động theo trật-tự. Người cai quản (nhà cầm quyền) có quyền bảo-vệ ích chung, có quyền ra luật và, nếu cần, bắt buộc dân chúng tuân theo luật. Dựa vào đâu mà có quyền ? Theo quan-niệm trên (theo trật-tự thiên-nhiên). Quyền hành phải do nơi Thượng-Đế mới có tánh cách bắt buộc.

a) Chánh-trị thần-quyền : Theo thuyết này, quyền-hành do Thượng Đế trao ngay cho vua chúa, quốc trưởng.

Phê Bình : Ngoại trừ một đôi khi đặc biệt, như trong lịch-

sử Do-Thái, Thượng-Đế không trao quyền ngay cho cá-nhân, chỉ có đại-diện của dân được lãnh quyền.

b) Chính-thể dân-chủ : Thuyết này (J.J.Rousseau, cách mạng Pháp quốc) bảo mọi quyền hành do bởi dân.

Phê Bình : Nhiệm-vụ của dân là tuân theo trật-tự thiên-nhiên. Dân có quyền đưa đại-diện lãnh quyền cai-trị. Nhà cầm-quyền một khi được chọn, phải hành-động theo ích chung chứ chẳng theo ý dân.

KẾT LUẬN : Dân bầu cử đại-diện, Thượng-Đế ban quyền.

II) Quyền lợi Chánh-Phủ :

Chánh phủ có quyền ra luật, thi-hành luật, và phân xử những vi-phạm luật nước. Đó gọi là tam quyền : lập pháp, hành pháp, tư pháp.

- a) Quyền lập pháp ở nơi QUỐC HỘI
- b) Quyền hành-pháp ở nơi QUỐC TRƯỞNG
- c) Quyền tư pháp ở nơi các vị THẨM PHÁN

Nên tổ-chức cơ quan tư vấn gồm đại-diện đô thị, tỉnh, xã, nghiệp đoàn, các gia-đình tôn giáo để đưa ra những bản thỉnh cầu, những đề nghị, dự án.

III) Nhiệm-vụ của Chánh-Phủ :

Chánh-phủ chẳng phải là cứu cánh của dân, Chánh-phủ có nhiệm-vụ khuếch-trương và bảo vệ ích chung.

1) Phải nhận biết đấng Tạo Hóa : không nên vì lẽ loi cho công ích thế tục mà thôi dẹp bỏ việc phụng thờ.

2) Tôn trọng các giáo-hội

3) Kính quyền lợi của nhân vị : tự do, bình đẳng, sinh sống, làm chính-trị.

4) Bảo vệ gia đình, giúp đỡ gia-đình.

5) Bênh vực đoàn thể.

IV) Nhiệm vụ công dân.

Thực hiện ái-quốc

1) Kính phục nhà cầm quyền

2) Vững giữ các đạo luật Chánh-phủ (đạo luật chân chính)

3) Tham gia gánh nặng chung (bệnh vực, bảo vệ quyền lợi nước nhà)

4) Tham gia chánh-trị (bỏ phiếu, và khi cần, ứng cử)

X.— CÔNG-BÌNH VÀ BÁC-ÁI

Muốn giải quyết các vấn-đề xã-hội, trước tiên phải thương yêu mọi người : có thương yêu tức nhiên có quý trọng công bình : công bình là kết quả của Bác-ái.

I) CÔNG BÌNH :

Công bình ở nơi tôn trọng quyền lợi kẻ khác. Nó là đức tánh, một năng lực trong bản tánh con người khiến nhìn nhận và quý trọng quyền lợi kẻ khác. Quyền lợi đòi công bình.

Quyền lợi cũng do bình đẳng mà ra : mỗi nhân-vị có quyền và có nghĩa-vụ như nhau (quyền và nghĩa-vụ nhân-phẩm).

PHÂN LOẠI :

a) Xét về đối-tượng (objet) thì phân được hai thứ công bình : công-bình giữa cá nhân và công-bình toàn thể.

Công-bình giữa cá-nhân do nơi sự tôn trọng quyền của từ người, quyền thiên-nhiên hay quyền pháp-lý (légal) hay quyền ra bởi giao kèo.

Công bình toàn thể gọi được là công-bình xã-hội, là trọng quyền của toàn thể. Cũng kể dạng hai thứ : công-bình pháp-lý do sự tuân luật lệ chung ; công-bình xã-hội buộc tự chủ tương ích chung.

b) Theo sự bình đẳng cũng phân được hai thứ công-bình : công bình giao hoán (commutative) trong việc trao đổi : mua bán, công thợ, tiền lương. Công-bình phân phối (distributive) : đồng gánh, đồng hưởng trong toàn thể xã-hội (Đồng đây nghĩa là xứng công vừa sức).

II) BÁC ÁI :

Bác-ái là một đức-tánh, một năng lực khiến ta muốn làm cho kẻ khác. Có thiện cảm hay chẳng không hề, cần ý-chí, nghị-lực (vouloir effectivement du bien).

Tiêu Cực : Đừng làm cho kẻ khác sự mình không muốn người ta làm cho mình.

Tích Cực : Làm cho kẻ khác sự mình muốn người ta làm cho mình.

III) LIÊN-LẠC GIỮA CÔNG BÌNH VÀ BÁC-ÁI

a) Có kẻ lên án bác-ái vì rằng bác ái phản nhân-vị, phản nhân loại. Thương giúp họ cho là ủng-hộ lười biếng, yếu nhược, láo xược nên hại cho người được giúp mà cũng hại cho người áp-dụng bác-ái nữa, hai bề hại cả. Giúp kẻ tàn tật, có chướng xấu, là hại nòi giống. Bỏ rơi hạng đó mới phải.

Kẻ khác cho bác ái không đúng họ kể sự trợ giúp nhau sự bắt buộc của công bình. Kẻ dư ăn có phận sự (doit) chia của cho kẻ thốn thiếu (droit). Nói thế nghe rất đẹp và đầy quảng đại. Nhưng phải phân biệt bác ái và công-bình : công-bình do quyền lợi kẻ khác, lỗi công bình phải bồi thường. Bác ái không do nơi quyền kẻ khác đòi buộc.

Hai đức có tương tựa nhau và phải bổ túc nhau.

Công-bình đòi bác-ái : ghét mới bắt công, yêu bắt công sao đặng ? Nhưng đem lẽ công bình đòi sửa đổi xã-hội cùng một trật áp dụng oán ghét mà hỏi, thật là mâu-thuẫn.

Công-bình giúp bác-ái để thi-hành đúng lý, không mù quáng ; Bác-ái điều chế công-bình trong tư cách khắt khe của công bình.

Bác-ái là một năng lực Trời ban cho con người. Bao giờ thực hiện bác-ái đầy đủ thì nhân loại mới biết hạnh-phúc. Những tai nạn xã-hội phát từ khi sự oán-ghét nhập vào lòng người.

Đánh đổ oán-ghét và thực-hiện tình yêu là phương châm của nhân vị trong Xã-Hội.

SƠ LƯỢC NHỮNG BÀI THUYẾT-TRÌNH VỀ KHOA NHÂN-VỊ

Của Linh-mục J. B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH

LỜI MỞ ĐẦU

Thưa các bạn, nhơn loại đứng trên mặt đất bị ràng buộc bởi bao trở ngại. Muốn sống cần phải phá vòng vây đó. Muốn sinh-tồn cần phải lướt thắng mọi trở ngại, thế có nghĩa là phải tranh đấu.

Nhưng trong lịch sử tranh đấu, chín phần mười là người với người, chứ không phải với vật. Hiện-tình thế giới là một bảng chứng : kẻ tranh đấu vì quyền lợi, người tranh đấu vì công danh. Lớn là đoàn thể, nhỏ là cá-nhân. Vậy cuộc sống còn của nhơn loại được thêu dệt bằng hai chữ tranh đấu và đủ mọi phương diện.

Song những con người hiếu hòa, đã từng ném mùi cay chua, mận đắng của chiến tranh, ngậm ngùi thốt ra câu sau đây :

*Kinh nghiệm bao năm giữa đất trời,
Muôn loài vạn vật vẫn xinh tươi,
Thế sao nhân-chúng riêng khô héo,
Tranh đấu triền miên khổ cả đời.*

Tâm lý quần chúng bây giờ, hầu muốn qui vu-bản, như nước muốn về nguồn, là ngưỡn vọng về hai chữ hòa bình. Vậy những người có trách nhiệm điều khiển bá-tánh, đang tìm mọi phương pháp chân chính để duy-trì lẽ sống còn của dân-tộc, chúng sinh. Mọi ngành hoạt-động trong bao năm trước, tuy đã tăng cường, sự cố gắng của nhà chức trách, cũng như của cá nhân, đã tiến triển nhiều trong lãnh vực nguyên-tắc, nhưng sao còn xa lắc xa lơ, chưa

thấy tăm bóng hòa bình trở lại. Có lẽ chưa đi tới căn bản, vốn còn luyện quyền ngoại vòng.

Con người cũng như vạn vật, khi nào ra ngoài phạm vi trật tự, liền có sự lộn xộn, và đó là lý-do tranh đấu. Muốn cho hai chữ hòa bình mau đến thoa dịu đau khổ, cần con người phải bước vào hẳn địa vị của mình, và hoạt-động theo phạm vi phẩm hạnh con người. Nói thế nghĩa là ước muốn cho ai nấy hiểu giá trị và quyền lợi ẩn ngụ trong hai chữ NHÂN-VỊ.

Ngày nay, những con người đã đến trình độ nhận xét, phân-tách thực hư, nếu không bị đầu độc vì những quyến rũ hảo huyền của nguy-thuyết, thì đều thấy Cộng-Sản Vô-Thần là một kẻ thù chung và số một của nhân-loại, là một dịch-tễ, với cường lực như vũ bão, đang lan tràn khắp thế giới, tàn phá cho kỳ tuyệt những gì thâm thúy nhất của con người, nghĩa là làm cho con người hóa nên con vật hoàn toàn, tước bóc hết cả những gì linh-thiên trong con người.

Với chủ-trương tam-vô làm cho con người mất hết phương hướng :

1) — Với vô-thần, làm cho con người không biết bởi đâu xuất hiện trên thế giới ; với sự giải thích vô khoa-học, là vật chất biến hóa không ngừng, con người không ước được đâu là thủy, đâu là chung.

2) — Với vô gia-đình, xóa nhòa hết hiếu đễ cùng tình huynh-đệ ; dây tương-ái bền bỉ và an-ủi nhất của con người, tình phụ-phụ cũng bị đứt đoạn : con người sống chẳng những không còn hệ tương mà cũng hết cảm tình. Cha không con, vợ không chồng, thế là nền luân-lý lung lay tận gốc. Con người còn chờ đợi chi, một khi bị tước hết nguồn an-ủi của họ. Họ sẽ là những người phá hoại mọi trật tự trong xã hội.

3) — Vô tổ-quốc, cộng sản với khẩu hiệu «thế giới đại-dồng» san phẳng mọi ranh giới đất nước của dân tộc, xóa nhòa những trang sử vinh-quang, làm cho con người thành vô cố. Như thế làm

sao họ chả lẩn xả vào vòng chinh chiến. Vì sống đã tuyệt vọng, nên yếu thua, mạnh được, họ không ngần ngại gì có những cử chỉ liều lĩnh, may vì đó mà sống còn, chẳng vậy chủ nghĩa của họ sẽ thủ-tiêu họ. Như thế con người đã biến thành yêu-tinh, ma-vương ác quỷ, đem lại cho nhơn loại bao sợ-sệt.

Đề phản-ứng chủ-nghĩa vô-nhơn-đạo kia đang muốn nhuộm hồng tất cả đất nước Việt-Nam ta, và thanh trừng tẩy-gột những não-tủy đã bị thôi miên của ngụy thuyết, và đề phòng cho nhân dân khỏi bị đầu độc, Ngô-Tổng-Thống đã sáng suốt đề cao nhân vị, vì thuyết nhân vị là chính con đường chúng ta phải tiến mà không cần đến võ lực ; một khi con người tự am hiểu chính thuyết nhân vị, chiến tranh tự nó tiêu tan.

Tới đây, một lần nữa, được hân hạnh làm thuyết trình viên về chủ-nghĩa nhân vị này, tôi xin đem hết thiện chí giải thích mạch-lạc thuyết nhân vị. Hy-vọng rằng làm tròn nhiệm vụ đó, tôi cũng đồng thời cộng-tác một phần nào trong sự kiến thiết và xây dựng nền văn - hóa nước nhà. Nhưng cho dặng đem lại kết quả, phần lớn cũng còn hy vọng ở sự biểu đồng tình của các bạn. Tôi tin tưởng vào thiện chí của các bạn hơn vào tài đơn thiên đức của tôi.

Muốn cho có trật tự và mạch lạc trong những bài thuyết-trình tôi xin chia vấn đề ra sau đây :

- 1) — Đạp đổ hai chữ vô thần, tất-nhiên xây dựng hai chữ hữu - thần.
- 2) — Đạp đổ hai chữ duy-vật, đề cao chân-lý duy-linh.
- 3) — Phân-tách yếu-tố thành phần của nhân-vị
- 4) — Rút ra những quyền lợi bất khả xâm phạm của con người bởi chữ nhân vị.
- 5) — Phương-pháp huấn-luyện con người có chí-khí đề tô màu cho nhân-vị.

BÀI THỨ NHẤT ĐÁP-ĐỒ HAI CHỮ VÔ-THẦN XÂY DỰNG HAI CHỮ HỮU THẦN.

Lý - do của vấn - đề.— Vì cộng-sản vô thần tựa vào thuyết duy-vật để lý-luận, họ chủ-trương trên hết có vật chất, vật linh thiêng là bịa đặt. Con người chỉ có khối xác này, hiệu quả tinh vi của luật biến hóa. Vật chất có từ muôn thuở, vô nguyên nhân, tự-hữu, biến hóa vô cùng tận mà đến nay cũng chưa ngừng. Lúc đầu là các nguyên tử lực, sau cứ biến hóa mãi thành được thảo mộc. Thảo mộc biến hóa thành được sinh vật, rồi ra động vật, sau dần được đến loài khỉ. Khỉ cũng biến hóa trụi lông, rụng đuôi thành được con người. Như thế con người là hiệu quả tinh vi nhất của vật chất biến. Óc người chỉ là một khối vật-chất trải qua bao cuộc biến chuyển, đã thành tinh xảo và có thể sản xuất ra tư-tưởng.

Như thế, thế giới hữu hình này là do vật chất ngẫu-nhiên biến-hóa, chớ không có bàn tay nào tác tạo nên.

Muốn phản ứng lại thuyết vô thần đó, ta phải đặt vấn-đề truy tầm cho đến nguyên nhân vạn vật, vì vấn đề đó là then chốt của vũ-trụ-học.

ĐẶT VẤN - ĐỀ

HỎI THẾ-GIỚI CÓ PHẢI LÀ VÔ-CHỦ ?

Danh - từ thế - giới.— Danh-từ thế-giới theo nghĩa của tiếng Hy-lạp Kosmos.

Tiếng Kosmos có nghĩa là trang hoàng, bài trí. Latin dịch bằng mundus, Việt-nam gọi là thế-giới. Theo ngữ-nguyên học (Éty mologie) thì nghĩa là mỹ-lệ, thanh lịch.

Phân chia thế - giới.— Quen phân thế-giới làm ba : Trừ Đấng Tạo hóa ra vì Người ở ngoài vòng thọ sinh, và không có một vật chi đồng tính hay đồng thể được với người, thì quen phân ra làm ba thế giới.

1) — Thế giới hữu-hình như vũ-trụ.

2) — Thế-giới nhân-gian, nguyên bao hàm con người hữu-lý - tính.

3) — Thế-giới vô-hình, gồm các linh-hồn và thần thánh.

Trong vấn đề đây, chúng ta dùng tiếng thế-giới, chỉ cho tất cả vũ-trụ và những loài thọ sinh trong đó, cả vật chất lẫn tinh thần.

KHOẢN I

PHÂN TÁCH CÁC YẾU-TỐ THÀNH-PHẦN THẾ-GIỚI.

Muốn biết thế-giới có phải là tư hữu hay không và do đó là vô chủ, thì ta nên xét thành phần của thế-giới. Theo triết học thì bất cứ một vật hữu nào, nếu không phải là chính Tạo-Hóa, thì ta có thể tìm hiểu trong vật đó 4 nguyên nhân chính. Bốn nguyên nhân chính đó chia làm hai hạng : hai nguyên nhân nội vì là chính thành phần bản-thể của vật ; và hai nguyên nhân ngoại vì đứng ở ngoài bản thể sự vật. Hai nguyên nhân-nội là : nguyên-liệu (matière première) và thể mô (cause formelle). Hai nguyên nhân ngoại là : mục-dịch (cause finale) và nguyên nhân tác thành (cause efficiente). Gọi là ngoại vì kẻ tác-thành nên vật và mục đích của vật không thuộc bản tính vật.

A) — *Thế giới có phải là hợp thể ?*

Về vấn đề này có nhiều lý-thuyết. Trước hết có lý thuyết nhất nguyên yếu tố (Monisme). Thuyết đó nhận rằng thế giới này là một vật hữu mà thôi một bản tính, còn bao nhiêu vật khác được bao hàm trong thế giới, chẳng qua là những biến thái của thế-giới, Thuyết nhất-nguyên yếu-tố này có thể hiểu được hai cách, một là tuyệt đối, là nhận cả vũ-trụ này là một vật đơn-thuần (être simple) không có phân tách cá nhân hay cá vật, cũng chẳng phân bản tính nào khác. Cách thứ hai là tương đối, là nhận thế-giới hay vũ-trụ này không đơn-thuần tuy có cá nhân cá vật, song cũng đồng bản thể, đồng tính với nhau.

Thuyết nhất-nguyên yếu-tố còn có nhiều hình thức. Xét về phương-diện siêu-hình học (métaphysique) thì thuyết này không nhận Tạo-hóa và thọ sinh khác chi nhau, vì là đồng bản thể, và chỉ có một bản thể. Xét về phương diện tâm lý thì không phân biệt khách quan với chủ-quan. Còn xét về vật lý-học thì thuyết này không phân tách những bản thể trong vũ-trụ

BÌNH THUYẾT NHẤT-NGUYÊN YẾU-TỐ.

Có các quân-tử thuộc phái khắc-kỷ (Stoicisme) là một phái triết học nhận rằng : cho được tới hạnh phúc, phải bỏ hẳn mọi cảm giác ra ngoài, theo nguyên lý luận thôi, như thế cũng chối những minh chứng theo giác quan, hay kinh-nghiệm của thực nghiệm đưa lại. Ông Zenon, trưởng phái (336-264), Ông Cleanthes (321-233), Ông Chrysippe (281-208), các ông này nhận rằng tất cả vũ-trụ là một vật sống động, hồn vũ-trụ là chính tạo-hóa.

Ông Xénophane và Parméides nhận rằng : thế-giới là vũ-trụ chỉ là một thể vật, mà có từ muôn thuở, còn các vật khác ta xem thấy trong vũ-trụ chỉ là ảo-tượng của giác quan thôi.

PHÁI PHÁT XUẤT — Mặc dầu thực nghiệm cho hay, là vũ-trụ còn có bao nhiêu vật chứa đựng ở trong, nhưng phái nhất nguyên yếu-tố để bảo trợ cho thuyết của mình, nên nặn ra một thuyết khác, danh hiệu là Phát-xuất thuyết (Emanatisme), nghĩa là các vật trong vũ-trụ phát sinh ra bởi bản tánh của tạo hóa, y như con tằm rút sợi chăng tơ. Song từ ngụy thuyết này bước sang một ngụy thuyết khác rất dễ. Bởi vì theo họ thì các vật do bản tính tạo hóa phát xuất ra, cho nên cũng đồng bản thể với tạo hóa, thế là thuyết phiếm thần ra đời. Thuyết này nhận tất cả các vật trong vũ-trụ cũng là thần cả. Ông Baruch Spinoza (1632-1677) khởi xướng thuyết này. Ông Victor Cousin, tuy không phải là vô thần hay phiếm thần, nhưng vì ông đem ra định nghĩa và bản thể một cách sai lạc, vì thế ông cũng liệt vào phái phiếm thần. Ông nói : Bản thể (substance) là tất cả những gì tự mình có, và tự mình đứng được. Nếu vậy thì

là tự-hữu mà tự-hữu thì chỉ có một, cho nên sai lầm cả thể chỗ định nghĩa : Tạo-hóa cũng như thọ sinh.

Thuyết biến hóa — Từ thuyết nọ sang thuyết kia, chỉ sai lý luận đôi chút cũng thành ngụy thuyết mới. Vì xem thấy thế giới có sự biến chuyển, có sinh có đẻ, có chết, có tiếp tục cho nên ông Schopenhauer cho thế giới có biết biến-chuyển vì nguyện vọng mù quáng của các vật, chán-chường với số phận, nên thất vọng tự mình lăn vào vòng biến hóa, nên mới có quang cảnh hiện thời

Tóm lại các thuyết nhất-nguyên yếu-tố — Thuyết này như vậy thì có ba hình thức :

- A) — Phiếm thần (Panthéisme)
- B) — Mọi cái là ý-chí hết (Panthélisme)
- C) — Mọi cái là vật chất cả (Panthylisme)

Phê-bình thuyết nhất-nguyên yếu-tố

I) Trong thế-giới vật hình này, có sự phân tách bản thể theo số học. Vì mỗi cá nhân và cá vật có một bản thể riêng biệt ; song tất cả cá nhân cũng như cá vật đều thuộc về vật giới, hay là vũ-trụ. Cho nên bao nhiêu cá nhân cũng như cá vật là bấy nhiêu bản thể riêng biệt. Như thế thuyết nhất nguyên yếu tố không nhằm lý.

II) — Lương-tâm ai nấy đều nhận thức là mình có một cuộc đời riêng biệt, có tư tưởng và ý chí riêng biệt. Thế là dấu mỗi con người là một bản thể riêng tách.

III) — Nếu cả thế giới chỉ là một bản thể, thì vạn vật trong thế giới này, phải có một bản tính như nhau, những đặc tính cố hữu như nhau, hoạt-động hay là thụ-động như nhau ; song ta thấy mỗi vật đều có những hành động riêng biệt, những đặc tính riêng biệt, bản tính riêng biệt ; tỉ-dụ khoáng vật khác sinh vật, thực vật khác động vật, loài có cảm giác, loài có lý trí, nóng lạnh khác nhau. Cho nên không thể nào nhằm lý là vũ-trụ chỉ có một bản thể, là vũ-trụ này bao gồm nhiều bản thể và

nhều bản tính, chẳng những theo cá nhân cá vật, mà còn phân được loại và hạng nữa.

Vấn nan : Những minh chứng trên là xác thực, song kể theo đối phương chưa chịu, nên đem vấn nan sau đây : Cũng như trong con người, có nhiều thành phần hợp lại làm thành con người, nhưng đem phân tách giải phẫu ra, thì xương khác thịt khác, máu khác, song tất cả tổng hợp lại mới thành thể xác con người. Cho nên vũ-trụ cũng vậy, chỉ có một bản thể và một bản tính.

Thưa : Tuy con người, xương và thịt có tính chất khác nhau, nhưng cả hai tổng hợp lại cũng đủ thành một bản thể con người, còn thiếu một phần quan trọng nữa là hồn. Mà hồn và xác khác nhau một trời một vực, bản thể cả hai đều khác nhau. Cũng lý do đó, tuy trong vũ-trụ, trừ linh hồn con người ra, thì còn bao nhiêu là vật chất, nhưng trong đó có nhiều bản thể khác nhau, không thể nào qui-nạp vào một bản tính được như nóng và lạnh, sống và không sống.

IV) — Và lại theo thuyết nhất-nguyên yếu-tố thì mọi cái là một bản thể và đồng tính. Như vậy họ cho tinh thần và vật chất không khác nhau, hay là phủ nhận phần tinh thần. Nhưng nếu phủ nhận phần tinh thần thì tất nhiên chối hẳn nền văn-hóa của nhân loại. Song chỉ có người điên rồ hay ngốc mới dám phủ nhận điều đó.

V) — Hơn nữa, theo các triết gia vang danh, và các bác sĩ thực nghiệm, thì vật chất tự nó không phải là nhân nguyên hành động mà là thụ động.

Nếu vậy thì vật chất biến hóa sao nổi đề sinh hàng mấy vạn vật ? Và nếu biến được đến nỗi đem chất sống lại, thì tại sao thường nhật ta thấy các vật cùng cả con người chết đi ? mà tại sao còn nhiều sông núi, mỏ quặng không thành sinh vật đi ?

VI) — Theo sự thí nghiệm thâm niên của bác sĩ Pasteur, thì

không có sự ngẫu nhiên phát sinh. Như thế thuyết nhất-nguyên yếu tố đã đi sai con đường khoa học, và lý thuyết vô bằng. Vì không đem lại tiến-triển cho con người, và chưa tìm được nguyên nhân vạn vật một cách sát-lý.

Vấn nan : 1) — Các thành phần thì thuộc về tổng hợp, và có một bản tính với tổng hợp. Song tất cả vạn vật trên vũ-trụ là thành phần của thế giới, tất nhiên phải có một bản thể, và một bản tính cùng thế giới. Cho nên thuyết nhất nguyên yếu tố có lý.

Thưa : có hai thứ tổng hợp : một là tổng hợp tùy tòng, như tổng hợp đá, vôi, sắt, gạch, gỗ, làm thành một nhà, nhưng tổng hợp đây ai chẳng thấy là một tổng hợp tùy tòng. Trong đó các thành phần có bản tính cùng bản thể khác nhau. Còn thứ tổng hợp khác là các thành phần làm thành một bản tính mới, như khinh khí và dưỡng khí hợp với nhau thành nước.

Vậy các thành phần trong vũ trụ chỉ làm nên tổng hợp tùy tòng chứ không làm nên tổng hợp bản tính, hay đồng tính.

2) — Sự xu-hướng các vật trong vũ-trụ để thâu-dệt nên một sự hòa điệu trong vũ trụ, minh chứng các vật trong vũ trụ là một bản thể và đồng tính.

Thưa : Như trên đã nói, mục đích là một nguyên nhân đứng ngoài bản tính vật, cũng như nguyên nhân tác thành ở ngoài bản thể vật. Cho nên không thể minh chứng là thế giới với các vật là đồng tính đồng thể, vì có xu hướng mục đích.

Minh-chứng tích-cực — Thế giới là vật hữu hợp thể trong mọi phương diện, cho nên kết luận được là thế giới không tự hữu. Phải có chủ.

Tất cả sự hợp thể phân làm 5 loại :

- 1) — Hợp thể thành bản tính (composition essentielle)
- 2) — Hợp thể theo thực tế (composition entitative) nghĩa là bản tính vật với sự hiện hữu vật hợp lại thành một vật thực tế (essence et existence unies font la réalité d'être).

3) — Hợp thể theo chi tiết cho hoàn bị (composition intégrale). Thí-dụ : đầu tóc làm thêm vẽ đẹp con người.

4) — Hợp thể theo số học (composition numérique) làm cho thành cá nhân cá vật.

5) — Hợp thể theo tùy tùng. Thí dụ : màu sắc vật v.v.. hay là tất cả những gì không thuộc bản thể và bản tính vật (composition accidentelle).

1) — Vật nào có hợp thể theo bản tính thì vật đó không đơn thuần và có thể tiêu tán được. Nhưng ta thấy thường nhật, những thành phần vũ trụ tiêu tán, vì có sự thối nát trong phần này, sự chết chóc trong phần kia. Cây cối cũng như con vật, con người. Đó là dấu thể giới có sự hợp thể theo bản tính. Như thế là dấu nó có thủy và có chung. Vì những biến chuyển minh chứng không phải là tự hữu. Vì biến chuyển phải lệ thuộc một nguyên nhân khác, là vì trong đó có một bên hành động và một bên thụ động. Thế là có thủy có chung rồi, không còn tự hữu và cũng không còn tự muôn thuở được, vì thời giờ là cán cân đo lường sự biến chuyển các vật. Các vật bất di bất dịch ở trong quảng đời, chứ không trong thời gian.

2) — Thế giới có sự hợp thể theo thực thể. Vì vật nào không có sự hợp thể thực thể, thì bản tính và hiện hữu cũng là một, mà phải có từ muôn thuở; nhưng trừ ra lý chứng trên kia là thế giới có hợp thể và bản tính, thì khoa học minh chứng thế giới có trong thời gian. Cho nên không phải là tự hữu, như thế có chủ, ít là nguyên nhân tác thành có trước thế giới, để phối hợp các thành phần thế giới lại.

3) — Có sự hợp thể theo các chi tiết. Vì thế giới có nhiều sự không thuộc bản thể cùng tính, thí dụ các sông ngòi, các đồi núi, giả như không có, nhưng sự đó thế giới cũng không sao,

4) — Có sự hợp thể thành cá vật. Kinh nghiệm của các giác quan thường nhật cũng đủ minh chứng, không cần dong dài.

5) — Còn sự hợp thể theo tùy tùng sự vật, như lớn nhỏ, dài

rộng, cao thấp, cái đó không thuộc bảm tính. Nào ai nghi ngờ hay phủ nhận điều đó.

Kết-luận — Bằng mấy minh chứng theo khoa học, chúng tỏ thế giới không phải là bản thể đơn thuần, mà là hợp thể.

Nhưng theo triết học đâu có hợp thể đấy phải có nguyên nhân cấu tạo, hay là dung hợp các thành phần lại. Nguyên nhân cấu tạo hay tác thành đó phải đứng ngoài, có trước, và trọng hơn chính vật hợp thể kia.

Như vậy lý luận chắc chắn được rằng thế giới không thể nào vô chủ được, phải là vật thọ dụng, có thủy có chung, hay nói khác đi, nó có trong thời gian.

Đó chúng ta xem, cộng sản vô thần, cố đem tưởng tượng thêu dệt cho thuyết biến hóa, để lấy chỗ thoát lý, phủ nhận thế giới hữu chủ. Họ dụng tâm nêu ra thuyết biến hóa, để đồng thời họ chối tất cả nhiệm vụ và quyền lợi của nhân vị. Họ phủ nhận tôn-giáo để chệt hòng lương-tâm không được cảnh cáo những tội ác họ sẽ gây nên. Họ thoái cả luân lý để xóa nhòa cả đức công bình. Duyên tình trong nhân loại, cũng chém phăng nốt, để con người thân cô, thế cô, bị phong tỏa mọi hướng : như thế con người nhắm mắt theo chủ nghĩa sâu độc vô nhân đạo.

Đến đây, tôi muốn ôn lại trong ký-ức tôi, một buổi chiều kia đi dạo mát, vô tình thấy một con vật, chú nhện chằng tơ. Thắc mắc muốn ngừng bước để quan sát xem chú nhện muốn gây dựng huân công.

Chú nhện thượng từng cây đa, từ đó chú nhả sợi chằng tơ. Lủng lẳng giữa chừng, gặp ngay cành tre, một cơ hội thuận tiện để chú xây tổ ấm. Trong một khoảng khắc mau chóng, tơ nhả màn chằng xong, chú nhện nắm gọn trung tâm chờ cho ruồi muỗi đến. Thực là đời sống an nhàn. Thoán cái, mỗi đâu bay lại, chú nhện vươn mình ra bắt. Ăn xong chú đi quan sát lại, xem tổ ấm chú ra sao, hoặc có ngoại vật nẻo mưu hại tổ ấm chằng ? Quên hẳn

hội sơ, chú thấy cả nhện lẩn màng sao lại thông lòng từ trên cao, cho là một kỳ quái, chú liền ghé răng cắn đứt dây ý điềm kia, thế là cả thân thể cùng tổ ấm bị luồng gió hất hẳn vào bụi tre gai. Lẩn quần mãi không ngỏ ra khỏi vòng. Càng nỗ lực càng vấn lấy thân vì đã mất thăng bằng rồi.

Trời ! sao chú nhện dại thế ? Một phút quên, lảng, cả nhà xiêu đổ. Nhưng vì vô linh, đâu lý luận được như loài hữu lý tánh.

Quan sát đó đem lại cho tôi một điềm so sánh với con người. Ngày nay khoa học cùng sáng kiến đã mang lại cho con người ít tiến bộ. Tự phụ với kỳ công đó, con người quên hẳn ngay Tạo-hóa cho rằng thế-giới vô chủ, y như chú nhện quên bằng sợi tơ ý điềm nâng đỡ chú. Con người không ngược nhìn lên cao, chỉ tìm những cái sà-sà trên mặt đất liền táo bạo khai trừ hẳn những gì linh thiêng trong con người, khác nào chú nhện ghé răng cắn đứt sợi tơ.

Mất ý điềm, chú nhện bị dày vò trong bụi gai, con người cũng lẩn quần trong vòng chinh chiến.

o o o

BÀI THỨ HAI

THẾ - GIỚI HIỆN HỮU KHÔNG PHẢI LÀ MỘT VIỆC CẦN

Tu ngôn— Đọc qua bài thứ nhất, các bạn có một cảm tưởng nhìn trong vũ-trụ, cũng như quan sát một lâu đài. Xấu hay đẹp, cảm tưởng đầu tiên cũng là nhìn thấy tay kiến trúc. Công cuộc tinh xảo bao nhiêu thì sự bài trí của ông Kỹ-sư kia càng nổi bật bấy nhiêu. Vô học đến đâu, cũng không ai dám hồ đồ nói : ngôi nhà tự nhiên mà có.

Vũ-trụ vật giới này cũng vậy, đâu bỗng nhiên hiện hình thế này được. Trời cao xanh ngắt, vẫn hà cũng tinh tú làm thêm vẻ

mỹ-lệ. Dưới trần gian, núi xanh biên biển, cùng vạn vật, cảnh thiên nhiên tay nào khéo tô điểm cho tráng lệ.

Thế mà con người duy vật cùng vô thần tự hào đem lại được văn minh, chói phăng trời không chủ. Họ dám lợi dụng lý luận vô hình mà chối tuốt con người không phải là linh thiêng. Thực là kỳ quặc.

Nhưng với những lý chứng tôi đem ra trong bài thứ nhất, các bạn có cảm tưởng được rằng : phủ nhận tạo hóa cũng đại y như chú nhện kia ghé răng cắn đứt sợi tơ ý-diểm nâng đỡ cả gia sản của chú. Nhưng muốn thấu triệt hơn nữa, xin bạn gắng theo bước nữa, bạn sẽ thấy sự xác nhận của bạn là một vinh dự cho bạn. Vì con người thiện chí bao giờ cũng phục-thiện.

Ý-NGHĨA CỦA ĐỀ-TÀI.

— Một vật không cần là một vật có cũng được, không cũng được, chẳng quan hệ chi. Nói thế biểu dương một ý nghĩa tùy tông. Nhưng tùy tông hiểu được hai cách :

a) — Một là tùy tông theo bản tính (gọi là *accidentiel*) như màu sắc cái áo, tấm khăn. Màu sắc lệ thuộc vào áo chứ không làm bản tính áo. Gọi nó là theo bản tính. Vì suốt đời nó không khi nào tự lập được, vốn phải lệ thuộc.

b) — Còn một ý nghĩa tùy tông nữa, nó thuộc về sự hiện hữu (*existence*) nghĩa là có cũng được, mà không có cũng được. Cái tùy tông này gọi cho đúng là « *contingent* ». Tỉ dụ trái đất có cỏ cây thì thêm xinh tươi, nhưng trời hắt trái đất cũng chả hệ chi.

Như thế tiếng *contingent* thuộc về sự kiện hiện hữu. còn tiếng *accidentiel* thuộc về bản tính.

Phân chia ý kiến — Đứng trước đề tài trên đây, ý kiến các triết gia bất động.

Có những triết gia cho thế giới là một hệ thống liên tục của từng vạn ngàn nguyên nhân. Bây giờ không thể truy tầm ra thủy nguyên nữa.

— ý-kiến thứ hai là nhận thể giới có từ muôn thuở.

— ý-kiến thứ ba nhận thể giới kết tinh của các nguyên tử lực ngẫu-nhiên hiện hữu.

— Ý-kiến thứ bốn nhận thể giới là hiệu quả của biến hóa tự nhiên động.

— Kế thì nhận thể giới là công cuộc của biến hóa luận lý và mà thành.

— Sau hết có người nhận đó là phiếm thần trong vũ-trụ, và thể giới tự-hữu.

Đề cho có sự mạch lạc trong vấn đề, tôi xin giải-phẫu từng ý-kiến.

A) — Ý-kiến thứ nhất không nhằm lý.

1) — Vì đâu có trật tự thì đấy có tiền hậu, mà nếu có tiền hậu, đấy có nguyên thủy.

Song trong thể giới có trật tự : trật tự trong cảnh đẹp thiên nhiên trật tự trong sự to nhỏ, trật tự trong sự trọng yếu, sang hèn... hẳn là phải có nguyên nhân nào an bài chỗ đó. Vì ngẫu nhiên không thành trật tự, nhất là một trật tự vĩnh viễn, trí tuệ con người không thay đổi ngược được nữa, mà có hòa nhau tổ chức, cũng không khéo hơn.

Truy tầm ra sẽ thấy nguyên nhân, không thể thối thác vào đâu được. Việc gì hẳn hỏi ta cho là có tổ chức, mà đã có tổ chức phải có bộ óc chỉ huy cũng an bài. Mà thế, dĩ nhiên có tiền có hậu. Nên ý-kiến thứ nhất sai lý rõ ràng ; có học ai dám nhận một điều điên rồ như thế.

2) — Vả lại nếu ta xét trong các thành phần mà không thấy phần nào cần thiết, thì tổ hợp là một mớ thành phần, cũng không thể cần thiết được. Song ta thử gọi ra từng vật một xem có vật nào trong vũ-trụ là cần không. Nguyên sự biến chuyển đổi thay của những vật đó cũng đủ minh chứng là không cần. Vì nếu là vật, cần thì bất di bất dịch, là vĩnh viễn. Cho nên thể giới chẳng cần thiết nào. Sự hiện hữu của nó là tùy tòng.

Còn sự nói thế giới là công cuộc của muôn ngàn nguyên nhân, không thể truy tầm ra. Nói thế không nhằm lý. Vì những nguyên nhân đó, có lệ thuộc với nhau hay không. Nếu lệ thuộc thì hẳn phải có thủy chung. Mà nếu không lệ thuộc nhau thì cắt nghĩa làm sao về trật tự trong thế giới. Nếu mâu thuẫn ấy hằng ngàn vạn năm, hẳn thế giới đã tiêu tan.

B) — Ý kiến thứ hai, bèn vật chất có muôn thuở. —

Cũng sai nhằm cả thể. Xưa kia trong các quâ. tử thời danh, có Platon, Leucippe, Démocrate Epicure, nhận rằng vật chất có muôn thuở. Ngày nay tất cả những kẻ thuộc phái duy vật đều nhận thế, song đâu có nhằm lý.

1) Nếu vật chất có từ muôn thuở, thì cũng phải nhận một điều này là cốt yếu : là bản tính nó động hay tĩnh. Ta không thể hiểu vật chất ngoài hai trạng thái động hay tĩnh.

Nếu tĩnh là thuộc bản tính vật chất, thì không khi nào động được. Vì bản tính thế nào thì cứ thế mãi. Mà nếu động thì không khi nào tĩnh, cũng một lý do. Nếu không động mà cũng không tĩnh, thì sao bây giờ động cũng tĩnh đôi khi. Hẳn khi tĩnh phải có nguyên nhân đánh động làm đà cho. Và khi động có nguyên nhân đem sang chỗ tĩnh.

2) Nếu nhận là tĩnh mãi thì không khi nào có sự hoạt động như thế biến hóa, lý thuyết ấy tựa vào đâu. Và thái độ tĩnh ngày nay hợp khoa vật lý học minh chứng, là vật chất là nguyên nhân thụ động thôi, thế thì biến hóa tự động sao được.

Vả nếu nhận là động, thì động mãi, như thế không có sự xung hòa hay thay đổi. Khi tĩnh lúc động. Điều đó trái hẳn với thực nghiệm (1).

(1) RENAN, Dialogues philosophiques p.146 : «Oui, si le mouvement a existé de toute éternité, on ne conçoit pas que le monde n'ait pas atteint le repos et la perfection... Nous touchons ici aux antinomies de Kant, à ces gouffres de l'esprit humain où l'on est ballotté d'une contradiction à une autre. Arrivé là, on doit s'arrêter.

Thực ra phái duy-vật vấp vào một vấn đề nan giải ở chỗ này (2) xoay bên nào cũng là nạn giải.

Vì hai chữ động tĩnh, nếu thuộc bản tính, thì không sao có cách khác được nữa. Động thì động mãi, mà tĩnh thì tĩnh mãi. Còn khi động, lúc tĩnh, thế nào cũng cần có một nguyên nhân khác tra mình vào công cuộc xoay chuyển này.

Nếu nói vật chất tự động và tự sống, thì sao ngày nay có vật chất không động mà cũng không sống. Mà phải mình chứng vật chất tự nó sống đi đã. Kinh nghiệm của quần chúng và thí nghiệm thâm niên của bác-sĩ Pasteur sẽ đứng ra biện hộ.

3) Nếu vật chất có muôn thuở, hay tự hữu, thì tất nhiên vật chất không lệ thuộc vào nguyên nhân nào hết, trong cách ở cũng như trong cách hành động.

Song thực nghiệm cho hay, vật chất lệ thuộc cả đôi bên, cả ở cũng như cách làm. Xem trong những hành động con người, ở biến vật chất ra những vật dụng, tiện nghi thường nhật thì rõ.

4) Nếu vật chất có từ muôn thuở thì một là vô cùng hai hữu tận. Nếu vô cùng thì rung chuyển từ đâu. Vì khối vật chất vô tận đó chiếm hết chỗ rồi, còn đâu để đường kính và vận chuyển.

Nếu là hữu tận thì ai đã đặt ranh giới đó. To nhỏ không thuộc bản tính vật chất. Trọng lượng là đặc tính cố hữu của vật chất, chứ không phải là chính vật chất. Không gian tính (extensivité) và bất thâm nhập (impénétrabilité) mới thuộc tính vật chất.

C) Ý-kiến thứ ba là nhận nguyên-tử lực tự nhiên gây gỡ nhau,

(2) Du Bois Raymond. — Discours prononcé devant l'Académie Berlin 8-7-1880 : Le mouvement n'étant pas essentiel à la matière, le besoin de la causalité exige ou l'éternité du mouvement, et alors il faut renoncer à rien comprendre, difficulté absolue pour tout homme sage d'esprit, ou une impulsion surnaturelle, et alors il faut admettre le miracle, difficulté désespérante pour le positivisme.

Trừ ra những minh chứng dèm pha phê bình ý-kiến trên, thì ta còn đưa ra minh chứng sau đây : Ngẫu nhiên gặp gỡ nhau thì không thể thành trật tự, và nhưt là trật tự bền bỉ. Song trong vũ-trụ và bền bỉ, đến nỗi con người phải theo cuộc tuần hoàn trong vũ-trụ, không thể xếp đặt lại cách khác được. Trí óc con người không thể nghĩ ra hơn, thì ngẫu nhiên làm sao nổi.

D) **Ý-kiến thuyết biến hóa tự động.** — Cũng không nhằm lý, ông Trauss, Buchner, Haeckel và những kẻ khác nữa nhận rằng : vật chất không thể rời được sức hoạt-động, và nếu rời ra thì sức hoạt-động ý-điểm vào đâu. Và sức hoạt-động cũng không thể rời được vật chất, vì rời ra thì hóa ra vật chất đã có được trước sức đó, như thế vật chất lại không cần sức hoạt-động, cũng là điều vô lý. Cho nên phải có vật chất và sức hoạt-động cũng một trật, và từ muôn thuở.

PHÊ-BÌNH.— Các ông nói thế tưởng là minh chứng rõ rệt lắm rồi : nhưng đâu có rõ. Vì sức hoạt-động về vật chất thì bị ràng buộc với vật chất ; nhưng có sức hoạt-động khác, không thuộc về vật chất, thì vốn ở ngoài vật chất, điều đó phải duy-vật phủ nhận, nhưng sau tôi sẽ thuyết trình rõ ràng là có một sức hoạt-động thuộc tinh thần, nó có trước vật chất và không lệ thuộc vật chất.

Nhưng đề cho minh chứng rõ rệt, thuyết biến hóa tự động tuyệt đối của duy vật, ngày nay cộng sản nhận, là một điều phi lý, ta nên nhắc qua thuyết đó nguồn gốc ra sao ?

Cho đến thế kỷ 18, thuyết biến hóa là một điều xa lạ đối với thuyết thực nghiệm. Trái lại chính Ông Buffont (1707-1788) là một nhà bác-vật học thời danh, cũng không nhận là các giống vật có biến chuyển di dịch loại giống của mình, một là Tạo-hóa dựng sao, nay còn như vậy (1) và Ông A. Comte cũng công nhận là không thể có sự di-chuyển giống hai hạng vật, đang bản tính này sang bản tính khác được, nhất là tự dưới lên trên. (2)

Nhưng từ thế kỷ 18 (1744-1829) một nhà bác vật học, người quốc tịch Pháp, tên Jean Lamarck, trong cuốn sách nhan đề là Triết học vật (Philosophie zoologique) tiên sinh muốn cắt nghĩa theo tư kiến của Ông, là mọi vật đều do biến hóa, hoặc vì hoàn cảnh, hoặc vì truyền thống v. v.,..

Phái Lamarckisme cắt nghĩa thuyết biến hóa thế này : là vì nhờ hoàn cảnh địa phương, có nhiều khi giống nọ hay giống kia tiến triển được nhiều hơn, như có thú bên đông đem sang bên tây thì to hơn. Cũng có khi vì tập quán gây nên cũng có. Cũng như ít dân tộc, nhất là hắc nhân, có tập quán kéo cho môi dài ra, rồi sau đến khi sanh con cũng thấy con có môi dài. Cho nên Ông cắt nghĩa, có nhiều giống vật trước không có móng song vì sự chung chạ phải tranh dành miếng ăn nên chinh chiến với nhau dần dần đâm móng ra. Còn khi không cần phải dùng đến, thì nó cụt đi, như con lẹ-thủ. Cũng có khi vì phải chung sống cùng nhau, nên tập hôn nhau dần dần thay đổi hẳn giống.

Thuyết Darwin.— Charles Darwin (1800-1882) là một nhà bác vật học người Anh. Ông viết một cuốn sách nhan đề L'origine des espèces (1859). Ông nhận là có sự biến hóa, tự loài cây cho đến loài người. Ông cho là các giống vật ngày nay do bởi ít nhiều giống xưa biến chuyển dần dần ra. Nhất là bởi tại ở chung chạ với nhau (Sélection naturelle).

PHÊ-BÌNH : Biến hóa có thể hiểu được hai cách, một là toàn-diện, hai là lẻ loi, theo một vài vật nhỏ bé, thì thuyết duy vật không đủ lý mà phủ nhận tay tạo hóa trong vũ-trụ. Nếu là biến hóa toàn diện, từ vật chất không sống động, biến chuyển

(1)— Cf Thonard, histoire de la Philosophie p.731 :... célèbre naturaliste enseignait la fixité des espèces et seulement dans le plan du Créateur qu'il plaçait une harmonie hiérarchique réalisant une succession purement idéale.

(2)— Ibidam. A. Comte proclame l'impossibilité d'expliquer le degré supérieur par l'inférieur et n'admet le progrès que dans le même espèce, spécialement dans la société humaine.

sinh ra các giống sống động trên mặt đất thì hẳn là phái duy vật phải nhận một điều sau đây, là vật chất còn biến hóa chưa đến chỗ chấm ngừng, mà không thể chấm ngừng được vì là biến hóa mù quáng.

Nhưng nếu còn biến hóa, tất nhiên phải thấy vết biến hóa đó trong hết cả mọi ngành, mọi giống, bất kỳ sinh vật, thực vật và con người nữa. Nhưng kiếm đâu ra những vết tích toàn diện như thế ? Cho nên lý thuyết duy vật thật là vô bằng.

I) — Thứ nhất vì lý do trên mặt vũ trụ ngày nay, các thí nghiệm gia, đi đôi cùng các bác sĩ, khảo cứu tỉ mỉ xem có thấy bằng chứng sự truyền chuyển biến tình của vạn vật chăng ? Vì không thấy cho nên con người phải nhờ đến phép cổ vật học, địa chất học, đào từng lớp đất lên, tìm sâu cho đến lớp không vết tích chi của loài sống. Hẳn là nếu có biến hóa, thì phải biến hóa tự thời kỳ ấy. Thế mà tuyệt nhiên không thấy trong các từng lớp đó, di-tích chi là những chặng, độ của biến hóa. Vậy thì sự phán quyết của phái duy vật chỉ là vô bằng.

II) — Giả như có sự biến hóa toàn diện thực, bây giờ được con người dùng khoa học, cùng trí luận, cộng tác vào công việc hẳn phải là chóng và càng tinh vi.

Nhưng con người cũng đã dùng mọi phương tiện, để làm cho một giống này chuyển sang giống khác bằng sự tạp tông áp bức thế mà cũng không kết quả. Trước sự thử thách bằng mỗi phương diện, sau cùng con người vẫn khoanh cánh đợi chờ và có lẽ thất vọng trước mọi thí nghiệm,

III — Còn lý do mà tiên sanh Lamarck đem ra, thì vì sinh sống mà các vật gây chiến cùng nhau, giống nào khoẻ, giống ấy sống, giống nào yếu, giống đó tiêu diệt. Song đó trái hẳn với mục đích và bản tính các vật. Trước là vì sự gây chiến toàn diện các vật với nhau như thế, thì còn đâu là trật tự trong vũ trụ. Và chinh chiến toàn diện, tất phải tiêu

tan các giống. Nhưng ta vốn thấy giống nào thứ ấy còn nguyên. Hơn nữa ta thấy giống nhỏ mọn yếu đuối lại nhiều khi thắng được giống khỏe ; thế mà lý thuyết duy vật của ông Lamarck cho là khỏe phải thắng.

IV) — Xét về luật truyền thông, thì trái hẳn với thuyết biến hóa. Vì giống nào giống ấy, có luật truyền sinh nên chỉ truyền những đặc tính thuộc bản tính cùng giống với mình thôi. Hoặc giả đôi khi con người muốn tự phụ hay tò mò, để xoay luật đó, thì chỉ thấy vật sự biến chuyển tùy tòng, rồi lớp sau lại trở về nếp cũ. Vì là nhiên luật, cho nên bởi trường tồn cho truyền thống đó (1),

V) — Nguyên chỉ có hoàn cảnh, thời tiết cùng địa phương, có thể đem lại ít nhiều thay đổi, nhưng đó cũng chỉ là tùy tòng hết, còn bản tính không sao di-dịch được (2)

E) — **Thuyết-biến-hóa luân lý** — Ông Hégel (1770-1832) chủ trương nên thuyết này ông cắt nghĩa cũng như có bản ngã, thì có quan niệm phát ra bởi bản ngã. Như thế trước hết có đấng vô đối, đấng vô đối muốn tìm hiểu mình ở ngoại giới, cho nên tự đó phát sinh ra vũ trụ và vạn vật. Nguyên tắc của Ông Hégel là : cái gì thực tế cũng là lý luận, mà cái gì là lý-luận cũng là thực tế : *Tout le réel est rationnel et tout le rationnel est réel.*

PHÊ-BÌNH : — Ông xu hướng về thuyết biến hóa phiếm thần (*évolution panthéiste*). Song phiếm thần là vô lý thế nào tôi sẽ

(1) Cf. CONTEJEAN, *Revue scientifique*, 1881, T. I, p. 559 : L'on peut mettre au défi les transformistes, dit Conte-Jean, de citer un seul exemple, une série quelconque de types fossiles où l'on puisse suivre pas à pas, d'âge en âge, les métamorphoses conduisant d'une espèce à une autre.

(2) — BLANCHARD, *La vie des êtres animés* Préf. : Aujourd'hui plus que jamais, je renouvelle mon appel, c'est de toutes les forces de mon âme qu'en tête de ce livre, je jette cette parole à tous les amis des sciences naturelles : Montre-moi une fois l'exemple de la transformation d'une espèce.

trình bày sau. Vả lại câu định lý của ông trên kia, xét theo thực nghiệm thì không đúng. Hơn nữa trí khôn luân lý, rút ra những kết luận bởi các nguyên tắc, thì nó theo một định luật cần. Là một khi đã đặt nguyên tắc, tất nhiên phải đến chỗ kết luận. Song có một điều mà câu định nghĩa trên kia sai : là tất cả những gì theo định luật của luân lý, thì nó là cần thiết song thực thể trong vũ-trụ chả có chi là cần thiết, vì ta cứ xét bản tính của sự hiện hữu của nó thì biết, vì thấy biến luôn luôn, khi có lúc không, vả nếu theo thuyết Hégel, thì kết luận : Sự tạo nên thế giới này là cần. Điều rất sai, như sau tôi sẽ thuyết trình.

Vấn-nan : — Có người bênh thuyết Ông Hégel, nên tìm lý bào chữa như sau đây : Thế giới là cần, vì nếu không cần, thì sẽ có sự thay biến luôn ; song trong vũ-trụ thấy có nhiều vật không thể đổi thay được nữa như : luật thiên nhiên, vật chất không thể tan biến được, số lượng của khí lực.

Thưa bấy nhiêu sự có biểu chứng là cần ; song cần thiết đấy không phải là tuyệt đối, chỉ là theo giả thuyết mà thôi (hypothétique) nghĩa là giả như Tạo hóa đã dựng nên nó với một bản tính khác, thì sự hiện hữu của nó lại không như thế này, Cũng như các cơ khí nhân tạo, nếu đặt nó trong trọng lực vào tốc độ thế này, thì cần phải thế ấy. Nhưng giả có sáng kiến ra hình thức khác, nó đã không như thế vậy.

F — VỀ PHIẾM THẦN.

Phiếm thần có từ đời ông Spinoza. Ông sinh ra ở Amsterdam, cha mẹ người Do-Thái, cư trú ở Espagne (1632-1677) ông chịu ảnh hưởng bởi rất nhiều lý-thuyết, nhất là thuyết ông Descartes (1654), ông thấy trong thuyết Descartes có một tương, làm cho ông nghiêng về thuyết nhất nguyên yếu-tố.

Vậy phiếm thần nhận định thế này : Thế giới và tất cả những gì trong đó, đều là Thiên Chúa, vì bởi đồng thể cùng Thiên-Chúa. Một điểm sai lầm lớn, là nhân vật thọ sinh, đồng thể cùng Thiên

Chúa. Nghĩa là Thiên Chúa hay Tạo-hóa có những đặc tính gì, thì vạn vật cũng có đặc tính đó. Song vì Tạo hóa là một, và là tự hữu, cho nên thuyết phiếm thần cũng kết luận là vạn vật đều có từ muôn thuở, và là cần... rồi tự đó kết luận sang chỗ vô tôn giáo vô luân lý nữa.

Tán thành thuyết này đời xưa có những học phái Éléaitiques và Stoiciens, rồi đến Néoplatoniciens, Trung cổ thì có Scotus Eri-gena, Almaricus Carnutensis, David de Dinando. Thế kỷ 17 thì có ông Jordanus Bruno, ông này nói thế giới có hồn là Thiên Chúa, cho nên có thể gọi được thế giới là « animal saint, sacré et vénérable » ông này dọn đường cho ông Spinoza lý do mà ông bênh thuyết phiếm thần, là vì Ông định nghĩa rất sai về chữ bản thể (substance) Ông này cũng như Ông Descartes định nghĩa bản thể như sau ; Ce qui ne dépend à rien pour exister (Cái gì không lệ thuộc vào đâu mà có). Song vì không cần lệ thuộc vào đâu mà có, thì hóa ra tự hữu rồi. Mà tự hữu thì làm chính Thiên-Chúa, Tạo-hóa rồi... Cho nên nhất nguyên yếu tố sinh ra phiếm thần là thế.

Tóm tắt thuyết trên — Bản thể là lý do, cho sự hiện hữu của mình (cause de soi). Phải là vô lượng vô biên, vì nếu còn lệ thuộc vào ranh giới khác thì không thể nói được là cause de soi. Thứ ba phải là nhất thể (Unique) vì nếu có các bản thể khác thì ra hẹp phạm vi lại vì các bản thể ấy, nên không, còn tự do được.

PHÊ-BÌNH — Phiếm thần là vô lý mọi lẽ.

1) — Đi ngược quan-niệm phổ thông quần chúng, là vì ai nấy cũng nhận rằng, mỗi một người trong chúng ta đều có một nhân vị riêng biệt, thành cá nhân tự do điều khiển cuộc đời sống vật chất và tinh thần. Bây giờ nếu nhận phiếm thần, thì mất hẳn nhân vị. Lại việc ta làm không ai chịu trách nhiệm cũng như không ai có quyền lợi nữa. Vì bản thể đồng nhất kia. Thế ra vong bản rồi Ạ.

2) — Đi ngược lại với nguyên tắc tranh biện (principe de contradiction) Vì nếu đã gọi là bản thể của Tạo-hóa, thì không thể là thọ

sinh được. Lại nếu là Tạo hóa thì phải toàn hảo, không sinh cũng không tử nữa. Nhưng ai chớ thấy những khuyết điểm trong con người, cũng như con vật, hữu hạn, nhứt thời...

3) — Vô luân : Đã là Tạo-hóa thì không khuyết điểm. Vậy những khuyết điểm vật chất kia như : xấu, già, héo, chết, qui về ai ?... Còn tinh thần, tội ác, vô nhân, dâm-bôn, tục-tửu thì qui về ai ? chớ nhẽ qui về Tạo-hóa thế là loại luân quá.

4) — Nhân vị con người đòi hỏi tính thông dong. Song đã đồng thể cùng Tạo-hóa, thì ra con người bị chìm đắm trong bản thể Tạo-hóa, nên mất hết thông dong. Thế ra mọi việc làm không có ngôi thứ nào hết (impersonnel).

5) — Luân lý con người đòi thế giới phải hữu chủ : Hai người bình quyền, bình đẳng, thì không thể ra luật lệ cho nhau được. Mà luân-lý con người phải đi vào con đường trật tự. Tội phải xử, dữ phải phạt. Song con người đồng tính, đồng thể, thì một là chối luân lý, mà chúng ta thành vô nhân, hay là nhận luân lý thì phải nhận thế giới hữu chủ. Chẳng vậy thì luân lý con người không có điểm tựa.

Vấn-nạn :

1) — Nếu ngoài Tạo-hóa ra, còn nhiều bản thể khác nữa, thì ra như Tạo-hóa bị thu hẹp bởi các thọ sinh đó. Song Tạo-hóa là đấng vô cùng không bị hãm hẹp lại bởi một vật nào hết. Chớ nên chỉ có một bản thể trong vũ-trụ này, còn mọi loài thọ sinh là đồng thể cùng người và trong bản tính người.

Thưa : Vấn nạn đó thật theo trí vẽ. Trước hết họ tưởng Tạo-hóa cũng là vật chất như các vật khác. Chớ nên với sự hiện hữu các vật, làm cho bản thể Tạo-hóa thu hẹp lại. Nhưng đâu có thể, vì bản tính Tạo-hóa không đồng cấp với thọ sinh, cho nên không can hệ chi.

Chữ *vô cùng* không được định nghĩa là : một sự, ngoài sự ấy ra không còn vật nào hoàn bị cũng toàn hảo như thế nữa.

2) — Nếu các bản thể khác biệt lập với bản thể Thiên-

Chúa, thì ra có vật ở ngoài biên giới Thiên-Chúa ; Nếu thế, sự vô biên của Thiên-Chúa không còn ý-nghĩa chi nữa.

Thưa : — Các vật theo bản tính thực thể của nó, không có trong bản tính Thiên-Chúa, nhưng ở trong bản tính Thiên-Chúa một cách trọn hảo hơn y như chương trình trong bộ óc kỹ-sư, người chỉ huy vậy.

3) — Đấng vô cùng, thì có đủ mọi phương diện của vật hữu. Nếu có đủ mọi phương diện vật hữu của loại thọ sinh, thì bao hàm hết mọi đường nẻo, còn đâu cho vật khác chen chân vào.

Thưa : — Ngoài Thiên-Chúa ra, thì không còn vật nào đứng ngoài. Có thể hiểu được hai cách. Một là không có vật nào mà không phải bởi tay Thiên-Chúa dựng nên, và cũng có nghĩa là không có vật nào là không có trong chương trình của Người. Như thế cả hai vốn còn nguyên ý nghĩa chữ vô cùng.

KẾT-LUẬN

Người ta thường nói : đừng đi hay tối, nói dối hay cùng. Muốn phủ nhận một chân lý, thì chối rằng vũ-trụ không phải là thọ sinh, óc con người nặn ra lắm lý thuyết, nhưng quay phía nào cũng thấy sai nhẽ. Thực nuốt vào cay đắng nói ra hận lòng.

Nhưng chấp nê, đâu phải dấu con người thiện chí. Công nhận một sự thật, đâu mất phẩm giá con người. Con người mất phẩm giá và tự hạ, chỉ khi nào đứng trước sự thật, mà con người còn tìm kiếm lý lẽ tháo thoát càng nặn ra lắm lý thuyết, con người càng vấn lấy mâu thuẫn vào mình. Nhưng có đem những ngụy thuyết đó ra mà phân tách, thì sự thật càng nổi bật lên nhiều, cũng như áp đen vào màu trắng, thì đen càng rõ rệt và trắng càng tươi xinh.

Các bạn đón coi những vấn đề liên tiếp sau, thì các bạn càng vững chân tiến trên con đường học hỏi. Mong thiện chí của các bạn tìm cho được giải pháp chống cộng cho đúng qui mô.

BÀI THỨ BA

VỀ CHỦ-NGHĨA VÔ-THẦN

Bài của Linh-Mục J.B. Trần-Mục-Đích

Dòng ĐA-MINH

Tự-luận — Đứng trước nhu cầu của thời đại, các phong trào đang theo nhịp cấp tiến. V.N. đang vươn mình lên đến chỗ trưởng thành, mọi ngành văn hóa đang được phổ-thông và cũng trong giai-đoạn này các triết-gia lộ diện, học thuyết cùng chủ-nghĩa cũng thi đua mọc như nấm. Đi ngược phong trào sẽ bị kết án phản đà tiến và có lẽ cũng là uổng công, như đã tràng vun cát xây đắp bề đông.

Tôi không có một ý nghĩ nào đi ngược quần chúng, một là vui đón nhận mọi cái hay của bước văn-minh. Riêng có một điều là tôi nhắc nhở cùng các bạn, có gan anh hùng, có chí lương thiện, là hãy cản đà tiến của các ngụy thuyết mà thôi.

Vô-thần ngày nay, siết chặt tay cùng duy-lý, đồng thanh hô to : Tôn-giáo là nha phiến, thối-miễn con người, làm ủy-my các năng lực con người. Muốn tiến, it ra phải đứng vào lập trường vô tư đối với các tôn-giáo. Nhưng, đứng trung-lập hãy còn là non dạ, phải trực ngôn tự xưng thuyết vô thần đi... thì lý trí con người mới dám mạo hiểm trong con đường sáng kiến, tự-do mới có hội mà thi hành những phương pháp con người tự nghĩ ra. Còn ràng buộc bằng một tôn-giáo nào, thì con người sẽ trở nên cá chậu, chim lồng, không thể vẫy vùng trên đầu sóng ngọn gió !!!

Thưa các bạn, giọng điệu của bên duy-lý cũng như bên vô thần, hấp dẫn biết bao, nhưng càng hấp dẫn lắm, càng đáng lo ngại nhiều. Nhìn vào thực-tế của những kết quả, mới hay sâu độc của bọn họ. Để nhìn sâu vào vấn-đề, xin các bạn vui lòng nghe tôi trình bày.

QUAN-NIỆM VỀ VÔ-THẦN —

Hai tiếng vô-thần, bài trừ hết mọi thứ tôn giáo. Nghĩa là : trên con người không còn có ai nữa, tội hay

phúc đều do tay con người xếp đặt cùng phán-quyết ; mọi sự trong nhân-gian do con người điều-khiển lấy hết.

Vô-thần có hai hình thức :

a) — Một là theo ý nghĩa tiêu-cực, nghĩa là không có một ý thức nào về thần chủ cả.

b) — Hai là tích-cực, là hữu ý dụng tâm chối hết mọi tôn-giáo, chủ-trương sống theo tự-quyết của lý-trí.

Hữu-thần có hai hình thức : —

Trái lại, về phía hữu-thần, có hai cách biết :

a) — Một là biết bằng cách học-hỏi, lý-luận, minh-chứng. Nhận rằng trên nhân loại, phải có một thần-linh nào, bá chủ mọi loài vạn vật.

b) — Hai là biết một cách ngấm ngấm vậy nghĩa là trong mọi việc làm, con người nhắm hướng về hai chữ lương thiện. thiện, tránh mọi gian ác, theo nẻo công chính . . . làm như thế là vì họ e sợ một đấng nào trên nhân loại chứng kiến cho, sau này sẽ đến chỗ ác giả ác báo !

Sống theo quan niệm vô thần —

Như tôi đã nói trên, có những hạng người dụng tâm không học-hỏi, dễ khỏi biết đến tôn-giáo. Vì học-hỏi ra, e phải làm hay sống theo một khuôn khổ eo hẹp, phải kèm chế mọi kích-thích của dục-vọng.

Còn một hạng người khác vô tôn-giáo, nhưng không phải là vô-thần. Chỉ vì hoàn cảnh của người ta không học-hỏi được hoặc vì sống riêng biệt cô-đơn, ít chung đụng cùng xã-hội, hay là vì thiếu trí thức hóa u.u minh-minh trong những vấn đề tôn-giáo. Nhưng dù sao, họ tin tưởng trên nhân loại cũng có một đấng chỉ-huy đời sống của mọi người.

Đặt vấn-đề —

Hỏi — Có thể những người vô-thần theo nghĩa tiêu-cực, nghĩa thiếu hẳn sự nhận định, không biết trên mình có đấng nào cai quản nhân-loại chăng ?

Hỏi như vậy cũng như hỏi : Con người nhìn vào vạn vật

cùng vũ-trụ, y như nhìn vào cuốn sách thiên nhiên, mà nói rằng trời đất không chủ ?

Còn con người dụng tâm mà chối thế-giới hữu chủ, không cần đặt câu hỏi, vì thuyết vô-thần Cộng-Sản ngày nay minh-chứng họ là những người ấy rồi.

TRIỆU CHỨNG CỦA THIỆN CHÍ

Con người thiện chí phân tách hẳn con người dụng tâm bởi những cử chỉ sau đây :

a) — Ai ai cũng có thắc mắc, khi thấy hiệu quả mà chưa tìm ra được nguyên nhân. Con người thiện chí đứng trước vấn đề tôn-giáo thì họ suy tầm, so sánh trong các công-giáo xem bên nào là chân-chính, hữu-lý. Con người dụng tâm, là vô lý. mình gạt bỏ vấn đề đó ra ngoài, chẳng những không suy tầm còn tìm kiếm nhẽ để bài trừ. Vạy vũ-trụ hiện hình trước con mắt nhân loại, im lặng không nói, nhưng rất linh động. Con người thiện chí, họ nhìn vào đó, họ thấy những lý lẽ sống động kích-thích họ để tìm ra con đường phải đi, cho đến mục đích cuộc đời của họ. Nhưng con người dụng tâm đem vài ba phán quyết của trí não họ, họ giải thích bằng câu tự nhiên như nhiên vạn-vật bỗng nhiên có. Họ thêm vào giả-thuyết biến hóa làm nền tảng.

b) — Con người thiện chí, họ không bao giờ nén tiếng thối-thúc cõi lòng. Họ sẽ tìm cơ hội cùng hoàn cảnh để đem lại giải quyết bí ẩn cả tôn-giáo. Con người dụng tâm, quá gần sự thiên-lệch về thực-nghiệm, nên họ gì ngoài phạm vi vật chất là họ gạt phăng ra ngoài. Như thế họ không để cho ý nghĩ về tôn giáo nhập tâm họ.

Làm chứng : — KHÔNG THỂ CÓ NGƯỜI VÔ-THẦN THÀNH-TÍN ĐƯỢC

1) — Đã là con người biết suy-luận, hẳn thấy công-hiệu phải tìm căn nguyên. Với lý-luận đó, con người không bao giờ nhận một điều cho vô cơ. Song cả vũ-trụ hiện hình ngay trước mắt như một tấm gương soi, không thể nào trí luận con người không thắc mắc. Nhưng con người nhận thấy mình vượt hẳn mọi vật trên đời, mà nhìn lại có sau vũ trụ, thì hẳn phải có

một bàn tay sáng tạo nên vũ-trụ. Một câu thắc-mắc đó, cũng đủ dẫn chứng cho con người biết thần-chủ nếu con người hồi tưởng một chút để suy thêm.

II) — Đâu có trật-tự, thì đó phải có một trí khôn an bài cùng xếtđặt, song trật-tự thiên nhiên ở trong vũ-trụ này, không khéo hơn mọi bộ óc con người có thể suy ra. Hẳn là phải có kẻ an bài trong vũ-trụ. Kẻ đó không phải là con người, vì chính con người phải chịu luật-lệ thiên-nhiên kia điều khiển cho. Chã nhẽ loài vô-linh điều khiển được ru? Càng vô-lý, nếu gán công-cuộc bao la này vào hai chữ *mù quáng* của biến-hóa.

Và gán thế cũng không được. Vì nhẽ : nên biến-hóa là một luật thì phải có bộ óc sáng kiến ra định luật đó, cùng điều khiển mọi sự cho vào khuôn khổ định luật đó. Như thế cũng là nhận có chủ-tể trên vũ trụ rồi.

III) — Ta học trong trường, trong sách mẹo dạy những cách làm câu so sánh. Trong bậc so sánh, nếu có cái dưới, thì hẳn phải có trên, có cái tốt vừa phải có cái tuyệt đối. Song trong vũ-trụ vẻ đẹp rất nhiều song mọi sự chỉ được tốt đẹp cách tương đối thôi, chưa đến chỗ tuyệt đối. Vậy hẳn theo luận lý, buộc phải có cái tuyệt đối. Mà theo triết học cái gì tuyệt đối trọng hạng cấp nào, thì là căn nguyên sinh ra mọi sự khác trong phương diện ấy. (Ra ví dụ cho sinh viên).

IV) — **MINH-CHỨNG THEO LUẬN-LÝ** — Trật-tự luân-lý, là trật tự buộc con người phải làm lành lánh dữ. Mà thiện ác có hậu báo. Song luật đó, không ai học cũng tự mình biết, mà có trong mọi đời, mọi giai cấp. Ông vui ngồi trên trời cũng thấy những câu đó buộc cả mình nữa.

Vậy con người khác tính tình, khác dân tộc, khác thời đại, thì ai in trong lương-trí họ điều đó? Không phải con người, vì người nào cũng lệ-thuộc luật đó. Không phải loài vô-tri, vì loài vô-tri còn luân lý vì đâu? Vậy phải có một kẻ nào ra luật đó, lại có tài in ghi trong tâm khảm mọi người một điều : làm lành lánh dữ. Đó là quan-niệm thần chủ đấy.

V) — **BỘ HIẾN-PHÁP** con người lập ra, cũng minh-chứng có thần chủ : Là vì bộ luật đó, bất công hay công bình, thì cũng phải tựa vào một ý-điểm để so đo cho biết là bất công hay

công. Ý-điểm so đo là lý-trí. Tuy hay rằng bá nhân bá tánh, nhưng điều chi bất công, hết mọi người đều nhận thấy, mà điều công-liêm, con người cũng biết ngay. Nếu vậy, thì trong con người có một bộ luật đã được in ghi sẵn, nó điều khiển công việc thế sự. Vậy đấng nào in ghi trong bả-m tính con người, thì đấng đó là thần chủ vũ-trụ.

VI) — LUẬT SINH TỬ CON NGƯỜI — Sau hết mọi người đều phải chết. Đó là sang hay hèn cũng vậy. Nếu cắt nghĩa là, là tự nhiên, thì tại sao mọi người không biết đồng tuổi, đồng thời. Còn nhiều người sinh ra đồng thời, mà không chết đồng thời? Nhất là tại sao con người không dùng được hai chữ tự-do hay tài-lực mà thoát chết? Nhất là các ông vua bà chúa?

Nếu nói là luật thiên nhiên, thì chả ra luật đó đã được ấn định bởi một kẻ khác điều khiển rồi. Kẻ đó phải là thần-chủ trong Vũ-trụ. Nếu nói là kẻ nọ thiếu chất, người kia đủ chất, nên sống lâu hay chết vẫn. Thưa, sự đó không thực, vì biết bao nhiêu người thầy thuốc dở kia, mà còn sống day giãng. Mà biết bao người thầy thuốc giỏi kia mà chết thành linh. Mâu-nhiệm nhất là vấn đề sinh tử con người.

VẤN-NAN :

I) — Nếu thực sự không có vô-thần, thì hẳn là mọi người qui phục hữu-thần cả, song biết bao nhiêu người chối vũ-trụ hữu-chủ. Cho nên có vô-thần.

THƯA : Nếu trí khôn con người bắt ép được tính thông dong theo lý luận mọi đảng, thì âu là không có vô-thần song vì tự do con người, nhiều khi ngôn ngữ và hành động bất đồng, là vì tự do con người. Cho nên tuy họ có suy luận ra được vũ-trụ hữu-thần, nhưng lòng họ không theo.

II) — Nếu thế-giới hữu-chủ, thì hẳn là không có những hỗn độn trong vũ-trụ. Song có sự hỗn độn trong vũ-trụ. Cho nên không có chủ.

THƯA : Thế-giới vật-lý thì không có hỗn độn vì thời tiết cùng năm tháng cứ theo trật tự đều đều nguyên chỉ có hỗn trật tự trong thế-giới nhân gian. Mà vì con người được thông

đồng định đoạt trước sự thiện ác. Cho nên bao hỗn trật tự là do con người thông-dong gây nên. Dù sao, cái đó cũng không đủ nhẽ phủ nhận thần chủ. Vì cái xấu để bên cạnh cái tốt, càng làm thêm giá trị cái tốt. Như thế, luật luân-lý càng thêm giá trị, và vì con người thiếu công bình, nên càng ngại đến chí công hơn. Thế là minh-chứng thế giới hữu-chủ.

III) — Muốn minh-chứng có thần chủ trong vũ-trụ, thì cần phải biết bản tính thần đó là gì đã. Song không ai biết bản tính thần chủ đó được. Cho nên bao nhiêu viện chứng trên kia không kết luận gì.

THUA : Nếu minh-chứng theo chứng cứ tiên-nghiệm (à priori) thì cần phải biết bản tính trước đã ; song đây, chỉ là minh-chứng theo lối qui-nạp (inductif) là minh-chứng có sự hiệp-hữu là đủ, thì không cần biết bản tính. Vì chỉ cần có công hiệu, thế là có nguyên-nhân. Nguyên-nhân đó bản tính sau không quan hệ.

IV) — Nhưng, nếu giữa công hiệu và nguyên nhân không có sự tương đương thì làm sao ?

THUA : Vì không có sự tương đương, nên mới phải minh-chứng theo lối qui nạp, để minh-chứng existence của thần chủ đó, mà không minh-chứng essence thần chủ đó là gì.

KẾT-LUẬN.— Con người nếu quá tự tin và lý-trí, không chịu hướng dẫn bởi một ánh sáng của tôn-giáo nào (đây tôi không nói đến riêng từng tôn-giáo, một nói theo nguyên-tắc chung thôi), thì con người đó thật là nguy hiểm cho Xã-hội, hơn là người theo lạc đạo.

Bạn tưởng lý-trí con người sáng suốt được mọi phương diện ư ? Kia mời bạn đọc lại thuyết của Platon, một quân-tử trừ danh trong cổ-thời, thế mà ông tự tin vào lý-trí, ông luận bao điều sai lạc. Ông luận về con người thế này : Con người là con vật hai chân không có lông. Định nghĩa một cách quá sơ sài. Về luân-lý, ông nói : Nam nữ được sống tập đoàn, trà trộn, đó là lý-tưởng cao siêu của xã-hội. Chính-phủ ra lệnh được phép giết con trẻ...

Ông Aristote còn trời vượt hơn Platon, thế mà suy luận

của ông cũng còn bao sai lạc, chỉ vì ông muốn tự chủ trong lý trí. Ông nói trời sinh ra có người bản tính làm vua quan, có người bản tính làm nô-lệ. Nô-lệ thì chủ được quyền sở-hữu định đoạt về tính mệnh họ. Đó, ta xem, theo ông, thì còn chi là nhân-vị con người? Về hôn thiêng, lúc ông chối, khi ông nhận, thái độ mập mờ sẽ đem lại quả quyết gì được?

Ngày nay, nếu con người vô thần, duy-lý, chỉ theo nguyên những phán-quyết của lý-trí, gạt bỏ ra ngoài tôn-giáo thì chẳng qua họ sẽ phục-sinh lại những lỗi lầm lớn trong cổ-thời. Về luân-lý, họ sẽ phục-hưng lại những thái-dộ ô-nhục, ti-tiện của cổ-thời. Mà thực thế, ngoài-trừ quan-niệm tôn giáo, họ sẽ không ngần ngại dùng ngọn bút văn-chương của họ, tô-điểm cho bao thứ tội, mà ngày nay tự-do ái tình khêu lên, tự do ngôn luận xướng ra...?

Về phương diện chính-trị, ngoại trừ quan-niệm tội phúc, họ sẽ cho Hiến-Pháp là một ức bách, hãm kẹp tự do của họ, họ sẽ âm mưu lật đổ chính quyền, để đến chỗ giải phóng mọi phương-diện...

Đó, các bạn xem, quan niệm vô-thần mang theo bao nguy hiểm và thực-tế xui con người đến chỗ chiến tranh : khỏe thắng, yếu bại, chứ tội phúc gì đâu?

BÀI THỨ TƯ

CÓ ĐUNG TẠO HÓA - HÓA

Bài của Linh-Mục J.B. Trần-mục-Đích

Dòng ĐAMINH

Thưa các qui vị thánh-giả, ngay tự thế-kỷ 17 ông Bossuet một văn-hào nhất của nước Pháp đã nói : « Thế-giới này không có những hạng con người thiên trí, dám bạo ngôn nói là không có Tạo-hóa, nếu họ ngừng một vài phút tĩnh suy những tác-phẩm kỳ-khôi trên vũ-trụ, và những ân-huệ nhân loại đặc hường ».

*Trời cao đất thấp hiện hình,
Làm sao mà nói : tự mình hóa thân ?
Thần nhân, mà cũng thọ-sinh,
Vật chất vô tình, tự-hữu được sao ?*

Vả mới có phỏng 50 năm, sau khi cách-mạng Âu-châu bùng nổ (1848) trên ngọn-dài thánh đường Notre Dame de Paris, Lacordaire nói rằng : « Bất cứ lấy một điểm nào trong nhân gian hay thế sự, tôi cũng có thể lấy đó chứng minh được là Tạo-hóa hiện hữu và là Chủ thiên địa » Lacordaire còn thêm « Tất cả cử tọa cùng tin thế, mà giả như tôi nói các thánh giả là vô-thần, có lẽ thánh-giả sẽ trừ ngôi xuất ngoại tôi » Nói xong câu đó, tất cả thánh giả vỗ tay reo rầm rộ, hoan hô lời danh dự cho thánh giả.

Tinh từ Lacordaire và Bossuet cho đến nay, thế-giới có vẻ lui. Vì ngày nay người ta tuyên truyền không có Tạo-hóa, thế-giới vô chủ. Và có những người tự hào vỗ ngực trước mặt công chúng xưng họ là vô thần. Câu đó thiết tưởng quá táo bạo.

Câu đó là vô lý,

Câu đó còn là nguy hiểm nữa.

1) — **LÀ MỘT CÂU TÁO BẠO.** — Ta thử hỏi : Bởi miệng ai thốt ra những câu như thế ? Có phải là bậc thánh nhân nói ? Có phải người lương thiện ? Hay là anh hùng tướng quân

nói ? Không, những bậc ấy, không khi nào thốt ra cửa miệng những câu như vậy, mặc dầu là nói chơi. La Bruyère nói rằng : « Tôi mong được nghe những người có tiết-độ, ôn-hòa, trong sạch, trung thành, liêm chính nói những câu như thế. Nhưng thực sự chỉ có những người bất lương, tù tội, những phường đều giả, mới biết trán-tráo tỏ bày như thế ».

Chính J.J. Rousseau bên phe Cộng, mà ông còn nói như thế này : « Bạn cứ sống luôn với một thái-độ và tin tưởng bao giờ cũng có Tạo-Hóa, một thần linh chí minh soi xét cuộc đời bạn, thì chả còn bao giờ bạn phải sợ sệt ». Câu đó rất đúng. Chỉ có những người lương tâm không ngay thẳng, ý tưởng vẫn đục luôn, hành-vi bất chính, thì họ chỉ mong chờ đấng có đèn trời soi đến. Vì lý-hình khảo lược họ, là chính lương tâm họ.

Nhưng tại sao thời nay, người ta lại lấy làm hân hạnh bài trừ Tạo-Hóa, và không nói đến tôn-giáo nữa ? Có phải nói câu đó, là cả một bằng chứng minh thông giỏi, học vấn uyên-thâm, kinh-doanh cũng lịch duyệt không ?

Thưa, chính câu đó tự trăn mình lo con người khả nghi. Vì người đó không có một cuộc đời thanh bạch. Nghĩa là tự dối mình, không ai chứng minh hết công cuộc âm-muội của mình, vì thế cũng không có ngày ác giả ác báo. Hơn nữa câu đó, chả biểu-dương được mình là thông giỏi trái lại là con người vô-học, hay có học đi nữa, cũng hầy còn là y tờ. Vì ăn học đầu mà dám phủ nhận câu : *Vô nguyên nhân bất thành hiệu quả*. Vậy vũ-trụ kia, nhật-nguyệt, tinh-tú, thần nhân, vạn vật, sông ao, biển ngòi, tay nhân loại không ai vun đắp, vạn vật không tự nắn hình, vì sao trờ-trờ đứng vững từ bao năm ? Ngẫu nhiên cắt nghĩa sau nời.

Chối những hiểu chứng trên kia, sao còn tồn tại thanh danh là con người học thức.

Thực ra câu chối Tạo-hóa, chỉ có những bạn vô-thần và duy-vật ngày nay, mà họ xưng ra thuyết đó, ngụ ý là thả cương cho con người được tự do ham muốn, phóng đảng, tự do hành ác, che lấp công lý, để rồi chủ-nghĩa vô nhân đạo tam vô kia, mới có thể bành trướng được. Bao lâu còn đề trong con người ánh sáng chân lý, thì ánh sáng đó sẽ cản đà tiến của chủ-nghĩa họ.

Hỏi thêm ra, xem họ nói những câu chối Tạo-hóa vào những hoàn cảnh nào ?

Thưa, họ chỉ nói trong những trường hợp mạnh khỏe, được vồ về sung sướng đầy đủ. Còn khi họ bị hoạn nạn, lúc yếu đau, lâm cơn nguy biến, khi đó tin tưởng hữu thần đâu lại hiện ra trong óc họ. Thế là mới hay, bọn cán bộ đó đã trút hết nước men. Tâm khẩu bất đồng.

Ông Meseray, sau khi đã trở lui khỏi đảng vô-thần, ông trả lời các kẻ hạch hỏi sao ông trở lại, một giọng cương quyết sau đây : « Meseray lúc thập tử nhất sinh, còn tin hơn khi khỏe khoắn. Chàng bắt lương Volney kia, khi phải lâm nạn ở bãi biển Mỹ châu, chàng lấp bấp khẩn thăm thần-linh đến cứu ».

Vậy thì các bạn vô-thần chưa thành thực với chủ nghĩa của họ. Họ chỉ đứng ban tuyên truyền để cầm thực độ lượng. Họ có tinh cách khôi hài hơn là cuồng-tín.

2) **CHỐI TẠO HÓA LÀ VÔ LÝ** Lý-trí nói rằng : Vô nguyên nhân bất thành hiệu quả. Thế-giới hữu tình, sơn lâm cùng hải địa, đã không bởi ngẫu nhiên, thì còn tay ai xây đắp ? »

Ngẫu-nhiên đâu duy trì được cuộc tuần-hoàn trong vũ-trụ bằng ngàn ấy vạn năm ? Ngẫu nhiên đâu xếp đặt được con người khôn khéo, cơ-quan cũng bộ phận, mà chính con người suy tâm chưa ra ? Ngẫu-nhiên sao bảo tồn được vạn vật trong vũ-trụ, một khi ngũ-hành luôn ngày đêm mâu-thuân nhau ?

Con người luận lý, nghĩ ra được cơ-khí, máy móc, cần phải có bàn tay luôn điều khiển, mà còn nhiều lúc tê liệt. Hướng chi là cả vũ-trụ không một phút ngừng, chuyển vận ngày đêm, sinh ra từ thời bát tiết. Nói là công hiệu của một định luật biến hóa vô-tri sao đành ? Thực ra ca dao kia, dạy ta nhớ đến nguồn, đừng có thái-độ lãng quên :

*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Ăn cơm nhớ kẻ cấy sạ dần sàng.
Trông trời ngắm cảnh đẹp sang,
Làm sao dám nói tự mình hiện thân ?*

Voltaire nhà vô-thần, mà cũng còn nói :

Thế gian ví tựa đồng hồ, (1)

Nếu không tay thợ bao giờ mới xoay ?

Proudhon nói : Muốn qui nạp tất cả hệ thống vũ-trụ này vào phạm-vi vật-lý-học mà thôi, xuất ngoại tay Tạo-hóa an bài, thì cũng vô-lý y như gần cuộc chiến thắng ở Marengo vào sự tình cờ, mà bỏ trí óc bày binh bố trận mà tướng Napoléon, Tham-mưu-trưởng nhất trong trận địa đó.

Về thế-giới vô-hình, như hồn tôi chẳng hạn. Hồn ấy tại đâu ? Chỉ biết rằng trước đây 50 năm tôi còn đứng trong hư-vô. Và tay tôi không tự tạo lấy tôi. Cũng chẳng phải ông bà tôi dựng nên được hồn tôi. Vì nếu dựng nên được, thì sao ông bà tôi lại phải lui bước một ngày kia ra khỏi trần gian, muốn rón lại năm ba phút cũng chẳng được ? Luật sinh tử đâu có tại ý muốn của ông bà tôi ?

Nhưng điều tôi muốn nói đây là : tại sao hồn tôi lại xét đoán tôi ? Phê phán các việc tôi làm, lúc khuyến khích, khi giới răn ? Chính hồn tôi phân trần thị phi cho tôi. Bấy nhiêu sự đó là luật lệ rồi. Nhưng ai đặt lệ đó trong tôi ? Hồn phải có đấng ra luật. Hơn nữa hồn tôi đang thân mật với xác tôi tại sao một ngày kia, bắt tôi lui bước, từ giả nhân gian, bần bệ thân thuộc ? Luật lệ nào chi phối cả thung dung cùng tấm thân tôi như thế ? Mà nào riêng gì tôi, tất cả nhân loại đều phải vâng qui theo ? Nếu không tay Tạo-hóa, thì cắt nghĩa sao cho đủ lẽ.

Ngẫu nhiên không thể được. Đây Lamerino nói : Vô thần là gì ? Là một sự u-ẩn mơ hồ, mà bạn không muốn to tiếng với thú khuyến của bạn kéo thẹn với năng-tính của cầm thú. (Qu'est ce donc que l'athéisme ? Une obscurité, dit Lamerino, que vous ne voudriez pas dire tout haut à votre chien, de peur de ne révolter l'instinct d'une bête)

(1) — Voltaire : — Le monde m'embrasse et je ne puis songer,
que cette horloge marche et n'ait pas d'horloger ?

Il est aussi absurde de rapporter, dit Proudhon, le système du monde à des lois physiques, sans tenir compte du Dieu ordinateur, que d'attribuer la victoire de Marengo à des combinaisons stratégiques sans tenir compte de Napoléon, premier consul).

3)— **CHỐI TẠO CÒN LÀ NGUY HIỂM.**— Nếu không có Tạo-hóa, thì không có luật ác giả ác báo. Không còn luân-lý. Kẻ không lương thiện không lấy chi làm ỹ-điểm để tu-nhân tích-đức. Và cũng không cần chi nhân nại trước những bất công. Kỷ-cương không còn, thì hẳn là mọi người trở nên ác thú, khỏe thắng yếu thua. Thế có phải là thuyết vô-thần khai ngòi chiến tranh không ?

Nếu không Tạo-hóa, *cũng không còn gia đình.* Vì duyên tình cảm sắt sẽ lấy cho bảo đảm ? Trung thành là lừa dối dục vọng rồi, thì cần chi con người nhốt thân vào đau khổ ? Con cái sinh làm chi cho mệt thân ? Chung tình chi cho ngàn ? Đây tôi xin kể tích người cần lao kia. Ông ta theo thuyết vô thần ngày đêm chè chén, lộng ngòn cũng vì tại người bạn theo thuyết đó. Buổi chiều kia, khi anh đi làm về, thấy chung quanh nhà cảnh binh công-an bao vây, hàng xóm đến xem ngòm. Anh xé hàng rào bước vào. Trời cả một khuôn cảnh bị đất gậy nện. Người bạn của anh tự tử, và ba đứa con anh cũng nằm yền trên vũng máu hồng. Trong tay người bạn có viết mấy câu đề lại.

« Thừa anh, bao lâu tôi tin-ngưỡng, thì tôi cam chịu hết nỗi gian lao trong gia cảnh, vui chịu tàn tảo nuôi con cùng cung phụng anh. Nhưng nghe anh, tôi theo vô-thần, tôi biết hy vọng cuộc đời có thiện ác đảo đầu, nên tôi quyền sinh, cho hết khung cảnh đau khổ. Mà vì ba đứa con, tôi không muốn nó sau này sống chuỗi ngày thất vọng, nên tôi đem chúng theo ».

Thưa các bạn, kết quả của vô-thần là đưa con người đến chỗ thất vọng và biu quạnh như vậy. Còn tai hại về Xã-hội nữa. Nếu không có Tạo-hóa, thì sẽ thiếu hẳn ba điều này : Danh-dự, nhiệm-vụ và lương tâm. Ba điều mà không tồn tại thì xã hội xây trên ỹ-điểm nào ? Chính phủ lấy lẽ gì ra Hiến pháp, và bắt thi hành ? Chính phủ hẳn sẽ đổ, và luôn luôn đổ cho đến khi thanh hỗn loạn. Ông Henry, một ngày kia, bị đem đi xử, vì đã làm hỗn trật tự. Ông theo đảng vô chính phủ (Anarchisme). Khi đem đến tử trường, ông nói trước khi lưỡi dao cay nghiệt siết qua cổ họng ông : « Cái chết ngày nay là kết quả của chủ-nghĩa duy-vật và vô-thần, vì tin vào duy-vật và vô-thần, nên tôi mới thành người vô chính phủ là

quân phiến loạn. Ngày nay xin các bạn nhớ kỷ niệm kết quả của những chủ-nghĩa đó ngày 27 tháng 4 năm 1894 ».

KẾT LUẬN

Thưa các quý vị thính-giả, hôm nay tôi được hân hạnh trình bày với quý vị một quan niệm, mà quan niệm đó không đâu xa, nó ẩn-khuất trong tâm hồn các quý vị, nó cũng là linh-hướng của các quý vị trong mọi hành vi cử chỉ trong cuộc đời. Quan niệm tôn-giáo là quan niệm tối ư quan trọng. Một người không có tôn-giáo, người ta gọi là người vô đạo, mà đạo đức nên con người có nhân có nghĩa.

Đừng lập trường tổ-cộng, không gì linh ứng cho bằng minh chứng phải có tôn-giáo, phải có Tạo-hóa, thì mới bác bỏ những ngụy thuyết vô-thần đem ra, là chủ-nghĩa duy-vật cùng biến hóa. Minh-chứng được thế giới hữu chủ, đó là một chìa khóa mở then chốt, đặt con người lên địa vị nhân-linh ư vạn-vật. Nói tóm là đề cao nhân vị, cũng như Cộng-sản tựa vào vô-thần để khuếch-trương cùng tuyên truyền thì thuyết nhân-vị cũng phải lấy chủ-nghĩa hữu thần làm nền tảng.

Đặt được vấn đề đó, các quý vị sẽ tiến rất dễ trong những vấn đề về quyền lợi và nhiệm vụ của nhân vị. Mong các quý vị nhận rõ sự quan trọng của vấn đề, và lấy suy luận đi sâu hơn nữa. Để đối phó cùng những chất-vấn của đối-phương. Vạn sự khởi đầu nan, ban đầu xem có khó, song với sự nhẫn nại suy tầm, ánh sáng sẽ dần dần hiện ra. Và khi đó các quý vị sẽ nhận chân tướng của thuyết nhân vị là hữu lý, đủ vũ khí chống cùng thuyết Cộng.

BÀI THƯ NĂM

Bài của L.M. Dịch
Đồng ĐA-MINH

CHÍNH-PHỦ VÔ-THẦN HỌA LỚN CỦA NHÂN DÂN

Thưa quý vị thỉnh giả, sau những buổi trao đổi ý kiến, tôi đã có hân hạnh trình bày cùng quý vị, thế nào là chủ-nghĩa vô-thần, và bước sang cuộc đời kinh-nghiệm, thế nào là tai hại của chủ-nghĩa ấy. Nay tôi xin đem mục đó áp dụng vào thực nghiệm, các quý vị sẽ thấy rõ một hiểm họa vô cùng nguy khốn cho dân tộc, nếu dân tộc đó có một chính-phủ vô-thần.

Chúng ta đây, phải là con dân mà là con dân V.N., con tiên cháu rồng, theo nền văn-hóa ngàn xưa, thì nền luân lý nước ta vốn là thanh tịnh, nếu so sánh cùng nhiều dân tộc khác trên hoàn cầu. Kể ra trong nước thì chín phần mười, (9-10) là có tôn-giáo, hoặc Thích, hoặc Khổng hay công-giáo vô-thần thực là rất ít. Mà có ra nữa, cũng chỉ là những người vì kể cận cùng phái vô-thần Âu-Mỹ nên bị tiềm-nhiệm đúng như câu : Cận mặc giả hắc thời.

Nhưng dù có ít đi nữa, vô thần là nọc độc, nó sẽ có cơ hội loan ra trong xã-hội cùng dân tộc, chẳng khác chi men, làm oen cả thùng bột. Mà khi đó, con sào có thể làm rầu nồi canh.

Ngoảnh nhìn lại Bắc-Việt, ta thấy ngoài đó chính-phủ là vô-thần, vì chủ nghĩa cộng sản là chủ-nghĩa vô thần. Cảm ơn Thượng Đế, miền Nam chúng ta, chẳng những là không theo vô thần, mà lại còn tìm mọi phương tiện ngừa phòng cho khỏi chủ-nghĩa đó lọt vào, đột nhập dân chúng. Dù sao ta cũng nên lo ngại, và tự đặt câu hỏi : Nếu không trừ căn tiền thảo được những phần tử vô-thần, một ngày kia họ trở nên một phần tử trong chính phủ, khi đó kết quả sẽ ra sao ?

Tai hại của vô thần — Nào xa xôi chi, chỉ cần nhìn hướng về Bắc ta cũng thấy cảnh điêu tàn đang diễn, mà diễn từng giai đoạn. Trước hết vì nó, mà nhà tan cửa nát. Vì nó mà đất nước phân đôi, vì nó phong hóa lạnh mạnh ngàn năm bị

buông trôi, sụp đổ. Con người không còn nhắc nhở đến tổ tiên, ngày rằm mồng một, hương nhan lạnh lẽo. Hiếu đễ nhân tình chẳng còn có nghĩa chi nữa. Đèn ơn cức đục ngày nay, là đem bố mẹ ra thóa mạ cùng tổ-khổ. Vợ lia chồng con cái không nhận mẹ cha. Tình tha hồ chung chạ, bác ái và công bình, chỉ còn danh từ vô ý nghĩa... Nào xa chi tưởng tượng ra cũng thấy tai hại, chứ đừng kể những khổ khổ của những người đứng dưới bóng cờ Cộng-sản vô-thần kia nữa.

Phân chia vấn-đề — Vô-thần, như tôi đã nói, chia làm hai hình thức, một là vô-thần trong lý-thuyết, hai là vô-thần theo thực nghiệm.

Nếu nguyên chỉ lý thuyết mà thôi, tai hại nó chỉ riêng kể theo nó ; song lý thuyết xưa nay vốn để ra hành động. Thì bao nhiêu lý-thuyết kia, một ngày nó sẽ biểu diễn bằng hành động. Nếu nên bài trừ lý-thuyết, cũng phải đề phòng hành động nữa.

Đặt vấn-đề — Trong xã-hội vốn phân tách hai yếu tố thành phần. Một là yếu-tố cai trị, hai là yếu tố bị trị. Như hồn xác phối hợp thành người, thì Chính-phủ và công-dân hợp lại thành dân tộc. Song Chính-phủ phải hướng dẫn dân chúng, y như hồn điều khiển con người.

Hỏi — Chính-phủ khi ban hành pháp luật, hay khi áp dụng xét xử đạo luật Chính-phủ có thể đứng giữ một tư cách như thế Chính-phủ là trọng tài trong mọi sự chẳng ? Thị-phí cũng là do Chính-phủ ưng thuận, công phúc cũng do Chính-phủ đặt ra. Tóm lại công bằng, bác ái, luân lý đều do tay Chính-phủ phân định cả ? Nhiên-luật và thiên-luật không một dự phần nào trong chỉ dụ ?

Phản ứng của vấn-đề — Dĩ nhiên các nhân viên trong phái vô-thần, họ cho thế là hữu lý. Chính-phủ trên hết, Chính-phủ là cân thăng-bằng cầm mực cho tất cả chúng sinh. Ưng là nên nghĩa, bất đồng ý là trở nên tội. Họ lấy lẽ rằng : Con người xum họp trong xã-hội, cốt là để theo hạnh phúc trên đời. Vậy bất cứ một phương tiện nào đem đến mục đích đó, thì Chính phủ có quyền dùng và hợp thức-hóa phương tiện đó.

Bên hữu thần, chắc chắn cho luận điệu đó là vô lý, vì nếu phương tiện đã dở thì cho có hợp-thức-hóa bằng võ lực đi nữa, cũng vốn dở. Tỷ-dụ ăn trộm của để bố trí, tuy có giúp

được người, song ăn trộm khi nào lại thành phúc được? Ái tình an ủi con người trong khoảnh khắc, nhưng tự do ái tình, khi nào lại là chân chính được? Hơn nữa, bản tính con người thế, thì chỉ dù Chính-phủ có xoay chiều đổi hướng đến đâu nữa, con người thế nào, còn người không vì đó mà thôi địa vị hữu lý tánh. Đi ngược bằm tánh, khi nào lại yên ổn?

Tạm đặt các chỉ thị của vô thần— Ta thử đặt coi, Chính phủ là trọng tài của mọi sự, kết quả sẽ ra sao?

a)— Xuất ngoại Tào hóa cùng thần linh ra ngoài vòng xã hội. Tất nhiên Chính phủ sẽ dùng quyết đoán của mình, làm trọng tài mọi sự. Xấu hay tốt là tùy mình muốn. Có thể đổi trắng ra đen, công phúc ra tội tình.

b)— Như thế con người có thể dùng tự do, thay đổi cả bộ luật luân lý, Tự mình có thể ban hành bộ luật theo ý muốn. Vậy thì con người có thể hợp thức hóa tất cả những sở trường cũng như sở đoản. Những ham muốn bỉ ổi, có thể trở thành công bình và liêm chính.

Nhưng chẳng may, lúc thay thế Chính phủ, kẻ đến sau không muốn theo chính sách hiện hữu, lại đổi thay một lần nữa, thế là bao nhiêu công trở nên tội, phúc trở nên hình phạt. Và con người cũng phải đổi thay đen trắng, mà lịch sử nhân loại sẽ ghi chép những mâu thuẫn của con người không biết đến khi nào cùng.

c)— Và chẳng, nếu con người có thể trọng tài thị-phi theo ý muốn, thì hẳn con người có quyền lập tôn giáo. Và con người sẽ thờ con người ý như đấng thần linh, thì còn chi là cao trọng của tôn giáo.

d)— Bằng chứng lịch sử còn kia, Chính phủ Cộng sản vô thần đã thay đổi nhân, nghĩa, lễ trí, tín. Con tố khổ cha mà còn cho đó là danh dự. Vợ phản chồng còn cho là ngoan. Tự do san sẻ ân ái với bất kỳ ai mà cho thế là hạnh phúc. Sao vậy? Thừa vì con người đã tự phụ đứng ra làm trọng tài trong vấn đề luân lý, cho nên con người đã thay hướng đổi chiều đến chỗ thoái tình như vậy. Bao văn hóa cùng nề nếp xưa từng ngàn năm, nay trở nên lỗi thời. Rủi mà đổ Chính phủ đó, bao con người công lao, sẽ trở thành phạm nhân hết, như thế lại một phen nữa, lấy máu hồng rửa oan...

Minh chứng vấn đề— Chính phủ vô thần là Chính phủ phá hoại, đi ngược mục đích nhân dân, mâu thuẫn cùng nguyên tắc xã hội.

I) Đúng ban phá hoại— Ca dao kia rằng : « Một cây làm chẳng nên non, ba cây giùm lại thành hòn núi cao ». Mục đích con người là tìm hạnh phúc ; song đứng lẻ loi ra, không thể tự lực mưu sinh trong mọi phương diện, phải nhờ vả đến tay đồng bào chúng.

Nhưng con người chẳng may là công dân của một Chính phủ vô thần con người đó lẽ sẽ lạc đường sai lối. Vì Chính phủ vô thần sẽ không theo nhiên luật hay thiên luật mà hướng dẫn nhân dân, một hướng dẫn theo ý muốn của mình. Vậy bao quyền lợi con người xây trên nhân vị là bản tính con người, sẽ không bao giờ được đòi hỏi. Vì đã gọi là vô thần, thì đâu còn kỷ cương luân lý, đâu còn ranh giới nhân tính hiểu đẽ nữa. Thế là con người phải gát bao nguyện vọng chân chính của mình chạy theo ngoài vòng pháp luật. Còn chi phá hoại cho bằng bỏ hẳn mọi kỷ cương luân lý nữa.

II) Đi ngoài mục đích nhân dân— Mục đích của nhân dân, và nhờ Chính phủ sáng suốt tìmra những phương tiện thích hợp để theo đuổi hạnh phúc con người. Song luân thường đạo lý một khi đã không nhằm theo bản tính thì bao nhiêu phương tiện sẽ trở nên lỗi cả. Như thế con người sẽ trở nên lang thú, không còn danh dự là hữu lý tánh nữa.

Chính Voltaire một nhà vô thần, và Rousseau duy lý, cũng nhận thấy một chính phủ vô thần là tai hại vô cùng. Nên công nhận rằng thuyết của Bayle muốn xây chính phủ trên chủ nghĩa vô thần thực là vô lý. J.J. Rousseau nói : « Không bao giờ Chính phủ sẽ vững, nếu không lấy tôn giáo làm nền tảng. Còn gì minh chứng rõ rệt hơn, một khi nhân viên đảng vô thần cũng phải nhận cái tai hại của họ.

III) Đi ngoài nguyên tắc xã hội— Trong xã hội, phải có thành phần, một bên cai trị. Nhưng xin hỏi, Chính phủ sẽ lấy mãnh lực nào bắt nhân dân phục tùng mệnh lệnh ? Áp lực dùng vũ khí ru ? Thế thì còn gì đàn áp bằng ? Còn gì bắt công bằng ? Cường quyền áp công lý.

Nếu lấy danh dự, công tâm, nhiệm vụ ru ? Làm gì có những

thái độ đó. Vì bao nhiêu sự đó xây trên nền tảng luân lý, tựa vào bả́m tính con người ; song Chính phủ vô thần đã tự mình làm trọng tài thị phi rồi, thì luân lý kia đâu còn ?

Như thế con người không còn quyền lợi và nhiệm vụ nữa. Chỉ có ai khỏe người ấy thắng, ai khéo luôn lụy kẻ đó ngoan cùng công danh. Thế là khéo bịp là được rồi.

Nếu những hiến pháp ban hành đúng với nhiên luật, thì sao Chính phủ dám tự phụ là trọng tài ? Mà nếu bất hợp, thì hẳn là Chính phủ đi ngoài mọi nguyên tắc xã hội rồi.

Chả còn ác quái nào tai hại, lỗ bịch cho bằng một Chính phủ vô thần.

KẾT-LUẬN

Ai cũng có thể nhận xét rằng : Một Chính-phủ vô-thần là Chính-phủ phá hoại, vong quốc và bài trừ nhân vị.

Ngày nay chúng ta nhờ ơn Tổng-Thống, hướng dẫn Việt-Nam Cộng-Hòa bước tới đài vinh quang là độc lập, với chính thể dân chủ. Ngài lấy nhân vị làm đầu, nghĩa là Ngài muốn dắt mọi người công-dân Việt-Nam đến hạnh phúc thực của con người. Người công-dân cũng nên nhận xét mặt thực của vô-thần, và sẵn có kinh nghiệm ngoài Bắc, chúng ta nên thận trọng cần giữ giá trị của chúng ta, đừng khi nào chúng ta mò quáng theo một chính-thể vô-thần, nếu chúng ta không muốn khi nào diễn ra khuôn cảnh khủng khiếp của đồng bào Bắc ngày nay đang lâm than dưới ách Cộng-Sản.

BÀI THỨ SÁU

VỀ SỰ SÁNG-TẠO HAY HÓA-THÀNH

Bài của Linh-Mục J.B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH dòng ĐA-MINH.

Theo những lý-luận trên kia, thì kết-luận được rằng : thế-giới là một tác phẩm kỳ-khôi, không do bàn tay thợ dựng nào sáng-kiến ra được, một là bàn tay Đấng Hóa-Công. Đấng Hóa-Công đó là Chúa-lẽ Vũ-trụ này.

Ngày nay, rất ít người học-thức dám ngộ-nhân là vũ trụ là kết-tinh của vật-chất ngẫu-nhiên biến-hóa. Hầu hết nhân là thế-giới do tay Đấng Toàn-Năng sáng-tạo nên. Song hai chữ SÁNG-TẠO, có nhiều người chưa tin tưởng, còn nhận nhầm nhiều phương-diện, cho nên đây xin giải thích cho minh-bạch.

Ý-THỨC VỀ HAI CHỮ SÁNG-TẠO

Theo danh-từ, thì hai chữ sáng-tạo có thể hiểu được ba cách :

a) — một là nói trống, nghĩa là không xét đến cách thức, chỉ cần có công hiệu là được rồi. Theo ý nghĩa này, thì bao nhiêu khí-giới tối-tân được khoa học ngày nay tạo nên ; hay là những nhà kỹ-nghè, đã phát-minh ra được một vật-dụng chỉ chẳng hạn, cũng nói được là sáng-tạo nên. Mặc dầu lấy nguyên-liệu ở đâu đi nữa.

b) — ban chức thăng quyền cho một người nào, thì cũng gọi được là sáng-tạo nên như : Tổng Thống tạo nên một cơ-binh hùng dũng, hay là đào tạo nên những nhân vật trong chương trình kiến thiết Quốc-Gia.

c) — chính nghĩa sáng-tạo, là hóa - thành một vật gì, bởi không cho hẳn. Không lấy nguyên-liệu ở đâu hết, một lấy toàn năng khiến cho có sự vật, tự biên giới hư vô bước sang biên giới hiện hữu. Nghĩa là đúng với chữ sáng-tạo. Vì xét chủ quan sự vật hay là xét về khách quan, thấy đều là hư vô mọi đàng.

SO-SÁNH CHO RÕ Ý-NGHĨA

Dựng nên hay sáng tạo, thì khác hẳn với sự sinh sôi cùng nảy nở. Vì trong sự sinh sôi nảy nở, đã phải có nguyên-liệu trước đã. Như cha mẹ sinh con, cây cối sinh chồi này thì lấy nguyên liệu ở nơi thân thể dong thân. đúc thành đũa con, và cây cối thì có sẵn nguyên liệu trong hạt giống...

Cũng khác với ý nghĩa : *biến đổi*. Như biến đổi hạt gạo ra bánh trái, pha mấy yếu tố lại với nhau thành rượu. Nguyên liệu vốn sẵn có, chỉ thay đổi thôi. Song sáng tạo nên, là làm cho vật được hiện-hữu, không cần nhờ vật-liệu nào hết.

Ý-KIỆN CỦA Ô. V. COUSIN VÀ FRANCK.

Hay Ông này cho quan-niệm dựng nên cũng đồng nghĩa cách-thức như khi con người nghĩ ra được một ý tưởng nào. Mỗi khi con người suy nghĩ, là con người sáng tạo. Vậy trong sự sáng tạo hay quan niệm, thì con người làm một việc y như Tạo-Hoá làm trên vũ-trụ. Một đảng, con người sáng-kiến ra ý nghĩ, một đảng con người không lấy nguyên-liệu chi ở ngoài một lấy ở trong bản tính con người mà hóa ra ý-nghĩ.

PHÊ-BÌNH.

Hai Ông không biện-lý nhằm : vì xét về mặt chủ-quan, ai làm việc chi cũng phải dùng tài-lực mà làm. Song xét về mặt khách-quan, sự vật hiện-hữu khác hẳn với chủ quan. Như người kỹ-sư, vốn có chương - trình về nhà cửa, song nguyên-liệu như gỗ, gạch, đá với cùng nhu-cầu khác, đâu có lấy được trong bộ óc của kỹ-sư.

Về sáng-tạo thế-giới, thì hẳn là trong óc Tạo-Hóa có chương trình, có trật-lự về công việc người làm ; song sự hiện-hữu các vật, người có lấy ở nguyên liệu nào đâu, thì trước hết chưa có chi hết, còn bản tính người là thần-linh và đơn-thuần, đâu có lấy ra được mà phân xẻ cho vạn vật. Vừa lấy nghĩa này, thì ta lại nương về sự sai lầm của phiếm thần rồi.

MINH CHỨNG VẤN-ĐỀ :

Sáng tạo bởi hư vô không có chi là nghịch lý.

Một I.— Nếu sự sáng tạo nên thế giới là điều-nghịch

lý, thì nghịch lý đó chỉ có thể một trong hai lý do sau đây :

a) — Một là Tạo-Hóa không phải là toàn năng, — b) — là bản tính thế-giới có sự mâu thuẫn, không thể thu dụng được.

Song trong cả hai phía, không bên nào thấy sự phi lý. Cho nên thế-giới được sáng-tạo bởi không là hợp lý.

Câu trên đã trọn nghĩa rồi, vì chỉ một trong hai, không thể lấy mâu-thuần ở đâu nữa.

a) — Không phải là Tạo.Hóa không có toàn-năng. Trong các nguyên-nhân phải có thứ tự và cấp bậc : nguyên-nhân thứ ba thì lệ thuộc vào nguyên nhân thứ hai, còn nguyên nhân thứ hai thì lệ thuộc nguyên nhân thứ nhất. Chính nguyên nhân thứ nhất trong mọi việc hành động của mình, không lệ thuộc đâu hết. Song làm việc mà không lệ thuộc vào đâu hết, dù trong nguyên liệu, dù trong chương trình, dù trong cách thức, thế là toàn năng. Đã toàn năng như thế, thì gọi là hóa công. Nghĩa là hóa thành mọi sự.

Con người lấy lý luận mà suy sẽ thấy. Song nếu con người lấy trí tưởng tượng mà kết luận, thì không đến nơi. Dù vì con người nào cũng phải nhờ vả nguyên liệu trước đã : Như câu ca dao : Có bột mới gột nên hồ. Song đã gọi là Hóa Công, thì câu đó không còn ý nghĩa.

Bây giờ còn giúp cho dễ hiểu, là đặt ra dã sử sau đây : Một là vật.chất có trước, Hóa.công có sau. Hay là Hóa.công, có trước vật.chất có sau. Song vật chất tự hữu, là điều vô lý như đã giải thích trên kia rồi. Cho nên chỉ còn có Hóa.công đi trước. Nếu Hóa.công có trước, thì hẳn là sự sáng-tạo rất hợp lý, và không chi là mâu thuẫn.

Cũng không nên nghĩ. Thế ai sinh ra Hóa.công? Thưa, nếu ai sinh ra Hóa.công thì đã được danh từ là tự-hữu, vì tự-hữu không lệ thuộc vào ai hết. Trong các cấp bậc, phải có một không lệ thuộc vào đâu, và các vật khác lệ-thuộc vào đó mới là khái lý.

b) — Về phần thế.giới thu dụng, cũng không có chi là nghịch lý. Vì nếu nghịch lý, thì đã không có thế.giới. Cũng như tròn vuôn một trật, là điểm không bao giờ có, vì là nghịch lý. Cũng chã phải là nghịch lý, vì bởi hư vô mà thành, Vì hư

vô không thành được kết quả đối với các vật thọ sinh mà thôi, còn đối với Hóa-công, thì không có chi là trất trở. Vì Hóa-công sáng tạo trên hết mọi sự.

II. — Thế-giới hiện-hữu rồi đây. Vậy một là bởi bản-tính Tạo-hóa như con tằm rút sợi trong thân thể Nghĩa đó là nhận phẩm thân, song phẩm thân là vô-lý rồi, như đã chứng minh trên kia. Hay là bởi vật chất có từ muôn thuở. Cái đó cũng vô-lý, vì mình chứng trên kia là vật chất không thể nào có muôn thuở được.

Chỉ còn một cách là thế-giới được sáng tạo nên bởi hư-vô mọi đàng. Chỗ này là chỗ luân-lý, chứ không phải là chỗ tưởng tượng. Nên phải nhận sự sáng-tạo bởi hư-vô.

Vấn-nạn : Dựng nên bởi không là một điều không hiểu được. Cho nên là vô-lý.

Thưa : — Dựng nên không hiểu được, nếu con người lấy trí vẽ mà biến luận, thì khó hiểu mà không thể hiểu, vì hiểu thuộc lý trí, chứ không thuộc trí vẽ cùng tưởng tượng.

Vã đã là con người suy luận, theo lý trí, thì không phải hệ sự gì không hiểu được, là phủ nhận điều đó. Vì còn trẻ không suy hiểu được con đường bước của người lớn. nếu chỉ vì không hiểu mà phủ nhận việc người lớn làm là vô lý không? Có nhiều điều ta không thể hiểu được cách tích cực, nhưng hiểu được các tiêu cực.

2) — Sự sáng-tạo là bởi hư vô mà gọi sang hiện hữu, song ca dao nói : Hư vô lại là hư vô. Cho nên không thể có sự sáng tạo nên bởi hư-vô được.

Thưa ca dao không phải là không cả hay hữu lý cả. Có nhiều chỗ. Vã lại ca dao nguyên chỉ có ý nghĩa về thế-sự, chứ không phải là về Đấng vô đối được.

Với loài thọ sinh, hư vô là hư vô ; song với hóa-công, thì bởi hư vô gọi sang hiện-hữu được. Vì thế mới đáng danh từ hóa-công.

3) — Không thể nào qua được quãng vô cùng. Vì đi mãi cũng như mới xây ; song sáng-tạo nên, thì phải đi qua chặng vô cùng, vì từ hư vô đến hiện-hữu, chẳng đó không có biên giới.

Thưa : — Chẳng đó không phải là chẳng tích-cực, bên là tiêu-cực. Chẳng tiêu-cực thì sang qua được. Vì không có khởi điểm, mà bỗng nhiên đến chỉ điểm ngay.

SỰ SÁNG TẠO CÓ THỂ ỦY QUYỀN CHO THỌ SINH ĐƯỢC KHÔNG ?

Câu hỏi đây, chỉ là tổng-kết của vấn đề. Có người hiểu rằng : Quyền tạo dựng có thể ủy-quyền cho thần nhân được chẳng ? Như Ông vua trong nước, có nhiều điều ủy-quyền cho kẻ khác làm thay. Platon và Avicann đã có ý nghĩ thế và chắc ngày nay cũng có nhiều kẻ nghĩ như vậy.

Thưa : — Không thể ủy-quyền được, vì việc đó đòi sự phép tắc toàn-năng, mà toàn năng thuộc bản tính riêng biệt Đấng Tạo-hóa. Tạo-hóa không thể ủy quyền đó được, cũng như Tạo-hóa không thể bỏ mất địa vị Tạo-hóa, thì loại thọ sinh không khi nào được đến địa vị hay danh-từ Tạo-hóa nữa. Trong nước có nhiều Ông vua hay Tổng-Thống ủy-quyền được song có cái không dùng kẻ là thoái vị.

Hỏi : — Sáng tạo nên thế giới có phải là điều bó buộc ?

Trong những người theo thuyết Duy-lý, rất có nhiều kẻ nhận rằng : Tạo-hóa bó buộc phải dựng nên Thế giới, chứ không phải là việc thông dong. Họ tui vào lẽ sau đây : Là sự tốt, thì phải buộc phải thông qua sự tốt ra ngoài, cũng như lửa phải nóng, dốt và sáng nữa vậy. Vậy Tạo Hóa là Đấng tốt lành, tất nhiên việc thông ra sự tốt cho vũ trụ là điều bó buộc. Mà vị Tạo Hóa có muôn thuở cho nên Thế giới này cũng đã phải có tự muôn thuở rồi. Những ông nói thuyết trên đó, là những sau đây : Aémilien Samsset, V.Cousin, Robinet...

Lại có những người, tuy không chối sự thông dong của Tạo-hóa, khi dựng nên Thế-giới ; song họ đặt ra một nguyên-tắc cũng làm giảm quyền toàn năng của Chúa, và rả như cũng không được. Tự-do là chọn. Nghĩa là nói ; khi Tạo-hóa làm việc cũng như phải chọn cái gì hoàn-hảo mà làm y như con người ai cũng tính cái gì là tốt hơn mới làm. Vậy thì Thế-giới này phải là tuyệt-đối rồi và không có lý-do chi mà Tạo-hóa lại không làm điều tốt hơn. Ông nói như vậy là Leitnitz, Woff....

Cũng có kẻ nói : Thế-giới này còn biến hóa nhiều chưa ngừng, cho nên cũng chưa biết có phải là tuyệt đối. Ông nói như vậy là Bouillier, Julien, Sinon ..

Minh chứng :— Việc sáng tạo nên Thế-giới là việc thông dong của Tạo-hóa. Arg) Nếu sự sáng-tạo nên Thế-giới có phải là việc cần thiết, thì sự cần thiết này một là do bản tính Thế-giới mà có hai là bởi bản tính Tạo-hóa. Song xét cả hai phía, không đâu thấy có sự cần thiết. Cho nên Thế-giới là một công việc do sự thông dong của Tạo-hóa.

Arg 1) Nếu sự sáng tạo nên Thế-giới có phải là việc cần thiết thì sự cần thiết này một là do bản tính Thế-giới mà có hai là bởi bản tính Tạo-hóa. Song xét cả hai phía, không đâu thấy có sự cần thiết. Cho nên Thế-giới là một công việc do sự thông dong của Tạo-hóa tạo nên.

Tiền đề đã được đủ nghĩa. Vì chỉ một trong hai, không đâu nữa, **Bản tính Thế-giới**. Như trên tôi đã minh chứng, thế-giới là một sự vật hoàn toàn tùy tùng, vì xét hết mọi thành phần, không thấy một phần nào là cần hết. Nếu không một phần nào cần hết, thì tổng hợp lại cũng là một sự vật không cần.

Về bên Tạo-Hóa khi làm việc gì cần là khi người ta làm để theo đuổi mục đích Hạnh-Phúc của người ta. Song Tạo-Hóa đã là đấng tự hữu, thì người là hạnh-phúc cho người, thọ sinh không đem lại Hạnh-Phúc gì. Vì nguyên một danh từ tự hữu đủ minh chứng người hoàn bị vô cùng rồi. Ngoại vật không thêm chi hết. Nếu không thêm chi hết, thì việc sáng tạo nên Thế-giới cùng vạn vật là dấu thông dong.

Xét về mặt trí tuệ vô song của Tạo-Hóa, thì chương-trình Thế-giới này chưa cần xứng với người. Vì đã là vô cùng thì sáng kiến được bao nhiêu vật khác tốt đẹp hơn.

Xét về toàn năng: Dựng nên thế-giới này cũng chưa cạn mất quyền phép của Tạo-Hóa. nếu cạn rồi, thì đâu gọi được là vô cùng. Mà Tạo-Hóa phải là Đấng vô cùng trong mọi phương diện mỹ hảo.

Tạo-Hóa ban được cho con người phạm trần có thông dong, thì sao khi Tạo-Hóa làm việc, lại không có thông dong. Việc gì thuộc nội tính của Tạo-Hóa, thì đó là cần thiết hết

vì người là Đấng cần phải có, vì tư hữu. Song việc làm ngoài bản tính người, thì là việc thông dong hết.

Vấn nạn : 1) Việc Thiện, điều tốt, thì cần phải phổ thông ra. Song Tạo Hóa bản tính là Tốt. Cho nên phải thông ra cho vạn vật. Vì thế dựng nên là cần.

Thưa : Bản tính đều tốt, cần phải trong ra, tùy cơ và thông dong thì có nghĩa. Còn cần phải thông ra, và luôn luôn mãi mãi thế, thì không đúng. *Le bien est communicable*. Vậy tiếng *communicable* đủ rõ là tùy nghi, chứ không bó buộc.

2) Tạo Hóa là căn nguyên, và căn nguyên có tự muôn thuở. Dĩ nhiên Thế giới vì là công hiệu cũng phải có tự muôn thuở, như thế là cần thiết rồi.

Thưa : Có thể là căn nguyên từ muôn thuở, song đặt công việc làm ở trong thời gian. Thí dụ ngay từ bây giờ, ta đặt chương trình cho một việc năm đến. Nhưng đó chỉ là chương trình, còn khi nào thời gian đến, ta sẽ hành động. Đó tỏ rõ thông dong của ta. Về tạo hóa cũng vậy.

3) Thông dong là hệ tại (*Indifférence*) trung lập không thiên hướng bên này hơn bên kia. Song Tạo Hóa không phải đứng Trung lập, vì tình cách Trung lập tỏ ra một sự chưa có lập trường cho hẳn mà đó là thiếu suy nghĩ chín chắn. Cho nên sự sáng tạo nên Thế giới không có thông dong.

Thưa : Có thứ hai trung lập, là một trung lập thụ động hoặc bị bên này bên kia cũng được. Hai là trung lập hành động, hoặc làm việc hay việc khác tùy nghi. Trong Tạo Hóa không có sự trung lập thụ động song có trung lập hành động.

4) Ai làm việc, cũng cần phải có đủ lý do, nếu đã đủ lý do mà làm, thì việc đó suy hơn ttuh thiết lại nhất rồi. Cho nên Thế-giới này là nhất, và bắt buộc Tạo Hóa phải làm như vậy (lẽ này của ông *Leitnib*).

Thưa : Ai làm việc cũng đủ lý do, theo chương trình tiền định của mình, như thế là công việc hoàn bị theo chương trình đó chỉ là tương đối. Vậy Tạo-Hóa, cũng tạo nên Thế-giới theo chương-trình của người, cho nên Thế-giới là hoàn bị theo tương đối.

Còn vì nhẽ đó mà bắt buộc, thì không nhằm lý. Vì việc gì

bắt buộc, thì việc đó phải là việc thuộc phạm vi tư bản tính ; song thế-giới không thuộc bản tính của Tạo Hóa. Cho nên là việc thông dong. Mà vì có thông dong, mới có chương-trình định đoạt.

BAY THỨ BẢY NHỮNG VẤN-ĐỀ DUY-LINH.

Bài của Linh-Mục J. B. Trần-mục-Đích

Dòng Đa-Minh

Duy-Linh đối chiếu với duy vật. Theo thuyết duy vật, thì không có một vật nào gọi được là linh thiêng, mặc dầu hồn của nhân loại. Vì họ cho hồn đó chỉ là kết tinh mỹ lệ cùng hoàn bị hơn nữa sức biến hóa vật chất. Như vậy không nhận có thần, và cũng không nhận Chúa tể trong vũ-trụ.

Có duy-linh nhận có hồn thiêng, có thần thánh và có Tạo-Hóa. Vấn đề này chia làm 4 mục sau đây :

- I. — Bản tính và nguyên thủy linh hồn.
- II. — Mọi tương quan giữa hồn và xác.
- III. — Độc nhất bản thể linh hồn.
- IV. — Trụ sở của linh hồn.

I. — BẢN TÍNH VÀ NGUYÊN THỦY CỦA LINH HỒN.

Mấy khái niệm :

a) — Tất cả các loài thọ sinh đều có bản tính riêng biệt, giống nào thứ ấy. Song bản tính có thứ gọi là bản thể (substance), có thứ gọi là phụ thể (accidentiel), Tỉ dụ bản tính sức vải là một khối vải đứng biệt lập được, song bản tính màu sắc là phải phụ vào tấm vải hay là vật chi đó. Vậy cái gì đứng riêng biệt được phải gọi là bản thể. Bản tính là cái gì làm cho vật này hay vật nọ có đặc tính phân tách với các cái khác.

b) *Chia bản thể* : Bản thể chia làm thứ trọn hay là không trọn (complète hay incomplète). Có thứ trọn về hai phương diện là thực thể (substantialité) và chủng loại (espèce), như các

Thần. Có thứ trộn về thực thể, song không trộn về trủng loại, như người ta. Và một người có thực thể riêng ; song mỗi người không có thể nói được là cả nhân loại đó. Có thứ không trộn về cả hai phương diện thực thể và loại giống. Như hồn các giống vật và cây cối. Vì tách ra khỏi thể xác, hồn đó không đứng vững, tan ngay, và mỗi hồn đó cũng không phải là bao hàm được cả nòi giống, vì thế gọi là vật Bản thể lại chia ra : thứ thì đơn thuần, thứ thì hợp thể (simple et composé) như cái nhà là hợp thể, còn hồn là, đơn chất.

Bây giờ cần xét trước hết, hồn không phải là phụ thể mà là bản thể (substance).

Các ý kiến : Ông Platon có quan niệm về hồn là một hợp thể của các con số, cấu tạo với nhau bằng một hòa điệu kỳ khôi. Vì ông ta cho tất cả các tính chất của các vật khác chẳng qua cũng chỉ là do con số xếp đặt khác nhau mà thành, còn hồn thì có sự hòa điệu hơn. Ông ta mê về toán lý, nên cái gì cũng quy về toán cả.

Ông Pitagore cho hồn là con số tự động. Ông Démocrite và Héraclite cho hồn là yếu tố hỏa lực. Ông Critias thì cho hồn là huyết chất, Ông Diogène cho hồn là khí chất. Ông Hippon thì cho là thủy lực. Ông Aristoxene thì cho hồn là dùng hòa của ngũ hành.

Theo những thuyết thực nghiệm hiện đại thì có nhiều kẻ cho hồn người ta chỉ là một mớ hiện tượng (une collection de phénomènes). Ông Wunt và James nói thế... Ông Taine, ông Condillac cũng đồng ý như vậy.

Ông Descartes và Maine de Biran, muốn gây một phản ứng chống duy vật, thì hai ông quá nên hai chữ *Hữu-lý* trong con người, nên hai ông cho hồn là một nghị-lực luôn suy tưởng (force de pensée).

Còn duy vật chối hữu lý tánh trong hồn, mà cho là sức hành động của vật chất : nghĩa là hồn chỉ là một tập hợp của các sinh lực hoá học và lý học. Bao hành động trong con người thuộc phạm vi tâm-lý, họ chỉ cho là cuộc bài tiết của bộ óc thôi. Chung quy, họ không nhận hồn là một bản thể. Ông Btit-

chner, Aug. Comte Moleschott, Littré, và toàn thể những kẻ theo thuyết Karl Marx và Engels ngày nay,

Luận đề I: HỒN KHÔNG PHẢI LÀ PHỤ THỂ, MỘT LÀ BẢN THỂ TRỌN VÀ ĐƠN THUẦN.

Không phải là phụ thể: Hồn trong người là một nguyên nhân xây dựng con người, riêng tách con người khỏi mọi vật khác trên thế giới, và là chủ động mọi hoạt động trong con người qua một thời gian cùng tuổi.

Song nguyên nhân đó không thể nào là phụ thể được.

Cho nên hồn con người phải là bản thể.

Câu tiền đề nghĩa đã rõ rồi, không cần minh chứng. Song câu thứ hai minh chứng thế này :

Hồn con người chỉ có một trong hai là : nếu không phải bản thể thì là phụ thể ; nhưng nếu là phụ thể, thì ra con người chỉ khác con vật một cách tùy tùng, còn bản tính là đồng nhất. Thế là vô lý quá : vì loài người vô tri chỉ phân biệt với loài hữu lý bằng ngoại trạng thôi. Không ai nhận điều đó.

II)— **Maj.** Ai cũng phải nhận, khi ta suy tưởng hay ước muốn là bởi hồn chứ không bởi xác. Vậy thì mọi việc đó chủ động là hồn.

Mineur. Nhưng nếu hồn không là bản thể thì hồn dựa vào đâu mà vững. Dựa vào xác.—Không, vì suy tưởng không phải xác rồi. Thế ra phải nhận có những hoạt động mà không có chủ thể, thực là vô lý.

Concl. Cho nên kết luận hẳn là bản thể và là chủ thể trong mọi hoạt động về tâm lý con người.

III)— Không thể nói hồn là một bó hiện tượng. Vì Maj. hiện tượng là phụ thể hết và biến chuyển.

Min. : song phụ thể tự nó đòi hỏi phải có chủ thể để tựa.

Concl. : cho nên hồn không phải là bó hiện tượng.

IV)— Tôi có nhân vị cùng bản ngã là tại tôi có hồn (sau sẽ minh chứng).

Min. : song bản ngã tôi và Nhân vị tôi bất di bất dịch, còn hiện tượng biến chuyển luôn.

Concl. : cho nên hồn tôi phải là bản thể tự lập, đứng riêng biệt.

Luận đề II HỒN CON NGƯỜI LÀ BẢN THỂ KHÔNG TRỌN VỀ LOẠI, GIỐNG

Minh chứng : Bản thể không trọn về loại giống ; là bản thể phải hợp với một yếu tố thành phần khác mới thành bản tính.

Min. : song hồn con người riêng biệt, không kể là người và xác riêng biệt cũng vậy. Cho nên bản tính loài người đòi phải có cả hai bên : Xác và Hồn.

Concl. : thế là hồn chỉ là bản thể trọn về phương diện thực thể, song không trọn về loại và giống. Vì thế con người định nghĩa là : con vật hữu lý tính (animal raisonnable).

Giải thích : Bản thể nào đã trọn về phương diện bản tính rồi, thì không thể kết hợp cùng các yếu tố khác mà làm thành bản tính thứ hai nữa, và cũng không bao giờ thành chủ thể chung với một bản tính khác thí dụ cây cối đã thành một bản thể riêng biệt rồi. thì không thể nào chung với một vật nào khác như viên đá, mà thành được nhất thể bản tính nữa. Chỉ có thể kết hợp một cách tùy tùng, song không trở nên bản tính được nữa.

Cũng một lý do đó, nếu hồn con người là bản thể trọn, về loại giống rồi, thì không thể kết hợp cùng xác mà thành con người nữa. Như vậy, vì đã trọn bản tính rồi nên không thể kết hợp cùng xác để làm nên bản tính thứ hai.

Luận đề III HỒN LÀ MỘT BẢN THỂ ĐƠN THUẦN

Khái niệm : Đơn thuần đối chiếu với hợp thể, nhưng hợp thể có ba cách.

a) — Hợp thể thuộc bản tính, thí dụ thể mô (forme) và thể chất (matière) hợp với nhau thành một bản thể. Như hồn và xác hợp với nhau thành con người.

b) — Hợp thể cách hoàn phần (intégral), nghĩa là không làm thành bản tính. song làm cho sự vật được trọn vẹn và hoàn bị hơn. Thí dụ tóc, tuy không thuộc bản tính con người, song có thêm bộ tóc vào, con người đẹp hơn. Kéo sợi mất vẻ đẹp.

c) – Hợp thể cách thứ ba, là hợp các sự phụ thuộc, thí dụ nước da. . . . đạo đức cao hay thấp v.v.

Đơn thuần : là không có hợp thể nào hết, không có thành phần. Theo triết học, vật nào càng đơn thuần, vật đó càng trọn : vì một mình đã đủ trọn làm nên bản tính và hành động, không lệ thuộc vào đâu hết. Và lại vật nào là hợp thể, thì vật đó phải có sau các thành phần, như thể thiếu yếu tố tự lập, một phải dò nguyên nhân khác tác thành cho.

Đơn thuần trong mọi phương diện, thì chỉ có Tạo Hóa, vì người tự hữu, không phải bởi một tay nào, và không có nguyên liệu nào cấu tạo nên người, vì danh từ Tạo Hóa, là phải có trước hết.

Chú ý : Không nên lẫn đơn thuần với thiêng tính. V có cái đơn thuần, mà không thiêng tính như : hồn các giống vật. Lý do vì nó là thể mô cho giống vật, song thể mô không bị ghép phần bao giờ, nó phải là đơn chất. Nhưng hề cái gì là thiêng tính, cái đó cũng là thể mô, cho nên phải là đơn thuần.

HỒN LÀ ĐƠN THUẦN (theo nghĩa thứ ba)

Minh chứng : 1) Hồn là thể mô cho xác con người. (Mineur) Song mọi thể mô không có thành phần. (Conclusion) : Cho nên hồn cũng không có thành phần.

Câu Majeur : đúng rồi, không cần giải thích. Câu Min. giải thích : bản tính nào cũng không chi phối được, song sự làm nên bản tính là tại thể mô. Nếu bản tính không chia được, là vì thể mô không chia được, nó là đơn thuần rồi.

Đặt một câu giả sử cho dễ hiểu : giả sử hồn là hợp - thể bằng hai phần A và B. bây giờ luận thế này : Thể mô là nguyên nhân chính trong con người cũng như con vật, làm thành bản tính và làm cho sự sống. Vậy nếu A là thể mô rồi, thì B phải đứng ở ngoài. Nếu B, thì A phải đứng ở ngoài. Nếu cả hai A và B, thì phải luận thế này : cả hai là nguyên nhân cả, thì cả hai là hồn riêng biệt, lúc đó trong con người có hai hồn. Nếu một là actif thì bên kia là passif. Nhưng thể mô trong các vật bên actif. Nếu nói cả hai mới thành thể mô, thì cả hai không là thể mô. Vì thể mô làm nên bản tính mô bản tính

không chia được. Nên lấy hai phần, thế là chia được rồi. Vậy xoay đàng nào, hồn cũng là đơn thuần.

II) Việc làm tỏ ra bản tính, vì tính làm sao, thì hành động như vậy. Min : Song hồn nhân loại hiểu biết các vật đích đơn thuần. Trước hết nó hiểu chữ đơn thuần là gì, sau lại hiểu tất cả những điều đơn sơ như : nhân đức, hiểu các thần v. v.

Conclusion : cho nên hồn là hợp thể hay có thành phần thì không tài nào hiểu được như thế.

III) Đặt giả sử : Tạo hóa hay là nhân đức công bình là vật đích sự hiểu của chúng ta. Thiên Chúa cũng là đơn thuần và nhân đức cũng đơn thuần. Min. Nếu hồn ta là hợp thể bởi A và B, nếu cả hai hiểu về vật đích đơn thuần kia trọn, thì ra trong con người có hai hồn, là điều lương tâm không chứng vì bản ngã luôn luôn thống nhất mọi hành vi con người. Nếu cả hai hợp nhau mà không hiểu thì chẳng phần nào là hồn hết. Bằng một bên hiểu một bên không, thì bên hiểu kia mới là hồn, còn bên kia không phải là hồn,

IV) Nếu hồn có thành phần toàn thể (intégral) thì ta đặt giả sử sau đây. Ví tựa như tờ giấy, to nhỏ mặc dầu, nhưng khi gấp lại thì gốc này chạm đến gốc nọ. Cả tờ giấy không thể thu gọn trong một gốc, và một gốc không thể bao hàm và lan tỏa ra trong tờ giấy. Vì phần nọ ngăn trở phần kia, không thể thu nhập ; nhau được.

Min : Song trong sự hồi tưởng của hồn, hiểu tất cả hồn, cùng hiểu các việc hồn làm (có réflexion complète sur ses actes et sur elle même). Conclusion : cho nên hồn phải là đơn thuần.

Vấn nạn : 1) Cảm giác là một hoạt-động của các giác quan Min : Song nếu là hoạt động của giác quan, thì cần phải có sự xúc tiếp từng phần. Mà xúc tiếp từng phần, đó rõ là hồn không phải đơn thuần rồi.

Thưa : Cảm giác tuy phải qua ngũ quan là chủ thể, song nguyên nhân căn bản là tại hồn, song hồn làm chủ sự sống, cho nên ngũ quan mới cảm giác ? Ngũ quan thì xúc tiếp từng

phần, vì là hợp thể cho phần, có trường khoát, song động cơ là hồn không có phần.

2) Biết bao người chối sự đơn thuần của hồn. Cho nên hồn là hợp thể.

Thưa : Có thể chối vì không hiểu, đó là thiếu nền học. Hai là chối vì cố chấp, đó là thiếu thiện chí. Cả hai không nên đủ lẽ mà phủ nhận. Và lại triết học là cần phải suy luận chứ không phải là đưa ra những tưởng làm minh chứng được Triết học thuộc lý trí không thuộc trí về.

3) Hồn đơn thuần không thể đóng trụ sở trong xác vật chất được, cũng không thể chiếm hết mọi chỗ được. Min : song kinh nghiệm cho hay, là ở trong xác như là trụ sở, và còn đóng chiếm hết mọi chỗ. Concl. Cho nên hồn không phải là đơn thuần.

Thưa : Có hai thứ đóng chiếm : một là đóng chiếm theo ranh giới của vật chất, nhà tôi đang ở trong chốn này bây giờ chẳng hạn. Hai là đóng chiếm theo quyền lực, thì không cần phải theo ranh giới vật chất. Thí dụ : quan niệm hay một lý tưởng nào, nó chế ngự trong con người hướng dẫn cả mọi hoạt động trong con người, song quan niệm không ở gót chân hay mắt cá đầu, cũng chẳng ở hăng như trong trụ sở trong một cơ quan nào.

Tổng-Thống ở một nơi song, quyền hành lan tràn khắp nước, chỉ huy mọi sự, tuy không trực tiếp với mọi tầng lớp. Vậy hồn là thể mô, đem bản tính cùng nguồn sinh lực cho con người không có nghĩa như là nước tràn lan khắp thân thể đâu. Bản tính ở khắp trong con người, mà không ở gọn trong một phần nào, cũng không chia được.

4) Xác con người là xác có diện tích và có phân lượng. Min : Nếu hồn xúc tiếp với xác, thì cũng phải có diện tích và phân lượng. Như thế là hồn có hợp thể, không là đơn thuần nữa.

Thưa : Xúc tiếp theo diện tích thì thuộc về loại có diện tích song xúc tiếp theo nghị lực (Puissance et vertus) thì không còn diện tích, như đã giải thích trong vấn nạn trên.

5) Song đây có bằng chứng là sự xúc tiếp giữa hồn và xác là theo phương diện diện tích và phân tích, Vì nhiều khi xác

không thi hành nổi mệnh lệnh. Như hồn đã nặng, con người sĩ tay mà không nổi.

Thưa : Cái bất lực kia ở tại cơ quan, mà cơ quan là thể xác, nên có chừng. Còn nghị lực ở hồn phát ra thì không có chừng. Cũng như tài của tay thợ, cũng không thể chước được dụng cụ. Bút chỉ không vẽ nổi v.v...

Quan niệm tổng quát : Cho đến ngày nay, trong thân xác ta và trong gióc cuộc đời ta, trải qua bao biến chuyển rồi, song ta thấy bản ngã ta vốn là một, và lương trí ta cũng là một. Nếu là hợp thể, thì không tài nào ta thấy nhất thể bản ngã được. Bao quyền lợi của nhân vị xây trên bản ngã này, nếu bản ngã biến suy, thì quyền nhân vị cũng trôi chảy. Song nhân vị con người không thể biến suy được. Vì thế chính sách Cộng sản nhâm nhẹ tước quyền nhân vị của con người không thể biến suy được. Vì thế chính sách Cộng-sản nhâm nhẹ tước quyền nhân vị của con người, mà gán vào Chính-phủ Đảng của họ, thực là sai lầm cả thể.

Nên chú ý : Khi ta nói hồn là đơn thuần không có nghĩa là chối hết mọi năng lực tiềm phần (parties potentielles), vì những cái đó như là cố hữu (propriété) của hồn ta thường gọi là tam tư. Cái này không phải là thành phần, một là quy kết của bản tính của hồn mà thôi. Sau tôi sẽ thuyết trình về tam tư của hồn.

BÀI THỨ TÁM

HỒN LÀ THIÊNG TÍNH

CẮT NGHĨA NHỮNG DANH TỪ— Có ba danh từ người ta thường dùng để chỉ những thiêng tính một vật chỉ : Vô hình vô thể (incorporel) hư linh (immatériel) và vĩnh cửu sinh tồn (subsistant).

a) *Tiếng Vô-hình vô tượng* (incorporel) một đôi khi cũng chỉ vật thiêng tính ; song nghĩa đó không được sát lắm, vì nó thuộc thời gian và không gian. Hồn của các sinh vật cũng thuộc loại vô hình này.

b) *Tiếng hư linh* (immatériel) siêu vượt vật chất, và có nghĩa thiêng tính. Đôi khi ta cũng dùng nghĩa đó chỉ những cảm tưởng vô hình. Nghĩa này cũng chưa được sát nghĩa cho lắm.

c) *Tiếng vĩnh cửu sinh tồn* (subsistant) nghĩa là đứng được một mình mặc dầu sau khi chia lìa thân xác. Nghĩa này riêng chỉ những bản thể không lệ thuộc vật chất trong việc làm và cách ở (manière d'être). Nghĩa này đúng nghĩa thiêng tính. Nghĩa này mới đáng gọi là linh thiêng (spirituel) Trong mục này sẽ minh chứng hồn là linh thiêng thuộc nghĩa thứ ba là : spirituel và subsistant.

CÁC Ý KIẾN: Phủ nhận vấn đề là những người đứng trong duy vật phái. Trong có thời có Ông Democrito, Heraclite, Epicure, Lucrèce và nhiều người trong phái Stoicien. Trong kim đại thì có những Ông : La Mettrie, d, Hobach, Cabanis, Bucher-Moloschott, Vogt, Positivistes.

Hiện tại tất cả những người theo Công sản vô thần và duy vật. Cho được hiểu rõ thiêng tính, thì ta nên phân tách các cấp bậc về vật chất, và cấp bậc vô thiêng tính.

CÁC CẤP VẬT CHẤT CÓ BA CẤP : a) tất cả những gì lệ thuộc về lượng khối (quantité) như tất cả những cái gì có trường khối, sâu, rộng v.v... cấp này đứng hạng bét của vật chất. b) Cấp thứ hai là tùy cách ở, thì lệ thuộc vào vật chất song cách làm việc có chút vượt tầm vật chất như các sinh hồn cây cối. c) Cấp thứ ba là tùy có thuộc vật chất trong cách ở, song trong hoạt động, xem ra muốn thoát hẳn vòng vật chất, có

chút thông dong như : giác hồn các giống vật. Vậy thì khoáng vật, thực vật và động vật đều thuộc loại vật chất.

Các cấp linh thiêng cũng có ba cấp : a.— Cấp thứ nhất không lệ thuộc vật chất trong cả cách ở cùng cách làm việc, song phải kết hợp cùng vật chất để thành một bản tính trọn. Cấp này là linh hồn nhân loại. Biệt lập khỏi thể xác, linh hồn còn sinh tồn, và khi ở trong xác có nhiều việc không cần đến xác. Đây là hạ cấp về thiêng tính. b) Cấp thứ hai là các thần cách sống và cách làm việc biệt lập hẳn thể chất, và không kết hợp cùng thể chất để thành bản tính, vì đã có bản tính trọn rồi. Cấp này tuy không có xác, song có những tiềm thế lực, nên cũng chưa trọn, vì việc làm còn khác với bản tính. c) Cấp thứ ba là cấp tuyệt đối: Riêng chỉ có Tạo Hóa. Người là Thần Linh và là tuyệt đối trong hành động gọi là **acte pur**, không phai phối thí gì về potentialité tiềm lực, Vì bản tính Ngài cũng là sự hiện hữu của Ngài. Việc làm và bản tính là một.

Luận đề : HỒN CỦA CON NGƯỜI LÀ THIÊNG TÍNH NÊN GỌI LÀ LINH HỒN

Minh chứng : I) Maj. Việc làm biểu lộ bản tính. Min song hồn con người có nhiều việc vượt chỗi hẳn tầm vật chất. Concl. Cho nên hồn con người là thiêng tính.

Câu tiên đề đã đúng rồi, vì bản tính làm sao, hành động làm vậy.

Câu Mineur : Những việc vượt vật chất là : suy luận và ước nguyện, trong suy luận có sự hồi tưởng, mà trong sự hồi tưởng thì chủ thể phải lộn lại và thấu nhập vào chính việc của mình, là một việc vật chất không sao làm được, như trên đã cắt nghĩa rồi. Còn ước nguyện là thu hết điều mong muốn vào thâm tâm con người và cũng vươn mình trong giây phút vượt qua bao ngàn dặm, và không lệ thuộc không gian hay thời gian, đó là việc vật chất không sao làm được.

II)— Trong khi luận lẽ, con người trao đổi cho nhau những ý kiến vô hình, vô tượng, in ghi trong thâm tâm nhau những mối tình siêu việt lại nhiều khi con người bình luận về những vấn đề siêu hình, thiêng liêng.

Min. Song hiệu quả không được vượt căn cứ. Công việc

là hiệu quả. Concl. Cho nên hồn phải là thiêng tính, thì mới có những hiệu quả thiêng liêng như thế,

III)— Tất cả những vật hữu hình ở ngoài vũ trụ, thì là vật chất, thế mà khi ta hiểu, ta làm cho thành trừu tượng đời nên những quan niệm siêu hình rồi mới hiểu. Như thế chủ thể làm sao, hành động thế ấy.

Min : Nếu hồn con người không phải là thiêng tính, thì không thể nào hiểu một cách trừu tượng thế được. Concl. Cho nên hồn là thiêng tính.

IV)— Theo câu ca dao : còn người làm sao, chiêm bao làm vậy. **Min** : Song hồn ta tự nhiên hướng chiều về những vật đích thiêng tính hơn như : chuộng nhân đức, thích thanh danh mong muốn trường tồn, nhiều khi trọng đức khinh tài v. v. luân lý tôn giáo v.v...

Concl : Nếu hồn ta không là thiêng tính, thì không sao giải được những thái độ đó.

V)— Ba công việc thường nhất của con người. làm, cũng đủ minh chứng hồn thiêng của con người. Ba việc đó là : Apprehension (lĩnh hội tư tưởng) phán quyết (judgement), và luận lý (raisonnement).

Min : Song việc nào cũng là siêu việt cùng thái độ vật chất.

Concl : Cho nên hồn con người là thiêng tính.

VI)— Kinh-nghiệm cho ta hay, con người càng chìm đắm trong vật chất, càng khó hiểu về tinh thần. Câu này thiếu cả nghĩa bóng cùng nghĩa đen. Sách nói rằng: phạm đại vô tri. Ăn nhiều không học được. Và người mê đắm về tiền tài sắc dục gian tham, thường là những con người thiếu tinh thần. Như thế rõ tinh thần phải xa vật chất. Con người không bị vật chất vùi thì tinh thần người đó càng minh mẫn. Thế là dấu hồn con người là thiêng tính.

Sự công nhận : (Confirmation) có nhiều việc ngũ quan xem thì khác, mà lý luận con người thì khác. Giác quan xem hiệu quả, mà hồn đoán ngay ra căn cứ. Những sự xảy ra hiện tại đoán tương lai, Nhìn về quá khứ. Đó là những điều vượt hẳn tầm vật chất.

VII) — HÌNH CHUNG THEO SỰ THIẾU SÓT CỦA CƠ QUAN.

Theo duy vật, thì bao nhiêu công việc tinh thần của con người, chẳng qua chỉ là bài tiết của bộ óc.

Min : Song nếu có phải là bài tiết của bộ óc, thì sự suy luận phải theo phẩm và lượng của bộ óc. Nhưng bao hoàn cảnh ngược hẳn với lý luận này.

Concl : cho nên lý luận như thế không đúng.

Vì chẳng phải là bộ óc lớn hay nhỏ, là thông minh trí tuệ. Biết bao kẻ thông minh mà bộ óc bé teo. Cùng bao người đầu to mà đại, cùng ngu dốt. Phụ nữ nhiều người bộ óc to hơn nam giới, thế mà về siêu hình học cùng cách suy luận vốn không theo kịp nam giới.

Nhưng nếu sự tư tưởng không phải là thiêng hình, một là sự bài tiết của bộ óc, thì người ta có thể cân lường được. Song chẳng thấy ai cảm được quan niệm và tâm nảo con người. Thế rõ là hồn con người không phải là vật chất, mà là thiêng tính.

Vấn nạn : 1) — Ngày nay khoa học đã đo lường cường độ sự hoạt động của con người (intensité). Nếu thế là vật chất rồi.

Thưa : Trong những trường hợp đó, họ chỉ có thể minh chứng ngoại trạng theo sinh lý học mà thôi. Vì giữa hồn và xác có sự liên đới chắc chẽ nên ảnh hưởng lẫn nhau. Song chính sự suy luận con người cùng ý chí không thể nào đo được.

Theo các nhà sinh lý học (physiologistes) thì bộ óc con người phải lệ thuộc vào những định luật của sinh lý, của nghị lực. Điều đó chúng ta cũng công nhận. Song họ thú nhận là không thể nào phủ nhận được một sự hiện hữu thiêng hình ở trong con người. Đây là lời của ông Mosso, trứ danh trong làng sinh lý học : « Si l'on demande à un physiologiste une preuve irréfutable de la non existence, dans le cerveau, d'une force immatérielle, IL NE PEUT PAS LA DONNER (trích trong J. SOURY, le système nerveux central page 1276).

Dưới đây là lời công nhận của Bossuet, văn hào tư danh của Pháp : « J'ai remarqué en moi même une force supérieure au corps, par laquelle je puis l'exposer à une certaine ruihe, malgré la douleur, et la violence que je souffre en l'y exposant. Trích trong Connaissance de Dieu et de soi-même).

VIII) — MINH CHỨNG THEO CỨU CẢNH.

Nếu hồn nhân loại không phải là thiêng tính, thì hẳn những của phù vân thế tục, đủ làm thỏa mãn con người.

Min : Nhưng sao không thấy người nào được thỏa mãn trên trần đời ».

Chứng lý của Thánh Thomas : Cho được biết những vật nào thì cần trong bản tính kẻ biết không có vật ấy thì mới biết được (cũng như chan chứa đầy sự gì, thì không thể nhét vật khác vào đó được ; hay như cuộn film muốn chụp được hình ảnh, thì film đó phải là âm bản (négatif).

Min : Song linh hồn chứa hết mọi sự vô vật chất trên Thế giới này.

Concl : Cho nên là dấu trong linh hồn con người không có vật chất, một là thiêng tính, thì mới có thể chứa được bằng ấy khoa học và sự vật. Cũng như con mắt, không có màu sắc nào trong đó, thì mới có thể xem được các màu.

Vấn nạn : 1) Việc riêng biệt của hồn là hiểu biết. Song cho được hiểu biết, thì cần phải có bộ óc Concl. Cho nên lệ thuộc, bộ óc, tức nhiên thuộc vật chất rồi.

Thưa : Cần tiền đề đúng. Song câu thứ hai phân giải như thế này : lệ thuộc có hai thứ a) — một là lệ thuộc theo tính nội bản và chủ quan (intrinsèque et subjective) : b) — hai là tính cách extrinsèque ngoại bản và dùng óc như trợ lực.

Linh hồn không lệ thuộc bộ óc theo tính cách nội bản và chủ quan, một lệ thuộc tính cách ngoại bản và dùng óc như trợ lực. Ngũ quan cũng như bộ óc, chỉ dùng làm nội ứng thông báo các vật ngoại cảnh. Rồi lý trí con người đổi thành các vật nên trừu tượng, rồi mới hiểu.

2) Cái gì lệ thuộc vào thời gian, cái đó là vật chất. Min : song lý trí lệ thuộc vào thời gian ; là vì có kẻ chậm hiểu có kẻ chóng hiểu. Cho nên hồn con người là vật chất.

Thưa : Chậm hiểu hay chóng hiểu đây, không là việc lý trí, một là tại ngũ quan dùng làm nội ứng thông báo một cách chậm quá, cho nên lý trí chưa nhìn thấy sự vật. Dấu là kẻ nào càng cận chí về kẻ đó chậm hiểu, người nào càng nhanh trí về thông báo cũng nhanh, cho nên việc hiểu nhanh chóng.

3)— Việc làm và vật đích phải tương đương nhau. Min : song vật là những vật hữu hình, vật chất. Concl : cho nên lý trí con người là vật chất.

Thưa : Trong vật đích chúng ta hiểu, phân ra làm hai : những cảm giác do ngũ quan trình bày, thì là hữu hình, song bản tính các vật thì là đơn phần và được thành trừu tượng rồi cho nên trở nên thiêng hình đây là vật đích.

Vật chất có thể suy nghĩ không ?

Luận đề của chúng ta đã được minh chứng rõ rệt rồi. Theo triết học, thì không thể phủ nhận được thiêng tính của hồn. Nếu bạn muốn biết chung thêm nữa, thì xin bạn hãy đem vào những biến chứng của ý thức của luân lý tôn giáo, và ngôn ngữ của nhân loại, nhất là tính thông dong của con người

4)— Điểm sau thực là đòi hỏi linh hồn con người phải là thiêng tính, Vì bốn điểm đó các vật không thể có được riêng thuộc phạm vi con người. Song ông Loke tuy nhận hồn thiêng đấy, song ông quá thiên về thuyết DESCARTES, ông cho là bản tính của các vật, do trường khoáng của lương vật mà sinh ra. Lại bản tính các vật lệ thuộc vào lòng muốn của Tạo-Hóa, nên nếu Tạo-Hóa muốn làm cho vật chất hiểu biết thì cũng có thể vật chất suy nghĩ như loại thiêng tính vật vậy

Ông ra hai lẽ : a)— Thiện chí chúng ta suy lường sao cho được hết năng lực còn tiềm tàng trong lòng vật chất.

b)— Ta biết đâu được biên giới toàn năng của Tạo-Hóa ; nên có thể được là Tạo-Hóa muốn, thì sẽ có thể vật chất suy nghĩ chống lại thuyết này, có nhiều người thông thái thời danh, là trừ ra các hiền triết trứ danh trong phái SCHOLASTIQUES, thì còn có ông NEB CON, ông Clarke ; nhưng đứng bên đối lập, thì hầu hết các nhà vô thần, duy vật như Voltaire, ông Hume de la Meittrie vv...

Phê-bình : 1)— Công hiệu không bao giờ chối hồn nguyên nhân Min : Nếu bây giờ vật chất suy tưởng được, thì đó là công hiệu chối hồn nguyên rồi. Thế là trái với nguyên tắc triết học.

2)— Suy tưởng được, tất nhiên là hồi lại được, phản chiếu

được trần chính chủ thể. Song vật chất không thể làm được sự đó. Concl : cho nên vật chất không thể suy nghĩ được.

3)— Thiên-Chúa là Đấng làm nên loài hữu lý, nên Người không thể làm nên được sự gì mâu thuẫn và vô lý. Min : song nếu vật chất suy nghĩ được là vô lý, vì ngược hẳn được bản tính vật chất điều đó không bao giờ Tạo-Hóa làm, nên cũng không nên đặt giả sử làm gì. Và bản tính các vật lệ thuộc trí khôn tạo hóa, chứ không lệ thuộc vào ý chí Tạo Hóa, nên người không thể đổi thay.

TỔNG KẾT

Vấn đề duy linh, là một vấn đề tối quan trọng cho địa vị con người. Vì mọi quyền lợi bất di bất dịch của con người xây trên hai chữ tự do. Phủ nhận thiêng tình của con người, thì đồng thời cũng chối hết luân lý, tôn giáo và cả hai chữ thiện ác nữa. Vì bấy nhiêu sự đó, không thể nào có ý thức được, một khi ngoại trừ thiêng tình con người. Vậy thì căn bản nhân vị con người cũng do tại hai chữ duy linh: Lập trường duy vật là đề cao vật chất, thì đồng thời cũng nhòa xóa nhân vị con người. Muốn chống Cộng sản duy vật, cần thiết là xây vấn đề duy linh trong lãnh vực văn hóa, thời mới có thể đã phá được sai lầm lon lạo của Cộng sản. Dưới đây là Tổng lược qua những quan niệm duy vật đối vấn đề duy linh.

TỔNG LƯỢC NHỮNG QUAN NIỆM DUY VẬT VỀ VẤN ĐỀ DUY LINH

1)— Thuyết động vật cơ giới (matérialisme mécanique) trong thế kỷ thứ XVI ông Hobbes cho rằng tinh thần là một vật chất tinh tuyến hơn. Thế kỷ XVIII, ông La Mettrie cho con người là máy móc cũng như ông Descartes Thế kỷ XIX, ông Cabanes cho tinh thần là liên đới giữa lý hóa và luận lý.

2)— Thái vận lực luận (Dynamisme) từ thế kỷ XIX, phái duy vật biến sang một trạng thái khác, gọi tên là Dynamisme, vật lực luận. Những ông bênh thuyết này là : Taine, Moleschott, Vogt, Bucheer, Haeckel.

Lý luận của duy vật cơ giới là sau đây : Trải qua bao nghiên cứu và kinh nghiệm, trong các vật hữu hình, thì không thấy có gì là ngoài vật chất, Tất cả những hoạt động trong con

người cùng con vật là do tại vật chất kia đã được cơ giới hóa thôi. Còn những riêng biệt vật nọ và vật kia là tại các tổ chức của vật chất khác nhau.

Lý luận của phái vật lực luận là sau đây : a)— họ nói tất cả những hiện tượng về tâm lý, đều theo luận điệu của hiện tượng sinh lý là do bộ thần kinh điều khiển mà ra. Họ nhận câu này : *Le phénomène psychologique est produit par les organes corporels.* Rồi từ đó họ kết luận : *il n'y a jamais ni force sans matière, ni matière sans force.* Vì thế phái này gọi là (Parallélisme psychologique) trạng thái bình hành tâm lý chủ nghĩa.

Ông Froussais nói : *L'âme est un cerveau et rien de plus.* Linh hồn chẳng qua là bộ óc hoạt động không hơn không kém !

Ông Taine nói : *Le cerveau sécrète la pensée comme le foie sécrète la bile.* Bộ óc sáng kiến ra tư tưởng, y như gan phát ra chất đấm.

Ông Moleschott nói : *Sans phosphore, pas de pensée.* không có lân tinh, chẳng có tư tưởng.

Ông Buchener nói : *C'est dans la matière que demeurent toutes les forces de la matière, et toutes les forces spirituelles la matière est le don dernier de tout être.* Tất cả tiềm lực của vũ trụ, cùng tiềm lực về tinh thần đều do vật chất. Vật chất là căn bản của mọi vật

3)— Phái phụ phái hiện tượng (Epiphénomène). Có những ông sau đây : Huxley, Loeb, Soury. Các ông nhận ; chỉ có một sự hoạt động của thực thể là hoạt động cơ quan và sinh lý, thì đúng gọi là hoạt động. Còn lương tâm chẳng qua chỉ là một hiện tượng thêm phụ vào hoạt động sinh lý thôi.

Phê bình thuyết Trạng Thái Bình Hành : (Parallelisme)
a— Xét theo việc xảy ra, ai cũng nhận là hồn và xác có sự tương kết và ảnh hưởng sang nhau. Nhưng không phải là mọi việc xảy ra, ở hồn, thì có hiện tượng đương biến chuyển sang sinh lý. Mà cũng có nhiều biến chuyển ở sinh lý, mà hồn chẳng có liên quan. Như *Idée pricement faits pathologiques des psychonevrose:*

b) — Xét theo phương pháp, nghĩa là thuyết này cố xếp đặt mọi biến và hiện tượng vào một khoản luật theo điều kiện sinh lý. Thuyết này gọi là *Bébehaviorisme*, nghĩa là cắt nghĩa tâm sự theo các biến chuyển ngoại trạng. Như thế là một cách bói khoa.

c) — Xét theo đạo lý, thì thuyết này ngộ biến quá. Vì nhân tất cả những tâm lý là những hiện tượng sinh lý. Như thế cho tâm lý nhận sinh lý Như vậy hai chữ lương tri đề đâu. Như vậy họ cũng nhận con người không có tự do, vì mọi sự đều do luật sinh lý quyết định rồi. *Déterminisme-physiologique*. Thuyết này sau sẽ nói.

BÀI THỨ CHÍN

Bài của Linh Mục J. B. TRẦN MỤC-ĐÍCH Dòng Đa-Minh

HỒN BẤT TỬ

Đã hay rằng bào quyền lợi con người xây nên nhân vị, và nhân vị tựa vào thiêng tính của hồn và lý do rằng : Con người siêu việt hơn mọi loài thọ sinh trên mặt đất, song nếu con người không có thiêng tính, thì con người với sinh cầm cẩu thú số phận tương đồng.

Nhưng thiêng tính mà thôi thì đi đến đâu, con người nếu sống ngắn ngủi trong thời gian, sinh tử cũng như các thọ sinh khác, thì quyền lợi mà làm gì ? Nghĩa vụ mà làm gì ? Luân lý đi đến đâu, thiện ác nếu không đáo đâu ? Tôn giáo hay văn hóa có nghĩa lý gì, nếu hồn con người cũng tiêu diệt đi như thể xác tan rữa. Nên hồn bất tử phải là một điểm quan trọng nhất. Có nó mới có thể san bằng, vì xã-hội chênh lệch, có nó con người mới thấy tương lai, và mới thấy ý nghĩa sự tranh đấu, cũng như tận tụy với phận sự.

Bất tử nghĩa là gì và có mấy thứ ? Vĩnh viễn tồn tại thì gọi là bất diệt. Còn bất tử nghĩa là vĩnh viễn sinh tồn. Không

nên lẫn hai ý nghĩa bất diệt và bất tử. Có thứ bất diệt mà không bất tử, có thứ bất tử thì đồng thời cũng bất diệt. Vũ trụ này sẽ còn mãi, đó là bất diệt. Song vũ trụ có sống đâu ? Hồn con người còn mãi và sống mãi, cho nên gọi là vĩnh cửu sinh tồn.

Có ba thứ bất tử

- a) Một là bản tính bất tử, không sao chết được.
- b) Tự nhiên nó là vĩnh viễn thế nhưng không phải là bản tính thế.
- c) Vì một đặc ân nào mà không chết bao giờ. Vật nào bất tử theo bản tính là một vật cần thiết, không thể mà không có, thí dụ nguyên nhân thứ nhất. Nếu chẳng có nguyên nhân thứ nhất, thì chẳng có nguyên nhân nào cả. Như thế, sự bất tử và bất diệt và nguyên nhân đó là chính bản tính của nguyên nhân đó. Vì cần đến nó trở thành bản tính. Nguyên nhân đó chỉ duy có một tạo hóa. Vì không có Tạo-Hóa thì không có một vật nào, dù sống hay không sống. Mọi sự là hư vô hết. Nhưng tạo-hóa kia không lệ thuộc vào ai được, vì là nguyên nhân thứ nhất.

Còn tự nhiên bất tử là một vật gì, một khi đã hiện hữu rồi, thì không một sức gì tiêu tan nó được, trừ tay Tạo-Hóa biến nó ra hư vô thôi. Đó là linh hồn nhân loại. Vì tuy nó có thủy nguyên, nhưng vô chung, vì là thiêng tính không một sức nào trong vũ-trụ tiêu-diệt được nó nữa. Khác hẳn với tạo - hóa vì tạo-hóa vô thủy vô chung. Còn linh hồn nhân loại hữu thủy vô chung.

Bất tử vì là một đặc ân. Bản tính không có thể, mà tự nhiên cũng không được thế, một là đặc ân thôi, như thế phải tựa hẳn vào một chủ thể khác, vì đã không là tự nhiên rồi. Đó là xác con người, sau này sẽ hòa hiệp cùng hồn để sống một kiếp khác. Ngày đó muốn minh chứng, phải buộc sang một vấn đề khác thuộc tôn giáo. Vì tin vào đâu thiện ác đảo đầu, cho nên thuộc

tín ngưỡng, và luân lý chỉ mình chúng được là sự công bằng tuyệt đối chưa có trong trần gian, nên phải có bên kia thế giới. Mà con người xác hồn đồng cộng với nhau trong mọi phạm vi thiện ác, thì cũng cần phải có cả hai, để đồng hưởng đồng chịu. Chứ cán cân ngay thẳng trong trần gian cùng thế tục không có.

Nhưng đây tôi không nói đến tôn giáo, một mình chúng theo lý tự nhiên, hồn con người là bất tử. Còn hai ngả bên kia thế giới thuộc phạm vi tôn giáo.

Tử và diệt có mấy thứ. Hai chữ đó nghĩa như nhau. Vậy chữ diệt có hai cách 1) Một là *tự diệt bản tính* nó, có, một ngày kia tiêu tan đi. Cách này còn phân làm hai

a) một là các yếu tố thành phần của vật ấy, một ngày kia chia lìa nhau, tan rã đi. Như cây cỏ, một ngày kia tự nhiên lui đi.

b) Tiêu diệt một cách tùy tùng thí dụ một vật nào đơn thuần, cho nên tự nó không có thành phần để tán hay tụ, song vì nó phải chung dựng với một nguyên nhân khác kết thành bản tính, nguyên nhân đó tan đi thì yếu tố đơn thuần này cũng không còn ý diễm cũng phải tan nốt. Thí dụ các giác hồn con vật. Nó là động thuần, song chỉ là bản thể không trọn cho nên không thể đứng được một mình phải tựa vào yếu tố thể chất khác, thể chất này tan đi, thì giác hồn kia cũng tan đi.

2) Tiêu diệt theo nguyên nhân ngoại. Là tuy bản tính vật không tiêu tan song nguyên nhân ngoại nào đó, có thể tiêu diệt nó đi được.

Ý NGHĨA BẤT TỬ TRONG VẤN ĐỀ. Linh hồn nhân loại không thể tiêu tan được nên gọi là bất tử bất diệt, mặc dầu nguyên nhân ngoại cứ g không có thể, trừ một tạo hóa mà thôi.

CÁC Ý KIẾN. Phủ nhận vấn đề này thì trước hết các kẻ theo thuyết duy vật. Phái Cộng, và những kẻ nhận cảm giác và lý luận không khác nhau (*sensiste*) ông Averroes, nhận tất cả nhân

loại có một trí khôn chung. Cho nên chỉ có linh hồn chung đó bắt tử, còn mọi cá nhân khác đều có hồn bất tử.

Các người nhận thuyết biến hóa không ngừng, thì cũng chối hồn bất tử, vì nay vật thể này, mai vật thể xảy ra thể khác, cho nên không biết đâu là chung của con người. Vì minh chứng hồn bất tử có kẻ nói đó là một việc đích thực, minh chứng theo lẽ nội được cũng có kẻ khác nói rằng : chỉ có thể nhận theo tín ngưỡng mà thôi. Song thực sự minh chứng được theo lẽ nội và cũng lẽ ngoại nữa. Làm chứng minh bạch, xác thực (apodictiquement).

LINH HỒN NHÂN LOẠI LÀ BẤT TỬ

I. — Theo luận lý : ý thức quần chúng, khi nào quay về một vấn đề, mà nhất là vấn đề đó, lại phản những ước vọng và dục tình con người, trong mọi đời, mọi giai cấp thì phải kể vấn đề đó là xác thực.

Min. — Song hết mọi người, mọi giai cấp cùng mọi đời nhận có hồn bất tử. Và vì hồn bất tử đó họ e dè không dám quá trớn trong những hoạt động của họ, sợ bàn theo dõi bên kia thế giới.

Concl : — Cho nên vấn đề hồn bất tử, là một xác nhận và xác nhận đó phát ra do bản tính. Như thế là một đầu chân thật.

Giải-thích. — Khi nào vấn đề đó không thuộc bản tính con người, thì ý thức và quan niệm quần chúng mỗi người khác nhau nhất là không thể phổ thông mọi giai cấp, bền bỉ được trong mọi đời song vấn đề hồn bất tử phổ thông mọi đời và mọi giai cấp, cùng một luận điệu như nhau. Cho nên phải kết luận phán quyết đó là tự nội tính con người phát ra.

Tại sao mỗi dân tộc đều kính trọng các hài cốt kẻ đã quá cố hết nếu không tin của họ còn sinh tồn bên kia thế giới, và trong một ngày nào đó sẽ phối hợp. Tại sao mọi dân xây những lăng tẩm tôn nghiêm ? Tại sao có những buổi đi viếng mộ ? Tại sao có những lễ truy điệu cầu hồn ? Nếu không nhận là linh hồn bất tử ?

II.— Luật ác giả ác báo, thiện giả thiện báo . . ., hai chữ công bình phải là san phẳng mọi chỗ chênh lệch, sửa sang mọi nỗi oan, đền công ơn cho xứng, phạt cho cân.

Min : Song trên đời với công bình của thế sự, không sao có thể giải oan được mọi nỗi, và thưởng cũng không cân. Nên cần phải có một nơi con người được đầy đủ thiện ác công bình phân xử.

Concl.— Nghĩa là cần con người phải sinh tồn bên kia thế giới mới san phẳng được.

III.— Chúng tâm lý.— mặc dầu ai nấy đều biết mình trước sau cũng phải chết, song tại sao ai cũng mong mình sẽ sống mãi, và cũng không tin mình tiêu tan đâu ? Tại sao lại có ước nguyện thế ?

Min : Ước muốn đó, không phải là ảo mộng, vì ảo mộng có kẻ có người không. Lại khi bàn đến một vấn đề không thể, thì không ai bàn đến nữa. Thí dụ con người đi đứng trên không khí, không nhờ vào ý diễm nào.

Concl : cho nên phải kết luận, ước muốn kia phát sinh ra bởi bản tính. Như thế bản tính của vật nào, thì không lừa dối vật đó bao giờ.

IV.— Chúng siêu hình học.— Vật đích và năng lực, phải ở trong một cấp. **Min** : song vật đích của trí hiểu con người là những cái gì cần thiết và không tiêu tan được. (le nécessaire inco-ruptible).

Concl : cho nên linh hồn con người là bất diệt, vì trí tuệ là sở hữu của linh hồn,

Maj. Đã rõ rồi. Vì nếu vật đích của trí hiểu con người, không ở đồng cấp với nhau, thì con người không thể hiểu được. Thí dụ con vật, vì nó không ở cấp thiêng liêng, cho nên các vật thiêng liêng nó chẳng thể hiểu được. Cũng như con người học hỏi cái gì, quan niệm càng tối tân, nghĩa là không được thiêng hình cho hẳn, thì chẳng hiểu, cho đến khi nào ra lý lẽ, lúc đó con người hiểu. Thế nghĩa là bất kỳ vấn đề nào, cũng phải biến đổi thành quan niệm thiên

hình thì mới hiểu được. Min : Nhưng các khoa học thì thuộc về những sự phổ biến, cần thiết và bất di dịch. Vì nếu thay đổi luôn thì khoa học không vững chắc. Như thế là minh chứng vật đích và khả năng phải ở đồng cấp.

Vậy nếu vật đích đó là bất biến, thì tỏ rõ trí tuệ cũng thuộc về hạng bất biến. Bất biến là không tiêu diệt. Cho nên linh hồn con người là không tiêu diệt.

V.— Cái gì là đơn thuần, và biệt lập được thì cái đó không thể tiêu tan. Tiêu tan là khi nào có thành phần, phần nọ chia lìa phần kia. Song đơn thuần thì không có phần nào.

Min : Linh hồn, như đã minh chứng trước, là đơn thuần.

Concl : Cho nên linh hồn không thể tiêu tan được.

VI.— Bản thể đơn thuần và tự lập, thì trường tồn mãi. Vì lẽ đơn thuần không có phần, để chia lìa. Lại vì bản thể, cho nên tự lập. Thế là khi hồn lìa xác, vốn đứng mãi. Song minh chứng cả hai linh hồn là bản thể, và linh hồn là đơn thuần. Cho nên linh hồn bất tử, mặc dầu có lìa xác, mà hồn không chết. Và lại thể mô, là cho sự hiện hữu các vật. Song thể mô bản tính nó tự lập được, thì cũng theo bản tính ấy, mà trường tồn mãi. Cho nên linh hồn bất tử.

NHỮNG LỆ NGOẠI.— Làm tiêu diệt linh hồn, thì chỉ có hai cách theo lẽ ngoại : Một là tạo hóa tiêu hủy hết hay là một vật nào khác, hay là tử tử. Min : song cả ba lý do cũng không được. Concl : cho nên linh hồn bất diệt, và trường sinh mãi.

a) — Không do tay tạo-hóa tiêu diệt. Tạo-hóa có ý dựng nên bản tính loài hữu lý tính, cốt để sinh tồn mãi. Nên không lý do gì mà tạo-hóa tiêu diệt. Nếu hồn đó có làm chi nên công phúc, thì tạo hóa sẽ thưởng mãi mãi, trong một chốn đôn xuân hoặc giả hồn đó làm chi phạm đến tạo-hóa, thì đã có chốn ngục hình, để giam kẻ đó đến muôn kiếp. Chứ tạo-hóa tiêu tán làm gì linh hồn đó.

b) — Không một nguyên nhân nào khác có thể tiêu diệt được

hồn, vì là đơn thuần, vả lại mọi nguyên nhân khác, nếu đã không sáng tạo được linh hồn nhân loại, thì cũng không có quyền tiêu diệt nữa.

c) — Không tử tự được, là vì bản tính thiêng liêng, lại là đơn thuần, tình nguyện tiêu tan đi cũng không được. Thể chất thì ta có thể giết được xác, còn hồn thì không lay được hay tiêu tan được.

Tổng-kết : Vậy thì quyền lợi con người, nhất là những quyền lợi thiêng liêng, những công phúc con người, nó sẽ theo con người mãi. Bản tính con người không tiêu diệt được, thì nhân vị con người, ai có quyền bóc lột được. Nhất là những quyền thuộc riêng cá nhân, như quyền hiểu biết, tính thông dong, công việc thiện phúc, không một chủ nghĩa nào có quyền tước bóc.

Một điều nên suy cho cẩn thận, là hồn bất tử thực rồi đó, thì hẳn là phải bước sang bên kia thế giới. Nhưng sang đó với mục đích chi ? Thuộc quyền ai bên ấy ? Thừa sang bên kia thế giới, để lĩnh thưởng, hay chịu phạt, vì những hành vi cử chỉ, tư tưởng, suốt cuộc đời ta làm khi còn sống đời vật chất này. Cùng đường con người có hai ngã, thưởng hay chịu phạt. Còn sự thuộc quyền ai, thì hẳn là thuộc quyền kẻ nào ở trên nhân loại. Đấng nào đã sinh thành nhân loại. Tìm đến đấng đó, phượng thờ đấng đó, là phạm vi tôn giáo, vì thế nhân vị có tự do chọn con đường hạnh phúc cho mình. Định đoạt đi, nhằm hay trúng, thì là một việc cả cuộc đời để suy nghĩ. Lý luận con người chỉ có nhiệm vụ đó là độc nhất.

Vấn nạn : — 1) — Về sự ước nguyện trường tồn, thì không minh chứng là linh hồn bất tử, vì chẳng kỳ vật nào cũng ước nguyện trường tồn, cho nên không minh chứng được hồn bất tử.

Thưa : Tuy vật nào cũng mong trường tồn, song các vật khác không có ước muốn loài người ngoài thời gian, song con người tuy biết là chất đầy, song còn muốn vĩnh cửu sinh tồn

nghĩa là trong quăng đời đời, và không thực, là giống vật muốn sinh tồn vì muốn như thế, cần phải có sự luận lẽ. Vô tri bất mộ. Song giác quan chỉ biết giới hạn của mình, cho nên không vượt ngoài ranh giới đó được mà muốn. Khi giống vật cự lại cùng tử thần, đó là sự xu hướng tự nhiên, vì vật nào cũng phải bảo tồn sinh mạng của mình. Nhưng con người khác, đứng trước tử thần mà còn ước muốn trường tồn vĩnh viễn.

2) — Linh hồn mà vĩnh cửu sinh tồn, khi không thể nào không có việc suy hiểu song suy hiểu phải nhờ vào xác, có bộ óc, nhờ giác quan thông báo v.v.... nhưng không có xác, vì xác chết rồi... cho nên hồn không bất tử.

Thưa : Việc suy hiểu, tự nó không cần xác, vì các thần linh cũng suy hiểu, song chỉ có xác con người khi sinh tồn, nhờ xác làm thông báo để lấy tài liệu trên vũ trụ. Nhưng đó là hoàn cảnh bây giờ. Còn sau này, không cần có xác cũng hiểu được. Vì sang biên giới kia, sự vật cảnh khác rồi

3) — Việc thưởng phạt đời đời, không đủ minh chứng. Vì tạo hóa chẳng mắc nợ cùng ai.

b) — Việc lành hay dữ chúng lương tâm là đủ rồi.

c) — Người có tội, phải phạt xử tử theo pháp luật xã hội cũng cần rồi.

d) — Sự hình phạt đời đời không cần với lòng từ bi tạo hóa.

Thưa : a) — Tạo hóa không mắc nợ cùng ai, song nhân loại mắc nợ với người. Vì nhiều kẻ phủ nhận người, nhiều kẻ phạm đến người lại phạm đến đồng bào khác. Và lại việc những kẻ đó làm, đều thiện, chưa được hưởng trước thế tục cho cân. Và còn nhiều tội ác hãỵ còn ần khuất. Nếu cần phải minh chứng điều đó, và mọi người phải nhận quyền tạo hóa, không còn thể chối được nữa. Hối lúc đó không trở nên công vì thời gian thử thách quá rồi. Đến trước quan tòa không phải là buổi lập công nữa.

b) — Chúng lương tâm không đủ. Vì sự an ủi, lương tâm, chỉ là minh chứng điều đó là phải, còn phần thưởng chưa có. Mình lại nên phần thưởng cho mình sao được. Và nhiều việc có liên can đến xã hội, quần chúng, nên phải công khai mới là công bình.

c) — Sự chết, thì ai cũng phải chết, cách này hay cách khác, cho nên nguyên sự chết chưa đủ. Và đó là án của nhân loại, còn những điều có lỗi vì tạo hóa, thì ai phạt nó ? Nhất là con người tự vẫn quyên sinh, thì chính tội quyên sinh kia ai phạt ?

d) — Sự thưởng hay phạt đời đời là công và cần làm. Vì việc gì không đáng thưởng đời đời, tạo hóa cũng thưởng đời đời, vì từ bi của người. Còn phạt đời đời không thiên lệch, vì tội nặng, thì phải xem là phạm đến ai ? Vậy phạm đến đấng chí công, và vô đối, thì hình phạt đời đời là phải lắm. Cũng như trên đời, sao có hình phạt chung thân ? Mà ai cũng cho là phải. Hồn kia không chết được, cho nên tù chung thân trong chốn ngục hình là phải.

2) — Hồn được thành cá nhân, cũng bởi là có xác ; song xác chết, thì cá nhân cũng hết. Thế là hồn sẽ biến tan đi.

Thưa : Thành cá nhân có thể hiểu được hai cách : Một là nếu không có xác, thì hồn không thể là một bản thể, không còn hiện hữu được nữa. Nghĩa đó sai. Vì chính hồn là nguyên nhân để xác được hiện hữu, vì hồn là thể mô. Còn lấy nghĩa là có xác, thì các quyền nhân vị sẽ thành bất chung chạ, thì có một số quyền lợi chung cho bản tính con người, song hồn riêng biệt thì bản tính không còn trọn, nên hút mất nhiều quyền ; như quyền sở hữu không còn, quyền giáo-dục không còn v.v..

Theo lời Tiến-sĩ Thomas, thì hồn nhờ vào xác để thành một bản tính trọn, là tình nhân loại, còn nếu không có xác, hồn vốn là bản thể trọn và đơn thuần, nên tự lập được, như thế trường tồn mãi.

3) — Nhưng xem ra hồn không bắt tử vì nhẽ rằng ; sinh ra cùng xác, tiến triển là một với xác, già yếu với xác. Cho nên cũng chết với xác.

Thừa linh hồn tuy ra chào đời là một vói xác, song nguyên thủy khác hẳn, xác chịu sinh ra, song hồn chịu dựng lên (như sau sẽ minh chứng). Còn tiến triển lạ theo những cụ thể của xác thịt có thể làm việc được. Cũng như tấm sắt, trước khi chưa thành hình dụng cụ, thì dù thợ tài giỏi, cũng không dùng được. Và sau dùng lâu ngày cùn đi, dù thợ có tài, không thể dùng được nữa. Cho nên già trẻ là thuộc xác, còn hồn không xác cũng chẳng trẻ, một luân tuần tú. Mà vì thể hạnh phúc con người ở tại tới chỗ thường xuân. Vậy nếu nguyên thủy khác thì chung cũng khác.

BÀI THỨ MƯỜI

Bài của Linh-Mục J.B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH Dòng Đa-Minh.

Ý CHÍ THÔNG DONG CỦA CON NGƯỜI

Trong trật tự luận lý, thì nên bàn xét đến ngay những tài năng, những cố hữu của linh hồn. mà thường gọi là tâm tư của hồn ? Như là lý trí, ý chí và trí nhớ.

Nhưng vì sự cần thiết vấn đề là **nhân vị**, mà các sinh viên mong muốn tìm hiểu những yếu tố thành phần nhân-vị, cho nên tôi đem ý chí thông dong của con người ra bàn trước đã. Rồi còn thì giờ, tôi sẽ trở lại lý trí của và trí nhớ.

Trong nhân vị, rất cần hai chữ tự-do. Vì quyền lợi và nghĩa-vụ phải đồng hành và tương đối, thăng giáng phải có nhau, mà quyền lợi cùng nhiệm vụ thuộc phạm vi luân lý. Song luân lý không thể nào ý thức được nếu không có hai chữ tự do.

Tự-do, không phải là một tài năng riêng biệt tách khỏi ý chí song một quyền hành, mà ý chí được thông dong định đoạt về mọi hành vi của mình.

Nhưng để cho vấn đề được rõ ràng, tôi bèn phân tách làm hai. Trước là nói chung về **ý chí** sau sẽ nói đến hai chữ **tự-do**.

Ý CHÍ

Bản tính và những đặc điểm. — Ý chí là một tài năng cố hữu của con người ; nhờ đó, mà con người chủ quyền định đoạt về công việc của mình, sau khi đã suy tính.

Ý chí có thể xét về hai phương diện : Tiêu cực (négatif) và tích cực (positif).

a) — **Phía tiêu cực** : Ý chí trên vẫn tỏ ra bằng hình thức tiêu cực, như quyền cấm đoán, chiếu thị v.v.. vì nhờ sự suy tính, hồi tưởng, ý chí phản lại tất cả những gì muốn cản đà hành động của mình, cho nên phải kiểm tỏa hết những ước muốn, cho đến khi nó vào đúng lý...

b) — **Phía tích cực** : Ra như sáng kiến ý chí tự đặt ra những ước muốn, mà ước muốn đó hướng dẫn tất cả hoạt động, để theo đuổi nguyện vọng. Thí dụ :

Những đặc tính : ý chí có ba đặc tính cốt yếu như sau :

a) — **Suy tính** (réfléchie). Vì hành động thông dong là hành động vì biết mục đích mà hành động. Vì thế đến khuyết lý trí, đó không còn thông dong

b) — **Thông dong** (libre) Phải có quyền định đoạt mặc ý trong các việc.

c) — **Hiệu lực** (efficace) Một khi đã thông dong tự chọn tự quyết, thì phải ban bố lệnh cho tất cả những tài năng trong con người thì hành cho được kết quả. Theo lệnh đó, trí hiểu phải suy về phương tiện, trí nhớ ôn lại xem trong những trường hợp đã qua, để lấy kinh-nghiệm, còn những tài năng khác đều phải hoạt động trong phạm vi mình, để theo đuổi mục đích.

THÔNG DONG HOẠT ĐỘNG KHÁC HẸN VỚI HOẠT ĐỘNG THEO BẢN NĂNG.

a) — Làm việc theo bản năng, thì làm cách mù quáng, theo thiên định ; còn thông dong hoạt động, thì có sự suy tính và tự quyết.

b) — Làm việc theo bản năng, thì bao giờ cũng vậy, không có sự thuyên chuyển, còn hành động theo ý muốn, thì tự do theo đuổi nhiều sở trường hay sở đoản khác nhau.

c) — Theo bản năng là theo vào khuôn đã được xấp đặt trước như cơ giới vậy, còn hành động theo thông dong, có sự so sánh suy trước tính sau. Mà suy trước tính sau như thế, đòi hỏi bao nhiêu công việc như kể sau đây :

Bao giờ con người thông dong định đoạt theo đuổi mục đích nào thì phải có 12 việc, 6 về bên lý trí, 5 bên ý chí, 1 các tài năng khác.

Ý CHÍ

Simple volition
Mục-đích : Intention
Fruition.

Consentement.

Phương-tiện : élection
usage actif

LÝ TRÍ

Simple apprehension
Mục đích : Jugement

Conseil

Phương-tiện : jugement discretif
impérium
usage passif.

Đó ta xem, cho được đuổi theo một mục đích, việc thi hành chóng hay chậm, cũng phải qua bằng này chặng, cho đến khi hưởng được kết quả. Thế là thông dong, khác hẳn với bản năng.

Công tác của lý trí : Vì vô tri bất mộ, ý chí mù quáng, không biết hơn thiệt, tuy có chủ quyền. Cho nên lý trí phải suy tính về mục đích tốt hay không tốt ; song rồi tính đến phương tiện thì hành được hay không được.

Công tác của các cơ quan : Mỗi khi ta làm việc, cũng nhờ qua cảm giác thông báo. Người nào có giác quan càng tinh túy, thì thông báo càng nhanh chóng, công việc cũng mau lẹ. Con người là hợp thể, nên làm việc vốn cho sự tham dự của cảm giác.

NHỮNG GIẢ THUYẾT VỀ Ý CHÍ

Một việc định đoạt thông dong, coi có vẻ giản dị, song thực là phức tạp ? Chính đó là một hình thức có đầy đủ ý thức về NHÂN VỊ. Như thế cũng không lạ khi thấy các triết gia bàn cãi rất nhiều về bản tính của ý chí, vì chính nó đã đúc tạo nên con người nghị lực, và chính nó làm căn bản cho Nhân Vị, và phát huy các tài năng, mở thêm ranh giới cho những quyền lợi của Nhân Vị.

Ý chí và ước muốn : Theo giả thuyết của ông Condillac. Ông này đã cố gắng cắt nghĩa lý trí, theo một hình thức đơn

giản của sự hoạt động con người đó là **ước muốn**. Ông nói : « ý chí là một ước muốn tuyệt đối, nên nói ta cảm thấy một vật mong muốn đó đã thuộc quyền sở hữu ta rồi. (On entend par volonté ; dit-il, un désir absolu et tel que nous sentons qu'une chose désirée est en notre pouvoir).

Nhưng không phải thế. Tuy nhiều khi ước muốn được coi như là ý chí, song thực sự khác nhiều. Đây ta xem : **những đặc tính khác nhau** :

a) — **Ước muốn** : là một việc tất nhiên (fatal) nó có ở trong con người, nhiều khi không thuộc quyền con người. Còn **Ý chí** thong dong, làm chủ mình.

b) — **Ước muốn** : tự nhiên phát ra, nhiều khi chưa kịp suy tính. Ước muốn nhiều khi trống, vô mục đích. Còn ý chí đã có lập trường nhất định.

c) — **Ước muốn** : nhiều khi bị thồn thức không an tâm ; song ý chí thì cương quyết và an tĩnh.

Vật đích và phạm vi khác nhau

a) — **Ước muốn** : thì quy về những vật đích ở bên ngoài, mà nhiều khi không thuộc quyền mình nữa. Như thế phạm vi nó rộng quá, và hầu vô biên giới. Như ta ước chi có cánh bay, ước chi như cá ngoi lội v.v... Còn ý chí trái lại, chỉ quy về những gì mà thuộc quyền ta, hay ta có thể đạt được,

Khác nhau về công hiệu

a) — **Ước muốn** : càng mạnh bao nhiêu, thì con người càng ít tự chủ bấy nhiêu, và như thế nhân vị khác nhau. Vì thế ta thấy con người luôn phải chiến đấu giữa thất tình và nhiệm vụ.

Kết luận : Ý chí không phải là ước muốn, như Condillac nói : vì có hai đặc điểm hay đặc tính là : ý chí là hữu lý mới phát xuất, và phải nghị lực nhờ hai đặc điểm trên, mà ý chí đứng chủ động mọi việc trong con người tề chỉnh các công việc của tài năng khác, đặt khuôn khổ cùng biên giới cho chúng, nghĩa là hướng dẫn hết tất các ngành hoạt động vào một cứu cánh.

Ý CHÍ VÀ LÝ TRÍ : Theo thuyết chữ tri luân (intellectualisme) thì một đặc điểm quan trọng nhất trong hành động tự

do, đó là tại sự trình bày. Như thế các ông Socrate, Platon, Spinoza, đã cố gắng cắt nghĩa, bản tính của ý chí là tại lý trí. Theo các ông, thì một việc thông dong, đó là một việc đã được suy xét là có thể và tốt.

Song nhiều tâm lý gia ngày nay, như ông Herbart, ông M. Lapie, cũng theo thuyết của ông Socrate. Họ cho ý chí chẳng qua cũng chỉ là một trạng thái của lý trí. Sự thông dong quyết định, chẳng qua chỉ là sự kết luận của những phán quyết sau khi được so sánh hơn thiệt. Phán quyết này ưng thuận theo đuổi mục đích, còn phán quyết kia công nhận sự theo đuổi việc đó là có thể.

Phê-bình : Đã hay rằng : sự phán quyết của lý trí, là như soi đường cho ý chí quyết định, song không nên lẫn cả hai cũng là một đầu.

a) — Vì sự phán quyết là một sự thuộc riêng lý trí, xét theo lý thuyết, còn ý chí mới định đoạt công việc tiến hành hay không. Nhiều khi phán quyết rồi đây, mà ý chí không cho lệnh thi hành.

b) — Kinh-nghiệm cũng cho hay, là biết mà thôi không đủ cần phải thi hành. Cho nên câu ngạn ngữ rằng : Nghĩ tốt nói tốt là chi? Thực hành không có thì đầu có hay. (bien dire, bien penser, ne sont rien, sans bien faire).

Ý chí và mệnh lệnh của quần chúng. Theo thuyết xã hội, thì ông blondel cắt nghĩa về bản tính ý chí là thế này : ý chí chẳng tại yếu tố này hay yếu tố khác, chỉ một tại trào lưu tư tưởng quần chúng, những đó bắt buộc con người định đoạt hết, ta không thể làm ngược lại trào lưu cùng luồng tư tưởng của quần chúng. (L'activité volontaire, écrit-il, ne tient pas... mais bien du système de concepts impératifs que la collectivité nous impose et qui, introduisant dans le flux mouvant et fuyant de nos états de conscience leur rigidité et leur universalité... Traité de Duma 422).

Phê-bình : Không đủ nhận rằng, hoàn cảnh xã hội luân lý cùng tôn giáo có một phần công tác vào những hoạt động thông dong con người. Vì trào lưu của thế hệ hay thế sự nữa, làm cho con người cầm chừng trong một mức nào đó. Muốn vượt quá mức đó, phải là một thánh nhân, hay là một anh bần

cùng cách mạng. Song đó không có nghĩa là ý chí con người là chỉ một đức vàng lờ, làm theo hoàn cảnh hay ý nguyện kẻ khác. Nhà tù giam đầy những người không tuân theo pháp luật kia ; thường nhật bao nhiêu đập đánh, mắng nhau, vì mỗi người một ý kia. Vả cũng vì muốn tỏ ra là người biết cách giao tế, cho nên ta mới làm theo trào lưu và hoàn cảnh.

Định-nghĩa Vậy thì Ý-CHÍ là gì?

— Thừa là một tài năng riêng biệt của con người, nhờ đó con người làm chủ mọi hoạt động của mình, áp dụng tất cả hoạt động của tài năng khác, để đuổi theo mục đích đã quyết định.

Ý chí có thể suy được hai cách, một là chính nó cũng là một bản chất tự nhiên. Hai là một tài năng tự do hành động. Theo nghĩa là một bản chất tự nhiên thì nó phải theo một định luật của Tạo Hóa đã ra cho tất cả các bản chất khác. Như thế, ý chí không thể mà không muốn sự tốt được. Vả đối với hạnh phúc của nó phải muốn một cách bắt buộc và cần thiết. Như thế, với sự đi tìm hạnh phúc, con người không thể tự do nữa. Ai ai cũng muốn hạnh phúc một cách bó buộc, song họ khác nhau ở chỗ gán hạnh phúc vào những vật đích khác nhau thôi. Lại con người không bao giờ thoát khỏi nhiên luật là :luôn luôn muốn sự tốt. Tốt thật hay là tốt giả sự đó tùy khôn suy dẫn, mà muốn sự tốt dưới hình thức này hay hình thức nọ, đó là tại sự hướng dẫn của trí khôn. Còn bao giờ cũng muốn sự tốt.

Ý chí lấy nghĩa như là tài năng thông dong : nhưng đó chỉ trong phạm vi áp dụng các phương tiện để đuổi theo mục đích. Xét về phương diện này, thì không có một sức nào bắt buộc thì không bao giờ bị bó buộc, bao giờ cũng hành động thông dong ; được như ý chí thông dong. Tạo hóa cũng không làm ngược lại, vì Tạo-hóa dựng nên bản tính nó là như thế, thì dĩ nhiên Tạo-hóa không phá bản tính ấy. Còn các sức lực khác, không sao được. Miễn cưỡng mà bắt người, ta một điều thì được : thí dụ : đáng rất đau khổ để khai cung nói ngược hay xước khảo của v.v... lúc đó làm việc ở ngoài thì khác, mà ý muốn trong thâm tâm thì khác, cho nên ý chí thông dong không bao giờ chịu ép ưỡng.

Nhưng ý chí có thể đi đôi được với sự bó buộc giả sự (nécessité hypothétique). Sự bó buộc này, là chính kết quả của

sự định đoạt thông dong của ý chí, cho nên không ngược ý chí. Thí dụ, tôi muốn thăng chức, thì bó buộc tôi phải tìm phương tiện là chăm học, để thăng chức. Phải học đây, là phương tiện cần thiết rồi, không được tự do mô khước từ nữa vì tôi muốn chức.

Chú ý : Ta không nên lẫn hai ý nghĩa sau đây *ý nguyện* và *thông dong*.

Như trời mưa, đang khi khô ráo, mong mưa, khi mưa, là vừa ý nguyện, song không thông dong, vì sự đó không ở trong quyền ta. Còn thông dong như ăn hay ngủ v.v...

Vậy thì thông dong là một điều can hệ đến *nhân vị*, tôi nói tiếp sau đây :

TỰ DO CON NGƯỜI

Định-nghĩa : Tự do là một quyền xử dụng của ý chí, định đoạt về công việc của mình, mà không bị một sức nội ngoại nào ép uổng.

Hỏi con người có tự do thế chẳng hay không, đó là một vấn-đề phải đem ra minh chứng.

Ý-kiến : Những kẻ nào phủ nhận về thiêng tính linh hồn, thì cũng phủ nhận con người tự do. Thế là những nhân viên Cộng-sản, duy-vật, cảm giác chủ nghĩa, những người chốn nhân vị, như các kẻ nhận phiếm thần. Những người tin vào số, bói khoa : các kẻ theo thế phản giáo Luther và Calvin. Sau hết những người nhận thuyết định luật của vật lý học, định luật tâm lý học, xã-hội học v.v...

Luận đề : CON NGƯỜI CÓ TỰ DO.

Minh chứng :

a) — **Chứng quan niệm quần chúng :** Khi nào cả quần chúng đồng ý mà quyết luận một việc thì việc đó là thật, không nên hồ nghi. **Min :** Song tất cả quần chúng mọi giai cấp, mọi lời và mọi người nữa, quyết nhận con người có **tự do**. **Concl :** Cho nên con người thực là có tự-do.

Min : Trong mọi dân tộc, không một dân tộc nào lại không có Hiến pháp, luật-lệ, nghị-định v.v... Có thường có phạt. Nhưng bấy nhiêu điều sẽ ra vô ích, nếu con người đã phải

những minh luật bất dịch hướng dẫn rồi. Cho nên trong các dân tộc đều nhận con người có tự do.

— Trong dân tộc nào cũng có thưởng phạt, treo giải khuyến khích, hình phạt đe dọa. Song có nghĩa chỉ những điều đó, nếu con người không có tự do !

— Dân tộc nào cũng có luân lý riêng, hay là theo lệ tục song ý thức sao được một quan niệm về luân lý, nên con người thiếu tự-do !

— Hơn nữa, phán quyết của quần chúng này, không nhằm được vì nó đi ngược với những tính hư thói xấu của con người. Vì nếu con người không có tự do thì theo con đường xấu sẽ không ai phê phán ; song vì có tự-do, nên ai ngang tàng mất nết, thì sẽ hiểu chúng là con người tự do hành ác thôi... Nếu không có tự do, thì con người được thả cửa phóng dăng.

b) — **Chứng lương tâm** : Chính lương tâm con người minh chứng, trong các việc ta làm, có việc thì bó buộc, có việc thì thông dong. Min : Nếu con người không có tự do, thì không sao cắt nghĩa được sự phân biệt như thế. Concl : cho nên con người có thông dong.

Lương tâm, là một kinh-nghiệm nội tại. Nếu không có, thì không thể nào kinh nghiệm thấy thế !

— Nếu không có tự do, thì sao có sự khích, để theo đuổi chí khí anh hùng !

Một vấn nạn : Chứng lương tâm không thực, vì lương tâm chỉ cáo trạng những việc đã làm rồi, và đang làm hiện tại. Còn việc chưa làm, thì không thể cáo trạng được. Min : Song việc chưa đến thì chẳng biết có thông dong mà quyết. Còn những việc đã làm rồi, vì hoàn cảnh như thế không thể làm khác được.

Thưa : Lương tâm cáo trạng là cáo việc đã làm, hay đang làm là việc thông dong. Nhưng trong rất nhiều trường-hợp đã qua, con người không bị ràng buộc trong những việc như thế, thì sau này cũng sẽ thông dong mà định đoạt những trường hợp khác tương tự. Và lại việc làm minh chứng bầm tính. Trong nhiều trường hợp khó khăn, như trước sự chết, mà con người vẫn

thong dong định đoạt, thì hẳn chắc còn gì khó khăn hơn sự chết nữa ; nên con người sau này cũng sẽ vốn thong dong.

Vấn nạn nữa : Lương tâm thì chứng rằng trong khi ta chọn thì là thong dong đấy ; nhưng ta không biết hoặc trong đó có nguyên-nhân nào, nếu ta biết ra, thì có lẽ ta không chọn. Cho nên thong dong định đoạt, thì chẳng qua cũng vì thiếu sự am hiểu thấu cảnh vật.

Thưa : Trong khi ta định đoạt, không phải là tại giới mà định, một là suy tính cho đủ rồi mới định. Càng suy tính nhiều, ta càng thấy ta thong dong nhiều. Cho nên phút định đoạt, là những phút sau khi suy nghĩ nhiều. Không cần phải thông biết mọi sự, mới đủ lẽ thong dong. Biết theo hằm tính và định đoạt cũng theo hằm tính. Thế là con người theo hằm tính có thong dong, tự do.

Còn như nói hoặc giả có duyên cớ nào mà ta chưa biết đến. Câu đó không có nghĩa : vì phải minh chứng là trong đó có duyên cớ gì ẩn ngụy. Còn đứng trong trường hợp khác, ta lại định đoạt cách khác, nhưng lần nào cũng thấy hoàn toàn tự do.

Chứng siêu hình học : Vì câu kia : vô tri bất mộ, mộ là việc của ý chí, nhưng ý chí là một tài năng mù tối, cần phải hướng dẫn bởi lý trí. Min : Song lý trí đứng trước sự mỹ hảo tuyệt-dối, thì lý trí không còn có nhẽ biện luận hơn là : nói ý chí phải theo. Vậy trong trường hợp đó, ý chí theo bằng một sự bắt buộc.

Song còn bao nhiêu trường hợp khác, thì lý trí có nhiều phương tiện, trình bày cho ý-chí hay. Khi đó ý chí muốn chọn bên nào mặc ý. Đó là căn nguyên cội rễ, sao mà con người có thong dong.

Vì sao ? Vì thong dong, là quyền lực chọn phương tiện để đạt mục đích. Song phương tiện có nhiều và khác nhau. Cho nên có thong dong ở chỗ đó.

— Cho được đánh động lõi cuốn một vật chi, dĩ nhiên phải dư sức mới lõi cuốn nổi. Min : Song không có một vật nào ở trần đời, gọi là hoàn hảo cho nên cũng chẳng có vật nào ở trần đời lõi cuốn được ý chí con người. Cho nên con người (trừ ra một việc chọn hạnh-phúc thì bắt buộc rồi) trong mọi trường hợp được thong dong hoạt-động.

Lý-do và ý chí thì theo lý trí, mà lý trí chỉ trình bày có một hạnh phúc là điều cần, còn bao nhiêu thì trình bày bằng một sự vô tư, theo cũng được, không cũng được. Cho nên ý chí được thông dong.

Cội rễ sự thông dong : Có hai thứ cội rễ ngoại và nội. Ngoại là vì Tọa hóa dựng nên có nhiều bản tính trong vũ trụ. Có thứ thì làm việc theo mọi định luật, có thứ thì tự-do chỉ huy lấy việc của mình. Con người đứng vào hạng thứ hai đây.

Cội rễ nội, có cái là **trực tiếp**, có cái là **gián tiếp**. Trực tiếp là phạm vi sự tốt nó rộng quá, mà ý muốn con người thì tìm sự tốt. Song phạm vi mông mênh. Có một cái là tuyệt đối, thì ý chí không tự do, bắt buộc phải chọn. Song còn bao nhiêu sự tương đối: Thí dụ ý chí tự do chọn cái này hay cái nọ.

Gián tiếp : là vì ý chí theo ý chí, song lý trí phạm vi cũng rất rộng vì vật đích của nó là tất cả cái gì hữu lý và hiểu được. Cho nên theo sau lý trí, cũng được rộng rãi mà tuyển chọn.

BAI THỨ MƯỜI MỘT

NHỮNG VẤN NẠN

Bài của Linh-Mục J. B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH Dòng Đa-Minh

Đối lại với chân lý trên đây, có nhiều thuyết đưa ra làm lý do để phủ nhận. Tôi xin gồm những thuyết sau đây :

- 1) *Định-mệnh khoa-học chủ-nghĩa.*
- 2) *Định-luật của vũ-trụ.*
- 3) *Định-luật của vật-lý.*
- 4) *Định-luật của tâm-lý.*

1) *Định-mệnh chủ-nghĩa khoa-học*, thuyết này phủ nhận tự do con người, là vì không thể đồng hiện được với những luật-lệ của khoa-học. Có 3 vấn nạn.

- a) Xét theo bản thống kê.
- b) Xét theo luật vũ-trụ.

c) Xét theo luật bảo tồn nghị-lực.

a) **Xét theo bản thống kê** : Thường niên có những câu chuyện vui cũng như buồn xảy ra, mà trong đó, tuy là có sự tự do ; song vì con số đó đều đều, cho nên rất có thể làm tự do con người đã được hướng dẫn bởi một luật nhất định nào đó. Như hôn phối thường niên là bao nhiêu, vào trong thời kỳ nào ? Con số án mạng là bao nhiêu, và thường vì lý do chi ? Như thế là hoàn cảnh xã-hội đã hướng dẫn tự-do con người chứ không phải tự do con người chỉ định.

Thưa : Các việc trên kia, không đủ chứng phủ nhận tự-do con người. Trước hết hoàn cảnh xã-hội, cũng là tự do con người gây nên. Còn những trường hợp hôn-phối, hay án-mạng, ta coi con số làm định luật thì rất nhầm. Vì ta không thể đoán được cá nhân nào sẽ là thủ phạm, và cá nhân nào là nạn nhân. Hai chữ duyên tình xây dựng trên hai chữ tự-do cam kết, thì làm sao gọi được là định luật ?

b) **Xét theo luật vũ-trụ** : Ông Kant vin lẽ thế này mà phủ nhận tự do trong vũ-trụ thì mọi hiện tượng đều vịn vào nguyên tắc mà có. Có công hiệu, vì là có căn cứ, song giữa công hiệu và căn cứ có liên lạc cần thiết. Nhưng với tự - do lại không thể được. Vì giữa căn cứ và công hiệu không có liên lạc cần thiết. Thế là : Nếu nhận tự do, thì phải phủ nhận định luật chung kia. Như thế làm cản đà tiến của khoa học. Mà nhận khoa học thì phải chối tự-do.

Câu chất văt trên đây không phải là một lý luận sâu xa gì, bèn là một ngụ biện mà thôi. Cũng không làm giảm giá hai chữ tự do chút nào. Vì nếu mọi công hiệu, đòi hỏi phải có nguyên nhân. Vậy thì nguyên nhân nào, hiệu quả ấy. Nguyên nhân vô linh vô giác, thì hiệu quả cứ theo định luật mà có, còn nguyên nhân thông dong, vì là loài hữu lý và thiên tính, thì định - luật thiên nhiên đòi phải có công hiệu tự do. Đó là trường hợp mà khoa học cũng phải kết luận như thế.

Tự do không phá khoa học, vì khoa học nhận những nguyên tắc : là căn cứ nào ; công hiệu đó chớ không phủ nhận những căn cứ không khác nhau.

c) **Xét theo luật bảo tồn nghị-lực** : Theo sự kinh nghiệm của các nhà bác học, thì không có gì biến mất trong vũ trụ, một là còn nguyên, chỉ thay dạng thôi. Song có tự-do, thì ra luôn có sự mới mẻ, và cũng có thể luôn mất mát đi trong các nghị lực.

Thưa : Luật cơ-giới và lực bảo tồn nghị-lực đó, không phải là xác đáng, chỉ là thuyết giả sử (théoriquement), chứ chưa minh chức xác thực được. Hơn nữa luật kia nguyên áp dụng vào định luật của vật lý học, chứ không phải định luật của tâm lý học.

THUYẾT ĐỊNH LUẬT SINH LÝ

Theo thuyết này, thì con người, trong mọi hoạt-động đều lệ thuộc và cơ quan, lệ-thuộc vào tính khí và hoàn-cảnh nơi ở. Tóm lại việc ta làm, xem ra là lự do thông dong, song là sự định mệnh của tất cả hoàn cảnh vun vào. Thí dụ : khi ta muốn sự gì, thì trong người ta có những cử chỉ hoặc mở hay nhắm mắt để lấy nghị-lực, ưng thuận thì gật đầu, phản đối, thì giơ tay gạt. Đó là những định luật của sinh-lý.

Thưa : vấn nạn đó, cũng không đủ lý do phủ nhận tự do. Vì nhiều khi việc tự do hành động của ta, không ăn nhịp với cử chỉ giáng điệu bề ngoài. Cử chỉ nhiều khi nhắm lẫn. Cười đã chắc chi ưng thuận hay chế diễu ! Gật đầu đã là ưng thuận hay là có nghĩa sau sẽ hay ! Những câu ca sao chế diễu kia lấy được bao nhiêu ý nghĩa ! Một cử chỉ tươi cười, có thể là nhạo khỉnh... Cho nên không thực. Xem các người anh hùng chịu đau khổ kia, thế mà nội tâm khác hẳn với ngoại trạng. Người giả hình kia tâm sự bao giờ đi đôi cùng cử chỉ.

ĐỊNH LUẬT CỦA TÂM-LÝ

Một chủ-nghĩa định luật khác, còn tinh tế hơn, đó là định

luật về tâm lý. Thuyết này do ông Leibniz chủ trương. Xây trên nền tảng lý trí : Đó là con người, mỗi khi làm việc, thì suy xét có đủ lẽ trước đã, mới thi hành sau.

Thuyết này có hai đề tài sau đây :

1) — Không một ý nguyện nào mà không có lý do. Vì khi ta làm việc, thông dong định quyết, là khi đó có lý mà làm. Nếu đã có lý mà làm, thì ra lý trí định đoạt, chứ không phải là do ý muốn thông dong.

2) — Ý chí bao giờ cũng theo bên nào cán cân lý luận hơn. Mà giả khi nào làm cách khác, thì ra nhẽ kém lướt thắng được nhẽ phải hơn, như thế không có bao giờ.

Tóm lại ý chí như cán cân, bên nào phải nhẽ hơn là làm.

Phê-bình : Đề trả lời cho ông Leibniz, thì có ông Bossuet và Reid, với nhiều triết gia hiện tại ; các ông cho rằng : ý chí có thể quyết định, không cần có lý cũng được. Nhưng lẽ đó không chinh phục được. Vì bao giờ con người là hữu lý tính, thì làm mọi việc theo lý trí.

Nhưng có thực là bao giờ ý chí cũng phải theo nhẽ của lý trí mà ra, và bao giờ lẽ mạnh cũng thắng ru ?

Tuy lý trí vốn đứng địa vị thuyết trình mọi nhẽ hơn thiệt cho con người, trước khi hành động ; song đó là trình bày thôi, còn sự phủ quyết do ý chí hoàn toàn. Biết bao nhiêu lần ta có đủ lẽ theo một việc, mà ta không làm. Vì thế mới có sự khiếm khuyết trong nhiệm vụ. Biết bao phen ta hối hận rằng : giá biết thế mình theo con đường rọ, lập-trường kia thì xong... Hối hận đó, tỏ rõ dù có nhẽ phải, mà ý chí cũng không nghe.

Những lúc con người lưỡng lự, thì biến chứng chi ? Những phút con người cố gắng hy sinh, vượt qua những trở ngại là mình chứng gì ?

Kết-luận : Thuyết của ông Leibniz không đúng. Hành động con người trong những trường hợp tương tự nhau, mà hành động

khác nhau, đủ rõ con người tự quyết, chứ không theo minh luật của lý trí đâu. Nếu con người theo lý trí, thì ngày nay đâu có tội ác. Vì lý trí nói đừng, mà con người cứ thi hành. Trong việc thiện, lý trí khuyến hành, thì con người lại buông bỏ ra.

Vấn nạn : 1) Trong trường hợp, chỉ có một nhẽ phải mà thôi, thì hẳn là ý chí bó buộc theo. Cho nên định luật ở đó rồi.

Thưa : Trong trường hợp đó, ý chí có thể khước từ không theo. Tỷ dụ : người gặp kẻ cướp, nó dọa : một là của, hai là chết. Thế mà con người không chịu bỏ ra, và nhất định chống lại, chết thì thôi. Nhẽ có một mà không chọn kia.

2) — Trong trường hợp, có hai nhẽ ngang nhau, thì ý chí không tự quyết. Đó là dấu định luật của lý trí, con người hết tự do.

Thưa : Không đúng, con người có thể tự nặn ra lý do khác để theo. Tỷ dụ : trước hai sự chết, một là uống thuốc độc, hai là bị bắn cho chôn. Con người đó có thể tự nặn ra kẻ thứ ba, là tự sát thì sao ?

3) — Trong trường hợp hai lẽ chênh lệch, thì ý chí thế nào cũng theo bên mạnh. Thế là định luật rồi.

Thưa : ý chí có thể khước từ cả nhẽ mạnh kia. Tỷ dụ : trong những cuộc đố thách thi gan nhau, thì nào có ai theo nhẽ mạnh ? Chỉ trừ con người tự quyết mà thôi.

Chú ý : Làm việc bao giờ cũng là cho đáo lý, nhưng chưa biết cân cân lý đó là nặng, hay là ý chí tự chọn, mà làm nên nặng. Rất nhiều trường hợp, xét lý lẽ thì không mạnh chi, song con người quyết ngã về hướng đó, thì cũng hóa ra nặng. Có ai nói sao đại làm thế ? Thì họ trả lời : cho biết tay nhau, để chơi...

LÝ LUẬN CỦA ÔNG REID.— Ông này muốn dung hòa hai chữ tự-do với chủ nghĩa định luật về tâm tý, thì ông nói : tuy lẽ phải bao giờ cũng có mãnh lực làm cho chú ý định đoạt song cũng có hoàn cảnh, làm mà không theo lẽ. Ông ra thí dụ : một người hành khát xin ăn. Kẻ qua, người lại, có một chàng trong

túi có xu và hào, chàng ta móc túi, gặp đồng nào cho đồng ấy, chẳng so sánh nhiều ít. Thế là tự do với định luật dung hòa. Vì định luật lý trí bảo nên cho, song tự do móc thấy đâu cho đấy.

PHÊ BÌNH : — Việc giúp đỡ kẻ khó là việc nên làm, hữu lý rồi. Còn việc móc túi gặp chi cho nấy đó là việc không suy, có lẽ vì chia trí. Hay là một lẽ hèn khác, muốn lên vây cùng người qua lại lúc đó chẳng ? Thế lại là mâu thuẫn cùng lý trí rồi . . .

Dung hòa cách đó không đúng. Vì nếu con người bị định luật điều khiển, thì không còn bao giờ tự-do phán quyết. Mà nếu con người tự do phán quyết, thì lẽ phải cũng không thể lui lại hay thi hành được. Một là ý chí làm chủ. Ta hãy suy nhiều khi, ý chí bất lý trí phải suy lẽ, kiểm lý do . . . khi đó thì sao ?

Vậy thì nên kết luận rằng : lý lẽ của lý trí, tuy không bó buộc được con người phải theo, song mọi hành động, sự theo hữu lý, chỉ là một điều kiện thôi.

LÝ LUẬN CỦA ÔNG SPINOZA.— Thuyết của ông Spinoza là thuyết phiếm thần, trong đó có ngụ ẩn một định mệnh tuyệt đối (fatalisme absolu). Ông nhận là trong vũ trụ không có chi gọi được là tùy tùng (contingence), mọi sự thay là cần thiết hết. Ta tưởng ta có tự do, song thực sự không có, chỉ là ảo tưởng của ta thôi. Tự do, theo ông là có lương tâm hay ý thức vờ sự định mệnh cao cả, rồi ta chỉ liệu cách mà phục tùng định mệnh đó. Nghĩa là ta không nên sống theo giác quan hay trí vẽ, một phải sống theo lý trí, phải có ý thức về tạo-hóa và sống theo mệnh lệnh người ; mọi sự phải lấy cân cân **Đời Đời** mà đo lường.

PHÊ BÌNH :— Trong thuyết của Spinoza có sự mâu thuẫn to, triết lý với luân lý của Ông không hợp nhau :

a) — Là vì nếu mọi việc con người đã được tiền định rồi, không sao cưỡng được nữa, thì con người còn đâu là thông dong để chọn sống theo lý trí hơn là theo giác quan hay trí vẽ ?

b) — Nhiệm vụ không phải là một lý luận minh bạch của

lý trí, hay là một quan niệm rõ ràng tự nó thực hành lấy đầu. Nhiệm vụ là một điều truyền (impératif catégorique) cho ý chí phải thi hành.

CÓ MẤY THỨ TỰ DO THÔNG DONG ?

Trong triết học không có vấn đề nào, danh từ nào mà có nhiều ý nghĩa như hai chữ **Tự Do**. Ta nên phân biệt cho khỏi lầm :

I. — Tự do phân ra làm tự do tâm lý và tự do vật-lý (liberté psychologique et liberté physique).

a) — Tự-do tâm lý là ở tại sự chúng ta có quyền lựa chọn những phương tiện để đến kết quả, mục đích.

b) — **Tự do vật lý** là tự-do bắt cơ-quan trong con người thi hành mệnh-lệnh, mặc dầu điều đó nên hay không nên, mình có quyền làm hay không có quyền làm. Thí dụ, con người bắt toại, nó không có tự do hành động trong thân thể, song nó có quyền đòi hỏi việc nọ sự kia v.v...

II. — Còn phân ra tự-do : tự nhiên, công dân, tự do chính trị, tự do tin tưởng ; tự do tín ngưỡng v.v...

a) — **Tự-do tự nhiên** là những quyền tự do con người có, nó phát sinh ra bởi bản tính con người, như quyền để sống, quyền để có thanh danh, quyền để lập tư bản...

b) — **Tự-do công-dân** là tự-do một con người trong dân tộc được, trong những vấn-đề mà luật thiên nhiên chưa định đoạt rõ. Thí dụ phân giới hạn phạm vi của các đẳng cấp. Luật tự nhiên nói : trên cai trị dưới. Bây giờ phân giới hạn ấy ra thế nào...

c) — **Tự-do chính-trị** là tự-do tham dự những đảng-trị, hay là tham gia vào những chủ-nghĩa hay chính sách thiết lập xây dựng cho Quốc-Gia . . . (không có quyền đả phá, vì đó không phải là chánh quyền).

Trong đó có ngụ ẩn quyền bỏ phiếu, quyền tuyền cử, quyền ngôn luận . . . Nhưng phải hiểu là thực quyền, có tính cách xây dựng.

d) — **Tự do Tôn giáo** là con người được tự do tòng giáo và phô diễn lễ nghi tôn giáo đó. Nhưng cũng như điều ác, sự hư không có quyền theo cùng bài diễn, thì tôn giáo cũng chẳng phải là có chân giá trị như nhau. Chỉ tôn giáo nào làm cho con người nên lương thiện, thì tôn giáo đó mới đáng hưởng lập trường tự do.

TỰ DO CÓ TRÌNH ĐỘ NÀO KHÔNG ?

Xét theo về nội tín, thì hai chữ tự do xem ra không có mức nào vì là một việc đơn giản và bất phân chi. Vì tự do đã không đi đôi được với áp bức. Theo mặt này thì tự do không có trình độ.

Song xét theo hoàn cảnh, thì có những điều kiện, nên cũng có trình độ. Vì tự-do phải có sự suy luận sánh so. Nhưng có biết bao hoàn cảnh làm cho con người mất thăng bằng, hay trầm tĩnh để suy luận. Có khi vì trí khôn bối rối, hay dốt nát, có khi vì sơ ý hay vì dục tình che lấp.

Cũng có khi con người không được tự chủ bởi một tính mê nào đó. Cũng có khi vì cơ-quan thân thể yếu đuối, nên cũng ảnh hưởng đến sự quyết định.

Con người tự-do thực, là con người không bị vướng víu đến dục tình thăng trị, con người ăn học sáng suốt, cũng làm cho nó dễ dàng so sánh cùng chọn lựa.

Kết luận. — Con người đắm mê và con người không lương thiện, là những con người bị nô lệ vào hoàn cảnh nhiều hơn, hai chữ tự-do trong họ, vì vướng víu nhiều. Còn người lương thiện, còn người tinh thông và công chính, họ tự-do nhiều hơn ?

MẤY VẤN NẠN QUAN TRỌNG HƠN .—

1) — Vật đích của ý chí, so sánh với ý chí cũng như động lực với vật thụ động. Song động lực có thể lôi cuốn bằng vô lực. Cho nên vật đích của ý chí, cũng lôi cuốn được ý chí phải theo.

Thưa : Khi nào sánh sức, mà động lực vượt hẳn sức vật thụ động, thì khi đó mới lôi cuốn được. Song trừ một sự mỹ hảo

tuyệt đối, thì không có sự tốt nào có thể bắt buộc ý chí phải theo.

2) — Không cần phải vượt sức, cũng đủ lôi cuốn được. Vì lẽ rằng : khi trí khôn trình bày đủ lẽ, là ý muốn theo ngay. Ý muốn là mù tối như câu ta thường nói Vô Tri Bất Mộ. Nếu đủ lẽ là được rồi.

Thưa : Lẽ đó không đúng, Vì biết bao con người biết con đường lương thiện kia, đó đúng là lý lẽ, thế mà người ta không theo, muốn ngược vòng theo nẻo tà. Đủ lý lẽ đấy, mà nào con người có theo ?

3) — Cũng như sự tốt lý trí bày, thì sự tốt thuộc về cảm giác, do trí vẽ đệ đạt, song đối với cảm giác, thì bị lôi cuốn ngay. Gho nên sự tốt kia thuộc về lý trí, cũng lôi cuốn ngay. Thế không còn tự do.

Thưa : So sánh thế không đúng. Vì trí vẽ không biết so sánh, cho nên lôi cuốn ngay cảm giác theo, nhưng lý trí so sánh hơn thiệt, rồi mới trình bày.

4) — Không căn nguyên sẽ không thành hiệu quả. Vậy nếu lý chí hay thông dong con người, không bị lôi cuốn bởi vật dích cũng như bởi lý trí thì ra công việc tự-do kia, sẽ trở nên như vô nhân-nguyên.

Thưa : Có nhiều thứ nhân nguyên. Ý chí không có căn nguyên ngoại, nhưng có căn nguyên nội. Chính ý chí là căn nguyên tự do phát ra hành-động thông dong kia.

BÀI THỨ 12

NGUYÊN THỦY CỦA HỒN

(Bài của Linh-mục Trần-mục-Đích Đaminh)

Về vấn-đề nguyên-thủy linh-hồn con người, sự đấu lý nhau trong các triết gia rất sôi nổi. Tôi xin trình bày rõ rệt các ý-kiến rồi sau sẽ đặt đề-tài theo đúng chân-lý.

Bốn ý-kiến : Phát - xuất chủ-nghĩa (émanatisme), truyền thống phái (traductinisme), biến-hóa phái (transformisme) và sau cùng là ý-kiến nhận sự dựng nên (créatisme).

a) Ý-kiến thứ nhất là phát-xuất chủ-nghĩa (émanatisme) nhận mọi sự trên vũ-trụ, do bởi chính bản-tính Tạo-hóa mà ra, như đã nói trên. Ý-kiến đó sai thế nào, tôi đã trình bày rồi, không nên nhắc lại cho thêm dông dài.

— Ý-kiến thứ hai, là thuyết nhận truyền thống (traductinisme). Họ nhận hồn bố mẹ đẻ ra hồn con. Hồn người bố cũng theo lối giao-cảm mà sinh ra. Ý-kiến này phân tách làm nhiều, sẽ nói dưới đây.

c) Ý-kiến thứ ba, là nhận bởi định-luật biến-hóa mà ra ; ý-kiến này sai, tôi cũng đã trình bày trên kia rồi.

d) Ý-kiến thứ bốn, là nhận hồn trực-tiếp bởi tay Tạo-hóa dựng nên, phú vào xác hữu hình, cả hai khi phối hiệp, con người được nhân-vị ngay từ khi đó.

Truyền-thống phái có nhiều hình-thức : một là truyền-thống theo nguyên-tắc vật-chất, hai là nguyên-tắc thiêng-tính.

THEO NGUYÊN TẮC VẬT CHẤT—Những người nhận là hồn người con, sinh bởi hồn bố mẹ. Căn nghĩa như sau : nguyên trong khí chất của bố mẹ, có sức co giãn, theo định-luật biến-hóa đó, dần dần con người, trước có hồn như giống vật, sau rồi biến đến thành hồn con người.

Theo ý-kiến này, có ông Tertulien, các người theo thuyết duy-vật, nhưng vì mắc một trở ngại do bên duy-linh chất vẫn, là tại sao từ giác hồn bước sang được linh hồn ? Thì họ chế chằm-thuyết của họ là : khí-huyết của song thân chỉ là như dụng-cụ, để truyền sang con một mảnh hồn của người bố.

THEO NGUYÊN TẮC THIÊNG TÍNH — Song thân nhờ khí-huyết của mình, như bắc đèn dọi sang hồn con. Hai ngọn lửa xin lửa nhau không có mất mát chi. Thì hồn của song-thân còn nguyên, mà hồn con được sinh ra mới y như khi ta dọi đèn, châm đuốc. Có nhiều người theo thuyết này, Augustin cũng có một đạo theo thuyết đó ; nhưng sau thấy vô-lý lại bỏ đi.

PHÊ BÌNH — Thuyết truyền-thống theo lối sinh sản vô lý :

a) Nếu con người sinh sản được cả con người, thì ra hồn con người là vật-chất. Mà nếu là vật-chất, thì không bất-tử nữa. Song hồn là thiêng-tính và bất-tử, y như ta đã trình bày trên kia rồi. Cho nên thuyết truyền-thống đó không thể nhận được.

b) Nếu có thực, là hồn song thân sinh ra hồn đứa con, thì luận rằng : Bao nhiêu lần có sự giao-cảm, thì bấy nhiêu lần phải có con, có hồn... Nhưng thực tế cho hay tà không đúng.

PHÊ BÌNH — Thuyết truyền-thống theo thiêng cách. Ví hồn con người bố như ngọn đèn, khí huyết như các bắc đèn dọi lửa. Như thế cũng không được. Vì hồn con người thiêng liêng, không thể có phần mà san sẻ được. Nhất là đơn thuần, không thể chi phối cách nào được.

Ông Antoine Rosminien, xét theo bản tính của hồn thiêng và đơn thuần, thì cho lẽ nói trên là không được. Nên ông ta cắt nghĩa thế này : Bố sinh con, thì sinh cả giác hồn, rồi Tào hóa nhìn vào hồn đó, đổi thành thiên tính, như lời sấm ký cựu ước của Do-Thái dạy : Là Tào hóa thổi hơi vào con người trở nên sống.

Thuyết đó xem ra gọn ghẽ lắm, nhưng không hợp lý : Vì khi hồn thiên tính này đến sau giác hồn kia, thì giác hồn kia tan biến

đi đâu ? Không minh chứng được. Hai là hơi thở của Tạo-hóa kia là một phần bản tính của Tạo-hóa ru ? Thế thì lại sa vào thuyết phát xuất (émanatisme) như đã nói trên. Đó là vô lý.

Những vấn nạn — 1) Trong con người chỉ có một hồn thôi mà kiêm cả ba công tác là sinh-hồn, giác hồn và linh hồn. Y như con số 3 kiêm gồm thể lực của số 2 và số 1.

Nhưng sinh hồn và giác hồn, thì sinh ra bởi khí chất. Cho nên linh hồn cũng thế thôi.

Thưa : Hồn nào nguyên bản tính cùng địa vị nó là giác hồn, thì bởi khí huyết mà ra, thì phải rồi ; Song hồn nào bản tính không là giác hồn, một là linh-thiên, nhưng có thể kiêm gồm hai công việc kia, mà nói là bởi sinh để mà ra thì không thực.

Tỷ-dụ : Nhân vật nào càng to, thì kiêm gồm được quyền hành của kẻ bé. Tổng-thống kiêm gồm được mọi việc công-an, và hành chánh ; Song Giám-Đốc công-an, không phải là địa-vị Tổng-Thống nên không kiêm gồm được công-vụ của công-an (Tổng-thống do tuyên-cử toàn diện bầu, còn công-an Tổng-thống đặt lên được. Đó là một tỷ-dụ nhỏ để ta hiểu, sự kiêm gồm công việc của một địa vị khác.

2) Bố là bố của đứa con. Song con là con của cả hồn lẫn xác, Vậy bố đẻ ra xác, thì cũng đẻ ra hồn,

Thưa : Tuy gọi thế, song cách thức khác nhau. Vì bố chỉ đẻ ra xác thôi, mà xác kia kết hiệp cùng hồn chặt chẽ, thành người, nên kẻ như là con cả hồn lẫn xác, Cũng như con dâu, nào bố mẹ chồng có đẻ ra nó ? Sao nó cũng là con ? Nào nó có phải là giòng máu ? Sao cũng cho nó thuộc họ nội ?..,

Vậy thì trong đứa con, xác được đúc bởi khí huyết mẹ cha, và xác đó hiệp cùng hồn để thành con người, cho nên gọi là con của bố cả hồn lẫn xác đó là thói quen gọi thôi.

3) Nếu bố mẹ không đẻ ra hồn con, thì sao bao đức tính của bố mẹ truyền sang được gọi con ? Bố hiền trời đức cho con, mẹ

hư trời cho con tính lãng loạn ? Đó là dẫu bố mẹ sinh con hoàn toàn.

Thưa : Kinh nghiệm cũng cho hay nữa là : Nhiều khi bố xấu con tốt. Và lại bố tốt mà con hư nữa... Song lẽ là vì xác của người con thì được đúc bởi khí huyết mẹ cha, cho nên những tập quán theo thể chất kia, cũng theo giòng máu vào xác con. Mà vì xác mật-thiết với hồn, nên có ảnh hưởng sang nhau,

VẬY THÌ HỒN THỦY NGUYÊN LÀ ĐÀU

Nếu hồn không ở vật chất, không bởi bố mẹ sinh thành, thì chỉ là con Tạo-Hóa trực-tiếp dựng nên. Hầu hết các triết gia thuộc phái kinh viện học (Scolastique) đều nhận là hồn do Tạo-Hóa dựng nên, trực tiếp từ người một.

Vấn đề còn ngụ một vài trở ngại, nếu xét theo lý :

- a) Sẽ cắt nghĩa sao sự cộng tác của Tạo-Hóa trong việc những đôi tình lang đẻ con ngoại..
- b) Sẽ cắt nghĩa sao, tội nguyên tổ truyền lại con tử tôn.
- c) Sẽ cắt nghĩa sao, lời sấm ký cựu ước dân Do-Thái nói : Sau khi ương hết mọi loài, thì Tạo-Hóa nghĩ, không còn dựng nên gì nữa.

a) **Mục nhất.**— Mỗi lần con người đi ngang về tắt, sinh con ngoại tình, thì xem ra tạo-hóa cộng tác với việc đó nếu hồn trực tiếp bởi tay Ngài.

Thưa : Trong việc đi ngang về tắt tình nhân, có hai phạm vi về hai ngành pháp luật riêng biệt : Một là thuộc phạm vi sinh lý, hai là phạm vi luân lý,

Theo mọi nhiên luật về sinh lý, Tạo-hóa định là khi đôi nam nữ làm việc để truyền bá giống nòi thì việc đó là tự nhiên, nên Ngài phải ủng-hộ để thụ sinh chu toàn định luật đó.

Theo phạm vi luân lý, vì việc đó ngoài pháp luật, cho nên Ngài không cộng tác với lỗi giới đâu. Cho nên hồn đũa hài nhi không

can phạm chỉ trong việc đó, chỉ có riêng hai người nam nữ ngoại lệ đó chịu thôi.

b) **Mục hai.**— Tuy hồn trực tiếp bởi tay Tạo-hóa, là một việc đẹp. Hồn riêng biệt thì chưa mang tội. Song khi phối hiệp cùng xác thì tội nhập ngay. Vì tạo-hóa đã ra đoán phạt bản tính nhân loại. Vậy khi nào thành bản tính nhân loại, khi đó bị can nhiệm. Tỷ dụ : Một người mang ân vua, bao lần trung tìn, thì bấy lâu hưởng, tất nhiên những đứa con cũng hưởng. Song một khi phạm pháp lỗi giới, người bố bị truất chức, hấn họa đó sẽ tràn sang các con. Chẳng những đứa đã sinh rồi, còn bao nhiêu đứa sau này sẽ sinh, cũng bị án. Là con nhà Phạm thượng. Nhưng đây là một tín ngưỡng tôn giáo, và theo truyền khẩu, các dân thiên hạ đều nhận (sẽ cắt nghĩa thêm nhiều ngoài những tài liệu này).

c) Câu sấm ký cụ ước kia rằng : Ngày thứ bảy Người nghỉ ngơi không còn dựng nên gì nữa. Câu đó phải hiểu về các giống cùng loại hữu hình trên vũ trụ này. Hồn thiêng không ngụ trong ý nghĩa câu đó,

Minh chứng chúng cách trực tiếp.— Mỗi hồn đều được dựng nên bởi tay Tạo-hóa.

Nguyên thủy của mỗi vật ra sao thì ta hãy xem bản tính các vật ấy ra thế nào. Thì sự vật thế nào, thì thủy chung của nó cũng sẽ thế ấy.

Song vật nào tự lập được, không cần phải nương tựa đến vật khác mới vững, thì bấy nhiêu vật đó không chịu đi lối biến hóa, cũng chẳng đi lối truyền sinh. Vì truyền sinh cần nhờ vào hợp thể mà có vì nó phải đi từng chặng. Song vật nào là tự lập và đơn-thuần, thì đâu có chặng nữa.

Nhưng linh hồn nhân loại, là thể mô tự lập được và đơn thuần, thì không thể có sinh đẻ được. Vì cho được sinh đẻ, thì cần trước hết phải có một nguyên liệu nào làm chủ thể, rồi thay đổi từng phần một ; Song vật đơn thuần, thì lấy đâu làm nguyên liệu chủ thể để biến cải từng phần một ? Vì thế hồn phải được dựng nên trực tiếp bởi tay của Hóa-Công (St. Thomas I.P.Q.X,C. art. 2)

BÀI THỨ MƯỜI HAI HỒN KẾT HIỆP CÙNG XÁC LÚC NÀO ?

Bài của
Linh mục J.B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH
Đòng ĐA-MINH

Trong vấn đề này, có chiều ý kiến song phải phân tách làm 2 điều, để khỏi hỗn trật tự.

- a) Hỏi có phải hồn được dựng nên trước khi hợp cùng xác ?
- b) Có phải hồn hiệp với xác ngay lúc thụ thai chăng ? hay là ít nhiều ngày, để cho có thể được tổ chức đôi chút đã.

Ý kiến sai lạc — Ông Platon và các kẻ theo thuyết học của ngài, nhận rằng Tạo hóa dựng nên từ muôn thừa, tất cả các hồn rời, để một nơi. Mỗi khi có người thụ thai, thì Tạo-hóa lấy ra một hồn, rồi cho kết hợp cùng xác . . . Lý do kết hợp cùng xác, theo Ông là tại nơi ước muốn vật chất, cho nên Hóa công cho đi tù đày ở trong vật chất. Ông Plétine cũng đồng ý kiến. Còn ông Origène thêm rằng : Tùy đòn cân tội nặng hay nhẹ, rồi hóa công cho phép vào xác trọng hay hèn.

Những người Ai Cập và những kẻ theo phái Pythagore, thuyết luân hồi cũng nhận là có hồn trước và riêng biệt, vì tội nên mới phải đọa vào xác.

Đề tài I — HỒN KHÔNG DỰNG NÊN TRƯỚC KHI HIỆP VỚI XÁC

Tạo-Hóa đặt nên nhiên luật, cho nên Người giữ nhiên luật nếu không vì một lý do nào đặc biệt, mà lý do đó, phải thêm danh-dự cho Người thì mới làm.

Min : Song theo nhiên luật, là bần tính con người không phải là hồn riêng xác biệt, một là hồn kết hiệp cùng xác, lúc đó mới thành bản tính con người.

Concl. Nếu không lý do chi, mà Tạo-hóa dựng nên hết các hồn

từ trước, rồi để trong một gian cảnh nào đó ! ! Lẽ đó vô lý, là thuộc trí về hơn là lý trí. Còn như ta chết, hồn tạm lìa xác đi một nơi, đợi chờ ngày thẩm phán đến vì thế câu kia rằng : Sinh ký, tử qui. Song lìa lúc sau này, đó là vì một tội. Chết là hình phạt đau khổ của con người. Tại con người lỗi giới, con người nguyên tồ, cho nên, án phạt chết là chung cho hết mọi người, cả nhân loại...

Cũng vì một lẽ, Tạo-hóa không làm cho bản tính con người tiêu diệt đi, thì một ngày kia, hồn xác lại tái hiệp, ra trước tòa công thẩm, lãnh thưởng hay phạt, sau giai đoạn đó mới là quyết liệt địa vị nào cho hẳn. Vấn đề này, thuộc phạm vi tôn giáo hơn là triết học.

Thuyết luân hồi — cũng không nhận được, vì là thuyết trái với nguyên tắc khoa học. Trái với luân lý.

Trái với khoa học — là vì thể mô của các vật là bản tính của các vật. Con người cũng như vật khác, một trật không có hai bản tính được. Vậy giả dụ hồn một người đọa đầy vào con chó, thế trong lúc đọa như thế, con chó có bản tính chó hay là bản tính người ? Nếu người, sao công việc không chỉ biểu lộ được là con người ? Nếu là chó, thì thuyết luân hồi chả là bịa đặt lắm sao ? Và nếu trong lúc đó, chỉ có bản tính người, thì hỏi bản tính chó lúc đó tạm đi đâu ?

Hơn nữa, tất cả các vật trên vũ trụ theo thuyết luân hồi, thì chỉ là những trạng chó hồn người đầy đọa thôi. Thế ra trên vũ trụ thật không có các vật khác, chỉ có nguyên con người thôi à ?

Trái với luân lý — Nói đại Ông bà tôi qua đời, nhưng vì tội riêng phạm ở kiếp trước, nên kiếp sau bị đọa vào khuyển thú. Tôi tình cờ ra chợ mua về, chẳng may đó chính là Ông bà tôi. Tôi sử với chó theo như cấp của nó, thì ra tôi phạm tội bất hiếu quá nhé. Nào là bắt dọn vệ sinh, nào là bắt coi nhà, rồi sau còn giết thịt ăn... Những tội này ai chịu ? Tôi vô tình nên không lý do chi đở trên đầu tôi. Nếu đở cho Tạo-hóa, thì ra tạo-hóa một

mình phạm đủ mọi tội trên đời... Thế là phạm thượng quá lắm thực là nạn giải.

Đề tài II — HỒN KẾT HIỆP CÙNG XÁC

Theo sinh lý học, thì lúc khí huyết của nam nữ gặp nhau thì lúc đó bắt đầu thụ thai. Song sự kết luyện cả hai, không phải là ngay phút giao cảm, một là phải lâu giờ sau, có khi một hôm, hẳn là hồn không kết hiệp ngay trong lúc giao cảm, một là khi nào bắt đầu thành nghén, thụ thai. Vấn đề này có nhiều ý kiến.

Có ba ý kiến :

— Ý kiến thứ nhất nhận là con người bắt đầu sống theo sinh hồn, cho đến khi cơ quan đã được kết cấu hẳn hoi khi đó giác hồn, đến, và khi đã được thành hình con người khi đó linh hồn đến, Ý kiến này nhiều người theo. Nhưng phải hiểu là khi kỳ thủy, chỉ sống theo những hoạt động chung của người mẹ, chịu nuôi dưỡng trong thai thai, sau dần dần biết cử động và có sự cảm giác, cũng theo hoạt động của người mẹ hết ; sau cùng khi thành hình thì lúc đó TẠO HÓA phú hồn thiêng vào. Như thế thời hạn không biết được cho nhất định là bao nhiêu.

— Ý kiến thứ hai, nhận là ngay từ khi thụ thai, thì TẠO-HÓA phú hồn thiêng vào đó.

— Ý kiến thứ ba, là nhận ngay bắt đầu, có giác hồn và sinh hồn, sau rồi hồn đó biến đi nhường chỗ cho linh hồn.

Ý kiến thứ nhất hầu hết những người thuộc học phái Aristote và kinh viện triết học (Scolastique). Có thánh Thomas d'Aquin đứng bậc nhất về triết gia, cũng nhận thế. Trung tuần thế kỷ thứ XVII có bác-sĩ thời danh tên là Craanan, Lubatore, Cornoldi, Santi Lorenselli.

Ý kiến thứ hai có thánh Alberte le Grand, Vincentito Bellocensi, và các bác-sĩ thời danh là Fieni, Lovaniensi và các người nổi tiếng trong khoa sinh lý học.

Ý kiến thứ ba có Brin, Farges và Barbedette, Elie blanc...

Ý kiến thứ nhất — minh chứng rằng : Khi nào hồn xác hợp nhau, thì thành con người trọn. Song khi mới bắt đầu thụ thai, thì đâu có thể nói được là con người trọn. Cơ thể chưa thành hình, thì nói sao được là bóng dáng con người ở đó ? Chẳng qua chỉ là một khối khí huyết động lại thôi..

Hơn nữa, vật chất dọn đường cho thể mô. Vậy khi ban đầu, thì vật chất đâu đã được tổ chức hẳn hoi. Cho nên hồn thiêng chưa phú ngay vào khi mới thụ thai.

2) Cũng như thảo mộc, cũng cần phải có tổ chức theo các tế bào, và giác hồn cũng cần phải có tổ chức nên cơ quan. Thì linh hồn cũng đòi hỏi phải có xác, ít là thành hình đôi chút đã.

3) Trong con đường sinh lý, thì cứ tuần tự, sự không trọn đi trước, rồi sự trọn đến sau. Vậy trước bào thai kia, song theo những hoạt động của xác người mẹ, rồi sau mới đến linh hồn thể là hữu lý.

Ý kiến thứ hai minh chứng : Theo sự khảo cứu, thì ngay từ ban đầu, thai kia đã sống động được, và cử động theo điệu riêng. Thế nghĩa là đã có hồn riêng rồi.

Song không có lý nói rằng : Hồn trước đó là giác hồn hay sinh hồn, rồi sau biến đi, nhường chỗ cho linh hồn. Vì không có lẽ gì minh chứng được sự luân chuyển đó.

Cho nên ngay từ đầu khi thụ thai thì con người đã có hồn thiêng.

Ý kiến thứ ba không đủ lý luận, vì một là theo ý kiến thứ nhất, hay là ý kiến thứ hai. Vì nếu nhân sự truyền chuyển tiếp kế các hồn, thì không thể minh vì có chi mà tiếp kế như thế. Mà không nhận như thế, thì là quay về ý kiến thứ hai.

Còn ý kiến thứ nhất không nhận hồn riêng biệt, một nhận bào thai kia sống theo hoạt động của người mẹ, cho đến khi cơ quan thành hình, thì linh hồn sẽ được phú gửi.

Kết luận — Vấn đề chưa thể giải quyết được, vì các bác-sĩ, kinh nghiệm gia cùng các người chuyên khoa về sinh lý, mỗi người để ra bằng chứng, nhưng chưa có sự xác thực. Cho nên các lẽ trên kia đưa ra bên nào cũng có lý.

Song hợp với khoa học sinh lý ngày nay, thì ý kiến thứ nhất xem ra phải hơn. Và như thế có thể hồn phú vào xác trong khoảng ba mươi ngày sau khi thụ thai.... Vấn đề này, không quan hệ chi cho triết học bằng tôn giáo.... Nhưng đây không phải là thuyết-trình về tôn giáo, cho nên có thể thông-quá vấn đề, vì còn đang tranh luận nhau, chưa có ý kiến nào xác thực. Chỉ có một điều không đúng là sự thuyên-chuyển các hồn kế tiếp nhau v. v... Điều đó không đúng thôi. Còn hồn vào ngày nào, thì thực chưa rõ và minh chứng được.

BÀI THỨ 13

MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA HỒN VÀ XÁC

Bài của Linh-Mục J.B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH dòng ĐA-MINH.

Muốn bàn giải cho mạch và minh chứng cho đạo - lý vấn đề NHÂN-VỊ, thì cần phải am hiểu mối tương quan giữa hồn và xác ra sao đã. Vấn đề này thật là khó. Vậy cho sinh-viên được hiểu, thì tôi xin phân biệt 3 thứ kết hiệp trong các bản thể với nhau.

a) **Kết hiệp tùy-tòng**, là khi nào các bản thể hợp với nhau mà không làm thành bản tính khác nhau, cũng chẳng thông công cùng nhau trong hoạt-động và có chia lìa nhau nữa, không mất bản tính ; Vì hợp thể kia không kết thành một chủ thể. Thí dụ : bộ quần áo hợp với người. Hai bản tính khác nhau có chung dụng hay chia lìa, cũng không thiệt chi đến bên nào.

b) **Kết hợp thành Nhân-vị** : Là khi nào hai bản thể hợp với nhau, trở thành một chủ thể, chung dụng mọi hoạt động, nên một bản tính, mà bản tính hữu lý. Như xác con người ta với hồn hợp với nhau thành Nhân-Vị.

c) **Kết hợp theo bản tính** : Khi nào hai bản thể hợp với nhau làm thành một bản tính, song không phải là trong bản

tính hữu lý, thì đã gọi được là kết hợp theo bản tính. Tỷ-dụ hồn và xác con vật.

HỎI HỒN VÀ XÁC CON NGƯỜI KẾT-HỢP CÁCH NÀO ?

Ý kiến Ông Platon : Cho sự hợp nhất trong con người, chẳng khác chi con tàu hợp với hoa - tiêu. Người hoa-tiêu hướng dẫn con tàu, song không đụng chi về bản tính tàu.

Ý kiến Ông Malbranche : Ông và các kẻ theo ông, nhận một thuyết là, giữa xác và hồn chỉ là cơ hội, nghĩa là Tạo-hóa đã biết bản tính đòi bên hồn và xác, người dùng cả hai như cơ hội để thi hành mọi điều người muốn ở trên vũ trụ này. Thế nghĩa là, phần xác chẳng qua chỉ là dịp để hồn tiêu biểu ý muốn của mình (Malebranche traité de la morale première partie c.x) Fénelon cũng theo ý kiến đó (lettre sur la métaphysique c. II)

Ý kiến Ông Leibnitz : Chủ xướng thuyết tiền-định điều-hòa (harmonie préétablie) nghĩa là từ muôn thuở, Tạo-hóa đã hay những định luật về hồn cũng như xác cho nên người khéo dung hòa cả đôi bên, những việc ở xác ảnh hưởng sang hồn, và việc ở hồn ảnh hưởng sang xác... tài tình hơn giây cót đồng hồ kim chỉ giờ. Chứ thực giữa hồn và xác không có sự kết hiệp thành bản tính đâu. Vì một đẳng là thiêng tính, bên xác là vật chất, thì đồ đồng tính sao được.

Ông Loke thì nói giữa hồn xác chỉ có sự thông đồng theo vật lý học thôi chứ không có sự kết hợp bản tính, còn Ông Rosminien thì nhận sự thông đồng giữa hồn và xác trong sự thông cảm liên lũy thôi, cho nên không là kết hợp bản tính đâu.

ĐỀ TÀI :

SỰ KẾT HỢP GIỮA HỒN XÁC LÀ KẾT HỢP THEO BẢN TÍNH VÀ NHÂN VỊ

Mjnh chứng 1)— *Lương-tâm* : Hết mọi việc ta làm, dù thuộc riêng về xác như ăn nghỉ, việc vệ sinh, chơi bời, đi đứng: hay là thuộc riêng về hồn như suy nghĩ, ước muốn. Bấy nhiêu việc đó quy về một chủ thể là bản ngã *TÔI*, Nếu không kết hợp

theo bản tính và Nhân-vị thì sao việc của xác mà TÔI nhận, việc của hồn TÔI cũng nhận.

Đó là biểu chứng cả hai đã thành một bản tính, và trở nên Nhân vị rồi, nên mới có sự thông công như vậy.

2) **Theo Siêu hình học** : Bản tính vật nào, thì trình bày ra bằng sự định nghĩa của vật ấy. Vậy con người định nghĩa sao? Thừa định nghĩa là một vật hữu lý tính. Như thế xác và hồn chung hiệp với nhau mới kết thành bản tính con người,

Người không phải là riêng xác, cũng không phải là riêng hồn, một cả hai.

3) **Theo sự ảnh hưởng thâm sâu** : Nếu cả hai không đúc thành bản tính thì sao cắt nghĩa được sự ảnh hưởng đôi bên rất thâm sâu. Hồn vui quá làm cho xác khỏe mạnh, hồn buồn dẫu, xác trở nên yếu đau. Ngược lại, những cảm giác của xác lọt thấu vào hồn, làm cho hồn ngừng cả công việc riêng biệt. Cắt nghĩa theo thuyết Ông Loke, Leibniz và Malebranche không được. Vì nhiều khi hồn kiềm chế lại mọi vui thích ở xác, xác vui mà hồn đau khổ. Trong những giây phút mà hồn diệt dục, thì càng rõ giữa hồn và xác đã kết hợp cùng nhau thành bản tính rồi.

4) Nếu ta không nhận sự kết hợp thành bản tính và Nhân vị giữa hồn và xác thì ta sẽ đổ mọi lỗi cho Tạo - hóa, và Tạo hóa làm chứ ta không làm, và như vậy nền luân lý cũng tiêu diệt, vì không còn nghĩa vụ và quyền lợi chi. Ta có làm sự đó đâu, mà chịu trách nhiệm?

VẤN NẠN— Nhân vị phải tồn tại, và không thay đổi; song xác ta thay đổi luôn, thì kết hợp Nhân vị sao được?

Thưa : Xác xét theo về thứ (espèce) thì còn luôn mãi, dù xác lớn hay gầy béo lên cũng thế thôi; song xét về lượng thì thay đổi luôn. Nhưng đó có sao? To nhỏ hay gầy cũng là xác, nó luôn được hợp với hồn. Mà vì thế to hay nhỏ cũng là người, chỉ hơn nhau chỗ đó. Hơn nhau ở những quyền lợi và nghĩa vụ. Mà đó là tại hồn hơn tại xác.

2) Cái gì tự nó thích hợp thì bao giờ cũng thích. Vậy nếu hồn này và xác kia, tự nó thích hợp kết thành bản tính, thì không bao giờ lia được. Song sự chết đã đến chia lia. Cho nên là dẫu hồn xác không hợp cùng nhau thành bản tính.

Thưa : Cái gì thích hợp, thì luôn luôn thích hợp, hoặc thực thể, hay là có xu hướng, khi không bị cản trở. Song xác và hồn là hai thành phần cấu tạo nên bản tính con người, thì luôn luôn có xu hướng về nhau. Vì một lý do khác, mà mọi con người phải chết ; nhưng sau này Tạo-Hóa lại sẽ phối hiệp lại, để cùng nhau đồng thụ hay đồng hưởng một địa vị khác. Cũng vì lý do này, triết học không đủ làm thỏa mãn con người, cần phải có tôn giáo bổ-túc cho phần thiếu sót. Những điểm tâm lý, triết học không thấu tới, thì cần phải có tôn giáo giải quyết chỗ đó.

BÀI THỨ 14

NHẤT THỂ LINH HỒN TRONG CON NGƯỜI

Bài của Linh-mục Trần-Mục-Địch Dòng Đa-Minh

Thưa là bá nhân bá kiến, có những con người có quan niệm kỳ dị đã hẳn bao giờ cũng có người nói giỏi, để rồi kẻ khôn biết con đường mà lánh. Vấn đề Nhất thể linh hồn, cũng lắm ý kiến.

Ông Overroes, triết gia Á-rập (1120-1198), sinh ra trong nước Fispagne, trong thời kỳ quân Moro chiếm đóng nước đó. Ông dạy rằng : mỗi cá-nhân, có một linh hồn, hồn đó là giác hồn như các vật khác vậy. Còn linh hồn thiêng tính, thì chỉ có một, chung cho cả mọi người, y như mặt trời rọi chung thế giới. Nhưng tư tưởng và quan niệm riêng, là vì mỗi người có trí vẽ khác nhau, nên khi linh-hồn kia chiếu rọi vào thành ra ý nghĩ khác nhau, cảm tưởng khác nhau.

Ý tưởng đó sau ông Fichte, Scheling, Hegel cũng theo.

Tại sao ? Thưa vì họ không hiểu được vấn đề trước đây, là hồn thiêng kết hợp cùng cái hữu hình thành nên một bản tính con người. Họ theo trí vẽ, tưởng thiêng tính phải thấu vào với vật-chất biến thành bản tính con người. Thực hiểu thế là sai lầm và theo nghĩa đen quá. Hồn vốn thiêng, và các vật chất, song phối hiệp cùng nhau một cách như thể mô hợp với nguyên liệu mà thành bản tính từng vật.

Cũng chẳng cần ngừng đây, để phê bình thuyết ông Averroès, theo thuyết ông, thì phải chối hẳn bất tử của mọi cá nhân, con người không thiêng tính và con người không có nhân vị nữa. Không có quyền hành cùng lợi vụ gì như muông thú hoàn toàn. Thế làm giảm con người.

Bây giờ ta nên xét trong con người có mấy hồn ? Vì ta thấy trong con người có 3 ngành hoạt động, nào là về sinh lý, về giác quan và thiêng tính. Vậy từ đó phát ra mỗi nghi ngờ, không biết con người có mấy hồn ?

Ý kiến : Ông Aristote và ông Ciceron cũng từng thuật rằng : Ông Platon nhận trong con người có 3 hồn, vì nhẽ có 3 ngành hoạt động khác nhau. Linh hồn, ông cho trụ sở là bộ óc, giác hồn ông cho trụ sở là con tim, còn sinh hồn ông cho trụ sở là gan. Thuyết đó gọi tên là **Tricotomie** hay là **Tridynamisme**.

Phê bình : 1) Theo lẽ siêu-hình học thì không thể được, vì hồn là thể mô, mà thể mô làm nên tính. Như thế sai hết mọi nguyên tắc siêu hình học, vì minh nghĩa con không nhằm. Con người chỉ có một bản tính, gọi là bản tính nhân loại, thì cũng chỉ có một hồn là hữu lý tính thôi.

2) Nếu có thực là 3 hồn, thì trong con người phải có 3 bản ngã, song lương tâm ai nấy mình chứng, chỉ có một bản ngã trong con người. Làm chủ động mọi hành vi. Cho nên cũng chỉ có một linh hồn mà thôi.

Ý kiến Ông Okam : Ông này chủ thuyết gọi là **Duodynamisme**, là 2 hồn. Một là linh-hồn, hai là giác hồn, giác hồn kiêm cả mọi nhiệm vụ về sinh hồn. Thuyết này có nhiều người theo như ông Baco, Verulamio, ông Gassendus.

Ý kiến Ông Baline, Boerhve . . . Cũng nhận con người có 2 hồn song chia thế này là : linh hồn kiêm gồm cả công việc giác-hồn, còn việc sinh hồn riêng biệt. Thuyết đó gọi là **Psycho-électrique**.

Phê bình : Những lẽ đem ra đả thuyết tam hồn của Ông Platon, thì cũng áp dụng được để đả thuyết nhị hồn.

Thuyết Nhất Hồn : (**Monodynamisme**) ngày nay hầu hết các triết gia theo, và cũng là đúng chân lý. Thuyết đó dạy rằng : con người chỉ có một hồn là linh hồn, thiêng tính, bất tử như đã nói trên.

Kiểm gồm được 3 ngành hoạt động, cái đó không khó chi, Vì thể mô nào càng trọn, thì cũng kiểm gồm được thể mô dưới. Tỷ-dụ : một chức Tổng-Thống thì kiểm các phận sự kể dưới được (Bộ-Trưởng , . .) Song kể dưới không thể kiểm nhiệm vụ trên được. Hay là con số 3 thì gồm cả con số 2 và 1, song con số 1 không thể kiểm gồm số 2 và 3 . . .

Hay tỷ-dụ, Đại-úy kiểm gồm cả chức Trung úy và Thiếu-úy, song Thiếu-úy không thể kiểm gồm Trung và Đại-úy được.

Cũng lẽ đó, linh hồn là thể mô trọn hơn, nên trong con người kiểm gồm được cả 3 việc, vì chính linh hồn là thể mô cho xác nên thông cho xác những ngành hoạt-động về sinh-thồn và xác hồn được.

Vấn nan 1) Tiêu diệt được và bất tiêu diệt (corruptible et incorruptible), không thể đồng tính được. Song giác-hồn tiêu diệt được, còn linh hồn bất khả tiêu diệt. Cho nên trong con người phải có giữ giác hồn để đảm nhiệm những hoạt động riêng biệt.

Thưa : Giác hồn và sinh hồn riêng biệt trong con vật và thảo mộc, tiêu diệt được, vì nó là một tính khác ; song trong con người giác hồn và sinh hồn không đưng riêng biệt (non pas formellement sensitive ou végétative) một là (vertuellement) có quyền hành các công vụ thời, cho nên không tiêu diệt. Tỷ-dụ ngày nay Tổng-Thống kiểm gồm trọng trách Bộ Quốc Phòng. Chính thức thì Tổng-Thống, song quyền hành kiểm các Quốc Phòng. Trong thời gian đó, Bộ Quốc-Phòng riêng biệt bị ngừng, cũng kể như trong hoàn cảnh này là tiêu diệt, song Tổng Thống tiêu diệt sao được . . . Đó là một tỉ dụ tạm cho được dễ hiểu.

2) Có chinh-chiến trong con người, phần hèn hạ giấy loạn cùng phần xác thượng. Đó là tiêu biểu trong con người có giữ đa hồn.

Thưa : Nếu vậy thì phải quyết thể này phải hơn : là bao nhiêu tình dục cùng mê dặt, thì bấy nhiêu hồn. Vì mỗi một tình-dục cùng mê dắm có chiến lược riêng biệt. Song lý luận thế sao được.

Trái lại, chinh-chiến đó, càng minh-chứng con người nhất hồn. Vì quyền hành tại lý trí, bắt buộc hết mọi ngành hoạt động

phải theo mệnh lệnh mình. Một mệnh lệnh điều khiển, là mình chứng nhất chủ trong con người.

Vả lại chinh chiến kia, đâu có phải là chinh chiến thiết khí hay là chinh chiến theo vật lý, một là chinh chiến luân lý. Trong chinh chiến luân lý tỏ rõ hai xu hướng con người, một là hướng thượng, đó thuộc tinh thần, hai là hướng hạ, đó là thuộc thể-chất. Song nhất thể linh-hồn, mình chứng trong sự điều khiển mọi ngành xu hướng theo lẽ phải. Cho nên trong con người chỉ có một hồn thôi.

BÀI THỨ 15

TRỤ-SỞ CỦA LINH-HỒN

Bài của

Linh-Mục J.B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH

Dòng Đa-Minh

Một vấn đề khêu gợi thắc mắc của nhiều kẻ, là tìm hiểu xem linh hồn ở trong xác, có trụ sở nhất định không. Vì triết gia cổ thời như Platon thì cho là trụ sở trong óc, kẻ khác cho là trong con tim .v.v.. Vậy muốn biết trụ sở ở đâu, ta phải theo nguyên tắc của triết học, mới có thể tìm ra.

Có mấy cách ? Có hai cách ở, một là theo ranh giới (circumscriptive) nghĩa là một vật ở trong chỗ nào, thì bị to theo trường khoáy nơi đó. Thí dụ các xe ở trong hăng, chu-vì bị bao vây cả, hay là như nước ở trong chai, ở cách đó, là theo sát nghĩa về lượng học và hình học.

Còn một cách nữa là cách nhất định (définitive) nghĩa là ở chỗ nào không thuyên dịch sang chỗ khác được.

Đó là hai cách ở theo ranh giới vật chất.

Song một bản thể thiêng tính, thực sự không ở theo lối như vật chất được, vì không thuộc về hình hay là lượng học. Nên khi nói hồn ở trong xác, phải có một sự hiểu rộng hơn là nghĩa của vật chất.

Ở THEO TRÓT BẢN TÍNH, Ở THEO TRÓT QUYỀN LỰC và Ở THEO TRÓT HIỆN TẠI (Être dans un lieu par totalité de l'essence, par totalité de vertu, par totalité de présence).

a) **Ở chỗ nào theo trót bản tính** là bản tính vật ấy có trót trong chỗ mình ở. Thí-dụ ngay hiện tại, tôi đang ở trong phòng này, bằng trót cả bản tính tôi. Hồn xác và tài năng cũng ở trong khung cảnh này. Hay là trong chai nước, thì có trót cả tính nước. Đã gọi là bản tính thì ở đâu ở trót, bản tính không chia.

b) **Ở trong chỗ nào bằng trót cả quyền lực** — Là khi nào thu lại hết năng lực để làm việc trong một nơi nào. Thí-dụ : ngồi xem sách, con người đem hết nghị lực vào vấn đề, để cho mau thấu đáo, cách này cũng có thể người ở một nơi, mà tâm hồn một nẻo. Khi con người chia trí, tuy xác ngồi đây, mà tâm hồn ở chỗ khác....

c) **Ở theo cách trót hiện tại** : Thí-dụ, chúng ta hiện diện đang ở chốn phòng này...

Luận đề — HỒN TA Ở TRONG CẢ XÁC BẰNG TRÓT SỰ HIỆN TẠI :

Minh chứng : 1, Không ai chối câu đó vì hồn nào ở trong xác nấy, vì làm cho xác sống và hoạt động. Chẳng có hồn ai nhập vào xác này. Một là hồn này xác này, như thế là hiện tại lắm rồi.

Đề tài II — HỒN Ở TRONG MỌI PHẦN THÂN THỂ TRONG XÁC, NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ TRỎ HẾT NĂNG LỰC TRONG MỖI PHẦN.

Minh chứng : 1) Mỗi thân thể có một nhiệm vụ riêng và một trật con người có thể làm hai ba việc. Nếu hồn trỏ hết năng lực vào một phần thân thể, hẳn phần đó sẽ làm hết nhiệm vụ của phần thân thể khác ; và con người không còn có thể làm hai ba việc một trật. Tỷ-dụ vừa nói, vừa nghe và vừa đi nữa v..v..

Đề tài III — Hồn có ở trót cả bản tính trong mọi phần trong thân thể không?

Thưa có : vì rằng : 1) Hồn là thể mô cho xác, tất nhiên thể mô cho tất cả xác, chứ chẳng riêng phần nào, cho nên hồn phải ở trong tất cả xác.

2) Nhưng vì thể mô là đơn thuần, ở đâu thì ở trót cả bản tính, không phân chia được. Cho nên như thể mô ở trót cả trong xác thì cũng ở trót cả trong từng phần một. Tỷ-dụ : Một chai có 5 ngăn, đổ đầy nước vào, thì ra nước ở hết mọi chỗ, nhưng bản tính nước ở chỗ nào cũng như nhau vì bản tính không chia được. Cũng một tỷ-dụ đó, hồn ở trong các thân thể y như vậy.

Ý kiến : Như đã nói trên, ông Platon cho hồn ở trong óc, còn Ông Descartes cho hồn ở trong từng quả tuyến, trước não (glande pineal).

Phê-bình : Kê thì cho hồn ở chỗ nọ, kê thì cho ở chỗ kia song đó không đúng vì hồn là thể mô cho xác nên phải ở hết mọi chỗ, và vì bản tính đơn thuần, nên ở đâu, thì ở trót. Họ sai nhầm, là vì họ tưởng hồn đơn thuần như một chấm phải chăng ? Vì thế họ nói đặt trụ sở.

Vấn nan : 1) Nội tài năng linh-hồn, thì ở trong linh-hồn. Nếu linh hồn ở cả trong xác, và ở trót từng phần thân thể một, thì hẳn là có thể thi hành mọi hoạt động theo tài năng, bất cứ là trong phần thân thể nào. Song kinh nghiệm cho hay, không thể. Cho nên hồn có trụ sở riêng biệt.

Thưa : Hồn không thi hành được mọi hoạt động về mọi tài năng trong bất cứ phần thân thể nào. Vì lẽ cơ quan là trung gian để thông báo ngoại giới ; song cơ quan không giống nhau, và cũng không có ở mọi phần thân thể, cho nên công việc không như nhau được.

2) Thời ít là sự hiểu biết, không cần có cơ quan. Cho nên hồn có thể dùng bất cứ phần nào cũng được. Song kinh nghiệm cho hay bộ óc hỏng, trí luận cũng ngừng. Thế là thiếu hồn ở trong óc.

Thưa : Tuy việc suy hiểu, không cần cơ quan, song vì bao lâu hợp cùng xác, thì cũng phải dùng xác làm trung gian. Song dây thần kinh loan báo ở trong óc cả, nên cần dùng bộ óc, để lấy thông báo ở ngoài, và điều khiển cuộc hoạt động con người.

BÀI THỨ 16

NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA CON NGƯỜI

Bài của Linh-Mục TRẦN-MỤC-ĐÍCH dòng ĐA-MINH

Vấn đề đặc tính con người, rất có liên can đến vấn đề nhân-vị. Vì lẽ rằng : Bá nhân bá tính, cũng như Bá nhân bá kiến. Nhưng con người tính khí làm sao, quan niệm thế nào, thì hành động bên ngoài cũng thế ấy. Do đó quyền lợi con người, cũng theo phạm vi hoạt động con người, mà phổ biến, bành trướng thêm lên, hay là thu hẹp phạm vi lại.

Tỷ dụ : con người hiếu học, thì gắng công thi cho đậu bằng cao cấp lớn, như thế quyền lợi của họ mà tiến triển. Con người có su hướng về thương-mại, kỹ-nghệ, quyền hành của họ sẽ thu hẹp trong phạm-vi vật chất.

Như thế tá hiệu được ngay là nghĩa-vụ cũng như quyền lợi con người một phần lớn do con người định đoạt lấy, và sự định đoạt như thế, cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi những tính khí của con người.

Khảo xét về tính khí con người, nó thuộc mục riêng của tâm lý thực nghiệm. Tôi không muốn gián đoạn luồng tư tưởng, để chen vào đây những vấn đề đặc tính con người. Vì vấn đề cũng sâu rộng và bao quát nhiều, nên tôi chỉ xin lược qua những quan niệm đại cương về đức tính con người, tùy sự liên quan đến vấn đề Nhân-vị thôi.

CỐT YẾU CỦA ĐẶC TÍNH

Quan-niệm về đặc-tính, tất nhiên không ngoại trừ được cá tính con người. Vì đặc tính mỗi người làm cho kẻ nọ người kia tương biệt nhau. Tuy có 7 điểm phân tách cá nhân : tam thước, hình dong, nơi ở, thời giờ, tông tộc, quê quán và tên tuổi. (Forme, figure, temps, stips, parie, nom). Nhưng do tính con người ; nó là một điểm phân ngành hoạt động con người, mà do đó quyền lợi theo sau. Nhờ những điểm cá tính đây, mà con người gần hay xa xã-hội, thân hay lạnh ghẻ. Những đặc điểm riêng biệt như thế gọi là (Idiosynorasie) nó gồm hai yếu tố, là sinh lý và tâm lý.

NHỮNG YẾU TỐ THÀNH PHẦN

Đặc tính con người, cốt cán của nó là tại những tính khí (tempérament). Mà tính khí đó, theo quan niệm ông Hypocrate và Balien, thì là một sự pha trộn nhiều hạch trong con người:

Yếu tố	Tính chất	Khi sắc	Cơ quan	Tính khí	Tư cách
(Elément)	(Propriété)	(Humeur)	(Organe)	(Tempérement)	(Type)
Hỏa	Nóng	Huyết	Tim	Đa huyết	Vui
Khi	Lạnh	Bạch huyết	Óc	Lãnh đạm	Khô nhạt
Thủy	Ấm ướt	Hắc đẩm	Thận	Ưu-tư	Yếm thể
Thổ	Khô	Hoàng đẩm	Gan	Phân nộ	Thông minh

- Con người đa huyết thì vui, thay đổi, nhưng xã hội nhiều.
- Con người bạch huyết, hơi hợt, yếu đuối, lãnh đạm.
- Con người hắc đẩm, u sầu, yếm thể và tư lự.
- Con người hay giận, thông-minh, khô-khan, bướng bỉnh và cố chấp.

Đó là cách chia tính khí theo quan niệm cổ thời, song ngày nay người ta chia khác, tính khí kết cấu bởi 5 yếu tố :

- 1— Cấu tạo theo cơ thể (constitution anatomique)
- 2— hình thể (morphologique)
- 3— hóa học (chimique)
- 4— thần kinh sinh hoạt (neuro-végétatif)
- 5— theo tủy não (cerebro-spinal)

THEO CẤU TẠO CƠ THỂ chia ra làm 4 loại là :

- a) người có cơ thể hô hấp tốt (broncho pulmonaire)
- b) người có bộ máy tiêu hóa tốt (gastro-intestinal)
- c) người có bắp thịt nở nang (musculaire)
- d) người có bộ não tủy tốt (cerebro-spinal)

Tùy mỗi người có một ưu-thể về phương diện nào những yếu tố vừa kể trên.

Chú thích : a) Người coi vẻ hô hấp nhiều, đầu hình lục lăng. Có bộ ngực to và mặt bé. Người đó thích các thể thao. Người đó thường thích miền núi hay bãi biển.

b) Người coi vẻ phề phệ, bụng to, đầu như hình tam giác. Bụng to, mặt bên dưới to. Người đó tiêu hóa tốt, ăn uống cũng nhiều, lạc quan, hoạt động.

c) Người coi vẻ bình nhân, bắp thịt nở nang, thân hình đều đặn giữa ngực và bụng, coi người vuông vắn, mặt mũi cũng như tứ chi. Người này có tính hiếu chiến, thích nghề quân sự.

d) Người coi vẻ văn nho, đầu to, ngực và tứ chi thon. Người này hoạt động nhiều về tinh-thần, âm thầm suy nghĩ, óc thâm mỹ và tổ chức. Con người này ưa chốn thành thị đua tranh nơi chốn văn trường.

THEO CÁCH CẤU TẠO HÌNH-THỂ

Đừng kể những cách cấu tạo cơ thể như trên, thì cách xếp đặt đức tính con người theo hạng thứ hai này, chú trọng đến bộ óc. Người ta phân tách hai kiểu :

a) một là những người có đầu dẹp dẹt sau. b) Một hạng người có đầu tròn. Thường những người dài thân, thì đầu không được tròn, và những người rộng ngang thì đầu tròn. Về tính khí, thì người ta quan sát cùng kinh nghiệm thấy những người đầu dẹp, thì thường tính họ hay tập trung, ẩn ý, không hay bộc lộ ra ngoài tâm tình, và cũng ít khi trao đổi những câu truyện kín đáo. Còn con người đầu tròn, thì thích cởi mở cõi lòng, xã giao, chuyện trò vui vẻ.

Theo cách xếp đặt về hóa học : Cách này bề ngoài khó phân biệt, vì thuộc về các hạch nội con người. Cho nên chỉ có các thầy thuốc khi khám nghiệm mới rõ được tính-khí con người đó ít nhiều.

Theo cách xếp đặt về thần kinh sinh hoạt : Chia làm hai hạng, một là những người giàu tình cảm, dễ cởi mở, một hạng người ít cảm tình, hay bị quan, là vì họ hoạt động nhiều quá, sinh lực đã bớt nhiều, nên đến khi chuyện trò mệt nhọc, coi vẻ ít cảm tình.

Theo cách xếp đặt của bộ óc : Nghĩa là đoán tính con người, theo câu đầu như vừa kể trên.

Những yếu tố tâm-lý : Những điểm vừa qua, chưa thể là triệu chứng chắc chắn để đoán được tính con người, mà xử đối. Nó còn hệ tại vào những yếu tố tâm lý học nữa. Những yếu tố đó là những :

a) tài năng tự nhiên con người thiên phú bẩm và theo truyền thống trời lại.

b) tùy theo những tập quán từng cá nhân để hấp thụ hay chuyên luyện.

c) tùy theo hoàn cảnh xã-hội sinh sống.

a) *Tài-năng thiên phú bẩm* : là những tài năng thuộc về ý chí, và lý trí cũng theo dòng giới và cha truyền con nối, cũng thêm nển hay bớt hụt ít nhiều. Hẳn là mọi người không có tài năng như nhau. Mà cái đó ngoài sự lựa chọn con người. Có con nhà không ăn học, mà được những tài năng đặc biệt. Với tài-năng đó thêm vào sự chăm luyện hẳn phải trời vượt.

Với sự truyền thống, họ còn đang tranh luận với nhau, có người cho là hồn vật chất, cho nên bố chí, truyền lại cho con, theo dòng khí huyết song thân. Song về phía duy-linh, có nhân truyền thống, trong phương diện này là : những cơ thể người con, vì được dòng khí huyết của người bố trời lại, cho nên đã được tinh luyện hơn, hay được tổ chức khéo hơn ; cho nên cũng đem lại sự sửa soạn nhiều ít, để cho hồn dựng các các cơ thể đó mau kết quả hơn. Cũng như loài kim khi, thứ nào càng được luyện lọc hơn, thì dụng cụ càng tốt hơn. Nhìn vào then máy thì biết.

b) *Tập-quán* : Biết bao con người, vì tập quán, mà đức nên chí khí...lấy ông Demosthène làm tí dụ. Ông nói ngọng, vì tập quán ; cương quyết chuyên luyện, Ông bỏ được nói ngọng, lại thành một nhà diễn thuyết tài...Các đức tính khác cũng thế, nhờ sự cương quyết của ý (chí) chuyên luyện. Vịn vào câu kia: Có công mài sắc có ngày nên kim.

c) *Hoàn cảnh xã hội* : Nhiều khi con người trở thành tốt hay xấu, cũng vì hoàn cảnh xã hội gây nên. Vì thế câu kia CẬN CHU GIẢ XÍCH, CẬN MẶC GIẢ HẮC. Ngày nay hoàn cảnh xã hội đã thay chiều rõ rệt, nên con người anh hùng và tiểu nhân cũng có dịp phô bày. Cũng có vì hoàn cảnh tạo nên con người ; ngoài sự tưởng nghĩ của ta. Con nhà nghèo, gặp dịp học, y như cá gặp nước, tiến cho đến cùng kỹ đài công danh. Con nhà giàu, nhờ tiền tài xa-xỉ, tự chỗ làm con một người đạo đức, xuống đến chỗ vô-thần, cùng đều dả ... Địa vị con người, cũng là một yếu tố đức tạo nên con người.

PHÂN LOẠI CÁC ĐỨC TÍNH : Vì vấn đề quá bao quát, không thể đem ra đây trình bày được. Ai muốn học cho thấu hiểu, tôi xin giới thiệu đến những tác giả sau đây :

— *Caractéorologie*, René le Senne, *Presse universitaires de France*.

Còn đây tôi xin đại cương tóm qua những tính-khí con người, để chúng ta có thể tùy cơ đối xử với họ, cho tiện bề hoạt động hay giao-thiệp.

THẦN — KINH — CHẤT (*Nerveux*)

Tính nóng nảy

Đặc điểm	Thống kê theo trung bình
1.— Hay thay đổi, bần rộn, lo lắng về công việc	70, 7
2.— Làm việc theo từng cơn hứng	71, 3
3.— Theo cảm tình nhất thời	78, 2
4.— Thường thường tính ôn, có vẻ bình tĩnh	4, 0
5.— Cảm tình hay thay chuyển	57, 5
6.— Rất thích được ủi an, phần khởi	60, 9
7.— Đọc sách hay nhớ lẫn lộn	41, 4
8.— Thay đổi nghề-nghiệp và chức phận	18, 4
9.— Tình yêu rất tha thiết	75, 9
10.— Cũng dễ gây cảm tình	68, 4
11.— Lời nói mạnh mẽ, quát to	20, 1
12.— Hay cười nhiều	62, 1
13.— Thích những cảm tưởng mới lạ	63, 2
14.— Hay thay đổi chỗ ở, hoặc công việc	71, 8
15.— Lo lắng mong được kết quả ngay tức thời	66, 7
16.— Thích giải-trí, cần tiêu khiển	68, 4
17.— Hay thích ngồi nhà	31, 6
18.— Còn về sự tịch mịch ít ưa	4, 0
19.— Việc làm và tư tưởng mâu thuẫn	43, 7
20.— Đàng tin cậy	32, 8
21.— Tư-Cách đứng đắn	59, 8
22.— Nói dối	11, 5

Đặc-điểm	Thống kê trung-bình
23.— Đứng mực, giờ giấc	31, 0
24.— Việc làm bó buộc thì hay bỏ sót	41, 4
25.— Hay khất lần việc sang ngày khác	81, 1
26.— Hay nản tâm.	52, 9
27.— Nhẹ dạ nhẹ tính	60, 9
28.— Chương trình to tát mà bỏ thói	41, 4
29.— Dễ chinh phục	40, 8
30.— Kiên nhẫn	23, 6
31.— Về dục tính	16, 1
32.— Tiêu tồn	59, 2
33.— Bất nhân khi ốm yếu	40, 2
34.— Tự tín, tự phụ	52, 9
35.— Khoe khoang	54, 0
36.— Ham hố danh vọng	47, 0
37.— Tô điểm câu chuyện mình nói	27, 0
38.— Khen ngợi kẻ khác	19, 0

NGƯỜI GIÀU CẢM TÌNH

(Sentimental)

1.— Dễ xúc động vì ngoại cảnh, ngoại vật	45, 1
2.— Dùng những danh từ mạnh mẽ, gia giết	61, 9
3.— Dễ kích thích, nhưng không ưa nói đùa, dễ bị xúc phạm	65, 5
4.— Trầm tư mặc tưởng, lo ngại về việc tương lai	54, 9
5.— Tâm tình không cởi mở, một giữ cho mình	38, 9
6.— Không hài tâm với hoàn cảnh sự vật	31, 9
7.— Dễ hờn giận mịch lòng, nhưng xong con đó dễ làm hòa	47, 8
8.— Hay chìm đắm trong sự suy nghĩ trừu tượng	24, 8
9.— Hay lưỡng lự, không tự quyết	53, 1
10.— Có tinh thần thực hành và sáng kiến	47, 8
11.— Thất đảm và nhút nhát	46, 9
12.— Hay nản tâm	52, 2

13.— Có những cảm tưởng lâu nhòa xóa	32, 7
14.— Những tình xưa nghĩa cũ rất là bo giũ	77, 0
15.— Con người dễ thành tập quán. Đồ dùng hay quần áo cũ cũng giũ	66, 4
16.— Về chánh trị thì hay thủ cựu	16, 8
17.— Hay ca. than về mình, suy phục quyền kẻ khác	51, 3
18.— Ít chú ý đến quần áo, ăn mặc của mình	54, 9
19.— Lời nói xưng đáng và đo dẩn	14, 2
20.— Lời nói việc làm hay đi đôi	68, 7
21.— Ăn ở nghiêm trang, xưng đáng.	73, 5
22.— Rất đáng tin cậy	61, 1
23.— Về tài-chính cần thận đáng tin	87, 6
24.— Ái quốc thành thực	31, 9
25.— Rất tốt với kẻ dưới quyền mình	83, 6

NGƯỜI TÍNH HAY GIẬN

1) Hay thay đổi, bận bịu công việc	70, 7
2) Không được diễm tĩnh mấy	20, 4
3) Siêng, chăm làm việc	90, 7
4) Thường thường rõ roi công việc mà làm	83, 3
5) Ít khi bỏ sót công việc phận sự	15, 2
6) Cũng không khất lần mai mối	13, 6
7) Hay đột kích và làm cho chóng việc	73, 3
8) Ít khi nản lòng, gặp trở ngại thì càng phấn chấn	31, 5
9) Nhất quyết khi gặp những trường-hợp thất thường	73, 2
10) Ăn nói mạnh mẽ, và dùng những danh từ khêu tức	75, 9
11) Rất dễ bị xúc phạm	61, 9
12) Dễ quen thân, rồi lại nguội, làm mất thể diện ngay	51, 0
13) Không bền theo cảm tưởng	9, 3
14) Đối với cảm tưởng mới mẻ dễ theo	63, 0

15) Thích đòi nơi, rời chỗ, thay đổi chương trình	72, 0
16) Làm việc muốn thấy kết quả ngay	52, 1
17) Vui vẻ tươi tỉnh	50, 2
18) Khi mất những thân tình cũng chóng khuây người	57, 2
19) Bị xúc phạm cũng dễ làm hóa	71, 6
20) Dễ tin vào lời hứa hẹn của kẻ quen	53, 7
21) Rất ít bo giỡn tâm sự, nghĩa là dễ cởi mở	6, 2
22) Rất dễ tương giao, thuận hay bất thuận không giấu giếm	73, 9
23) Thích nói chuyện lắm	71, 6
24— Nhưng nói cũng hay gia diết	43, 2
25— Cũng khéo chân tay, làm các việc nội trợ nữa	76, 7
26— Rất chú ý đến công việc của mình	63, 8
27— Cởi tình-thần thực tế và sáng kiến	71, 8
28— Về việc chính trị ít lưu ý	7, 8
29— Thích ăn uống vui chơi	47, 1
30— Đối với hội hè, vui chơi đình đám, cũng vừa phải	44, 4
31— Giàu tình thương và dễ giúp đỡ	78, 2
32— Thích danh vọng	52, 9
33— Khi nói chuyện thì nói nhiều về người ta	44, 7
. vừa vừa về sự vật	31, 9
. ít về mình	25, 7

TÍNH ĐA THUYẾT

1— Chăm chỉ việc ở trường hay ở nhà	90, 0
2— Dễ quyết định, dưới sự kích thích của cảnh ngộ	55, 8
3— Người đa thuyết xen chen vào câu chuyện hay vấn đề của kẻ khác với một ý nghĩ hợp cảnh và sắc bén	50, 8
4— Vui vẻ, tươi tỉnh cũng như người có tính nóng vậy	50, 2

5— Mau dễ làm hòa	70,6
6— Con người thức thời, và biết hòa mình theo cảnh ngộ	80,1
7— Khéo quan sát tình thế	63,2
8— Khéo học tiếng, toán, ca nhạc, vẽ, văn chương, làm kịch, khéo bắt chước kẻ khác	66,1
9— Về ái-tình không trời lằm, trung- bình thời	
10— Về danh vọng không ham hố mấy như người hay giận và kẻ nóng tính	
11— Nuông chiều con nhiều	33,7
12— Về chính trị không xấu sắc mấy	
13— Đối với người dưới, thì họ ít nâng đỡ, và cũng ít thương giống vật	
14— Không được kín đáo lằm, hay chống chuyện	
15— Chú ý đến các việc	65,3
16— Về tinh thần tôn giáo, sùng bái	13,7
17— Can đảm	52,6
18— Công việc luôn bận bịu, ít chơi bời	90,5
19— Trong công việc thì tìm lợi ích gần gũi ngay	61,1
20— Trí không nhanh, lanh lợi	63,2
21— Tinh-thần thực tế, xã giao	81,1
22— Ý kiến sáng sủa thực tế	62,1
23— Dễ xúc cảm và thương tình	57,9
24— Nét mặt bình tĩnh, tâm hồn trật tự	64,2

TÍNH LẠNH ĐẠM (flegmatique)

1) Người có tính này thì bình tĩnh nhiều	80,9
2) Lạnh lẽo và vô tư nhiều	73,1
3) Ít nói và ần tĩnh	24,4
4) Tư cách bề ngoài rất tự nhiên, không làm vẻ	78,6

5) Can đảm	55,1
6) Trong khi đấu ốm thì nhẫn nại	57,2
7) Luôn luôn bận trong công việc, nghĩa là ít nhàn cư	99,1
8) Ít khi lỗi việc bõn phận	2,1
9) Cũng ít khi khất lần việc sang hôm khác	12,8
10) Con người ít chủ nghĩa, ít nguyên tắc	13,0
11) Nhưng là con người nhiều tập quán	63,1
12) Ngôn ngữ hành vi đều trùng điệu	86,3
13) Cũng nhiều kiên nhẫn	67,7
14) Chín chắn và khôn ngoan	75,4
15) Là những con người bảo thủ ý kiến mình	83,4
16) Quan sát viên cũng tốt	66,1
17) Học và đọc gì thì nhớ lâu và theo thứ tự	56,0
18) Vui chịu nghe theo ý kiến kẻ khác cho ổn thỏa	87,7
19) Cảm tình ít khi thay đổi	3,0
20) Sáng dạ học chăm	68,8
21) Ít khi bị thiên kiến, nghĩa là xem rộng hơn hoàn cảnh	67,9
22) Ăn uống không mấy khi no say	51,0
23) Ít chiều về dục tình	75,0
24) Không lưu ý đến ngoại trạng	64,7
25) Ít lưu ý đến danh vọng	30,1
26) Về kinh tế thì tằn tiện	66,6
27) Khi phải cạnh tranh, thì có cử chỉ rất đáng phục không xô xát	72,7
28) Một người trung tín thật thà	85,0
29) Về đồng tiền rất phân miêng	90,9
30) Giờ giấc đúng sát	86,6
31) Về toán thì chậm chạp	17,3
32) Về trò chơi giải trí thì không được nhanh nhẹn	36,0
33) Về tôn giáo cũng không sùng bái mấy	23,2

34) Chuyện trò nói nhiều về sự vật	67,0
35) Nói ít về người ta	26,7

TÍNH VÔ NHẤT ĐỊNH (Amorphe)

1) Tính ít linh động thay đổi	29,5
2) Tính bình tĩnh thông thả	65,3
3) Ít khi bận bịu	10,2
4) Trốn nhiệm vụ cũng ít khi	33,7
5) Những khoan giãn việc sang ngay	88,8
6) Cũng ít khi nản lòng	24,9
7) Lưỡng lự không quả quyết	49,0
8) Lỏng lẻo, vô tư, khách quan	62,2
9) Chịu đựng khi gặp ý kiến ngang ngược của người khác	80,6
10) Cũng không dễ chinh phục	24,5
11) Không mấy khi có chương trình to tát	25,5
12) Hành vi cùng ngôn ngữ cũng ít mâu thuẫn	26,8
13) Óc thực tế và sáng kiến	49,0
14) Ít khoe khoang	37,5
15) Không thích ăn công lĩnh nợ	19,5
16) Óc biện bạch cũng không trôi chảy	30,6
17) Không sùng bái tôn giáo	4,1
18) Nhưng can đảm khá	53,1
19) Trò đùa chơi nhả	31,6
20) Chơi cờ bạc, chơi rủi ro	22,4
21) Giữ đúng giờ	23,5
22) Ít khi phải bệnh về tinh thần	8,2

TÍNH NHẠT NHÉO (Apathique)

1) Cử chỉ nghiêm trang đúng đắn	62,8
2) Thực thà	62,8
3) Về đồng tiền đáng tin cậy	80,9
4) Tinh thần tôn giáo	7,4

- | | |
|---|-------|
| 5. Nhưng chỉ theo thói bề ngoài cho
đẹp xã giao | 14, 5 |
| 6. Còn tin tưởng đạo nào cho nhiệt
hành thì lãnh đạo nhiều | 53, 2 |
| 7. Công việc cùng đồ đạo trật tự | 64, 9 |
| 8. Thời giờ không được đúng nhiều | 57, 4 |

Đây là tóm tắt ít nhiều về tính khí con người, các người học nhân vị cũng cần biết, vì biết cách đối xử đối với đồng bào, và thấy những tiền điếm, thì ta có thể bổ xung, còn điếm nào thiếu sót, thì đem phương tiện sửa chữa.

TÍNH KHÍ CON NGƯỜI CÓ THAY ĐỔI KHÔNG? Có nhiều ý kiến. Định luật phái, thì nhận rằng tính khí con người không thay đổi cũng như nét mặt. Song ngày nay, nhiều nhà khảo cứu về tâm lý, họ nhận rằng tính khí con người thay đổi được Tựa vào câu : HỮU TRÍ CÁNH THÀNH. Với ý chí cương quyết, con người sửa được những điếm sơ xuất, và hoàn bị dần dần nét hay.

Tôi cũng đồng ý là tính khí con người thay đổi được. Vì những yếu tố cấu thành nên tính khí đó, hoặc là bởi những tập-quán truyền tục lại hoặc bởi cơ quan con người không được tổ chức hoàn bị, hoặc vì tâm lý cá nhân và hoàn cảnh. Song tất cả bấy nhiêu sự đó, không thể làm cho con người mất thông dong và quyền tự chủ. Cho nên ý chí cương quyết, có thể sửa cải lại nhiều, và có khi thay ra một tính khác.

Những trường đào luyện tinh thần chỉ nhằm vào mục đích cải tạo con người.

PHƯƠNG TIỆN CẢI-THIỆN TÍNH-KHÍ :

- Nhất là cần con người phải rèn luyện ý chí cương quyết vì nó là chủ mọi hành động.
- Nên ý tứ thấu thập những quan niệm mới.
- Nên nhiều khi hồi tưởng cuộc đời, để lấy hướng lại.
- Tôn giáo có một mãnh lực riêng về sự xây dựng con người.

BÀI THỨ 17

NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC PHẠM VI LUÂN LÝ VÀ NHÂN VỊ

Bài của Linh-Mục TRẦN-MỤC-ĐÍCH Dòng Đa-Minh.

Cuộc bình sinh nhân loại, trường hay đoản, không quan hệ cho lắm vì cuộc đời ai nấy ví tựa như giầy cốt đồng hồ. Lặng lẽ trong hai tiếng tích tắc lần lượt sờ ruột ra cho đến khi chấm ngừng. Kể vài chục tuổi, người trăm năm. Nhưng điều đáng quan tâm hơn, là vấn đề đi tìm hạnh phúc. Và hạnh phúc là chính trung-tâm điểm của mọi ngành hoạt động con người. Mà vì vấn đề đi tìm hạnh phúc đứng ra chỉ phối địa vị giai cấp cũng như tư tưởng con người. Kể gán hạnh phúc vào vật này, kể gán sang vật khác, vì thế mà thiếu sự trùng điệu trong lý tưởng. Hướng dẫn lý tưởng là thuộc luân lý con người. Luân lý sai nhầm, lý tưởng kia cũng theo đà nổi. Sự quan trọng của nền luân lý là cần.

ĐI TÌM CỨU CẢNH

I.— LÀM VIỆC THEO ĐUỔI MỤC ĐÍCH .— Làm việc theo đuổi mục đích hiểu được 3 cách :

1) Một cách là thụ động, hay là chỉ thi hành mệnh-lệnh thôi. Như mũi tên kia, chỉ lướt theo chiều, tùy người thiện xạ hướng dẫn. Theo cách đó, thì những việc nào không có sự biết, điều chỉ tuân theo mệnh lệnh một cách mù quáng Cây cối, thảo mộc, tinh tú nhật nguyệt và các thứ kim khí v.v.

2) Cách thứ hai là đuổi theo mục đích một cách theo cảm giác, theo bản năng. Các giống vật vô linh, chúng chỉ biết theo thú tính ; nhưng không phải tự chúng, một tại Hóa Công đã in ghi vào bản tính chúng như vậy.

3) Cách thứ ba, là làm việc đuổi theo mục đích, vì biết cùng tự chọn lấy theo sở nguyện. Cái này riêng biệt cho nhân loại và loài thọ sinh khác đứng hàng ngũ hữu lý tánh.

Chính trong con người cũng có hai cách làm việc : một là theo bản năng, hai là theo tự do lựa chọn. Khi nào làm việc theo bản năng, lúc đó con người bị hướng dẫn như các loài

khác. Làm việc theo bản năng, bao giờ cũng là theo nhiên tính. Còn làm việc theo sự lựa chọn thì theo nhân tính.

II — PHẠM-VI CÔNG VIỆC.— Mọi việc trong con người qui theo hai phạm vi sau đây :

- a) Hoạt động theo nhiên tính.
- b) Hoạt động theo nhân tính.

Theo nhiên tính thì trong sự đó, con người không có quyền lựa chọn tùy sở nguyện nữa. Như sinh ra, nhón lên, công việc tiêu-hóa v.v... Kể cả cái ước nguyện hạnh-phúc nữa. Vì con người ước hạnh-phúc là một việc cần, không khi nào con người lại không ước muốn hạnh phúc. Nhưng vấn đề đi tìm hướng đến hạnh-phúc đó thì do tự do con người chọn.

Theo nhân tính, là tất cả công việc gì, con người làm có chủ quyền định đoạt, lý trí suy tính trước sau, ý chí thông dong lựa chọn. Như thế, công việc nhiều khi thuộc phạm vi nhiên tính mà con người hướng dẫn sang mục đích khác cũng được. Tỷ-dụ : ăn uống, ngủ nghỉ, tuy là việc thuộc nhiên tính, nhưng con người cũng có thể quy về mục đích khác cũng được, như cho đẹp lòng người bạn, hay một ý nào khác . . .

Đặt câu hỏi : Trong mọi việc con người làm theo nhiên tính, có thể không qui vào mục đích nào chăng ? Hay là bao giờ cũng phải có mục đích.

Thưa : Bao giờ con người làm việc theo nhân tính, cũng phải có nhằm mục đích. Mà vì nhẽ đó, khi thông dong mà làm việc, thì mọi việc con người đều có thể nên công hay tội. Cũng vì đó, con người có trách nhiệm trong mọi việc mình tự quyết.

Minh chứng : Con người làm việc lúc nào cũng phải theo cứu cánh. Theo Lý luận của Tiến sĩ Thomas, thì hết mọi việc đã xuất phát ra bởi tài năng nào, thì cứ phải theo phạm vi vật đích chính của tài năng đó. Tỷ dụ : mọi hình vật xem được, thì ở trong phạm vi màu sắc. Mọi sự hiểu biết phải ở trong phạm vi hiện hữu hay có thể (sous èpèce intelligible.)

Những vật đích của ý chí, là sự tốt. Sự tốt với mục đích cũng như nhau. Ví dụ con người xấu đến đâu mặc, không bao giờ chủ tâm được một việc gì, dưới hình thức xấu cả. Sự xấu

không ai muốn, cũng chẳng loài nào ưa, sự nhầm lẫn là tại chủ quan với khách quan thôi. Nhiều điều khách quan mà xét, thì thực là xấu ; song đứng phương diện chủ quan thì lại coi là tốt hết. Nhưng sự xét đoán ngay thẳng và công việc lên công là do tại theo khách quan.

Như vậy kết luận được rằng : Không bao giờ con người làm việc mà không nhằm mục đích. Đây tôi chưa nói đến xấu hay tốt, vì việc còn hệ tại mục đích khách quan nữa.

Hỏi : Trong mọi việc làm, con người có tìm cứu cánh sau cùng chẳng ?

Thưa : Vì con người rất phức tạp trong ngành hoạt-động, vì lẫn lộn hai phạm vi khác nhau, tinh thần và vật chất. Nên có lúc con người nhằm thẳng ngay đến cứu cánh sau hết, là hạnh-phúc con người. Cũng có khi nhằm mục đích gần, nhưng gián tiếp, cũng chỉ là đi tìm hạnh phúc. Như thế có thể nói : trong mọi ngành hoạt động con người vốn nhằm mục đích sau cùng như cứu cánh.

Tỉ dụ, con người chủ định làm nhà, để vợ con phong lưu sung túc với nhau nhưng có phải mọi lúc con người nghĩ đến hạnh phúc đó đâu. Lo gần, lo xa đủ thứ đã. Những cái lo gần lo xa kia có phải là không quy nạp đến hạnh-phúc gia đình đâu.

Cũng một lý lẽ tương tự, con người bao giờ cũng đi tìm hạnh-phúc, đó là mục đích chính. Nhưng cho được tới mục đích chính đó, con người còn vương tâm đến những phương tiện cần thiết đưa đến hạnh phúc. Phương tiện đó mà không am hợp, thì hẳn sau cùng con người sẽ xa hạnh-phúc. Nếu phương tiện am hợp, thì sau cùng con người sẽ đạt được cứu cánh.

NHỮNG LẠC HƯỚNG : Sống trên đường đời, con người tam hướng bất đồng, xu hướng xung khắc, địa vị cùng giai cấp cũng khác nhau. Lương thiện hay gian ác cũng khác nhau, chỉ tại trong sự nhằm hướng đến hạnh phúc.

Mà hạnh phúc con người, không thể có nhiều được. Vì bản tính con người theo đồng chủng là như nhau. Tất nhiên vật đích làm cho con người trở nên hạnh-phúc cũng phải là một,

Song có rất nhiều người lạc hướng, vì đã đặt hạnh-phúc hay cứu cánh nhân loại, theo những cảm tưởng chủ quan. Mà đã gọi là chủ quan, thì bá nhân bá kiến. Lý tưởng bất đồng cũng tại đó. Dưới đây, tôi sẽ phân tách rõ rệt, nguồn hạnh phúc con người.

Nhưng trước tôi xin đem ra một vấn nan, mà có lẽ nhiều người bị ngừng tiến, vì không thấy có sự minh bạch.

Người ta hỏi : đã hay rằng mọi người đều thèm khát hạnh-phúc ; nhưng lo ngại một điều là không biết hạnh-phúc ước nguyện kia có chi hiện hữu hay chỉ là ảo tưởng con người. Mọi người đều khát vọng, mà trên đời chưa ai đã gọi là có hạnh phúc.

Thưa : Cũng như sự thực, ai mà chối cãi, thì lại phải nhận sự thực. Vì nói rằng cái nọ thực, cái kia không thực, Vậy thì phải có một bên nào thực thì mới sánh so bên hụt, bên thừa. Hạnh-phúc của nhân loại cũng thế. Biết rõ trên trần đời không ai là hạnh-phúc cả. Thì hẳn phải nhận hạnh-phúc là gì rồi mới phán quyết được vật nọ, vật kia, không làm nên hạnh-phúc con người được. Như vậy là mình chứng có rồi.

Nhưng có lẽ nào cả nhân loại bị nhầm trong vấn đề can hệ như vậy ? Ước nguyện hạnh-phúc, là một sự thúc đẩy của bản tính, ngoài tự do lựa chọn của con người. Nhưng nếu ước nguyện kia là theo bản tính, thì chỉ có thể quy sự đó là tại Hóa Công đã in trong tâm khảm. Như thế vật đích làm cho người hạnh phúc, phải có thực, phải hiện hữu.

Còn như vịn lẽ rằng, không thấy trần đời con người nào hạnh phúc, vì đau khổ bao vây con người, y như nước bao vây con cá, khí bọc quanh con chim. Sự đó, không đủ lý minh chứng là không có hạnh phúc hiện hữu.

Trước hết, chốn trần tục là nơi thí trường, nên công lệnh hạnh phúc đâu có ở đời này : mà vì con người hợp thể, tìm vui thỏa cho nhục dục, thì dầu khoẻ cho tinh thần, mà theo tinh thần triệt để thì khó khăn cho nhục thể. Nên phải qua nơi chiến trường, qua sự thử thách đã, rồi mới đến được.

Nhưng để cho rõ vấn đề tôi xin đưa ra từng mục ; mà những mục đó, người đời đã nhầm tưởng xây quan-niệm hạnh-phúc lên trên. Và sau cùng, tôi minh chứng, hạnh-phúc con người tại đâu.

BÀI THỨ 18

NGÃ BA ĐƯỜNG

Bài của Linh-Mục TRẦN-MỤC-ĐÍCH

Dòng Đa-Minh

Chúng ta cùng nhau giải phẫu quan niệm hạnh-phúc ra sao ?

Thực đúng câu : bá nhân bá kiến. Kẻ thì gán hạnh-phúc vào tiền tài. Cũng vì quan-niệm đó, ta thấy đa số trong xã hội ngày đêm hao tổn tinh thần trong vấn đề này. Họ trẻ non, lặn suối, đi ngược về xuôi. Tinh thần cũng như sinh lực, họ đem giốc cạn, để đuổi theo quan niệm tiền tài.

Kẻ thì gán hạnh-phúc vào con đường tình ái. Để đạt tới mục đích đó, họ dùng đủ mách lới để đón chữ tình chẳng khác người kéo vờ. Tán tỉnh đủ thứ, dè hèn tốt bụng. Mà nào họ có hiểu đâu : Tình là giây oan. Vậy mà họ cứ vấn lấy vào thân, để mua chuộc đau khổ. Sân khấu xã-hội đầy những thảm cảnh, do chữ tình diễn ra.

Cũng có kẻ gán hạnh phúc vào chức cao quyền trọng. Thôi thì trên đường công danh thi đua chen vai thích cánh. Bất chấp phương tiện tà hay chánh, miễn đạt cho tới nguyện vọng thì thôi. Ra vào luồn cúi không thấy nhục. Quy lụy đủ thứ mà họ còn cho là vinh. Nhưng cao danh vọng lại dày gian nan, đâu họ đâu có nghĩ cho. Kẻ thiếu tài, kém hạnh thì họ dùng đến tiền để mua chuộc công danh.

Đó các bạn xem, quan niệm tìm hạnh - phúc, nó chỉ phối ngành hoạt động cùng vị con người ? Cho dễ nhận xét, ta nên bàn luận từng mục.

I. — TIỀN TÀI KHÔNG PHẢI LÀ HẠNH PHÚC CON NGƯỜI

Quân tử và tiểu nhân tương biệt nhau chỗ này. Tiểu nhân vịn vào câu ca dao sau đây để xây đài hạnh phúc : Có tiền mua

tiền cũng được, không tiền mua lược không song. Quân tử thì quan niệm ngược : Thánh Nhân tích đức cho đầy, không từng mài miệt đắm say tích tiền. Người quân tử, lòng chuyên mưu đạo ; cũng chả có hề sự sạo mưu ăn. Thánh nhân tích đức, bất tích kỳ tài. Quân tử mưu đạo, bất mưu kỳ thực.

Vì sao ? Ví như nhân tham tài, tử ; cũng như điều tham thực, vong. Đây các bạn xem tiểu nhân và quân tử riêng biệt nhau như thế. Nếu khen tiểu nhân, mà chê quân tử, thì thái độ đó, kết tội ta đồng lõa, đứng hàng tiểu nhân. Mà ca tụng thánh hiền, quân tử, hẳn phải kết luận, tiền tài không là hạnh-phúc con người.

Theo ý kiến quân tử Aristote và Thomas tiến-sĩ, thì tiền tài không mưu hạnh-phúc được cho con người. Là vì tiền tài có hai hạng. Một là tiền tệ, kim ngân, giấy bạc v.v... Hai là những tiện nghi và thực phẩm con người cần dùng. Tiền tài theo nghĩa thứ nhất, tự nó là vô giá trị, chỉ có giá trị theo sự đánh giá của con người. Và sau cùng chung quy vào sự bảo tồn sinh mệnh con người. Nếu nó phải quy vào mục đích khác, thì hẳn nó không thể trở nên cứu cánh được.

Còn tiền tài theo nghĩa thứ hai, có giới hạn rồi. Vì con người sống không có nghĩa để ăn, một ăn để sống. Vậy thì sự sống con người có mục đích khác, chứ không phải để tích tài. Vấn đề sinh tử còn quan trọng hơn tiền tài nhiều. Ta thu gọn lý luận trong vài câu sau đây :

Tích tiền để làm chi ?

Thừa để dễ bề sinh sống.

Sinh sống để làm gì ?

Nếu đến đây chấm ngừng được câu hỏi, thì kết luận được là vấn đề hạnh-phúc giải quyết xong. Nhưng thực tế cho hay là chữ tài nó đi liền với chữ tai. Nhân tham tài, tử ; Điều tham thực, vong. Nếu đồng tiền đem lại hạnh-phúc, thì hẳn là đâu giàu tiền lắm của, đó thấy hạnh-phúc rồi. Song thường lắm tiền lại lo âu, tính mệnh

thành chênh vênh phấp phồng. Nó làm cho mất an nhàn, mất bận bè, chi phối cả đến nhân duyên nữa.

Vả lại, hạnh-phúc phải là cái gì trên nhân loại, thì mới toại nguyện được nhân tâm, phải tình mong muốn của nhân loại ; Song tiền tài chính tay con người tạo nên được, thì lẽ nào trở nên hạnh-phúc cho con người.

Các bạn hỏi : Nếu tiền tài không sinh hạnh-phúc, thì sao con người háo hức chạy theo ?

Thưa, chỉ vì muốn bảo tồn tính mệnh, muốn sống còn, cần phải có phương tiện bảo đảm cho đời sống, vì thế tiền là một phương tiện dễ dàng. Vậy sự sống còn vạn lần quý hơn tiền. Trong khi bị cực, phải chọn một trong hai : Tiền trao, hay gươm tuốt. Thì ai ai nấy cũng chán tiền, để cho tính mệnh nguyên vẹn.

Xét qua những lẽ trên đây, thì đủ rõ, tiền không thể gây nên hạnh-phúc cho nhân loại được.



BÀI THỨ 19

CÔNG DANH CỨNG CHẴNG SINH THÀNH HẠNH PHÚC

Bài của Linh-Mục TRẦN-MỤC-ĐÍCH Dòng Đa-Minh.

Đồng hành trong con đường mạo hiểm, chúng ta tìm chân lý đem đến hạnh phúc, mà chúng ta đã nhận thấy bằng chân trong tiền tài. Cả một vực thăm chiền tranh đang diễn ra cũng chỉ vì đồng tiền. Đố kỵ, ghen tuông, chi phối duyên tình, cũng chỉ vì tiền. Nay chúng ta đem quan niệm sang gán công danh quyền quý xem, đó có phải là hạnh-phúc ?

Thưa các bạn, ra ngõ chạm trán với duy vật. Công danh quyền quý đâu có phải là biên giới của vật chất nữa. Thế mà chính bạn duy vật ham hố công danh, bôn tẩu ngược xuôi, đề theo đuổi quyền quý. Họ phủ nhận tinh thần, mà công việc của họ minh chứng có tinh thần kia. Thái độ tâm khẩu bất

đồng mấy người am hiểu? Nhưng thôi, mặc cho lý tưởng và hành động họ vật lộn nhau.

Đã hay danh vọng hơn là tiền tài, vì thế mới có câu :
Thơm danh hơn lành áo. Danh vọng con người, cũng như hương sắc trong bông hoa. Hoa không hương, là hoa vô vị. Người không danh là người hầu bị đào thải. Bóng theo vật, thì danh nghĩa cũng theo người. Tôi công nhận là thanh danh thêm điểm gì cho con người ; Song không phải là chính hạnh phúc.

Minh-chứng : a) Danh vọng to hay nhỏ, không hệ tại kẻ được danh, một tại lời ca tụng tiếng khen kẻ khác. Bằng chứng là : Người khen lao, càng đứng địa vị cao xa, lời khen tiếng tụng càng thêm vẻ, có giá trị. Một lời Tổng Thống khen, thì hơn vạn ngàn lần người thường dân. Ca tụng ở cửa miệng tiểu nhân, thì ý vị gì? Một ông vua khen kẻ hầu cận mình thì lời đó giá trị, và là một phần thưởng. Nhưng cũng lời lẽ đó thốt ra bởi bác nông phu, hay người lao động, thì cũng bằng chút gió nhẹ nhẹ tạt qua mặt thôi. Thế thì danh vọng, lệ thuộc địa vị người khen, hơn là kẻ được khen.

Nhưng đã gọi là hạnh-phúc thì phúc đức đó phải ở trong con người, không phải tùy tòng, cũng không bị gián đoạn, và không khi nào mất được, mới đáng kể là hạnh-phúc. Nếu lệ thuộc và mất được, thì nguyên do sự lo ngại đó, cũng làm mất hạnh phúc rồi.

b) Danh vọng theo địa vị, cũng như bóng theo người. Một sự tùy như thế, có bao giờ gây được hạnh phúc? Vì người ta thường nói : Hữu xạ, tất hương. Cần phải có xạ đã, rồi hương mới có ý điểm. Như thế danh vọng là điều phụ tùng. Có hạnh phúc rồi, thì danh vọng cũng tất sẽ có.

QUYỀN CHỨC— May chăng, hạnh phúc ở nơi quyền quý?

Thưa cũng không. Ca dao kia rằng : Càng cao danh vọng, càng dày gian nan. Theo ca dao đó, thì quyền thế càng vẫn thêm vào đau khổ.

Theo Thomas tiến sĩ, thì quyền quý không sinh hạnh-phúc

a) Hạnh-phúc không thể đi đôi được với âu lo. Song, chiêm nghiệm đường đời, thấy càng những địa vị cao sang,

càng gian nan lo ngại. Thời bình cũng như thời loạn. Lúc bình thời phải lo cho guồng máy kinh tế điều hòa, để nhân dân an cư lạc nghiệp. Thời loạn, lo bề đối phó đối phương, lo xâm lăng, lo tàn phá. Cao cây cả gió là thế. Bão táp nổi lên, dĩ nhiên những nóc nhà cao, những cây ngất ngheo, đều phải ùa gió cản mạnh.

b) Hạnh phúc phải đầy đủ mọi sự lành, đến mọi sở trường sở đoản của con người phải được toại nguyện. Nhưng quyền cao chức trọng, chắc chi đã là đầy đủ? Câu nhân vô thập toàn kia, mình chứng gì?

c) Một khi đã được hạnh phúc, con người không thể lợi dụng vào việc xấu được. Nhưng trong quyền bính, bao nhiêu cái lạm dụng? Những thái độ đáng tiếc này, trong xã hội nào cũng có. Trong chính phủ ngày nay, đang có phong trào thanh liêm, trừ gian, thưởng đức.

d) Hạnh-phúc, phải liên lý ngày đêm vĩnh trị trong con người hạnh phúc, chứ đâu như mặt trăng, khi khuyết khi tròn? Song quyền bính xem theo ngã ã nhân dân. Tăng con số, là tăng quyền, giảm con số là giảm thế. Lại quyền bính có thời hạn, theo hiến pháp nhân dân. Vậy thì quyền bính gây sao được hạnh phúc con người?

Vả lại, đã là hạnh phúc, thì mọi người phải được hưởng; song quyền bính chỉ luân chuyển trong tay ít kẻ. Phần lớn là công dân. Vậy thì người công dân không có quyền hưởng hạnh phúc sao? Nhận quyền bính gây hạnh phúc, đồng thời cũng ngoại trừ phần lớn nhân loại. Thật là bất công quá chỗ đó. Có đâu tạo hóa lại ấn định quyền bính là hạnh phúc, để thiệt thòi cho đa số.

Bạn duy vật có đem ra lẽ sau đây làm vấn nạn, công nhận quyền bính gây hạnh phúc con người.

Họ nói: Hạnh-phúc là điểm nhân dân chú tâm hơn hết. Mà đối điểm là điều cả nhân loại không ai ưa. Nhưng nhân loại không ai ưa là nô lệ; mà nô lệ đối chiếu cùng độc lập, quyền bính. Nên quyền bính là hạnh-phúc.

Thưa, Nô lệ đối chiếu với độc lập và tự do. Tự do thực là điểm nhân dân ham muốn hơn hết. Nhưng tự do, nghĩa là

không bị ràng buộc. Vậy chỉ khi nào con người hết mọi vương viu, khổ tâm, khi đó con người sẽ thanh bình hạnh phúc.

Quyền binh ở nơi Tạo-Hóa thì khác, vì Ngài là nguyên thủy mọi loài. Nên quyền binh ở nơi Ngài, thì là hạnh phúc của Ngài. Song loài thọ sinh, chỉ khi nào tới diễm Tạo-Hóa đặt cho, khi đó mới yên. Như kim địa bàn, con người đặt cho nó luôn chỉ Bắc, nó sẽ lắc lư mãi cho đến khi qui Bắc.

Thưa các bạn, xin các bạn đưa mắt nhìn ra côn lôn, nơi mà ta quen gọi là mồ chôn kẻ sống. Giữa làn nước biển, cảnh cô đơn, bao nhiêu ông hoàng quý phái ra đó, ngày đêm ủ rũ chết mòn. Ta thấy gì? Quyền binh đưa ra đó. Cao danh vọng, đầy gian nan đấy.

Vậy thì tiền tài, cũng như danh vọng, không thể gây hạnh phúc cho ai hết :

*Cuộc đời như thề đám mây bay,
Tiền tài chức phận hết có ngày ,
Hạnh phúc nhân loại, đâu lại thế ?
Vĩnh cửu sinh lôn, không đổi thay*

ÁI TÌNH CÓ GÂY HẠNH PHÚC

— Thưa các bạn, tôi không dùng chân đây để dài lời trình bày cùng các bạn, là ái tình không thể gây hạnh phúc. Các bạn cứ thoảng nhớ qua ca dao đời là một bài kinh nghiệm. Họ ví đời là đau khổ, và tình là dây oan. Đọc qua mấy câu đầu truyện Thúy-Kiều cũng cảm thấy tình là dây oan :

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Mà đâu chỉ riêng biệt chị Kiều, Quân-Âm Thị-Kinh, Cung-Oán, Chinh-phụ ngâm và hàng vạn cuốn tiểu thuyết, thường nhật trường thuật : Tình là giây oan. Nếu vậy, hạnh phúc con người không thể trên oan uổng được.

TỔNG KẾT

Xét chi lý ra, không một vật thọ dụng nào có thể trở thành hạnh phúc cho con người. Quả bao lâu sống trên cõi đời. Hạnh phúc không thể cỏ.

VẬY THÌ HẠNH PHÚC CON NGƯỜI TẠI ĐÂU ? Bao nhiêu thứ theo quan niệm thông thường của quần chúng, thì tôi đã trình bày hết, không thấy đâu có đủ điều kiện gây hạnh phúc con người. Nhưng không phải vì thế, mà con người dâm ra thật vọng !

Ta nên nhớ câu đây : Sinh ký, tử qui. Sống gửi chết về, vậy thì cuộc đời con người còn kéo dài bên kia thế giới. Phải tìm hạnh phúc bên cõi đó. Khoa học cũng minh chứng con người không tiêu diệt được như Duy vật nói, mà tin ngưỡng của các đạo giáo, cũng minh chứng nữa.

Nhưng khoa học chỉ minh chứng được là có hạnh phúc con người bất di bất dịch bên kia ngôi mộ, chứ khoa học không phải là hạnh phúc. Nếu vậy, tìm hạnh phúc chỉ có thể tìm bằng con đường luân lý. Mà luân lý ở trong phạm vi tôn giáo. Nên tôn giáo là con đường dẫn nhân dân đến hạnh phúc.

Một điều ta nên lưu tâm nhứt cả, là không một vật thọ sinh nào cơ thể làm hạnh phúc con người được. Vì trí tuệ con người hầu vô biên, mà ý chí cũng hầu không có giới hạn. Tất nhiên vật thọ dụng nào cũng có giới hạn, nên không thể lấp được lỗ hổng trong tâm trí con người. Chỉ có một Tạo Hóa mới là hạnh phúc cho con người.

Thực là mầu nhiệm và huyền diệu ! Tạo-Hóa không tỏ mình ra các trực tiếp, một đặt gương vũ trụ trước mắt nhân gian, để nhân gian nhận xét con đường phải đi, lý phải tới. Cả vũ trụ huyền diệu như thế mà không thỏa mãn được lòng người. Thì con người tự nhiên phải tìm đến đấng Hóa Công.

Con người được tự do tìm đến hạnh phúc, cho nên Tạo Hóa không ép duyên ai, để mặc cho con người hữu lý tánh lý luận lấy. Cũng vì thế mà Tạo-Hóa nấp sau hình ảnh vũ trụ này. Chỉ có những con người chấp nê, mới không xem thấy Tạo-Hóa. Còn con người lương thiện ra, nhìn thấy bầu trời, cũng đủ suy luận được ngay.

BÀI THỨ 20

CĂN BẢN NỀN LUÂN LÝ

Bài của Linh-Mục TRẦN-MỤC-ĐÍCH

Dòng ĐA - MINH

Chúng ta đã tìm chân lý hạnh phúc con người. Mà con người một khi đã mở mắt chào đời, nhập gian, thì ngay lúc đó con người đứng vào con đường đi tìm hạnh phúc. Vì ngoài chân lý đi tìm hạnh phúc con người không còn sứ mệnh nào khác trên cõi đời. Vậy thì hơn thiệt, là ăn thua tại biết tìm hạnh phúc.

Nhưng phương tiện đi đến hạnh phúc, đó là chính những hoạt động hành vi của con người. Nhưng không phải là những hoạt động xét theo về vật lý học, một xét theo về phương diện luân lý, mặt tinh thần.

Hoạt động và hành vi con người có thể xét theo hai phương diện kia :

a) Đối nội

b) Đối ngoại.

ĐỐI NỘI : — Hoạt động và hành vi con người, có cái ác, có cái thiện. Con người thiện ác, không phải tại nét mặt, hay hình hài, một tại hành vi hoạt động của mình. Muốn biết con người thiện hay ác phải nhìn vào hành động, cũng như xem quả biết cây.

Nhưng vì nhẽ chi, mà có hành động gọi là ác, có hành động gọi là thiện ? Lại cũng có hành động không thiện không ác ? hẳn phải có một qui luật nào, và một vật đích nào làm như khuôn mẫu để so sánh.

HÀNH ĐỘNG THIỆN ÁC — Muốn biết việc con người là thiện hay ác ta cũng phải so sánh y như ở trong các việc khác. Trong mọi vật khác, tốt hay xấu, là tại vật ấy có đủ những thực

thề phải có. Tỉ-dụ con người đẹp là vì có đủ các cơ quan, hành vóc, dung nhan, tầm thước. Thế là đẹp, con vật hay giống khác cũng thế. Thừa không hay, mà thiếu không được. Như chim thiếu cánh là quái vật, chó mèo không lông cũng không được. Con người thừa tay hay thiếu mắt cũng không được. Vậy thì sự tốt đẹp là tại có điều phải có.

Mặt luân lý cũng vậy. Công việc thiện hay ác, là tại có đủ điều kiện phải có, không hơn kém.

ĐỐI NGOẠI — Công việc thiện ác, trước hết phải xem nó có phải là công việc tự do chẳng, hay là tại áp bức ? Vì không ai đổ trách cho một người thiếu tự do, Con trẻ chưa đến tuổi dùng trí khôn, ai bắt nét nó ? Kể đại người điên, có ai chấp bao giờ ? Thế nên điều kiện tối cần là phải tự do hành động.

Nhưng tự do, chỉ là điều kiện tối cần cho thành việc nhân linh. Nhưng nên biết rằng : tại sao việc xấu hay việc tốt ? Hẳn là có khuôn khổ nào hay qui luật nào làm chuẩn đích mới có thể xét được.

NHỀ PHẢI — Nhề phải là một khuôn khổ, mọi việc nhân-linh phải nhằm vào đó, để biết việc nên hay chẳng. Hết mọi việc do ý chí điều khiển thì gọi là việc tình nguyện thông dong. Nhưng phải có lý trí soi dẫn, mới thành được. Lý trí là trụ sở kiểm điểm mọi việc ; mà vì có nhiệm vụ kiểm điểm, nên mọi sơ suất là do lý trí.

QUI-LUẬT — Nhưng không phải như các nhà duy lý phán quyết. Trí khôn con người không phải là tác thành được sự thật, một chỉ biết sự thực. Cho nên sự thực có hai, một là khách quan (vérité objective) hai là sự thực chủ quan (vérité subjective). Nếu lấy sự thực chủ quan làm khuôn khổ, thì ra ai nấy được tự chủ, không lệ thuộc một khoản luật nào nữa. Pháp lý trên xã hội bằng thừa. Và như vậy, chẳng ai gọi được là sai nhầm, bởi họ hành động theo sự thực chủ quan của họ. Nếu vậy hẳn

trật tự. Cho nên cần phải có sự thực khách quan. Mọi lý trí phải nhằm vào để mà xét đoán thực hư.

Cho nên nhẽ phải là nhằm vào sự thực khách quan mà đoán xét.

CHÂN LÝ TIÊU CHUẨN

Về vấn-đề này có nhiều ý kiến. Có kẻ nói : Chân lý tiêu chuẩn là *dur luận* quẩn chúng sinh ra. Vì có nhiều cái tự nó không xấu nhưng *dur luận* quẩn chúng cho là xấu nên thành xấu thật.

Cũng có người cho tiêu chuẩn đó là tại *thói quen của dân tộc*. Như thói quen nam nữ bắt tay nhau, hôn nhau. Đối với phương tây, thì là một lệ tục ; nhưng bên á-đông, đó là điều xấu.

Cũng có người cho tiêu chuẩn đó là do *chính-phủ nêu ra*. Nhiều cái do bộ pháp luật quốc gia.

BIỆN HỌC CÁC Ý KIẾN — Ý kiến thứ nhất, là nhận tại *dur luận* quẩn chúng thì có ông Saint-Lambert (1717 — 1808) xem cuốn *Cours d'histoire de la philosophie morale au 19^e siècle* par Vacherot Paris, 1839, 5^e leçon, page 221). Và trong đời thượng cổ xưa kia, Ông Carnéades cũng dạy thế.

— Ý kiến thứ hai, có những nhân viên vô tham và duy vật họ cho tội hay hạnh phúc con người là thói quen tất cả. Chính những tội ác nếu quen đi, rồi cũng mất hết quan niệm ác. Vì thế Cộng-sản và Duy-vật cổ tuyên-truyền, làm thế nào cho con người xóa nhòa lương trí và uốn theo phong trào hết. Như tự do ái tình, múa nhảy liên hoan, không là tội nữa, vì dân chúng đều thị thường rồi...

— Ý kiến thứ ba là bệnh mọi sự do Chính-phủ hướng-dẫn. Ông Hobbes biện hộ cho lý thuyết này. Ý kiến này, ngày nay có nhiều người theo. Họ lấy chính phủ làm mẫu mực, chứ không phải pháp luật nào nữa.

PHÊ BÌNH. — Thiết tưởng cả ba ý kiến trên kia cũng

không nhằm lý. Vì tại sao ? có những hành động con người tự nó là xấu, mà không một quan niệm quần chúng nào bào chữa cho ? Không một phong tục nào hợp thức hóa cho ; chính - phủ nào cũng bài trừ và nghiêm trừng. Tỷ dụ giết người, ăn trộm cướp lại cũng có hành động tự nó là tốt, không lệ thuộc vào ba quan niệm kể trên : Như thảo kính mẹ cha, tình bằng hữu trung chính.

Làm sao mà mọi người, mọi đời, giai cấp, học thức cũng như ngu si, ai cũng cho thế là phải ? Nếu vậy, những lẽ các người theo quan niệm trên, thực là không đúng ?

Vả lại nếu là tại dư luận quần chúng, thì tại sao trong những bộ pháp luật quốc gia, có nhiều điều đi ngược cùng dư luận quần chúng ? dân chúng đâu mà chả mong muốn dễ dãi, ít thuế má, tự do trong mọi sự ?... Thực không phải dư luận quần chúng.

Cũng chẳng phải là tại thói quen. Vì thói quen chỉ có thể lập thành tục, trong những điều tùy tòng, chứ không trong vấn đề chính, vì nó là then chốt luân lý. Tỷ dụ sự hôn cùng bắt tay. Đó là một cách tỏ tình, mà chỉ trong vợ chồng, anh chị em, ruột thịt hay họ đương thôi. Người ngoài ǎ dám hôn nơi công chúng.

Về phương diện chính phủ, chính phủ không phải là cầm cân nảy mực trong mọi sự. Nếu chính phủ là cầm cân nảy mực, thì tại sao dân nhiều khi oán chính phủ ? Vả tại sao, nhiều khi phải thay những chỉ thị, đạo dụ, hay hiến pháp. Nếu vì nhẽ trước hợp sau không, thế là minh chứng chính phủ còn phải lệ thuộc vào lẽ nào khác. Và khi thay thế chính phủ, nhất là chính thể, thì càng rõ là chính phủ không phải là nảy mực được mọi sự.

Ông Tulio, trong sách nói về lệ luật quyền một, đoạn 16 Ông nói những câu chí lý rằng : Nếu mọi cái do chính phủ, thì sao chính phủ không lấy quyền đối ngược lại trật tự, cho mọi cái ra tốt cả có được không ? Sao không hợp thức hóa tội ăn trộm ? Tội loạn luân, tội giết người ? Mà tội gì giữ Tòa án, bãi bỏ đi, thì đỡ vất vả, hãy hợp thức hóa tội ác thì có phải là con người không ai là kẻ dữ nữa !!!

Vấn tất thế, ai nấy cũng đủ hiểu là sự thực, là một theo khách quan. Lý trí con người muốn trở nên ngay thẳng cần phải nhìn vào sự thực đó.

SỰ THỰC KHÁCH QUAN.— Theo luận lý trên kia, thì con người có một nền luân lý chung, và nền luân lý đó đã không lệ thuộc vào dư luận, không lệ thuộc vào tục lệ hay là chính phủ. Vì dư luận nhiều khi khác nhau, tục lệ khác nhau, chính phủ mọi dân tộc khác nhau. Nhưng tại sao có điều mọi người đều cho là xấu, và có điều mọi người đều cho là tốt. Dĩ nhiên tiêu chuẩn đó không tại con người. Phải tìm tiêu chuẩn chân lý ở ngoài trí óc nhân loại. Vì tôi đã nói : Lý trí con người nhận biết sự thực, song không tạo thành sự thực.

Vậy sự thực kia ở đâu ? Thừa nó là cả bộ nhiên luật. tạo hóa đã in ghi trong tâm khảm con người. Luật thiên nhiên đó nó hợp cùng chương trình Tạo hóa đã có trong trí óc người. Đi sai thiên luật đó, là sai nguyên tắc, và không bao giờ đến được hạnh phúc con người. Thiện hay ác, ở trong con người, là do qui phục định luật của Tạo Hóa ra và Tạo Hóa đã in ghi trong tâm khảm. Thế thì hạnh phúc là chính Tạo-Hóa, mà phương tiện đi đến hạnh phúc là chính luân lý Tạo-Hóa đã in ghi trong con người.

Như vậy ta mới hay tại sao hạnh phúc con người không thể gán vào vinh hoa phú quý, và tất cả những vui thú giác quan. Vì bao cái đó nó theo chủ quan con người, chứ không theo sự thực khách quan. Chủ quan thì có thể thay đổi từng cá nhân, vì ý thích mỗi người một khác. Có khách quan, thì nó bền vững, vì theo hữu lý tánh nên bất di bất dịch, cũng y như nhẽ phải tồn tại trong mọi đời.

LUÂN LÝ THUẦN TÚY CỦA KANT

Ông Kant người dân tộc Đức, trí tuệ thông minh, triết học giỏi giang toán và thiên văn thông thạo. Ông có ra những luật về luân lý. Ông cho con người là thủy chung, hạnh phúc cũng là

chính con người. Các việc con người phải làm, không phải vì vụ lợi một vì lý mà phải làm, vì qui lệ đương nhiên mà làm, chứ không lệ thuộc chi đến nhiên luật hay Tạo hóa. Ông là một nhà duy-ly. Nên Ông cho mọi việc người làm, nếu tốt thì phải hợp lý, cái gì không hợp lý là xấu cả.

Nhưng Ông Kant đã nhầm ở chỗ không qui nạp đến nơi. Vì hỏi tại sao việc nọ hay sự kia là hữu lý. Nếu chỉ vì mình nghĩ cho là hữu lý nên thành hữu lý, thì biết bao cái mâu thuẫn trong xã hội?

Nó còn mâu thuẫn ở chỗ là con người là kẻ giữ luật và là kẻ làm luật. Vậy thì hay giỏi ai thưởng? Khi phải phạt thì ai phạt? và lấy gì thưởng cho xứng những chỗ hợp lý?

Một điều khiếm khuyết to, là luân lý là một con đường tương giao tinh thần. Nhưng ngoại trừ Tạo-Hóa và nhân loại ra, thì tương giao với ai? Chẳng nhẽ giữ luân lý cùng loài vô linh, cầm thú.

Cho nên kết luận con người không có thể mà không lệ thuộc vào Tạo-Hóa, Và ngoài Tạo-Hóa, không còn kẻ là luân lý nữa.

BÀI THỨ XXI

NHỮNG VẤN-ĐỀ CHUNG QUANH QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ NHÂN VỊ

Bài của Linh-Mục TRẦN-MỤC-ĐÍCH Dòng Đa-Minh

Nói đáo lý ra, thuyết trình về nhân vị là bàn luận đến tất cả mọi vấn đề liên quan đến con người. Có nhiều vấn đề chính, và cũng có nhiều vấn đề phụ. Chung quanh nhân vị có nhiều quan điểm, nào thuộc phạm vi vật chất, nào thuộc tinh thần, nào thuộc kinh tế, và cũng thuộc chính trị nữa.

Nhưng thời gian hẹp hòi, tôi không thể đem hết mọi vấn đề ra để bàn giải, một chỉ xét đến những mục chính. Còn những vấn đề phụ,

anh em có thể tự so sánh cùng kết luận được, một khi đã am hiểu thế nào là nhân vị con người.

Cho đến nay, tôi mới đem lên bàn mổ xẻ, phân tách những thành phần nhân vị, nay tôi nói đến những vấn đề về quyền lợi cùng nghĩa vụ con người, xét theo phương diện cá nhân cũng như đoàn thể.

SỰ HIỆN TẠI CỦA NHIỆM VỤ

Trước khi vào vấn đề nhiệm vụ và quyền lợi, thì tiên vàn phải đặt câu hỏi : Bởi đâu con người biết có nhiệm vụ ? Con người biết có nhiệm vụ, là vì lương trí con người tổ cáo và phát giác.

Lương-trí chia làm nhiều công tác : một là **lương-trí tâm lý** nguyên chỉ tường thuật những công việc con người làm, hay những công việc không làm. Cách đó lương trí chỉ có công tác tường trình hay minh chứng mọi sự đã xảy ra trong con người. Hai là **lương trí luân lý** phán quyết về mọi việc đã làm hay bỏ sót, rồi đánh giá mọi công việc ta làm hay thiếu sót, hay những việc ta không làm được nữa... Tỷ-dụ : lương trí tâm lý tường thuật rằng : Tôi đã giận giận song lương trí luân lý nói rằng : trong việc giận đó, tôi đã lầm, tôi không có lý làm như thế.

Trước hết ta hãy giải phẫu về lương trí luân lý ra sao đã. Rồi ta sẽ bàn đến bản tính và giá trị của lương trí đó.

GIẢI PHẪU VỀ LƯƠNG TRÍ LUÂN LÝ

Trước một thái độ hay cử chỉ con người, không những ta phán quyết ngay việc đó tốt hay xấu mà lại ta thấy hoặc có cảm tình với người đó, hay là thấy ác cảm hoặc ta thấy trong người ta có sự thôi thúc muốn bắt chước công việc đó, hay trái lại ta thấy tự nhiên phát ra một quyết nghị : không đời nào ta sẽ làm việc đó. Những việc đó xem ra như một, giản dị, song thực là phức tạp.

Những thành phần :

a) Về phía lý trí phải có sự phán quyết, trong đó kiêm gồm nhiều điều kiện. **Trước khi làm việc**, thì lương trí đứng phương

diện lập pháp vì nó phân tách thiện ác, song rồi tường trình, thiện nên làm, còn ác phải tránh. **Sau khi làm việc**, nó có tính cách chánh án, tùy ta đã làm xằng hay phải, rồi lên án, hình phạt hay ân thưởng.

b) Về phía ý chí : có những cảm tưởng luân lý : **Trước khi thi hành**, cảm thấy có một thúc đẩy cao thượng, khuyến khích việc thiện và bài trừ điều ác, và đồng thời cũng có sự tôn trọng nhiệm vụ.

Sau khi thi hành, nếu ta thi hành tốt, thì tự cảm thấy sung sướng, trái lại làm bậy, ta thấy lương tâm trách móc. Đây ta không lẫn sự trách móc với sự hối hận. Hai việc khác nhau. Việc trách móc, nêu ra những lỗi lầm của ta làm, rồi rứt móc những cử chỉ bất hợp pháp. Xong rồi, tùy nếu ta ăn lời, thì khi đó có sự hối hận, nhược bằng không ăn lời, ta sẽ giết lương tâm táo bạo nhiều phen khác...

Đối với người khác, khi ta xem thấy người ta làm phải, tự ta thấy trọng kính họ, hảo tâm với họ, thiện cảm với họ, có khi yêu có khi lấy làm lạ . . . Trái lại, khi ta thấy người khác làm lỗi, ta khinh ta ghét, ta bực bõ với họ nữa. . . Đó là những cử chỉ của lương tâm luân lý. Trong lương trí luân lý đó, có một điều ta nên chú trọng hơn, đó là sự tôn **trọng trước tinh thần kỷ luật**.

Ông Fontanelle nói : Trước một vị to chức, tôi cúi kính chào song hồn tôi không khâm phục . . . Ông Kant thêm vào đây rằng : Trước một người thôn dã, tôi không cất nón chào vì tôi, quý phái hơn họ, nhưng trước việc họ làm tôi phải kính phục, vì họ vượt tôi, họ làm được những việc tôi không làm được. Vậy thì sự tôn trọng là một sự thuật, ta phải nộp, trước những cử chỉ cao thượng và trước những nhân đức.

Nhưng tại sao, lại có những cử chỉ thế được, nếu không có những luật pháp về luân lý, buộc hết mọi người phải làm. Kẻ nọ làm được mà người kia không, thì mới có vấn đề phê phán như vậy

chứ ? Vì có nhiều việc ai làm được thì đáng khen, mà không làm được cũng không đáng chê. Song còn có nhiều việc, không làm nên hay bỏ sót liền đáng chê trách và còn bị quở trách ngay. Cái đó làm chúng có một định luật của luân lý, đã là con người, thì đâu đâu cũng phải giữ Định-luật đó. Nó phổ thông trên mọi dân tộc, lan tràn trong hết mọi người, và trong đời đời, nó không lệ thuộc vào khoản luật quốc gia nào cả. Thế mà còn người mọi dân tộc, đều phê phán như nhau. Đó là gì ? Thừa đó là định luật của lương trí. Nó theo bản tính con người, không ai có thể nhòa xóa được. Đó là nhiên luật của loài hữu lý tính.

Xong những cảm tưởng tốt, chưa đủ làm cho con người tốt, một hệ tại ý chí ước muốn thành thực, và ra lệnh cho tất cả cuộc hành vi con người phải theo khuôn khổ luật lương trí kia, thì mới là kết quả.

Xét theo giải phẫu trên đây, thì biết được rằng **lương trí** không phải là một hiện tượng đơn giản, song là một việc phức tạp. Nó không phải là **tập quán**, vì nếu là tập quán, thì có kẻ có, người không, song lương trí ai cũng có, cũng không phải là một **tài năng** vì nếu là tài năng thì không sao nhòa xóa được. Vậy nó là một việc của lý trí, phán quyết từng khi một, con người phải làm việc thế nào cho đúng địa vị con người.

SỰ TIẾN TRIỂN CỦA LƯƠNG TRÍ

Ta kinh nghiệm thường nhật, là lương trí biến chuyển ở trong ta cũng như ở trong người khác. Lịch sử cũng minh chứng nó biến chuyển theo dân tộc cùng thời đại. Nhưng sự biến chuyển đó, không có nghĩa là bản tính con người đã theo luật biến hóa thay đổi đâu. một là những hoàn cảnh xã hội cũng như tâm lý và sinh lý làm cho người áp dụng không đúng những qui tắc của định luật thiên nhiên mà thôi. Nguyên tắc bao giờ cũng là một, song áp dụng thì không giống nhau, vì thế mới có bá nhân bá kiến.

Tỷ dụ : quan niệm về công bình, nó có từ ngày có nhân loại

tuy có nhiều cái hiểu về công bình, song quan niệm nóng cốt và nguyên tắc vĩnh viễn, thì đâu đâu cũng như nhau, và đời nào cũng vậy. Nghĩa là không được làm thiệt hại cho ai. Một khi đã làm thiệt hại thì phải đền bù v.v. ; .

Vả sự biến chuyển lương trí đó, nhiều khi thực hiện theo những kỷ luật hay thể lệ, mà ta nhờ có sự học hỏi, nên mỗi ngày một rõ thêm. Song cũng có khi lương trí đó biến chuyển một cách không thể hiện nhiên, song một cách ần nhiên.

Khi bàn đến những vấn đề nguyên thủy và bản tính lương trí sau đây, thì anh em sẽ thấu triệt hơn sự biến chuyển của lương trí là thế nào.

NGUYÊN THỦY VÀ BẢN TÍNH CỦA LƯƠNG TRÍ

Những ý niệm về lương trí : Vì lương trí là một việc phức tạp, như đã nói trên, lại cũng có những biến chuyển tùy nhân vật cùng hoàn cảnh, cho nên quan niệm về lương trí cũng vì đó mà không thể thống nhất được. Có nhiều lý thuyết :

Thuyết tiên thiên luận. (Nativisme) Thuyết này chia làm hai :

a) Một là chủ nghĩa cảm tình (sentimentalisme)

b) Hai là thuyết chủ trí (intellectualisme)

a) **Chủ nghĩa cảm tình** — Nhận rằng có nhiều yếu tố thành phần cấu tạo nên lương trí luân lý, song có nhiều triết gia cho rằng duy chỉ có một yếu tố cảm tình mới là yếu tố chính, và do đó họ chỉ nhìn vào nguyên mặt ý chí thôi.

Như vậy, Ông J.J. Rousseau cho lương trí như bản năng và không khi nào sai nhầm được. Ông nói, việc lương trí không phải là những phán quyết của lý trí, một là việc của cảm tình thôi. Ông còn thêm, phần nhiều chúng ta nhầm lẫn, là vì chúng ta không chịu bàn hỏi với bản năng này trước khi thi hành, mà cố vấn đó vốn sẵn sàng ở trong ta.

Ông **Jacobi**, là học trò của Rousseau cũng nói tương tự như vậy rằng : Điều thiện là chi ? Thưa là ai nấy cũng có thiện cảm với điều thiện đó trong lương trí rồi.

Ông **Pascal** xem ra cũng nói na ná theo tư tưởng trên. Ông nói : luân lý chân chính thì lại mỉa mai luân lý (la vraie morale se moque de la morale) câu đó hiểu là luân lý theo cảm tình, và con tim, thì còn vượt trên luân lý của lý trí và lý luận.

PHÊ - BÌNH .— Thuyết đó quá chú trọng đến tình cảm làm cho con người chuyên chú rất nhiều đến con tim, song họ quên rằng : vô tri bất mộ. Yếu tố rất cần và quan trọng là yếu tố của lý trí. Ta không thể hiểu được ý nghĩa của luân lý nếu trước không dùng chính lý trí mà phân tách thiện ác.

Vả lại, nếu có thực là lương trí kia, như là bản năng không sai suyền, thì tại sao lại có những biến chuyển như ta đã nói trên ?

b) Thuyết chủ trí (intellectualisme) trái với thuyết trên có những triết gia chỉ muốn nhìn vào yếu tố lý trí mà thôi, và cho đó là cốt cán rồi.

Ông **Herbet** cho rằng : cảm tình, thì chẳng qua chỉ là một phản ảnh của lý trí thôi. Vì sự phán quyết cùng luận lẽ của lý trí sinh ra những cảm tình đó.

Ông **Kant** còn cực đoan hơn nữa, Ông cho rằng lương trí là lý trí thực hành (raison pratique) ngoại trừ hết mọi cảm tình. Làm theo cảm tình không có giá trị, phải là lý trí, và vì kỷ luật thôi.

PHÊ - BÌNH .— Ông **Herbet** cũng chưa đáo lý, vì nhiều khi cảm tình nó ảnh hưởng đến lý trí và còn làm cho lý trí luận lẽ theo cảm tình nữa. Thế thì sao ? Còn Ông **Kant** thực là đặt một hố sâu giữa cảm tình cùng lý trí, thành ra làm cho con người mâu thuẫn với con người. Ai có thể xuất ngoại được cảm tình ? Ai có thể đặt nó một khu vực bất lai vãng, mà nó ở trong con người.

II — **Thuyết di tính học** (génétique). Kinh nghiệm chủ nghĩa (empirisme) thì chuyên chú riêng về sự biến chuyển lương trí và lưu ý đến những ảnh hưởng mà hoàn cảnh gây nên sự biến

chuyển đó, thì muốn nhận rằng : Nguyên thủy lương tâm phát nguồn tại kinh nghiệm. Chủ nghĩa này có hai hình thức :

- a) công lợi chủ nghĩa (utilitarisme)
- b) Và biến hóa chủ nghĩa (évolutionnisme).

a) **Công lợi chủ nghĩa** (utilitarisme) của Ông Stuart Mill. Ông nói : lương trí chẳng qua chỉ là một kết quả của những kinh nghiệm. Ta làm một việc, vì ta thấy nó có lợi. Nhưng vì có tập quán làm công việc hữu ích như thế, nên ý tưởng vụ lợi không thể chia lìa được trong những công việc như vậy. Như thế việc làm theo thời gian, coi như là bắt buộc. Đàng khác, xã hội răn cấm việc có hại, và trọng thưởng việc hữu ích, như thế thành ra một luật, và ghi sâu vào cá-nhân ký ức.

Phê bình — Quan niệm đó sai lạc. Nếu con người làm việc vì vụ lợi, hỏi quan niệm nghĩa vụ xây trên đâu ? Tỉ dụ một người hy-sinh để chết vì tổ quốc, hỏi đối với họ, lợi ở đâu ? Một người nộp thuế, thuế thân hỏi lợi chi cho cá nhân trong công việc hiện tại ? Và lại quyền bính xã-hội, sẽ lấy lý lẽ chi mà cắt nghĩa được luật luân lý ? Lại lấy giá trị của mình để minh chứng cho mình.

b) **Biến hóa** (Spencer). Theo ông Spencer thì lương trí luân lý là kết quả của luật thừa kế và của biến hóa. Vì các Cha Ông chúng ta đã có những kinh nghiệm về những việc chỉ là hữu ích, và cũng công việc chỉ là hại, những tập quán đó theo định luật biến-hóa, thừa kế lại cho con cái.

Thuyết này không khác chi thuyết trên, nên cũng một lối phê bình như trên.

III— Thuyết xã hội (Theo sociologique) Ngày nay thuyết xã-hội được hoan nghênh đón tiếp. Theo Ông Durkheim, Levy-Brunl.... cắt nghĩa rằng : Nguyên thủy lương trí, chỉ có thể cắt nghĩa theo những hoàn cảnh xã-hội mà thôi. Trong mỗi cá nhân, chẳng qua chỉ là một cách phô diễn lương trí đoàn thể mà thôi.

PHÊ BÌNH — Tuy nhận rằng hoàn cảnh xã hội ảnh hưởng rất nhiều đến lương trí cá nhân, nhưng một điều sai lầm cả thể là : Luân lý không phải là kết quả của hoàn cảnh xã hội gây nên đâu. Vì tùy xã-hội vào sự xây dựng con người, song con người làm thành xã hội. Trước khi có xã hội, đã có cá nhân. Cho nên không nên lẫn. Hơn nữa, nếu lương trí là một việc của xã - hội thì ra luân lý chỉ có tính cách hễ ngoài, không còn gọi được là lương trí nữa. Hơn nữa xã hội đạt thành được luân lý, thì hỏi xã hội có thể làm cho tội ra phúc, và phúc ra tội. Kẻ trộm cướp được công lênh, người bác ái đáng khiển trách. Cắt nghĩa làm sao mà mọi đời và đến đâu cũng trừng tội, thưởng phúc. Nếu do tại xã hội chủ trương được, thì sao xã hội không đổi ngược lại tội đáng thưởng và phúc đáng phạt đi ? Nếu thế hay tìm công lênh cho xứng với những người nội công, người phản quốc, kẻ làm ngụy.

KẾT-LUẬN— Lương trí nguyên thủy cả trong các việc làm, con người vốn phải theo một lẽ luật đã được in ghi trong tâm khảm con người. Luật đó không lệ thuộc Hiến Pháp hay luật lệ của dân tộc hay tổ quốc, trái lại Hiến Pháp cùng luật lệ Quốc gia phải tựa vào luật thiên nhiên kia mà thi hành. Lương trí chỉ là một phán quyết của lý trí, nhận hay phê bác trách móc hay ban khen những việc ta làm. Vì lý trí nhìn vào bản tính hữu lý con người mà quyết đoán như thế. Nhưng vì tại con người có tự do hành động, mỗi khi đi sai nguyên tắc thì lương tâm trách móc, mà đi đúng đường thì lương tâm hả hê cùng ban khen. Con người lương thiện là con người làm theo mệnh lệnh lý trí ngay thẳng.

BÀI THỨ XXII

NHIỆM - VỤ

Bài của Linh-Mục J. B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH Dòng Đa-Minh

Trong tất cả các vấn đề thuộc luân lý, thì vấn đề cần thiết hơn, quan trọng hơn, đó là vấn đề Nhiệm-vụ. Vì lương-trí đã trình bày cùng minh chứng cho ta hay : điều lành nên làm, sự dữ nên tránh, hơn nữa bắt buộc con người phải như thế, đi lối khác là thoát tình con người hữu lý tánh.

Vậy thì nhiệm vụ là gì ? Thừa là phận sự phải làm điều tốt. Ta chưa xét bao giờ xem thế nào là tốt vật đích của nhiệm-vụ, ta xét thế nào là cốt yếu hay bản tính của một nhiệm vụ ? Đặc tính của nó là gì ? Căn bản tại đâu ?

1.— BẢN TÍNH CỦA NHIỆM VỤ

Người ta thường nói đến tinh thần nhiệm-vụ. Vậy như nói trên nghĩa là gì rồi. Còn tinh thần nhiệm vụ là gì ? là một xu hướng con người tự cảm thấy phải thi hành hay là thực hiện lý tưởng là làm việc bổn phận của mình hay là làm việc lành

a) **Nhiệm-vụ, là một phán quyết của lý trí** : Chỉ có vật hữu lý tính mới có luân lý. Vậy thì nhiệm vụ là một điều vượt hẳn ranh giới kinh nghiệm. Nó là một phán quyết của lý trí, áp dụng từng trường-hợp, hướng dẫn con người hành động cho đúng quy mô. Phán quyết này chuyển sang ý chí, như là một sự vụ lệnh, để cho ý chí ban bố thi hành cho tất cả ngành hoạt động của con người.

b) **Nhiệm vụ là một tinh thần luân lý** : Sau khi lệnh đã truyền ra, được thông đạt trong tất cả tài năng. Vậy lương trí đã nói, thế là ta tự nhận thấy ta có bổn phận phải theo, mặc dầu có khi ta không thi hành, song biết là phải theo. Nhiều khi tinh thần nhiệm vụ này trở nên mạnh mẽ, và thời thúc, đến nỗi con người hy sinh vì nhiệm-vụ, đến chỗ anh hùng : Một cái lò voi ở dãy núi Pyrénés. Vô tình một người sa chân kẻ khác nhảy theo để xuống cứu. Nhưng cả hai vô công hiệu. Người thứ ba cũng xông pha ; xong cả ba vô ích.

Một người đàn bà đứng đó la lối, kêu hàng xóm cho đến người thứ năm, còn sót hai người đàn bà, nữa điên vì sợ, cũng định lao mình xuống chằng may áo mắc vào nhánh gần đó, nên lủng lẳng giữa chằng. Hồi sau, nhà hữu trách đến để điều tra cùng làm biên bản. Sau có nói cùng người đàn bà sống sót rằng sao lại đại thế ? Người đàn bà thưa : các bạn tôi chết tôi phải cấp cứu. Câu đó đầy ý nghĩa, và biểu lộ một tinh thần nhiệm vụ.

II.— ĐẶC-TÍNH CỦA NHIỆM-VỤ

1) — Một đặc tính thứ nhất của nhiệm vụ : là **quan niệm về sự vụ lệnh**. Không cần bàn cãi, tranh luận, một là lương tri nói : anh phải làm, hay là anh không phải làm. Đó là tôn chỉ của nhiệm vụ. Bỏn phận đó, lý trí đã suy nghĩ rồi, nên chuyển sự vụ sang ý chí, rồi tự nhiên chằng cần chi ép uổng, con người huy động mọi ngành hoạt động để chu toàn sự vụ.

2) — Mệnh lệnh kia, phát ra bằng một sự **phán quyết** triệt để không để ý đến tài năng có tương đương hay không.

Tỷ dụ : Sự khôn ngoan nói : nếu anh muôn sức khỏe cần phải điều độ. Nhiệm vụ nói thẳng ngay : hãy điều độ. Mà hãy làm, rồi sau thế nào sẽ hay.

3) — Đặc tính thứ ba, là không thể ỷ lại được : vì việc mọi người phải làm, không thể ủy cho ai. Không thể xê dịch được, y như sự thật trong toán pháp.

Tóm lại đặc tính của nhiệm vụ là : không phải vì lời kéo bên ngoài ; không phải vì ép uổng, muốn hay không muốn ; cũng chằng phải là lời bàn của cổ vấn ; cũng chằng hại vì vụ lợi... một là tự nhận thấy bổn phận là thế.

III.— NỀN TẢNG CỦA NHIỆM - VỤ

Ta đã biết nguyên thủy lương tri, bản tính nhiệm vụ, bây giờ ta nên xét đến nền tảng của nhiệm vụ là thế nào.

Bởi đâu mà có sự vụ lệnh, truyền cho ý chí phải tuân hành. Ông Kant khi suy đến nhiệm vụ thì kêu rằng : ở nhiệm vụ, danh từ to tát, và công việc cao sang ! Mi bởi đâu mà có, nguồn gốc thế nào, nguyên lại làm sao.

1) — Tiên vàn ta nên nhớ rằng : một nền luân lý, mà không có nhiệm vụ không có thưởng phạt thì luân lý không có căn bản. Bỏ nhiệm vụ đi, ta có thể lập được một xã hội tạm bợ.

vài ngày ; song không thể lập thành xã hội theo luân lý ; nhưng luân lý, cốt cán là phải xây dựng trên nhiệm vụ, một quan điểm khách quan, nó không thuộc quyền ta.

Nhưng cốt cán khách quan đó là chính điều thiện. Liên lạc giữa điều thiện với nhân vị, xây thành nền luân lý. Mà luân lý được diễn tả ở trong lương tri từng cá nhân là nhờ bởi có quan niệm về nhiệm vụ.

Làm thế nào mà biết được liên can giữa con người với con người đó ? Nhờ có lý trí am hiểu, và thông dịch lại cho ý chí. Như thế mọi điều tốt phải được thi hành, và mọi điều xấu phải bài trừ : song thi hành tùy theo từng địa vị đó là nhiệm vụ của mọi kẻ.

Song lý trí cũng cho ta hay, ta không phải là con người tự hữu, một là con người thọ sinh, vì trước đây 100 năm nào chúng ta đã có đầu và sau 100 năm nữa chúng ta thấy chẳng còn sống. Vậy thì chúng ta là loài thọ sinh bởi một bàn tay nào dựng nên. Tay nào dựng nên ta thì tay ấy cũng có in ghi trong bản tính ta những bổn phận phải thi hành, trước là đố, với đấng sinh thành nên ta, sau là đối với chính bản thân ta, hơn nữa, đối với tất cả những người chung quanh ta. Những bổn phận đó, được ghi trong tâm khảm con người, nên gọi là những nhiệm vụ theo nhiên luật.

Nếu con người là loài thọ sinh, thì dầu con người có thể ra luật cho bản tính của mình ? Nếu không ra luật được cho mình thì cũng không thể thoái được nhiệm vụ thiên nhiên kia. Và, bao luật con người ra sau này đều phải tựa vào nhiên luật kia mà lấy gương mẫu. Con người không được ra một điều chi nghịch lý.

Chú ý — Đến đây ta xem thấy rõ căn bản mọi nhiệm vụ con người đều phải xây trên nền luân lý. Mà luân lý không thể thành được nếu không có đấng Thượng Đế hay Tạo Hóa. Vì nhiệm vụ rút ra bởi lệ luật mà nhân luật phải tựa vào nhiên luật, nhiên luật phải có đấng Tạo-Hóa.., Cho nên thuyết vô thần, tự nó đem con người đến chỗ chối mọi nhiệm vụ. Mà chối nhiệm vụ tất nhiên loạn.

Vấn nan. — Không cần có nhiên luật, không cần có Tạo-

Hóa, nhiệm-vụ có thể thành, nguyên bởi khoản luật hành của nhân loại ra.

Thưa : Sự thưởng hay phạt theo nhân luật muốn được công bằng thì phải tựa vào hữu lý ; song cho được hữu lý cần phải nhìn vào nhiên luật. Cho nên ngoại trừ Tạo-Hóa ra, con người không còn luân lý cũng không còn nhiệm vụ, như thế là thoái tính rồi,

2) — Nhân đạo hay vô nhân đạo, bất luận hay luân thường, tốt hay xấu không thể nào quan niệm được, trước khi chưa có luật lệ ; Song trước khi có xã-hội thì cũng chưa có lệ luật. Cho nên tốt xấu trong xã-hội, và chính quyền. Truyền hay điều cấm chi, thì điều nên tội hay phúc.

Thưa : Trước khi chưa có luật thiên nhiên, thì chưa có tốt hay xấu, bất nhân hay nhân đạo. Còn trước khi chưa có nhân luật, không có tốt hay xấu, thế là sai. Vì nói thế là phủ nhận nhiên luật mà nhiên luật là luật của loài hữu lý tính, mà loài đó là thọ sinh, nên đã có luật trước khi con người hợp nhau trong xã hội rồi.

3) — Nhiệm vụ ở tại lý trí trình bày cho ý chí sự vụ phải làm. Vậy thì tùy ở lý trí cho điều nào nên tội thì sẽ nên tội, điều nào nên phúc thì nó nên phúc. Cho nên luân lý tốt hay xấu cũng tự con người định nên.

Thưa : Lý trí trong việc trình bày sự vụ con người phải làm không có nghĩa là sự vụ đó bởi chính bộ óc con người nặn ra đâu. Một là lý trí chuyển lên trên xuống, con người phải làm. Vì lý trí y như người thừa hành chuyển đạt thông cáo mọi sắc lệnh trên. Cho nên luân lý không thể tại hay tùy lý trí con người.

4) — Có người hay sai suyển. Vậy trong khi chuyển thông đạt cấp trên xuống mà lý trí phán quyết nhầm thì sao ?

Thưa : Có nhiệm vụ nhầm một là nhầm vô tình không thể chữa được. Khi đó không thành phạm pháp. Như người điên không suy được nữa. Hay là vì căn cơ nào đó mà trí khôn không thể biết được. Hai là nhầm hữu ý. Nếu nhầm dụng ý thì lỗi tăng gấp hai.

5) — Ý chí con người là thông dong. Nếu thông dong thì là tự hữu. Nếu tự chủ thì tự mình đặt luân lý cho mình, đặt luật

lệ cho mình, cho nên không cần Tạo-hóa hay pháp luật nào khác.

Thưa : Lý luận trên đây là lý luận của một người, chẳng những phản nhiên luật, và lại phản chính phủ cùng nhân luật. Con người ấy không gì xấu hơn.

Song đây tôi xin thưa theo lẽ. Ý chí thông dong, song ý chí mù. Nếu đã mù cần phải soi dẫn. Cho nên cũng không được muốn sao hay vậy. Nếu thông dong đến nỗi đổi thiện ra ác, ác nên thiện, thì là loạn tính. Loạn tính, không phải là khuôn khổ nên theo.

6)— Nếu luân lý con người, chỉ theo khuôn khổ nhiên luật. Song bản tính con người là một, tất nhiên, nhiên luật cũng là một cho mọi dân tộc. Song ta thấy mỗi dân tộc một thể lệ, mà đó cũng là luân lý cả. Cho nên luân lý không bắt nguồn tại nhiên luật, một tại nhân luật.

Thưa : Nguyên tắc là một, chung cho mọi đời cùng mọi người. Song thể sự trắc tréo, vì tự do con người xử thế muôn mặt, nên sự hữu lý cũng theo nhiều hoàn cảnh. Vì thế mà dân luật mỗi nước khác nhau. Nhưng chỉ khác nhau trong chi tiết, còn nguyên tắc là một.

NHIỆM VỤ CON NGƯỜI CHỈ CÓ THỂ XÂY TRÊN ĐIỀU THIỆN

Trong ngôn ngữ cũng như trong hành động, rất nhiều người lầm tưởng, bất kỳ việc chi cũng thành được nhiệm vụ. Ngày nay, con người cộng sản đang tay bóc lột hết mọi quyền lợi con người, từ vật chất đến tinh thần. Mà kẻ thi hành việc đó cho là một nhiệm vụ cao cấp, phải chu toàn. Họ đang phá ranh giới tổ quốc bằng sự thế giới đại đồng hóa, mà họ cũng cho là nhiệm vụ. Vì thế đặt câu hỏi : Nhiệm vụ có thể xây trên điều ác được không ?

Thưa nhiệm vụ chỉ xây trên điều thiện mà thôi.

Biết bao lần lương trí ta bắt buộc ta phải khước từ một khoái thú, phải nhảy trên vũng máu, phải ôm hy sinh, phải im lặng trước bao đòi hỏi... Như thế ta thấy, chỉ có sự tốt, mới thành vật đích của nhiệm vụ. Song sự tốt có hai mặt :

- a) một là theo khách quan.
- b) hai là sự tốt theo chủ quan.

NHIỆM VỤ PHẢI XÂY TRÊN SỰ TỐT KHÁCH QUAN.

Vì theo chủ quan, thì sẽ thành ra bao nhiêu người, bấy nhiêu nhiệm vụ riêng biệt, cùng luân lý riêng biệt. Hơn nữa luân lý cùng nhiệm vụ đó sẽ thay đổi thường nhật, không mục nhất định nữa vì cảm tình con người biến chuyển thường nhật. Cho nên phải là sự tốt theo khách quan nghĩa là cứ theo lẽ phải hợp bản tính con người hữu lý.

Nhưng cho được theo lẽ phải và hợp lý, con người phải nhằm một cứu cánh độc nhất, mà con người vì lý do đó đứng trên vũ trụ. Hãy tự hỏi, con người đứng trên vũ trụ để làm gì? Việc này tôi sẽ làm hay đang làm, có qui thuận được về cứu cánh độc nhất kia chăng? Cứu cánh độc nhất kia, là tìm đến hạnh phúc con người, hợp cho cả hồn lẫn xác. Mà vì thế rất cần chúng ta phải tìm hiểu bản tính con người, hay nói khác đi, tìm hiểu nhân vị; rồi ta hỏi xem hạnh phúc con người là gì? Và vì sứ mệnh chi, mà con người sống tạm trong thời gian, rồi một cách cưỡng bách phải rút lui khỏi trần gian? Mặc dầu hồn con người là bất tử...

Tất cả những đạo lý nào mà bỏ sót, không suy đến những yếu tố căn bản của con người đều là những đạo lý khập khiễng. Như khoái lạc chủ nghĩa (hédonisme), vụ lợi chủ nghĩa (utilitarisme) hay là cảm tình chủ nghĩa (sentimentalisme) v.v... Vì đạo lý đó chỉ bàn đến một khía con người, là theo thể xác... Cũng như đạo lý thuần lý (stoïcisme, Kantisme) cũng không hoàn bị vì ngoại trừ thể chất con người mà nguyên chú đến lý trí thôi. Phải nhớ con người là hợp thể.

Song con người chẳng những là hợp thể, lại còn là con người xã hội nữa, cho nên cũng phải hoàn bị con người về phương diện xã-hội nữa. Kéo con người sẽ trở nên ích kỷ.

Thực tế mà nói : Con người nào sẽ có phúc hơn, đó chính là con người biết thực hiện một hòa điệu giữa những sự cần thiết của mình với hoàn cảnh vật lý của mình, biết thực hiện hòa điệu giữa những xu hướng của mình với hoàn cảnh xã-hội, và giữa những xu hướng cao thượng với lý tưởng nào có thể thỏa mãn được những sự đó.

Tạo Hóa không đặt con người bơ vơ giữa vũ trụ này đâu,

đã có con đường hướng dẫn vạch chỉ rồi. Chỉ cần con người có thiện chí, liền sẽ tìm thấy chân lý đó ngay. Nó không ở trong khoa học, một ở trong sự gì siêu vượt hơn khoa học. Vì khoa học tự do con người có thể lại sang hướng khác, dùng khoa học mà làm dữ. Song chính lộ hay chân lý phải lại con người đến cứu cánh thực.

BÀI THỨ XXIII

QUYỀN LỢI

Bài của

Linh-mục TRẦN - MỤC - ĐÍCH
Dòng Đa - Minh

Vì nhiệm vụ và quyền lợi là tương liên. Ta không thể phân tách chỉ nói đến một mặt, còn bỏ sót một mặt. Đâu có nhiệm vụ đấy cũng có quyền lợi.

1) **Bản tính quyền lợi** : Ông Leibnitz có định nghĩa quyền lợi thế này : Nếu nhiệm vụ là một sự cần thiết của luân lý; thì quyền cũng là một cái lợi của luân lý nữa,

Theo danh từ quyền lợi (tiếng Pháp gọi là droit, mà tiếng La-tin gọi là Jus, justum, có nghĩa là thẳng) song áp dụng vào luật là một việc thuộc công bình, kẻ nọ phải xử đối với bên kia.

2) **Quyền lợi chia ra làm hai :**

- a) một là quyền lợi khách quan ;
- b) hai là quyền lợi chủ quan :

Quyền lợi khách quan : là những điều gì kẻ khác phải làm cho mình, hay là mình phải làm cho kẻ khác. Thí dụ : sự trọng kính, sự giúp đỡ v. v...

Quyền lợi chủ quan là chức hay địa vị, mà con người nhờ đó, buộc kẻ khác phải làm cho mình, hay mình làm cho kẻ khác.

Nhưng quyền kia dù là khách quan hay chủ quan cũng phải bởi lẽ luật nào đặt ra thì mới có. Luật đó hoặc là luật tự nhiên, như quyền cha mẹ với con cái ; hoặc luật quốc gia đặt ra. như phân quyền lợi cùng giai cấp trong xã-hội...

PHÂN LUẬT — Luật chia làm hai thứ : thiên luật và nhân luật. Trong khoản nhân luật cũng có luật tôn giáo và luật quốc gia. Quyền

lợi cũng theo đó mà chia làm nhiều hạng. Hoặc bởi nhiên luật, hoặc bởi nhân luật, hoặc về tôn giáo, hoặc về dân chính. Quyền, cũng có cái gọi là quyền hưởng dụng, cũng có thứ gọi là quyền chiếm cứ (jus in re, jus ad rem).

Đây không phải là chia đầy đủ mọi khoản luật đâu, tôi chỉ đưa ra mấy điều cần, làm điểm tựa; để nói đến quyền lợi mà thôi. Về khoa luật có nhiều khoản, phải có chuyên khoa mới thấu đáo hết nghĩa được.

MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA QUYỀN - LỢI VÀ NHIỆM-VỤ

Hỏi có phải mọi nhiệm vụ đều có quyền lợi đi theo không? và tất cả quyền lợi đều phải có nhiệm vụ không?

Thưa : 1) Nếu trong một người, hay một nhân vị, thì bao giờ quyền lợi cũng theo nhiệm vụ. Vì lẽ luật tự nhiên sẽ trở thành mâu thuẫn, nếu bắt người ta làm một việc, mà không cho người ta quyền lợi để thi hành điểm đó.

Nhưng cũng có những quyền lợi mà không cần có nhiệm vụ đi theo như : Tôi có quyền, lúc rảnh giờ đi dạo chơi. Ông Hoffding nói : Ta có quyền làm tất cả những cái gì mà luân lý không cấm. Những trường hợp như thế, có quyền làm mà không có nhiệm vụ.

2) Nếu bàn đến những kẻ ở dưới phạm vi pháp luật, thì phải phân biệt sau đây:

a) Xét về những nhiệm vụ của công bình, thì bao giờ nhiệm vụ và quyền lợi cũng phải liên quan, liên đới. Tất cả quyền lợi của kẻ này, thì hẳn ngầm nhiệm vụ phải thi hành ở trong kẻ khác, hay là phải trọng kính . v . v v . . Vì luật luân lý không thể mâu thuẫn được.

b) Nếu là những nhiệm vụ về bác ái, thì không có liên đới giữa quyền lợi và nhiệm vụ, ít là theo chặt nghĩa. Thí dụ : Tôi có nhiệm vụ phải làm phúc, song không có thể nói rằng : Thế thì hành khất hay kẻ khó có quyền đòi tôi phải cho. Vì bổ thí là việc nhân đạo, buộc mọi người khi có thể phải thi hành nhân đức đó. Song hành khất không được vịn lý đó mà buộc tội phải bổ thí cho họ.

Xã hội hay chính phủ có nhiệm vụ giúp đỡ các người nghèo khó còn thương nhân có nhiệm vụ làm phúc. Song, việc đó thuộc về đức Bác ái cho nên người nghèo không có đòi ở tư nhân, mà có quyền đòi ở chính-phủ.

Như thế, ta phải cẩn thận, khi hiểu hay nói đến quyền lợi và nhiệm vụ. phông phải đâu có quyền lợi, đó có nhiệm vụ. Và đâu có nhiệm vụ, đấy có quyền lợi. Như đối với Tạo-Hóa, ta có nhiệm vụ phụng-sự Người vì Người sinh ra thần nhân, vạn vật ; song ta

không có quyền đòi Người phải xử với ta thế này hay thế nọ. Vì bởi nhưng không, Người ban cho ta mọi sự.

II — NHỮNG ĐẶC TÍNH CỦA QUYỀN LỢI

Như trên đã nói, quan niệm quyền lợi và quan niệm nhiệm vụ nó liên đới nhau cho nên quyền lợi cũng có những đặc điểm như nhiệm vụ vậy.

a) **Bất khả xâm phạm** : Hẳn là người ta dùng võ lực có thể xâm phạm được lắm, nhưng trong những hoàn cảnh đó là cường lực áp bức công lý không nên nói rồi. Nhưng đây có ý nói theo nghĩa phải, quyền lợi của kẻ nào, thì thuộc kẻ đó, bất khả xâm phạm. Về trên đời, không ai có quyền cho phép ai xâm lấn đức công bình. Song quyền lợi lại thuộc công bình cho nên không ai được phạm đến quyền lợi kẻ khác.

Nhất là những quyền lợi thuộc riêng nhân-vị, vị thuộc bẩm tính con người, không ai có thể thay đổi nay bóc lột được. Quyền lợi do pháp luật chính phủ cho, thì chính phủ còn có thể thay thế, hoặc truất đi ; song quyền lợi theo nhân vị, thuộc riêng con người (droits personnels) thì không sao có thể tẩy xóa được.

Tính cách triệt để : Vì chẳng có gì có thể đàn áp được. Áp lực cũng không được, cảm tình cũng không, được tư lợi cũng không và tự ý cũng không. Vì chẳng bao giờ pháp luật cho phép hai quyền tập hại nhau.

c) **Tính cách phổ biến** : Nghĩa là trong nhân gian xã hội này quyền hành và nhiệm vụ nó lan tỏa trong hết mọi giai cấp, địa vị, Không có một người nào không có nhiệm vụ mà cũng không một người nào mà không có quyền.

XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI : (Collision de droit) Bề ngoài thì xem ra hai quyền lợi đôi khi xung đột nhau ; song đó chỉ là ngoại trạng. Sự thực quyền lợi không đụng chạm nhau bao giờ. Vì quyền lợi cũng là sự thực, cho nên sự thực không mâu thuẫn cùng sự thực. Vậy trong những hoàn cảnh như thế, một bên còn quyền lợi, một bên phải tạm đình chỉ. Quyền trên phải thắng. Tỷ dụ : Chính phủ Sắc lệnh rằng : Bất kỳ ai bắt được thông đồng với giặc buộc phải bắn tại chỗ. Nhưng chẳng may đưa con đứng gác, thấy bố mẹ đang làm việc phạm pháp kia, đưa con đó không có quyền bắn bố mẹ. Chẳng phải vì thương mà thôi đâu, bên là nhiệm vụ **liều thảo**, là luật còn trọng hơn lệnh chính phủ, nên hoàn cảnh đó, người con chỉ có quyền tâu lên cấp trên, rồi để mặc cấp trên xử. Mình không có quyền làm việc ủy thác khi đó.

Thế mới rõ, Cộng-sản chà đạp mọi quyền lợi con người : Bắt chính con cái tố khổ bố mẹ, thực là một hành động dã man và vô nhân đạo.

CĂN BẢN QUYỀN LỢI

Như tôi đã nói trên kia, quyền lợi và nhiệm vụ liên đới nhau. Vậy nhiệm vụ bởi đâu mà có, thì quyền lợi cũng bởi đấy mà ra. Nhưng căn bản nhiệm vụ là sự tốt, mà sự tốt đó không phải là sự tốt nhân tạo chỉ có giá trị, khi nó qui nạp được với sự tốt nhân tạo, hay nói khác đi đúng với trật tự tạo hóa xếp đặt

Vấn đề đặt thế này : Trong con người, cũng như ngoài con người căn nguyên trực tiếp của quyền lợi là đâu ? Tại sao quyền lợi đó bất khả xâm phạm, và tại sao lại phải trọng quyền lợi v . . . v . . .

Ý kiến khác nhau — Có những giả thuyết :

1) Cho **quyền lợi tựa vào vũ lực** — Có những người cho quyền lợi chẳng qua cũng chỉ là cường lực. Cho nên ai khoẻ nấy được. Người ta có thể làm tất cả những gì, mà khả năng của họ làm được. Bất phân đó là tà hay chính.

Ông Hobbes. Theo ông ta, thì ông cho con người đối với con người như chó sói với chó sói (l'homme est un loup pour l'homme). Quyền lợi là sức lực. Người ta có quyền làm những gì người ta có thể. Ông Hegel cũng đồng ý như ông Hobbes, là quyền lợi ở tại vũ lực. Vũ lực mà lần là quyền to...

Những kẻ theo thuyết vật chất, hẳn là phủ nhận tinh-thần và luân lý, nên sức mạnh là lý lẽ và quyền lợi.

PHÊ BÌNH — Nhận quyền lợi và vũ lực, thì cũng như không biết quan niệm về quyền nữa. Vì nếu quyền là lực, thì chỉ khi nào đấu chọi thì mọi quyền đình chỉ. Nghĩ thế sai quá. Nhưng chỉ dụ kia, bộ pháp luật kia không còn nghĩa lý chi nữa. Và lại, thế là xóa hẳn biên giới công bình chính trực, xóa hẳn luân lý. Nếu cứ lấy vũ lực làm quyền thì những chính sách xâm lăng là phải. Chế độ đàn áp là phải. Trong hoàn cảnh này, họ mở xẻ, phân chia đất đai mình cũng là phải ư ?

2) **Thuyết xây dựng quyền lợi trên sự cần.** Ông Helvetius nói : Quyền lợi con người phải xây trên sự cần thiết. Sự cần thiết đó hợp thức hóa tất cả những phương tiện đưa đến kết quả, là thỏa mãn nhu cầu.

PHÊ BÌNH — Nhưng giả như hai người, cùng cần đến một vật, thì ai sẽ có quyền chiếm vào đấy ? Không thể nói được là người nào cần hơn. Vì lấy chi làm bằng để so sánh hơn kém lúc đó ? Nếu dùng phương tiện là vũ lực, thì trở về thuyết trên rồi. Nếu dùng đến lý lẽ, nếu thế trên vũ lực, lý lẽ còn giá trị hơn. Cho nên thuyết này không vững.

3) **Thuyết nhận xây quyền lợi trên công ích xã hội :** Những người bảo trợ thuyết này thì nhận rằng : Con người theo bản tính con người thì không có một quyền lợi chi hết, vì bao quyền lợi con người xét theo bản tính chỉ là trong quan niệm và tưởng tượng thôi, thực tế

ra, họ phải sống trong xã hội. Vậy thì xã hội định đoạt tất cả những quyền lợi đó theo công ích xã hội.

PHÊ BÌNH : Nói thế không đúng, hỏi xã hội có thể gán cho cá nhân hay phần tử xã hội, những quyền lợi mà theo bản tính con người không cho phép không ? Tỉ dụ : Quyền tự do dân đảng, quyền đa thê, quyền ly dị ? Quyền phủ nhận cùng bài trừ mọi tôn giáo ? Quyền công nhận thuyết vô thần ?... Nếu tự do trong quyết định của chính phủ, thì xin chính phủ hãy lấy quyền của mình, đổi mọi tốt ra xấu, và mọi xấu ra tốt, cho tiện bề công ích cho chính phủ. Như thế xã hội tự nhiên sụp đổ ngay tức khắc.

Hơn nữa, nếu mọi phần tử không có một quyền nào thì hỏi toàn thể phần tử lấy đâu ra quyền. Hợp 100 zéro hỏi có làm thành được con số 1 ? Ông V. Cousin nói một câu đúng và giá trị : Là tất cả những điều bộ pháp luật của quốc gia làm được, thì chỉ là tuyên bố công khai ra những điều đã ngụ trong bản tính con người mà thôi. Pháp luật quốc gia không đúc thành quyền lợi, một bảo đảm cho quyền lợi, và công bố ra những điều mà con người lúc sinh ra đã mang theo làm một với mình, chính phủ chỉ có thể rút bớt, nhưng về phương diện phụ mà thôi. quyền lợi nhân vị để cho công ích được bảo vệ. Lúc đó quyền cá nhân không phải là tiêu diệt, một là đình chỉ, như tôi đã nói về mục đưng chạm quyền lợi.

4) **Thuyết xây quyền lợi trên tự do :** Ông Cousin nói : quyền lợi và nhiệm vụ, là huynh đệ, thân mẫu là tự do. Con người là thông dong, và thông dong đó làm cho con người thành bất khả xâm phạm. Con người có quyền phát huy, biểu diễn bên ngoài. Phạm đến tự do con người là phá bản tính con người.

PHÊ BÌNH : Đáng tiếc, ông V. Cousin trên kia, thì nói một lời đáng ghi mà dưới đây, thì nói một câu không nên nhớ.

Đã hẳn **tự do** là một điều kiện cầu thiết xây trên quyền lợi và nhiệm vụ nhân vị, như tôi đã nói về mục yển tố thành phần nhân vị. Nhưng tự do không thể tác thành được quyền lợi. Vì ngoại từ luật luân lý ra, tự do chỉ là một năng lực thôi, và không thấy vì lý do chi, nó lại được tôn trọng hơn các năng lực tự nhiên khác.

Mà nếu tự do đã được tôn trọng hơn, hẳn là vì có luật nào đã định như thế và làm cho tự do thêm giá trị trước vũ trụ.

Lại nếu tự do xây đắp được quyền lợi tự nó, thì nên kết luận, rằng : con người có quyền làm tất cả những gì con người tự do làm được, sự tốt cũng như sự tội. Hỏi câu đó có hữu lý không ?

CĂN BẢN CHÂN CHÍNH QUYỀN LỢI LÀ NHIỆM VỤ

Minh-chứng .— Pháp luật, nhiên luật cũng như nhân luật đặt ra nhiệm vụ, nhiệm vụ sinh ra quyền lợi. Cho nên trên kia tôi đã nói : Đâu

có nhiệm vụ đầy có quyền lợi. Song nếu nhiệm vụ để ra quyền lợi, thì hẳn là căn bản trực tiếp của quyền lợi là nhiệm vụ.

Nhiệm vụ càng to, cao, thì quyền lợi càng lớn... Đến đây xin các bạn vô tư mà xét, tinh thần trọng hơn thể chất. Cho nên quyền về tinh thần, tự nó to hơn quyền về thể chất. Song thần quyền đứng mặt tôn giáo. Cho nên theo nhẽ phải, nhiệm vụ cao siêu, thần quyền phải trội hơn... Tôi nói tự nó, còn sự áp dụng luật lệ đó, tùy xã hội hiểu ra.

Hỏi con người có quyền làm điều phi lý chẳng? Tự do ái tình, tự do dân đảng chẳng hạn, tự do ngôn luận v.v... Ngày nay có nhiều người cho thể là phải, đời văn minh thế là tiến... Hãm hẹp lại, là làm cho nhân quần thoái bộ. Vậy tôi đặt câu hỏi: Con người có được tự do. vì ác? Thưa không, vì điều ác không có quyền nào cả. Tất cả mọi bộ luật chân chính ra, chỉ có một mục đích răn ác, khuyến thiện. Nếu điều ác có quyền thì tức khắc mọi bộ luật bị tiêu diệt hết, luân lý bị xuất ngoại (Tout le droit est fondé, basé sur l'entité, sur l'être. Alors le mal n'est qu'une privation d'être. Donc le mal n'a aucun droit).

QUYỀN ĐI TRƯỚC HAY CHỨC ĐI TRƯỚC

Để trả lời rõ rệt và chu đáo câu của cộng-sản nêu ra : là **bình quyền bình đẳng** thì tôi xin hỏi quyền và chức cái nào đi trước? Đã hay rằng chức và quyền có liên đối với nhau.

Nếu thừa quyền đi trước, thì đáp lại rằng: Quyền ấy tựa vào đâu mà có? Trên kia tôi đã minh chứng mọi quyền lợi, là kết quả của nhiệm vụ hay nói khác: Nhiệm vụ để ra quyền lợi. Nếu thừa chức đi trước thì con người sao bình đẳng được vì đẳng nghĩa là cấp bậc. Mà trong xã hội phải có đầu, mục, tứ chi, không vậy ai chịu chỉ huy ai? Nếu thừa là bầm tính con người như nhau. Câu đó cũng không nhằm hết lý. Vì bầm tính theo hạng (nature spécifique) thì như nhau; song cá nhân khác nhau. Hơn nữa về phương diện tinh thần cũng như vật chất... Tỷ dụ: kẻ này ý chí can đảm hơn, hẳn là lập công hơn. Kẻ kia minh mẫn hơn, hẳn là sáng kiến hơn. Con người tráng kiện, kẻ yếu đuối v.v. Đó là những điểm cá nhân. Như tôi đã nói về mục tính khi con người...

Như nếu câu của cộng sản trên kia, không có chi minh chứng. Nói đúng nó là một câu hào nhoáng, để đem vào xã hội rối trật tự, là một điểm cản trở nhất cho sự tiến bộ của chủ nghĩa Karl Marx.

Vậy thì quyền hay chức đi trước? Thưa xét theo trong nhân loại thì chức hay nhiệm vụ đi trước.

Minh chứng.— Hết mọi con người, cũng như con người thủy tổ khi sinh ra thì mang theo bản tính loài thọ sinh.

Song trong bầm tính loài thọ sinh, đã in ghi một kỷ luật, gọi là nhiên luật. Trong nhiên luật đó, điều trước hết là phục tùng Tạo-Hóa sau là phải thi-hành chương trình của Ngài, để tới đích là hạnh phúc

Ngài đã chỉ cho. Nhưng trong con đường tìm hạnh phúc kia, trước hết sinh ra quyền lợi bảo tồn tính mệnh của mình, quyền lợi hoàn bị con người về phương diện vật chất cũng như tinh thần, quyền làm những gì là hữu lý.

Cho nên xét về nhân loại, thì nhiệm vụ đi trước, quyền lợi đi sau. Vì nhiên luật bao giờ cũng đi trước nhân luật. Song nhiên luật đặt con người địa vị thọ sinh, mang theo những quyền lợi gì như tôi đã kể.

CÓ KHI NÀO CON NGƯỜI KHÔNG PHẢI GIỮ NHIÊN LUẬT?

Thưa nên phân biệt, trong nhiên luật có những **điều truyền** và cũng có những **điều cấm**. Truyền cho con người phải hành thiện, cấm con người vi ác.

Vậy con người không bao giờ được chước nhiên luật về **điều cấm**. Vi ác là đối ngược hẳn nhiên luật. Song nhiên luật không bao giờ được đổi. Cho nên điều cấm trong nhiên luật không bao giờ chước. Hoàn cảnh nào cũng vậy. Còn điều truyền, có hoàn cảnh chước được. Hoàn cảnh đó phải là cần thiết lắm. Như sự giữ lễ lạy. Hoàn cảnh ốm đau, có thể chước được v.v...

SỰ BÀNH TRƯỚNG QUYỀN LỢI

Cộng sản muốn thế giới đại đồng, đại đồng trong mọi phương diện về ăn mặc, về đủ mọi phương diện vật chất. Nhưng làm sao thực hiện được nổi một việc kỳ dị thế. Vì quyền lợi vốn bành trướng, cũng như con người, phát huy các năng lực tinh thần cùng vật chất. Con người đã không bình quyền bình đẳng trong mọi phương diện, thì lẽ nào thực hiện được **đại đồng**?

Nhân quyền mỗi ngày một bành trướng.— Một việc rõ rệt, là ngành hoạt động về pháp luật mỗi ngày một bành trướng, đó là triệu chứng quyền lợi con người cũng tiến nhiều. Các ngành hoạt động con người, xưa kia thì chung chạ, không phân tách chính trị và tôn giáo, thủ tục và phong hóa; song ngày nay đã phân tách riêng biệt từng ngành, ngành nào cũng có quyền lợi riêng biệt.

Bước văn minh càng tiến, quyền lợi càng thêm. Như thế quyền lợi con người, xưa kia còn nằm ngủ ở trong bầm tính con người. Nay nhờ những phong trào phát huy tinh thần, nên rút ra nhiều quyền lợi hơn.

Trong một dân tộc, đồng bào hưởng quyền lợi khác, ngoại kiều hưởng một quyền lợi khác.

Lại luật quốc tế, mỗi ngày làm cho sự thông giao giữa năm châu càng tiến hơn.

Thế không có nghĩa là bản tính con người ngày nay thay mới. Không có thể, bản tính con người vẫn là một. Tí dụ trong lòng đất, xưa kia,

bao nhiêu mỏ nằm chìm trong trung tâm địa, mà con người không biết khai thác ra. Nay học hỏi nhiều mới biết mà khai thác đấy thôi. Cũng như vậy, quyền lợi con người, theo bầm tính có thể nào, thì vốn có thể, nhân luật, kể như là khai thác, rút ra bởi bầm tính con người, những quyền lợi mà xưa không rõ thôi...

Song làm sao đại đồng được, con người trong mọi phương diện. Vì sự phát huy tinh thần trong các cá nhân, không giống nhau, tất nhiên quyền lợi khác nhau. Mà vì sự phát huy khác nhau, nên tư bản hay vô sản cũng khác nhau từ điểm đó. San phẳng mọi người trở nên cấp vô sản, thực là ngộ nhận.

BÀI THỨ XXIV

TRÁCH NHIỆM

Bài của Linh-Mục TRẦN-MỤC-ĐÍCH Dòng ĐA-MINH

Đã có nguyên nhân, tất phải có hiệu quả. Nguyên nhân trong vấn đề là nhiệm vụ. Hiệu quả của nó là phải trách nhiệm, công hay tội mà vì đó phải có thưởng hay phạt.

Để cho gọn quan niệm về nguyên tắc luân lý, tôi xin nói đây về trách nhiệm con người,

1) **TRÁCH NHIỆM : Bản tính, điều kiện và trình độ.** Trách-nhiệm là một sự tương trình bó buộc, thanh toán các công việc đã làm trước nhà hữu quyền. Nên phân biệt tiếng trách nhiệm (responsabilité) với tiếng quy-cửu (imputabilité). Trách nhiệm thì chỉ về người, còn quy cửu thì chỉ về việc.

Tỉ dụ : Con cái hư, trách nhiệm song thân chịu. Song việc con trẻ bé đánh vỡ cái bát, không quy cửu cho nó được, vì nó chưa cảm được cái bát.

Điều kiện — Cho được thành trách nhiệm, cần hai điều cốt yếu, một là *thong dong*, hai là *hiều luật*. Ta chỉ có trách nhiệm trong những công việc ta có thể làm, và phải làm. Những việc ép uổng, những việc ngoài phận sự, ta không phải tương trình lại.

Biến thiên của trách nhiệm — Tuy là cần hai điều kiện, song hai điều đó biến đổi tùy từng người, và có khi cùng trong một người. Như thế, trách nhiệm không cứ một mực, thăng giảm trụy trí khôn và ý-chí, trong lúc hành động có đủ sáng suốt và tự chủ không. Công việc làm lúc bình thân thì khác, và làm trong lúc bối rối thì khác. Có nhiều hoàn-cảnh tăng trách nhiệm và cũng nhiều hoàn cảnh giảm trách nhiệm.

Trách nhiệm luân lý và trách nhiệm pháp lý — Nên phân biệt hai phương diện pháp lý và luân lý. Về pháp lý ta phải tường trình với nhà hữu quyền, kết quả may xuôi hay không về công việc ủy nhiệm. Còn về luân lý, ta phải thưa với lương tâm và trước đấng Tạo Hóa.

Trước nhà hữu quyền, công việc ủy-thác chu toàn là được ; song trước lương tâm và Tạo Hóa, còn phải thưa lại với ý của mình nữa. Ý ở trong thâm tâm, không ai biết được, trừ một Tạo-Hóa và chính lương tâm làm nguyên cáo. Trước nhà hữu quyền không chối được là không biết hay sơ ý, nhưng trước lương tâm và Tạo-Hóa chữa được là sơ ý và không biết. Trước nhà hữu quyền, chỉ cần xét đến công ích xã hội, còn việc tư nhân, tùy lương tâm ai nấy chịu.

Trách nhiệm đoàn thể — Theo nguyên tắc, thì việc ai làm, người ấy chịu trách nhiệm ; song con người không phải sống một mình, một sống trong xã hội. Mà vì phải có sự tương giao, nên việc lành cũng như việc dữ, sẽ có ảnh hưởng kẻ nọ sang kẻ kia. Cũng vì thế, trách nhiệm cá-nhân cũng liên quan đến đoàn thể.

Hỏi : Nếu trách nhiệm cá nhân liên can đến đoàn thể như vậy, hỏi trách nhiệm đó có phải vì thế mà thêm nặng hay nhẹ đi ?

Thưa : có hai ý kiến mà cả hai cùng hữu lý :

1) Một ý kiến bênh, nghĩa là trách nhiệm kia nhẹ đi. Tỉ-dụ những việc theo truyền thống, hoặc vì giáo dục hay là hoàn cảnh ảnh hưởng một cách vô tư sang chúng ta. Cho nên những công việc ta hành động kẻ như là chủ động bắt đầu từ kẻ khác ? Cũng vì nhẽ đó, những việc theo hay có tính cách quần chúng, thì trách nhiệm không được rõ là ai cả. Như phoang trào cách mạng, nào đâu phải một ai, trào lưu đi cả quần chúng cho nên tội chung cũng nhẹ đi, hơn là tội riêng một kẻ.

2) Đáng khác, quần chúng thêm nặng trách-nhiệm cho cá nhân là vì quần chúng làm cho ta thêm hiểu quan trọng công việc ta làm, để cho ta làm được cẩn thận. Vì việc ta làm lợi hay hại nào riêng cho ta, một tràn sang đoàn thể, nên vì thế trách nhiệm thêm nặng.

Nên theo ý kiến nào ? Thưa nếu xét theo pháp luật, thì kẻ nào làm người ấy chịu. Cũng vì nhẽ đó, tội riêng người phạm chịu tuật hình, phúc riêng kẻ làm được hưởng. Nhưng xét theo lương tri luân lý như trên đã nói, vì ảnh hưởng tràn sang kẻ khác, nên trước mặt Tạo-hóa và lương tâm, việc dữ thêm nặng, việc lành thêm thưởng cho nên trách nhiệm to hơn.

CÔNG PHÚC và THƯỞNG PHẠT

1) Công và phúc : Có thể suy theo nguyên tắc của nó, hay là xét theo những hiệu quả.

a) Theo nguyên tắc, công là một bậc trọn lành, con người thêm phụ vào bản tính của mình, chủ trương đó tăng giá trị về phương diện luân lý. Còn tội, trái lại làm giảm phẩm giá con người, về phương diện luân lý.

b) Xét theo hiệu quả, thì công sẽ đem con người đến chỗ lĩnh thưởng. Còn tội, sẽ đẩy con người vào cảnh tù phạt. Đó là cái quyền của con người, gieo giống nào, sẽ gặt giống ấy. Thiện sẽ thưởng, ác sẽ trừng trị

ĐIỀU KIỆN VÀ TRÌNH ĐỘ CỦA HUÂN CÔNG— Những sai lầm nên đề phòng.

a) Phái Stoicien muốn rằng huân công cũng như trọng tội, không có cấp bậc nào cả. Nhưng nói thế sao được. Vì lương tâm mọi kẻ đều nhận, công lênh cũng có thứ hơn thứ kém, cũng như tội, có điều nặng nhẹ. Lại luật pháp mọi dân tộc, thưởng hay phạt đều có trình độ.

b) Thuyết ông Kant muốn công lênh nguyên tại sự cố gắng của ý chí. Cái đó đâu đúng, vì khi con người đã thành tập quán, sẽ không thấy khó khăn trong công việc mình nữa. Song không vì đó mà bớt công. Trái lại, công càng to hơn, vì đã thành tập quán. Hơn nữa việc làm còn hệ tại địa vị kẻ làm. Người to quyền lớn chức, làm cùng một công việc như giới cần lao, hẳn công sẽ không như nhau.

c) Công lênh cũng không phải tại vì nhiệm vụ bó buộc nặng hay nhẹ. Tỷ dụ không giết người hay trộm cướp, thì công lao to ở đâu. Vì đó là điều truyền cảm mọi người rồi.

Vậy đâu là sự căn cứ : Thừa tại :

a) Công việc của mình làm là việc quan trọng hay không ?

b) những trở ngại mình đã lướt thắng trong khi thi hành.

c) ý định trong công việc cao thượng và trong sạch bao nhiêu.

Về tội cũng vậy, phải xem điều lỗi giới là điều nặng hay nhẹ. Có thể dễ dàng thi hành nhiệm vụ mà không thi hành, và ý định của mình gian xảo là bao nhiêu ?

VẤN ĐỀ THƯỞNG PHẠT

Nếu có công và tội, thì dĩ nhiên phải có thưởng hay phạt vì hai vấn đề liên quan mật thiết với nhau. Luân lý không có mực thưởng phạt, thì luân lý đó không chi bảo đảm.

PHÂN CHIA LOẠI THƯỞNG PHẠT— Có hai loại thưởng phạt, một thứ tạm thời, một thứ vĩnh viễn, một thứ đời này, một thứ đời sau.

1) **Thưởng phạt tạm thời.** Nếu kinh nghiệm cho chúng ta hay, luật luân lý đời nay không thể thưởng phạt cho cân xứng và triệt để được,

thì ít là mặt trái những khoản luật đó minh chứng cho chúng ta hay, nhân đức là của cầm chắc chắn cho hạnh phúc bên kia thế giới.

Có 4 luật thưởng phạt chính :

a) Thưởng phạt theo pháp luật như tiền, ngồi tù, chết, Huy chương, thăng chức v.v...

b) Thưởng phạt theo nhiên luật. Công việc tốt hay xấu. theo luật vật lý, sinh lý hay kinh tế, thì tự nhiên cũng có thưởng phạt kèm nhau sau : là sức khỏe, dễ chịu, thông thái, tiến đạt, đang tin. Đó là phần thưởng, còn sự yếu đuối, bệnh tật, là công hiệu kết quả của tội lỗi.

c) Theo quan niệm quần chúng. Việc tốt, thì ai cũng yêu thích, việc xấu ai cũng ghét...

d) Theo lương tâm. Việc tốt thì lương tâm hả hê, việc xấu lương tâm cắn rứt.

Giá trị của những thưởng phạt tạm thời đó : Ta không nên thị thưởng, vì có giá trị tương đương.

a) Về mặt pháp luật, bảo an trật tự, và ít là bảo thủ được ít nhiều luân lý, nếu không như thế, pháp luật sẽ không thể nào thi hành và xã hội đến chỗ hỗn loạn.

b) Về dư luận, dư luận theo lời ông Hoffding, thì là một thứ cảnh binh công an, rất có ảnh hưởng trong trật tự. Vì họ sợ mất thanh danh. họ được yêu kính cùng quý, vì thế họ sẽ giữ pháp luật nhiều.

c) Luật tự nhiên đó là một minh chứng phép công binh ở trong các sự vật.

d) Luật lương tâm, là một ý thức cao nhất, giá trị con người cũng công việc ở tại đó. Cái đó làm cho con người có ý nghĩa về nhiệm vụ và lương tâm nhà nghề.

NHỮNG THƯỞNG ĐÓ CÒN KHUYẾT ĐIỂM

a) Chính phủ không thể thưởng phạt được hết mọi người, và thưởng hay phạt cũng chưa cân xứng. Hầu như các phạt đó, chỉ là như khuyên trừng, và thưởng như khuyến khích thôi. Và chỉ qui về công việc ngoại trạng, hành vi bên ngoài, còn việc ẩn ý bên trong, chính phủ không thể xét đến.

b) Dư luận quần chúng, nhiều khi cũng vô căn cứ, thay đổi luôn và hay nhầm.

c) Luật tự nhiên, cũng chỉ qui về việc vật chất, còn việc luân lý không tội, nhất là ẩn ý con người. Và cũng chẳng phải mọi người đều bị luật thiên nhiên kia áp dụng ngay hình phạt hay phần thưởng đâu.

d) Lương tâm cũng không đủ, vì có người lương tâm hẹp, kẻ rộng, người nhân đức thì khác, người thương tình lại khác. Còn có người làm

chết lương tâm đi nữa, cho nên lương tâm chưa công hẳn. Vậy thì sao ? Thưa cần phải ác giả ác báo bên kia thế giới.

Thưởng phạt đời sau : Vì con người, hết thảy đặt dưới luật công bình, nên chính con người không thể thối thác được mọi phương diện cạnh khía công bình. Con người khuyết điểm, nên cần phải có bàn tay Tạo Hóa, đón chờ cái công hay tội bên kia, để thưởng phạt cho mình. Chính quan niệm này, đem con người nhận xét đến thế giới hữu chủ. Và cũng vì đó, tôn giáo là một quan điểm hệ trọng cho trật tự an ninh thế giới, cũng như trong xã hội và gia đình.

BÀI THỨ XXV

TỰ DO HÀNH GIÁO VÀ TỰ DO TRUYỀN GIÁO

Bài của

Linh mục J.B. TRẦN-MỤC-ĐÍCH

Dòng ĐA-MINH

Thưa các quý bạn, vấn đề tự do tín ngưỡng rất liên quan đến vấn đề tự do hành giáo và truyền giáo, vì rằng tư tưởng vốn dễ ra hành động. Hành động chẳng qua chỉ là một biểu diễn trạng thái tâm sự mà thôi. Ta nhìn con người cộng sản đủ biết, họ hành động theo chủ nghĩa của họ, bao nhiêu tai họa do chủ nghĩa vô nhân đạo đó gây nên. Thế mà cũng còn có người bào chữa cho chủ nghĩa cộng sản là những hành động vô nhân đạo kia chẳng qua chỉ là sơ xuất của con người khi áp dụng; chứ chính sách thì bao giờ cũng hoàn bị. Cách biện hộ đó minh chứng rõ con người bào chữa như thế chưa am hiểu hành động ngoại trạng là một phản ảnh của tư tưởng.

Trong vấn đề trên, tôi đã phân trần đâu là đạo lý khi nghe đến câu : *Tự do tín ngưỡng*. Nếu câu đó không phải là hiểu theo mặc ý ai một phải đem lý luận ra mà giải phẫu, rồi mới thấy thực ý ẩn ngụ trong đó.

Như thế câu tự do tín ngưỡng, quả là *grom hai lưỡi*. Rất có hại cho con người không biết phân tách.

Vậy nếu chính phủ không có quyền cho phép nhân dân tự do tín ngưỡng, thì cũng không có quyền cho phép tự do hành giáo. Vì tự do hành giáo là công hiệu của tự do tín ngưỡng kia thôi.

Đến đây, các bạn chớ vội kết luận tôi là một người đi sai Hiến Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa. Không, tôi không đi sai, mà là rất đúng. Quốc Hội đã sáng suốt thảo ra Hiến Pháp, mà trong đó có thiên thứ hai điều 17 nói rõ :

« Mọi người dân đều có quyền tự do tín-ngưỡng, tự do hành giáo, miễn là xữ dụng quyền ấy không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục »...

Một câu kèm vào đó « miễn là »... không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục. Có nghĩa là Chính - phủ không có quyền cho công dân được tự do nghĩ hay thi hành những gì trái với luân lý và thuần phong. Hiểu ra, thì câu đó bao gồm : chẳng phải mọi tôn giáo đều có quyền như nhau, vì chẳng phải mọi tôn giáo hưởng dẫn con người đến con đường ngay nẻo chính, cho nên mới phải kèm vào câu « miễn là » ...

Có kẻ mừng vì trong Hiến pháp có nghị định 17, Và cho rằng đó là một hoàn cảnh tốt đẹp cho bên Công Giáo. Vì xưa kia bị cấm cách nay nhờ ơn chính phủ, được tự do tuyên truyền cùng hành đạo.

Tôi cũng xin cảm ơn những bạn nào có thiện cảm như vậy. Song tôi nghĩ, thiện cảm là một nhẽ, và quyền lợi là một nhẽ. Vì nếu tự do hành giáo là một khoản luật của quốc gia, hay không? Nếu là một khoản luật của quốc gia, thì sao đồng bào công giáo không có quyền hưởng? Và nếu không phải là khoản luật quốc gia, thì ra khoản luật đó là một câu nói dối long trọng. Khoản luật đó, cùng không thiên chi bên này, bên kia nó là công-bình.

Thế mới rõ, những chiếu chỉ xưa kia cấm cách, thực là bất công. Nhưng nay nhờ câu « miễn là quyền lợi đó không trái với luân lý và thuần phong mỹ tục » Câu này sẽ minh chứng thực hay tà đạo.

Chỉ có tôn giáo nào làm cho con người nên lương thiện, hợp với lý tính con người, đạo đó sẽ được hưởng rộng quyền.

TỰ DO NGÔN LUẬN — TỰ DO BÁO CHÍ

Một bằng chứng cụ thể, minh chứng con người theo bảm tính, là sống trong xã-hội, trái ngược hẳn với thuyết tiên sinh Rousseau. Bằng chứng đó là khẩu thiệt con người.

Tạo-Hóa ban cho con người ngôn-ngữ, để vì cuộc đời công cộng có thể phát biểu ý kiến, thâm-tình, cảm hứng, sàu vui... cho những kẻ chung quanh. Nhờ những phương tiện cao quý này, con người thông cảm được với nhau, dạy cho nhau những điều hay, sửa cho nhau điều dở, và vì phương tiện thần tiên này, con người tiến bước rất mau trong nền văn-minh. Con người cao thượng cũng nhờ ngôn ngữ mà thông tỏ, kẻ tiểu nhân, cũng vì ngôn ngữ mà bợ lộ. Người ta nói « Chim khôn thì tiếng cũng khôn, khôn cả cái lông, chẳng xách cũng khôn »

Thực ra ngôn luận và báo chí là hai cơ quan xây dựng cũng như hai cơ quan phá-hoại. Cộng sản am tường thắng lợi của hai cơ quan đó nên họ nhờ gió bẻ măng, nêu cao tự do ngôn luận, và báo

chỉ, để lấy đó làm bàn đạp tuyên truyền chủ nghĩa của họ. Đồng thời, họ chỉ trích mỉa mai những chế độ bất kỳ tiền hậu, mâu thuẫn với chủ nghĩa cộng. Vốn nói một đằng làm một nẻo. Sống dưới chế độ Cộng sản, không ai dám nửa hơi. Báo chí cũng như ngồi rồi đàm tiếu, lúc nào cũng phải khen hay chế độ. Hoặc ai đã trực ngôn chỉ trích, kẻ đó sẽ bị thủ tiêu bí mật hoặc công khai.

Trong thời kỳ bị trị, ngôn luận cùng báo chí vốn bị kiểm-đuyệt gắt gao, vì thời nào họ cũng hay hai cơ quan đó là gươm hai lưỡi, lợi cho xây dựng cũng như hại cho phá hoại.

Ngày nay, Chính phủ Cộng-hòa, báo chí được dễ dàng hơn xưa, và ngôn luận cũng được dễ dãi hơn. Nhưng có nhiều kẻ nhằm tưởng, đã là Dân Chủ, quyền ngôn ngữ và báo chí cũng như giáo dục, phải được tự do triệt để.

Thưa các bạn, không phải là Chính-phủ cộng-hòa hẹp lượng với các bạn, song vì chính nghĩa an-ninh trong xã hội bắt buộc Chính-phủ phải kiểm soát không cho tự do ngôn luận và báo chí, hay tự do giáo dục một cách triệt để.

Vi thể trước khi ban bố Hiến Pháp, Quốc Hội đã nghiên cứu lâu ngày, nên mới ra luật sau đây : Chương Hai, điều 16 :

« Mọi người dân đều có quyền tự do ngôn-luận. Quyền này không được dùng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến nền Đạo lý công cộng, hô hào nội loạn, hoặc lật đổ chính thể Cộng Hòa.

Mọi người dân được tự do hưởng quyền báo chí để tạo thành một dư luận xác thực và xây dựng mà Quốc gia có nhiệm vụ bảo vệ chống lại mọi hành vi xuyên tạc sự thật »

Đặt vấn đề. Để minh chứng chính phủ không hẹp lượng, một là Chính phủ không thể cho quyền nhân dân được tự do triệt để trong ngôn luận cũng như báo chí. Thì xin các bạn lưu ý mấy quan niệm sau đây :

1) Con người sinh ra cho được sống trong xã hội, và nhờ Xã hội tìm những phương tiện để hoàn bị con người. Vì sống riêng lẻ, không ai tự lực mưu sinh được. Nhưng hoàn bị con người, tiên vàn phải lưu tâm đến tinh thần, đó là biết sự thực và mến yêu sự tốt. Vậy tất cả những gì đem con người xa lạc sự thực, và sự tốt là bấy nhiêu trở ngại phải lánh.

2) Song ta phải nhận rằng, có ít nhiều lý thuyết, dưới hình thức sự thật, len lỏi vào để gieo rắc sai lầm. Con người là bần tính là theo sự thực và yêu sự tốt, cho nên có quyền đề phòng các lý thuyết sai lạc. Nếu vậy thì chỉ có sự thực mới có quyền tuyên truyền ra, còn sai lạc buộc phải che lại.

Đề tài : Tự do ngôn luận, báo chí và giáo dục là một điều bất chính.

Minh chứng : Cho cả hai bên hư thực, được quyền lợi phư nhau một điểm bất chính. Vậy nếu chính phủ cho tự do triệт đề, ai nấy được tự do ngôn luận, tự do báo chí và tự do giáo dục, là cũng như làm oan quyền cả đôi bên hư thực. Cho nên tự do ngôn luận là bất chính.

Hỏi ra, ai cũng hay là chính phủ có quyền đề phòng cho dân chúng khỏi lầm lỡ, và học biết những điều nên theo. Nhưng nếu ai cũng được quyền tự do ngôn luận cùng báo chí, hẳn sẽ có sự lạm dụng, họ sẽ tuyên truyền những điều sảng bậy. Khi đó chính phủ lại phải ra tay ngăn cấm điều mình đã cho phép. Thế là mâu thuẫn chính mình rồi.

Vì thế. Quốc hội khôn ngoan đã đình theo những câu căn dặn thế nào ở ranh giới của tự do ngôn luận và báo chí.

Không cần phải có nhiều lời mới có thể phân trần rằng : nếu chính phủ cho quyền tự do ngôn-luận, báo-chí, giáo dục thì Chính-phủ sẽ phải khó khăn áp dụng những phương sách đề tẩy trừ. Kia ta xem chủ nghĩa vô thần của Voltaire, của Rousseau. Chủ nghĩa duy vật của Epicure cùng Darwin, chủ nghĩa cộng sản của Karl Marx và Engels. Chỉ vì xưa kia tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do giáo dục, cho nên gieo những mầm họa hầu như cho khắp trần gian. Đến nỗi cả khối Tự do ngày nay phải cộng tác cùng nhau để tẩy trừ.

Đó là mặt Quốc tế rồi. Còn trong quốc gia, xưa nay vốn chung kẻ không giỏi người ngu si, kẻ ăn học, người i-tò. Người lương-thiện, kẻ gian phi. Nếu chính phủ cho quyền tự do ngôn luận, báo chí và giáo dục, hỏi tránh sao những hiểm họa mà những phần tử sai lạc sẽ đem vào. Họ sẽ dùng tự do ngôn ngữ, đề đả kích chính phủ, thoá mạ những kẻ cầm quyền, vụ oan thác họa cho đoàn thể này hay đoàn thể nọ.

Như thế trật tự an ninh trong quốc gia sẽ ra làm sao ?

Riêng vấn đề tự do giáo dục, ta hãy suy qua những nguyên tắc sau đây :

a) Con người thường dễ chịu theo những lý thuyết môn trón tính mê, hay kích thích nguyện vọng của thể xác.

b) Một phần lớn trong xã hội vì thiếu học, không thể phân-tích thực hư, tà chính. Cũng không đủ lý lẽ đối phó cùng những biện luận của những nhân viên chủ nghĩa nọ kia.

Nếu Chính phủ thay vì kiểm duyệt những lý-thuyết đó chặt chẽ, lại còn cho quyền tự do tuyên truyền, thì hỏi tâm trí nhân dân trong một thời gian chóng vánh, hẳn sẽ trở nên kẻ địch thủ cùng chính-sách quốc-gia. Thế là nội loạn được dần dần gây nhóm. Khi đó, chẳng những nguyên lời nói, mà còn phải dùng đến vũ lực để giập tất. Thật là mâu thuẫn cho Chính phủ quá.

Vậy chính phủ có nhiệm vụ hướng dẫn nhân dân vào con đường

chính, thì không thể nào cho quyền tự do giáo dục, vì như thế có hại cho chính phủ và phá đổ hạnh phúc của nhân dân.

Những chất vấn :

1) Tự do ngôn luận là một điều đúng lý. Vì rằng : « Tạo-Hóa cho con người khẫu thiết, không ngoài mục đích là để trao đổi mọi cảm tưởng cho nhau. Nếu không được tự do ngôn luận, thì con người không thể giải bày cho hết cảm tưởng. Cho nên tự do ngôn luận là điều đúng lý.

Thưa : Tự chi con người do Tạo-Hóa ban cho. Nhưng không phải như thế là được phép làm mọi sự. Có tài đấy, nhưng đâu nên nghe biết hết mọi điều ? Có tay đấy, nhưng đâu nên làm hết mọi sự... Mắt kia có phải để nhìn mọi cái dơ bẩn?... Cũng một lý do đó, con người có khẫu thiết nhưng không phải để trao đổi hay trình bày mọi nhẽ. Như cơ quan khác chỉ để làm những việc tốt, thì khẫu thiết cũng chỉ làm những sự tốt.

2) Nhờ có tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do giáo dục, thì sự thực mới minh chứng được cho rõ. Vì trong khi bàn cãi, nhờ không nhẽ phải mới hay. Cho nên tự do ngôn luận thì càng thêm rõ sự thực.

Thưa : Đã hay đen áp vào trắng, thì trắng nổi bật, và đen cũng rõ. Nhưng không phải mọi người có thể phân biệt được thực hư. Vì nhẽ đó phải đề phòng cho phần đa số thiếu học.

Vả lại, không nên vì một khía cạnh nào tốt, mà kết luận cả phương diện là tốt. Tỉ dụ có giặc giã, thì mới hay kẻ lương thiện, người có công. Nhưng không thể vì đó mà cho tự do ngôn luận là tốt.

3) Nếu không cho nhân dân tự do ngôn luận, báo chí, giáo-dục thì ra chính phủ sẽ trở nên độc đoán cùng độc tài.

Thưa : Khôn thể kết luận chính-phủ như thế là độc tài. Vì chính phủ chỉ đề phòng cho sự xấu không lan ra thôi. Mà cấm đoán trong phương diện đề phòng là phải. Tỉ dụ đứa con còn ít tuổi, kinh nghiệm chưa từng, bố mẹ cấm đoán nó không được lui tới chốn lầu xanh tửu quán, hỏi thế có phải là độc đoán tai hại gì cho con ? Ai cũng cho thế là phải.

4) Tự do ngôn luận không hại chi ai, vì ai cũng sẽ dùng tự do ngôn luận mà bài báo cùng phê phán các lẽ giả dối.

Thưa : Đồ ăn pha thuốc độc chang mấy kẻ tinh tường. Cũng một lẽ đó, không phải mọi người có thể phân biệt thực hư. Cho nên chính phủ đề phòng cho.

Nhưng làm chi tranh luận lâu giờ. Nếu các bạn nói những lời lẽ phải, báo chí lành mạnh, giáo dục chân chính, các bạn tin chả bao giờ chính phủ kiểm soát hay hạn chế các bạn. Nhưng vì sao các bạn tranh đấu cho tự do ? Chắc vì các bạn sẽ nói nhiều điều phi lý ; rồi lấy lẽ

được tự do ngôn luận mà thoát hình phạt. Thái độ đó, đủ minh chứng tâm địa của bạn không ngay thẳng.

BÀI THỨ XXVI

TỰ DO TÍN NGƯỠNG

Bài của Linh-mục Trần-mục-Đích Dòng Đa-minh

Từ khi có phong trào cách mạng của Cộng sản đem vào đất nước thì cũng từ khi đó khẩu hiệu kia : TỰ DO TÍN NGƯỠNG, đã thành như một cách ngôn trên cửa miệng người đời. Nhưng ít kẻ tìm hiểu xem câu đó có đạo lý hay không ?

Khi xưng xuất nên khẩu hiệu đó, thâm ý cộng sản là muốn trốn lẩn đồ của các đạo, để cho dễ bề tuyên truyền, lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân theo chủ nghĩa đó. Vì nếu không đề cao khẩu hiệu đó, nguyên sự hành động sợ sẽ gặp phải nhiều khó khăn trở ngại.

Muốn biết câu đó là hợp lý, ta nên đem ra bàn giải theo những nguyên tắc chân chính :

Ý nghĩa tự-do tín ngưỡng — Theo sự thông thường quan niệm của những kẻ đề xưng, nó có nghĩa là quyền tự do nghĩ hay hành động những gì thuộc về tôn giáo, tùy theo sở trường mỗi kẻ.

Ngoại dùng câu đó có thể là một bảo đảm mà cộng sản hứa hẹn thi hành, không phạm đến tôn giáo nào. Ai theo tôn giáo nào cũng được. Nhưng nội dung, nó là một nọc độc, khiến cho người ta bước ra khỏi vòng tôn giáo chân chính.

Đặt vấn đề : Vậy thì câu tự do tín ngưỡng có phải là đạo lý ?

Vài quan niệm sơ lược :

1) Tôn giáo cũng như duyên tình, nếu ép ưỡng sẽ còn chi là quý. Vì như yêu, nó phải tự đáy lòng phát xuất, nếu tôn giáo, sùng kính nó cũng là tự tâm. Tôn giáo đứng ngoài và trên mọi đảng chính trị, cho nên phải tự do hoàn toàn. Công phúc và giá trị con người lượng thiện tại đó.

Theo lời Thánh Thomas tiến sĩ (II-II-XI8) thì tin thuộc phạm vi lòng muốn. Nếu trí không thấu triệt rồi, thì không còn tin, một là thấy. Vì chưa nhìn rõ mới tin. Cho nên tin là việc linh nguyện của ý chí. Đến đây, xin ngừng qua đôi lời, rửa oan cho Công giáo, là kẻ nghịch, vu khống Công giáo ép ưỡng lòng tin giáo hữu, cũng như người ép duyên, hay hơn nữa, lấy võ lực tuyên truyền như Hồi giáo. Minh chứng cụ thể nhất, là những cuộc bắt đạo, trong

các đời Minh Mạng, Triệu-Trị, Tự-Đức v. v... Phải dùng đến võ lực ép họ, mà họ không bỏ. Đến nỗi phải dùng đến hành hình như lăng trì, xử giáo, bá đao, cấm cố... Họ tình nguyện theo tôn giáo họ, mà coi sinh mệnh như không. Kiểm sắc cần chi. Gươm đao xá gì !

2) Cho được rõ, trong khi ta thi hành một việc chi, muốn biết việc đó có phải là tự do hay không, thì phải xét hành vi đó có vi phạm đến một nghĩa vụ nào chăng ? Nếu vi phạm đến nhiệm vụ nào, thì không phải là tự do nữa. Ví dụ tự do thiên phú bẩm, không phải để phi pháp. Nếu con người tự do vi phạm phép, thì luật hình không còn lý do tồn tại. Vậy con người khi đem hai chữ tự do thi hành điều xấu, lúc đó chỉ có nghĩa là lạm dụng, tự do, chứ không phải là tự do.

Như thế đặt câu hỏi : Tự do tín ngưỡng có phải là tự do chân chính hay không ? thì cũng như hỏi : Con người có được tự do tưởng nghĩ và thi hành tùy nghi, những điều thuộc phạm vi tôn giáo ?

3) Những vấn đề có thể chia đôi : là xét theo phương diện khách quan, hay xét theo phương diện tương giao, theo mặt xã hội.

Thưa cả hai phương diện, câu *tự do tín ngưỡng* là một điều bội giáo.

A) Xét theo về khách quan — Nếu khoa học minh chứng được rằng thiên địa hữu chủ, thì tất nhiên con người là loài thọ sinh. Nhưng đứng địa vị thọ sinh, là trong bầm tính phải có một nghĩa vụ tôn thờ kẻ sinh thành nên mình. Nghĩa vụ đó gồm hai phương diện lòng *sùng bái*, ngoài : *biểu dương sự chân thành*!

Nhưng nếu theo bầm tính con người, đã có nhiệm vụ tôn thờ đấng sinh thành nên mình, thì hỏi con người làm sao còn tự do tin hay bất tin, trung hay bất trung. Đổi ngược hẳn con đường, cũng như đi ngược bản tính.

Như thế đủ rõ, con người không còn tự do tín ngưỡng, một là có nhiệm vụ bắt buộc, phải tôn thờ đấng sinh thành rồi.

Cũng như đối với song thân, đưa con tự do thi hành chữ hiếu, hay giữ đạo hiếu hay không mỗi khi mang ơn củ lao cục dục, đưa con kia không thể tự do thoát nhiệm vụ trung hiếu được. Tự do trong vấn đề ai cũng cho là ngạo ngược. Mất đạo làm con.

Vậy thì sao con người là loài thọ sinh có quyền chi tự hào là muốn nhận Tạo Hóa hay không cũng được. Nói như vậy biểu dương những vô nhân bất nghĩa. Lý luận con người thường mạnh, đâu dám xúng hai chữ tự do tín ngưỡng.

B.— XÉT PHƯƠNG DIỆN XÃ HỘI.— Tự do tín ngưỡng không bao giờ được chấp thuận, cũng không được tuyên truyền. Tuy trong vài trường hợp làm thỉnh.

I.— Nhân loại ngày nay, tuy có chia màu da, sắc nước, nhân loại không vì đó mà là hai hay ba. Con người bần tính như nhau, nên thủy chung con người cũng phải như nhau.

Nếu nhân loại là một, tất nhiên tôn giáo chân chính cho nhân loại cũng không thể có hai. Ta xét ngay các loài sinh cầm, tuy chúng chia làm nhiều hạng, song mục đích của chúng là một, là hưởng những gì thuộc về thú tánh. Huống chi con người, không phân loài giống như các sinh cầm, chỉ phân tách nhau bằng màu da thôi, thì sao lại có thể có nhiều mục đích được. Nhận tự do tôn giáo, là nhận con người có nhiều cứu cánh khác nhau, thủy trung khác nhau. Thế là sai hẳn các nguyên tắc, và mâu thuẫn cùng khoa học nữa.

II.— Tôn giáo là nền tảng của luân lý, là bảo đảm cho mọi nhiệm vụ. Vậy tự do tín ngưỡng, cũng là tự do luân lý, và tự do thi hành nhiệm vụ.

Nhưng xin hỏi chính phủ sẽ trở nên thế nào, một khi cho phép mọi công dân ai nấy được tự do luân lý, và tự do thi hành nhiệm vụ của mình. Con người tin tưởng làm sao, thi hành thế ấy. Khi đó chính phủ có thể có đủ uy tín, để hướng dẫn nhân dân đến một mục đích.

III.— Vì câu kia, cặn chu giả sích, cặn cặn mặc giả hắc. Bao lâu tin tưởng của mỗi kẻ nó còn nằm tiềm thức trong lương trí ai nấy thì thuộc cá nhân, cũng đỡ hại. Nhưng vì sống chung đặng, hành vi cử chỉ sẽ theo luật tương liên, xấu hay tốt, sẽ lây sang bên cạnh.

Vậy tự do tín ngưỡng là cho phép con người được tự do hành động điều mình tin. Mà vì tin đó, biết bao nhiêu gương xấu sẽ diễn ra trên sân khấu xã-hội. Nếu chính phủ cho phép họ tự do tin, thì cũng phải cho phép họ tự do thi hành.

Hỏi những chương khí về tinh thần là những gương xấu, lúc đó chính phủ liệu sao? Trừng trị hay không? Nếu trừng trị là mâu thuẫn với nguyên tắc đã cho phép họ tự do rồi. Mà không trừng trị, xã hội sẽ trở nên lý gì? Phong hóa dân tộc sẽ ra làm sao?...

Cho phép nhân dân được tự do tín ngưỡng cũng là cho phép họ làm càn, bậy, vì mỗi người một thứ tin khác nhau, tùy sở trường của họ...

IV.— Thực là một sự mâu thuẫn. Nếu có quyền răn cấm, mà đã răn cấm, tất nhiên không có quyền làm. Chính phủ ra một sắc lệnh mâu thuẫn như thế, còn đâu là uy tín của Chính phủ.

Song trong vài trường hợp có thể làm thình. Làm thình không có nghĩa là chuẩn y, chỉ có nghĩa là làm ngơ, không phạt thôi, cũng không phải thế là cho phép.

Tránh hết mọi cái xấu, là một điều không thể, vài con người sống

trong xã hội lẫn lộn, người lành thánh, tội nhân cũng như gian hùng. Loại hết mọi kẻ đó ra khỏi xã hội cũng không được. Vì làm như thế, xã hội lại mắc phải một tai hại lớn lao hơn. Nên nhiều khi phải làm thỉnh, kéo có nhiều sự xấu khác từ đó phát ra.

Chất vấn : Câu tự do tín ngưỡng đây, thực cũng không mới mẻ gì. Chính Jean Jacques Rousseau đã bênh thuyết này. Ông nói, Chính phủ không xét đến quan niệm hay tưởng nghĩ của người công dân, chỉ khi nào tưởng nghĩ đó thao diễn ra bằng hành động, và có ảnh hưởng hay không đến các công dân khác, thì khi đó Chính phủ phải tham gia vào, để tiêu trừ. Còn như tôn giáo nào gây được ảnh hưởng tốt trong tâm nhân dân, để họ chu đáo nhiệm vụ, thì chính phủ phải để tự do cho họ, hơn nữa còn khuyến khích để họ theo. Vì hiệu quả kia có lợi cho Chính phủ.

Thưa : Nói như thế không đảo lý. Vì bản tính nhân loại là một, nên con đường dạy cho con người ăn ngay ở lành cũng chỉ là một. Sự thực chỉ là một. Nếu thực bênh tôn giáo này, thì không thực bênh tôn giáo kia. Nếu bênh kia thiếu sót bên. Nếu cả hai thực như nhau thì cả hai cũng chỉ là một. Vậy thì chỉ có một tôn giáo nào làm cho con người chu đáo với phận sự của mình thì tôn giáo đó mới có quyền được bênh đỡ, và Chính phủ phải làm thế nào cho tôn giáo ấy, mọi nhân dân đều biết. Chứ đâu lại cho tự do ba bề bốn mặt, chứ đâu lại mười ba cũng ừ, mười tư cũng gặt ?

Vấn nan : Nếu trời cũng chẳng ép duyên ai, một để cho con người tự do thiện ác, thì đâu Chính phủ người dương gian lại công bằng hơn đèn trời ? Cho nên Chính phủ phải để cho ai nấy tự do tín ngưỡng, là phải.

Thưa : Tuy trời chẳng ép duyên ai, nhưng trời chẳng dung túng cho kẻ ăn ngang làm càn. Luật ác giả ác báo còn chờ kia. Vả lại tuy trời phú tính thông dong nhưng trời cũng in ghi trong tâm khảm mọi kẻ những nguyên tắc cốt yếu : là vi thiện tránh ác.

Nếu chính phủ noi gương trời, cũng tuyên cáo cho nhân dân hay tôn giáo chân chính để nhân dân theo, Biết con đường ngay vẹo mà nhân dân đồng theo,, khi đó Chính phủ mới có thể làm thỉnh, trong hoàn cảnh khó khăn.

Chính Phủ là phụ mẫu nhân dân, cha mẹ phải dạy con ăn ngay ở lành. Chớ đâu lại ba phải, mở con đường tự do cho ai nấy sai lạc. Tuyên ngôn tự do tín ngưỡng, cũng chẳng khác chi công nhận : tất cả các tôn giáo là nẻo ngay, nhân tâm tùy thích, ai muốn theo nẻo nào cũng tới nơi đến chốn.

Thưa các bạn, tôi không dám vi phạm đến lòng tự ái của tín đồ bên nào. Tôi chỉ theo nguyên tắc mà bàn đến câu tự do tín ngưỡng. Tôi

thấy câu đó thiếu sót nhiều trong lý luận. Câu đó hại cho những kẻ không biết phân tách, mà nhận hết thảy mọi đạo là hợp với bản tính con người.

BAI THỨ XXVII

QUYỀN SỞ HỮU

Bài của Linh-mục Trần-Mục-Đích Dòng Đa-Minh

Ai cũng hay câu truyện dạ dày khởi loạn, phản đối cùng các cơ thể khác, Tất cả cơ thể trong con người, tuy ngoại trạng có sự chênh lệch, nơi cao chốn thấp, công việc không đều, tứ chi ca thán rằng thường nhật mệt mỏi, mà riêng chỉ có sưng miệng, cùng no dạ dày. Nên không kể hết lời kêu trách. Trước sự ca thán đó, chạm lòng tự ái, dạ dày cũng xin đình công. Giảm bữa, tất cả cơ thể cùng con người dần dần héo rữa, không còn cất nhắc qua công việc được. Cùng kể, mới biết tuy dạ dày ăn no, nhưng cũng là phần sức cho toàn thể.

Như vậy cũng đủ rõ ngay trong cơ thể con người, mỗi tế bào đều có một nhiệm vụ riêng, mà Tạo-hóa đã ấn định cho. Rối trật tự đó là hỗn loạn, và đến chỗ tiêu diệt.

Thưa các Quý vị thánh giả, Ngày nay vụ : tất cả mọi cái dở trên xã hội, do bọn tư bản cùng giai cấp nêu lên. Cho nên muốn thế giới hòa bình, chỉ còn một phương tiện duy nhất, là san bằng mọi tài sản, nghĩa là tập hợp mọi tài sản, vì thế danh từ Cộng sản là chính chủ nghĩa Marx-Engels ngày nay.

Nhưng kinh nghiệm cho hay, tập sản lại chỉ đi đến chỗ hỗn loạn và xích mích không hàn gắn. Muốn rút chân ra khỏi bãi chiến trường chỉ còn cách là công nhận quyền sở hữu của con người.

Đức PIÔ XII, trong Sắc nhan đề là « Sứ mệnh Giáng Sinh » 1942, có nói : Địa vị con người đòi hỏi như một quyền căn bản để sinh tồn, là quyền được hưởng dụng những tài-sản, quyền này đi đôi với quyền sở hữu. Cho rằng pháp luật quốc gia có thể thay đổi nhiều ít về sự sử dụng. Nhưng nếu pháp luật đó là chân chính, và muốn cho có sự hòa bình và trật tự trong xã-hội, thì phải trừ tính mọi giải pháp đừng có đem con người đến chỗ vô sản. Vì con người phải an bài cho tư sinh cũng như công mệnh gia đình họ. Vì làm như vậy là đả phé nhân vị con người.

Thưa các quý vị thánh giả, con người cộng sản ngày nay, trong khi tranh luận, họ vịn ra một lẽ bắt buộc con người phải tập sản lại.

Vì rằng Tạo hóa không có phân chia của cải cho ai, mà ban chung cho cả thế giới, nên theo đúng lẽ đương nhiên, con người phải tập hợp mọi tài sản cùng quyền lợi trong tay chính phủ điều khiển. Nào chim

trời cá biển kia là của riêng ai ? Tinh tú, nhật nguyệt, khí trời, nào ai tranh phần ? Vậy thì mọi tài sản khác cũng vậy, nên để trong tay Chính phủ. Mà hơn hết, muốn cho ổn thỏa, nên thế-giới đại - đồng, để không còn chỗ nào cai trị, chỗ nào bị trị.

Để đối chứng lại, ta nên vô tư mà suy luận những nhẽ chân chính sau đây :

a) Nếu con người cộng sản nhận rằng vũ trụ là của Tạo - hóa dựng nên cho nhân loại dùng, thì họ cũng phải tiêu xung trong chương trình Tạo-hóa không chi là khuyết điểm hay bất công.

Song kỳ thủy, nào nhân loại có đông đúc ngay như hiện đại, mà cần phải phân chia tài sản ? Thủy tổ nhân loại, không nhiều hơn con số hai, là một Ông một bà, Dĩ nhiên Tạo-hóa trao cho vũ trụ để cai quản. thì là trao cho hai người.

Như về luật sản xuất, nên con người mỗi ngày một thêm con số, nhưng cũng chung là một nguyên tố, và chung một tinh huynh đệ, Vì thế rất đáo lý khi người ta nói : Tứ hải giai huynh đệ.

Kỳ thủy còn là mệnh mông, năm châu bốn bể, sau dần dần nhân loại thêm lên, con người sống chung một chỗ không sao được, nên phải có sự di cư, thuyền địch. Vì thế quyền sở hữu kỳ thủy là quyền chiếm cứ những đất đai còn bỏ không. Rồi con người đem áp dụng công việc lao công của mình, biến đổi nơi đây chốn đó, thành những vật liệu cho mình. Vì thế, Tạo hóa không phân chia vũ trụ cho ai hết, một để àm của công.

Song Tạo-Hóa khôn khéo tài tình, vốn tiềm tàng trong vũ trụ đủ mọi nguyên liệu để con người nhờ đó mà sinh sống vạn đại. Nguyên-liệu vốn sẵn, cần con người khai thác. Tạo-Hóa công bình ở chỗ ban đủ tài năng cho mọi kẻ, nhưng với người nhàn cư, túng thiếu là con đẻ của họ. Luật Lao-công Tạo-Hóa đã nói rõ trong sách sấm ký cựu-trúc : Con người phải đồ mồ hôi trán để lấy bánh ăn

Cón như khí giới, ánh sáng, biển rộng, con người không tranh giành nhau là vì con người không thể làm chủ được, và cũng không đem lao công mình biến sang nguyên liệu khác được. Cái đó tự thừa tiên khai cho đến nay, con người không ai chiếm cứ và cũng không ai tranh giành.

Như vậy, cộng sản chưa đủ lý nhẽ bênh thuyết của họ. Và sự tập hợp tài sản và công lênh con người vào một nơi chủ quyền, thực là bất công và vô lý.

b) Theo nhẽ trên kia, thì nhân công là căn bản xây nên quyền sở hữu. Mà quyền sở hữu kẻ nọ người kia rộng đến đâu, là vì con người bành trướng ngành hoạt động của mình bấy nhiêu. Mà luật thiên nhiên bắt buộc con người phải bành trướng, vì nhẽ rằng : con người sinh ra để làm việc. Trần gian chưa phải là chốn thường sinh,

Thế ra, quyền sở hữu là quyền liên đới với lao động, mà lao công là điều kiện bành trướng nhân vị. Vì lý do đó, để tránh khỏi nhân cư nên Tạo-Hóa không phân cho ai tài sản cùng vũ trụ. Cốt để con người tự mở rộng phạm vi nhân vị của mình, về vật chất cũng như tinh thần. Cũng như khoa học chung cho tất cả nhân quần và xã hội đầy, không thấy ai tranh nhau, vì chẳng ai làm chủ được hết khoa học. Người siêng chăm thì giỏi, kẻ biếng lười thì dốt nát. Nếu phạm vi tinh thần, con người được quyền tự phát triển khai quang trí tuệ, huấn luyện nhân cách cái đó ai cũng cho là hữu lý, thì trong phạm vi vật chất, con người bành trướng hoạt động của mình để lấy quyền sở hữu, nó cũng là công bình. Thiếu Công bình là những sự lạm dụng mà thôi.

Chia khóa mở cửa cho con người đến chỗ hữu quyền, là hai chữ tự do con người xếp đặt lấy địa vị của mình.

c) Vậy thì quyền đầu tiên của chính phủ, là phải bảo đảm cho quyền sở hữu con người được vững chắc, quyền sinh tử không phải là quyền trực tiếp của chính phủ, quyền trực tiếp là quyền bình quyền lợi cho một công dân. Nhưng bằng phương diện nào? Thừa bằng phương tiện duy trì sự sống mình. Đi như thế là lối đương nhiên.

Như thế không phải là bây giờ chính phủ bóc lột hết mọi quyền lợi con người, rồi để chung vào một quỹ, rồi phân phát cho đều.

Thừa vì lối đó, tự nó làm giảm sức hoạt động con người, vì không ai chịu làm không để nuôi kẻ khác. Lại vì con người như trong tứ chi, cơ quan con người, tài năng khác nhau, nên hoạt động không như nhau ý muốn không như nhau, tinh thần cũng chênh lệch nhau. Tập trung mọi quyền lợi, là đi trái luật thiên nhiên.

d) Và hơn nữa, con người có trước xã hội. Mà quyền con người là quyền cá nhân, theo từng con người. Kẻ chọn địa vị hay nghề nghiệp này kẻ chọn địa vị khác.

Nguồn kinh tế chung trong dân tộc hay quốc gia, tuy trách nhiệm điều khiển là trong tay chính phủ, có quyền bảo vệ giang sơn, đất nước và công dân, song không phải là riêng cho chính phủ, phải là công ích. Vì thế chính phủ nên và có quyền tìm ra phương tiện để dãi, để nền kinh tế chung được khuếch trương; song không vì thế mà phủ nhận quyền tư hữu con người. Vì chính phủ có thể thay chính sách, nhưng không thể thay được bản tính cùng địa vị con người. Như thế quyền nhân vị, là quyền bất di bất dịch, cũng vì đó quyền sở hữu nó theo sự sống con người cá nhân mãi mãi.

QUYỀN SỞ HỮU CẦN CHO CÁ NHÂN

1) Quyền sở hữu như tôi nói trên, không mâu thuẫn chi với chương trình Tạo-Hóa ban chung cho nhân loại, cả vũ trụ. Đây là lẽ của Đức

LÉON XIII, một nhà xã hội uyên thâm nhất trên hoàn cầu : «Rerum Novarum' n.7, Con người lo cho quyền sở hữu của mình không trái chi với chương trình Tạo-Hóa ban cho nhân loại cả vũ trụ làm của chung. Vì Tạo-Hóa không có ý ban cho con người cai trị một cách lẫn lộn, hỗn trật tự. Ngài không phân ranh giới cho ai, là vì Ngài muốn cho tài trí con người phân giới lấy, và một dân tộc hợp với nguyện vọng riêng của mình. Song dù có quyền sở hữu đi nữa, trái đất vốn qui nạp công ích, không có một người nào nhờ công ích đó thôi.

2) Đức PIÔ XI trong thông điệp « Từ thập niên » còn nói : Con người có quyền sở hữu như thế, đó là phương tiện duy nhất, giữ au trật tự trong xã hội. Ai nấy cũng siêng chăm công việc của mình, mà nếu mọi phần tử đều tròn nhiệm vụ, thì công ích tự nhiên xuất hiện.

Cũng như trong thân thể con người, cơ quan nào chú ý đến sự lành mạnh của mình, thì cả thân thể trở nên tráng kiện, con người đạt tới hạnh phúc của mình.

3) Phái cộng đem ra lẽ rằng : Nếu mọi con người có quyền sở hữu thì sẽ làm ngưng ã tiến của nền kinh tế chung.

Thưa : Con người không sống cho kỹ nghệ, một là kỹ nghệ phải giúp cho con người được tiến triển cuộc đời của mình. Không nên đòi phương tiện lên làm mục đích, và mục đích trở xuống làm phương tiện. Bành trưởng được kỹ nghệ chung, nhưng những công nhân trong một dân tộc thiếu thốn, thì hỏi công ích của kỹ nghệ kia đi đến đâu ? Trái lại, nếu con người có quyền sở hữu, thì nguyên sự ham muốn bành trưởng quyền lợi đó sẽ thúc đẩy con người vào sự ham làm việc.

4) Quyền sở hữu là quyền đi sát nguyện vọng tự nhiên của con người. Đức LÉON XIII, trong thông điệp gọi là « Tân Sự » (Rerum Novarum) n.4. Ngài nói : Bất kỳ con người nào làm một công việc chi, lẽ nội ẩn trong công việc đó là tìm được mối lợi nào mà con người có quyền sở hữu trên lợi đó.

Thêm vào đó, đức PIÔ XII, ngày 1-9-1944 nói rằng : Nếu cất đi khỏi công nhân cái nguyện vọng quyền sở hữu, thì dù ta có đem lại cho họ một quan niệm nào thay thế, để khuyến khích họ làm việc, thì lẽ đó cũng bằng thừa. Bao nhiêu lẽ khác không thể khuyến khích con người làm việc. Nói thế không có nghĩa kết luận mọi con người ích kỷ và là duy vật. Vì làm triệt tinh thần, thì con người cũng phải có quyền ở trong phạm vi đó. Mà trong ngành hoạt động về kinh tế, con người cũng phải có vì quyền lợi nó theo nhân công. Về kinh tế, những lời khen suông không đủ khuyến khích con người, vì họ cũng cần phải có đủ phương tiện để sống. Cộng sản đã dùng *thuật ban khen* để khuyến khích con người. Song kỳ thực ra, con người sợ võ lực đi sau lời khen tiếng tặng, cho nên họ nỗ lực làm. Chứ không phải lời khen suông đâu.

5) Xét về lý lẽ căn bản huy động con người để tìm quyền sở hữu

đó chính là *nhân vị*. Quyền nhân vị thúc đẩy con người làm việc. Vì con người phải có trách nhiệm trong các việc mình làm, và có quyền hưởng lại cuộc đời theo ý muốn, thì con người phải dùng hai chữ tự do và phải tìm bảo đảm chắc cuộc sống của mình.

Vì điều mà nổi hơn trong con người, và biệt lập con người ra khỏi cầm thú, là vì con người có lý tính, nhờ đó con người phải biết mình. Biết mình là vì trong con người có quyền sử dụng mọi vật, và có quyền đó một cách vững chắc. Đó là lý do con người có quyền sở hữu (Léon XIII *Rerum Novarum*) mà phải làm Tạo-Hóa đã trao quyền cai trị vạn vật. Còn sự nhiều ít hay rộng hẹp là do tự do con người và thể lệ xã hội con người đặt ra.

Song vì hết mọi người có bản tính như nhau, nên hết mọi người cùng có quyền sở hữu.

o o o

Đến đây ta nhận thấy các lý lẽ bèn cộng sản đưa ra, thực là ngược hẳn bản tính con người. Vì họ huy động con người, cũng như xung công mọi năng lực con người để khuếch trương nền kinh-tế. Nhưng hỏi để nhằm mục đích gì? Vì công nhân ư? Không, vì công nhân chỉ may ra đủ khẩu phần thường nhật, mà thiếu sự bảo đảm ngày mai. Vì chính phủ ư? Nếu vậy, chỉ riêng có con người đảng trị của họ là sung túc. Vậy thì cách đó không phải là tước bóc quyền lợi công nhân mà cung phụng cho đảng. Thế là trọng tội bất công. Mà nếu lấy nền kinh tế dồi dào, rồi để thống trị cả thế giới. Như vậy không phải là đem giết nhân loại, xui cả nhân dân lâm vòng chiến tranh.

Nếu vì lẽ cung phụng nhân dân, vì nhân dân không mong muốn chi hơn là để cho họ làm được bao nhiêu, họ có quyền sở hữu đến đó họ sẽ không ca thán.

Những lẽ bất công nhất là chính phủ của họ lấy quyền chi mà xung công tài sản và năng lực con người. Như thế họ không còn theo đuổi mục đích là vì quốc dân, mà vì ích đảng.

BÀI THỨ XXVIII

QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH

Những quan niệm sơ lược.— 1) Vấn đề then chốt, chúng ta đem ra để tranh đấu sống còn của dân tộc, là vấn đề quyền sở hữu. Con người vì là hợp thể, một phần duy linh, phần kia thể chất. Trước khi bênh đỡ quyền lợi về tinh thần, ta nên xét đến quyền lợi thể chất đã. Đây không phải là vấn đề : Có thực mới vực được đạo ; song là luật tự nhiên buộc con người phải chu toàn trong hai phương diện.

Cho được rõ rệt âm mưu cộng sản, ta nên biết qua những thể thức

của họ mà tại sao họ cần phải bóc lột cho hết quyền lợi con người, tinh thần cũng như thể chất.

2) **Mấy hình thức cộng sản.**— Cộng sản chủ trương là lột hết quyền của các chính thể, rồi tuyên truyền là đem quyền đó trao trả lại cho dân, lý do là con người nào đứng ra điều khiển bá tánh, đó là nguyện vọng dân. Đó là mặt chính quyền, còn về phương diện kinh tế tất cả mọi của cải cũng là của dân, phải để làm của chung, rồi phân phát cho ai nấy tùy nhu cầu đời sống.

Chủ trương đó nghe có vẻ đẹp, nhưng khuyết điểm trong sự thi hành, và nhất là (la fin ne justifie pas les moyens) mục đích không hợp thức hóa được phương tiện. Nếu phương tiện xấu, mục đích có tốt cũng bằng thừa.

Tỷ dụ: Tôi muốn cứu khổ một người, nhưng vì phương tiện không có, hỏi tôi có thể đi ăn cướp để làm việc nghĩa kia chăng? Muốn thoa dịu cho một tâm hồn đau khổ, tôi có thể linh ngang với họ được không? Vì nếu hợp thức hóa được mọi mục đích, thì hẳn trên mặt đất này không còn chi đáng gọi là tội, thảy trở nên phúc. Vì ai cũng chủ tâm hành thiện, họ chỉ sai con đường đưa đến mục đích cùng chủ trương của họ thôi.

Vậy các phương tiện cộng sản áp dụng, có rất nhiều phương tiện áp bức và bất công. Vì thế đảng của họ chia nhiều hình thức.

3) **Hình thức vô chính phủ (Anarchisme).**— Nguyên tắc chủ nghĩa này thì do Ông Proudon khởi xướng, còn bản tướng chủ nghĩa này do Ông Bakounine.

Điều cốt yếu nhất trong hình thức này là phủ nhận mọi quyền cấp về chính thể như tôn giáo. Họ nói: con người bẩm tính là tốt rồi. Có lẽ họ vịn tiền nhân kia: NHÂN CHI SƠ TÍNH BẢN THIỆN. Song con người hóa xấu là vì có quyền bính của mình vào. Cho nên phải bãi trừ quyền bính. Hãy để cho con người ai nấy tự do chọn lấy con đường sống tùy sở ước. Họ muốn nhập đoàn cũng được. Hay muốn sống riêng lẻ tùy nghi.

Còn các phương tiện sinh kế, ai muốn dùng thế nào cũng được. Chỉ cần một điều là lật đổ mọi chính quyền tôn giáo. Cũng như bên hành chánh, mà cho được đánh đổ quyền bính đó, con người được phép dùng mọi phương tiện áp bức, máu, lửa, gươm dao v . . . v . . .

IV) **Tập sản chủ nghĩa (collectivisme)** Đây là chủ trương của Marx và Engels. Theo nguyên tắc của Đảng này, thì hết thảy mọi nguồn lợi sinh sống, là của chính phủ hết. Quyền điều khiển những của đó, trong tay chính phủ hoàn toàn. Không được để mọi mảnh đất nào là hoang vu, không được dùng cho con người nào là ngồi rồi, sung công con người cùng tài năng cũng như sung công mọi sự vật khác. Lợi tức

các cửa đã sản xuất được, thì phân phát cho dân, nhưng có người cho là theo sự cần thiết cá nhân, nghĩa là theo khẩu phần thôi. Có kẻ lại đòi là theo công lênh mỗi kẻ. Nhưng một điều kiện tối cần là của phân phát kia chỉ được tiêu dùng ngay, như cơm ăn áo mặc thôi, hay tuy có dằn trở nên tiêu tư bản . . . Nghĩa là phải tổ chức thế nào, không con một ai dùng được danh nghĩa là tiêu tư bản.

V) **Tổ địa xã hội chủ nghĩa** (socialisme agraire). Ông Spencer trước bênh vực chủ nghĩa này nhưng sau Ông từ bỏ. Người đỡ đầu chính là Ông H. George họ chủ trương rằng không phải là mọi cái chính phủ có quyền một là các đất đai, thổ trạch mà thôi. Họ nói rằng cũng như biển cùng khí trời chẳng là của tây riêng ai, thì đất đai cũng thế, là của chung mọi kẻ. Song để cho khỏi mất cuộc trị an, thì đừng tước bóc của họ ruộng nương, mà phải đóng thuế tương đương với giá cho thuê. Nhưng phải liệu đánh thuế cách nào, để đủ chi dụng mọi việc cần trong nước, còn bao nhiêu thuế khác bãi bỏ. Như thế chỉ có một thứ thuế gọi là **nông trạch**.

VI) **Quốc gia xã hội chủ nghĩa** (socialisme d'Etat) Họ chủ trương là không tập sản, nhưng họ bành trướng quyền quốc gia dài rộng quá, đến nỗi không có việc chi mà chính phủ không pha mình vào được, như thế tự do cá nhân cũng như quyền sở hữu bị bóp chẹt quá cũng hầu như chết. Tất cả những nguồn mạch kinh tế chính, thì thuộc quyền chính phủ đứng độc quyền như khai mỏ, hay là một lợi chính rào đó là mạch máu sống của dân.

Phê bình : Thoạt nghe thấy những chủ trương của thuyết cộng sản con người suy xa, liền đoán ngay được âm mưu sâu độc ẩn náu. Con người đơn giản, thì cho đó là một giải pháp cứu tinh của dân tộc. Dân tộc nào cũng như dân tộc nào, hạng nghèo thì nhiều, ít học chiếm đa số. Còn hạng giàu thì ít, ăn học thường là phải thượng lưu. Nên khi phong trào cách mạng ra đời, được đa số dân chúng theo.

Nhưng có ném thử vào, rồi mới biết mùi. Cộng sản họ khéo dùng phương tiện lôi cuốn, nên hứa hẹn rất nhiều cái làm thôi miên lý trí cùng ru ngủ lòng người.

Song kết luận của những chủ nghĩa trên kia, con người về phương tiện tái chính, không còn một quyền sở hữu.

Con người khi không còn một quyền sở hữu nào nữa, con người không thể tính đến việc tình duyên trăm năm. Cộng sản biết lắm, nên cho phép con người tự do ái tình, chồng chung cũng như vợ chạ, con sinh ra đã có chính phủ nuôi. Với dục vọng mạnh như nước tràn, được hoàn cảnh thi hành cho đủ mọi vẻ, nên biết bao con người cho thuyết đó là giải phóng,

Nhưng họ có biết đâu, chúng chạ cùng vạn người, mà lòng họ vốn

cô đơn, không làm chủ được một duyên tình nào cho bền vững. Ái chung tình chạ như thế sao mà chả ôi chả rở.

Cho được thi hành triệt để chủ nghĩa cộng sản, con người cần phải xóa nhòa lương tâm, vì có rất nhiều điều bất chính, đòi phong bại tục, cho nên bao lâu con người còn giữ tôn giáo, thì chủ nghĩa cộng sản kia không thể thi hành. Vì thế phải bài trừ tôn giáo.

Vậy tôn giáo là một kỷ cương, gia đình là một nguồn an ủi, quyền sở hữu là một bảo đảm cuộc đời. Ba điều đó một khi tiêu diệt hay bài trừ thì hỏi con người làm sao không đến hỗn loạn.

Nhưng cộng sản đã nhắm trước rồi. Nổi loạn lên là họ thắng, vì họ nắm trong tay phần đa số ít học, đa số người nghèo túng, đa số con người đang chờ cơ đợi thời, để được thỏa mãn mọi thứ vui . . . Vì ôm mối hy vọng đó, họ không ngại chi dùng đủ mọi phương pháp để tuyên truyền và lôi cuốn con người thi hành chủ nghĩa !!!

Một khi đã thắng, thế là Nga xô làm bá chủ hoàn cầu, lúc đó họ có cơ hội vơ vét cho sạch bao của cải đem về Nga xô, sau giai đoạn đó, con người có muốn trở về tư bản cũng còn mệt, phải từng bao thế kỷ . . . tham vọng sâu độc chưa ? Nhưng mấy ai trông xa như thế.

Nhưng cộng sản quên một điều là bao nhiêu quyền lợi kia, cá nhân cũng như gia đình và xã hội, là phát ra từ bản tính con người. Bao nhiêu lâu bản tính con người còn, thì bấy lâu, chủ nghĩa không thể làm bá chủ hoàn cầu được. Chênh lệch dân tộc, cũng như mọi phương diện khác, nó tự con người mà ra. Con người sáng kiến được, thì con người cũng tự làm ra cho có giai cấp trong mọi phương diện như trước được. Lực bất quá thiên là thế đó.

Đến đây xin minh chứng tại sao gia đình đời phải có quyền sở hữu ?

A — **Vì lẽ bảo tồn tính mệnh** — Muốn sống cần phải ăn, mà ăn uống, ngủ nghỉ, bệnh nặng ốm đau, là những điều riêng biệt từng người, không ai làm đỡ ai được,

Vậy thi với kinh nghiệm bao năm qua, con người đã chịu bao khổ nổi. Để tương lai sau này đừng lâm cảnh như trước, con người tất phải đề phòng. Con người phải tự đề phòng, vì nhiều khi kinh nghiệm cho hay, bạn bè cũng không chắc, láng giềng không nên tin. Huống hồ chạy vào chính phủ. Chờ được nạn, má sưng rồi . . . Nên vì nhẽ đề phòng, con người phải cần tắc bảo trường tồn tính mệnh.

Nhưng bảo tồn làm sao, nếu không có quyền sở hữu, đề phòng bất đắc ?

Cá nhân đã vậy, nhưng gia đình kia là xương thịt của mình. Vợ là bản thân cốt nhục, tình bền bỉ nhất, không thể bỏ rơi. Những đứa con là phản ảnh của cha mẹ, bao lâu chúng nó sống là tên tuổi mình còn

tồn tại trên vũ trụ. Mỗi đứa là một khối xương thịt cha mẹ, nữ sao quên được, một khi khuất.

Vì thế, mẹ cha phải gắng công làm để danh dự, trước là nuôi nhau, sau là để phần hương hỏa cho những đứa con. Nào còn điều gì tự nhiên hơn điều đó. Mà còn điều chi công bằng hơn nhẽ phải đó?

Tước bóc quyền sở hữu là phá gia đình. Vì ai giám lập gia đình với một tương lai éo le. Tình duyên sao vững, nếu mỗi ngày phải làm hết sức mới có một khẩu phần, không hứa hẹn ngày mai? Rủi bậy bây giờ, ai san sóc?

Cộng sản không thể lấy nê chính phủ định liệu cho. Thừa, không ai liệu một cách tận tâm hơn chính mình liệu cho mình. Xương thịt mình chả hơn là hàng xóm? Kinh nghiệm cho hay, những kẻ mồ côi bao giờ cũng thiếu san sóc không được như khi trong tay bố mẹ. Tình chung chả không bao giờ đầy đủ được như riêng tư.

Nhưng tôi xin hỏi, tại sao xã hội. Con người đang sống riêng biệt như thế, mà cộng sản đến bắt vào khuôn khổ ngược lại? Mưu lợi hay mưu hại. Nếu mưu lợi, thì lợi cho ai, chứ cá nhân không lợi. Mà mưu hại thế chả là đem liều thuốc độc giết xã hội?

Đ) Vì nhẽ canh tân hoàn thiện — Cả một cuộc sống con người trên chốn phàm trần, là một cuộc lữ hành tối đen phúc vô trùng lại. Vì thế có câu : Sinh ký tử qui. Sống gửi chết về. Vậy sống trên đời là sống tạm gọi là đi tìm hạnh phúc.

Song cho hạnh phúc, phải đầy đủ phương diện vật chất, lẫn tinh thần.

Vật chất, phải có gia đình, con cái và cửa cải nuôi cả gia đình cho đầy đủ. Tinh thần cũng phải có phương tiện là nền giáo dục lành mạnh, học hỏi vv...

Nhưng không có quyền sở hữu, đề phòng một cuộc trường tồn, thì làm sao thực hiện hạnh phúc kia? Trước hết quyền sở hữu, làm cho ai nấy lo âu, không còn thời giờ nghĩ đến vấn đề khác nữa. Trước hết tình âu yếm gia đình, làm cho con người cô đơn, lấy gì vỗ về tâm hồn họ.

Như thế canh tân sao được, cuộc đời càng trở nên hiu quạnh và vô vị hơn.

Cộng sản không lấy nê được là giải phóng cho con người. Vì nếu cộng sản còn tôn trọng, ít là bằng danh từ, hai chữ tự do con người, thì sao khi con người tự mình không muốn vào khuôn khổ vô gia đình, vô gia sản kia, thì lại dùng hết áp bức buộc con người bước vào. Thế chả phải là phá tự do con người.

Nếu cộng sản nói : đó là đòi quyền lợi cho dân. Nhưng nào ai ăn cướp của dân? Chính dân không muốn lối như thế, thì công gì mà tràng thanh kêu gào cho họ.

Không thể nói lưỡng đòi hai câu này một cách mập mờ được : a) Chính

phủ là cho dân, và, b) dân là cho Chính phủ. Tôi chỉ xin biết bên nào trước. Khi chưa có cá nhân, hỏi chính phủ đã thành hình chưa? Khi chưa có gia đình thì đã có xã hội chưa? Nếu hai thành phần này đi trước có sao mọi quyền lợi sang tay được Chính phủ hết.

C) **Hai chữ nhân vị, tranh đấu bênh cho quyền sở hữu.**— Con người chẳng những có bản thể, song còn có các tài năng, các hành động, sự sáng suốt của lý-trí, việc thiện của ý chí. Nếu con người có quyền nuôi sống mình, và đề phòng về tương lai, thì cũng có quyền đến các tài năng của mình bành trướng hành động của mình. Tự do con người sở định chỗ đó.

Nếu con người được quyền tự vệ lấy mình, con người cũng được quyền bảo đảm trường tồn lấy tính mệnh của mình. Song bảo trường tồn làm, nếu thiếu quyền sở hữu.

Đề trả lời lại tất cả những chất vấn của cộng sản. Thánh Thomas tiến sỹ ra những lẽ sau đây, nó luôn đi đôi với cuộc đời sống con người. Như ta thường kinh nghiệm thấy trong xã hội.

a) Con người cần phải có quyền sở hữu, vì ai nấy cũng chăm công việc riêng của mình hơn là trông coi việc chung với kẻ khác. Vì ai cũng muốn tránh khó, nên cha chung không ai khóc là thế.

Vậy thì cộng sản lấy lẽ chính phủ sẽ liệu cho họ chu đáo. Ta thấy sự đó trái với kinh nghiệm:

b) Trật tự sẽ dễ dàng hơn, là người nào làm việc thuộc phạm vi của mình, hơn là phó cho mọi người liệu chung. Vì mỗi người phận sự riêng tất nhiên mọi thành phần chu đáo đó là an ninh trật tự chung rồi.

c) Cuộc an ninh cũng dễ, vì kiến giả nhất phận. Kinh nghiệm cho hay trong cuộc nhân duyên cũng như, tài sản, hễ đã chung chạ, tức khác có nhiều công chuyện xích mích.

Những lẽ tôi kể trên kia, thực là theo công bình và chính lý, vì quyền sở hữu không phải là quyền khác mượn ở đâu, cũng chẳng phải là sự lạm của cá nhân, lâu dần thành ra quyền sở hữu. Cũng chẳng phải là chiếm công vi tư.

Bởi chính bản tính con người, nhân vị con người, đòi hỏi phải có quyền sở hữu.

Ông Heineccius, Ông Puffendorfius, và Ông Grotius với các kẻ đứng bên kia phía cộng ngày nay, không đứng lẽ, khi các ông quyết rằng: Quyền sở hữu kỳ thủy không có, một theo lịch sử con người vì muốn sống ổn thỏa nên làm giao kèo cùng nhau, chia phần mỗi người một tí tài sản.

Bây giờ muốn cho hoàn bị hơn, con người phải trở về kỳ thủy là sống công cộng trong mọi phương diện.

Đức tiên Giáo-Hoàng LÉO XIII thời danh nhất trong xã hội học; Ngài nói : vật thiên nhiên đặt trên vai con người trưởng tộc, phải nuôi vợ nuôi con. Vì những người con là ấn tượng, phản ảnh của người cha, hơn nữa chúng là một cuộc sinh tồn của người bố. Vậy thì như con người cá-nhân có quyền sống, và lo tương lai, thì người chủ tộc phải có quyền lo đến các đứa con kia, chẳng những khi mình còn sinh thời, mà còn lo cho chúng khi mình khuất núi, để chúng khỏi vất vưởng. Nhiệm vụ đó đòi hỏi con người phải có quyền sở hữu, và khi chết, quyền trở thừa kế.

LÝ DO HỢP THỨC HÓA QUYỀN SỞ HỮU — a) Vì trời không phân chia cho ai, để mặc con người xử sự, thì kỳ thủy, chỗ nào chưa ai chiếm cứ, chỗ đó là vô chủ, cho nên ai đến chiếm trước, người đó được. Truyện Abaraham và Loth dạy rõ điều đó. Khi hai cậu cháu chia tay, thì Abaraham nói cùng cháu rằng : này tả hữu mông mênh, chưa ai chiếm cứ. Nếu cháu sang bên tả, cậu trở bên hữu, mà nếu cháu chiếm bên hữu, cậu sang bên tả. Chúng ta không nên bất bình cùng nhau.

b) Công hiệu của việc làm, hay là bởi tài giỏi sáng kiến ra, hay là ai nhường cho không ? Đó cũng là lý lẽ hợp thức hóa, kể được những của ấy.

Nếu không cho con người quyền sở hữu, đó là bóc lột con người, công lệnh của họ.

Mà cấm cho họ trở trần của mình cho người khác, thế là phạm đến tự do của họ.

NHIỆM VỤ NGƯỜI CÓ QUYỀN SỞ HỮU — Nhưng để tránh mọi lẽ bất công và luôn củng cố an ninh của xã hội, người có của, hay tài sản phải biết có nhiệm vụ này là : không được tham lam quá, để tích riêng trong mình bao của dùng không hết, đang khi còn bao người chưa có, dư thêm vô ích mà không chịu đem vào làm việc nghĩa hay công ích, người đó sẽ phạm đến công bình quân phân.

Phải suy con người sống tạm gửi, nên cũng phải nhún nhường để cho kẻ khác có phần. Kẻo một mình giàu quá, còn bao nhiêu người nghèo không thể kiếm ra được. Công bình cũng như bác á, buộc rút ngắn phạm vi hoạt động lại, để nhường chỗ cho kẻ khác lên chân vào.

Cũng như các phần thân thể, một phần nào to quá, làm cho con người cũng trở nên quái thai, thì mặt xã hội cũng vậy, giàu quá, chiếm hết cả phần của người khác, thế là hỗn trật tự xã hội. Đối với những nhà đại tư bản, Giáo hội đã có những lời cảnh cáo riêng.

NHIỆM VỤ CỦA CHÍNH PHỦ. — Chính phủ không phải cầm vận mệnh sinh tử con người, nên cũng không được tự mình ôm lấy hết quyền sở hữu của công dân, rồi lấy lý lẽ đứng đảm nhiệm việc chung, sẽ phân phát cho mỗi kẻ. Tại sao ? Thừa : tại quyền sở hữu kia nó theo cá nhân, nó có trước chính phủ. Nó luôn đi với con người, dù chính phủ có thay

đổi chính thể cũng vậy. Ôm cho mình là trước của công dân, quyền đó theo nhân vị, chính phủ chỉ có quyền đề cao nhân vị, chứ không chà đạp được nhân vị.

Vậy thì nhiệm vụ chính phủ thế nào đối với quyền sở hữu công dân?

Thưa theo lời Đức LÉON XIII, trong thông điệp « Tân Sự » (Rerum Navarum) n. 30) thì chính phủ chỉ có quyền bảo đảm, để quyền sở-hữu của ai nấy được vững chắc.

Theo lịch sử, thì quyền sở hữu không phải là không có thay đổi, vì Tạo hóa để sự đó trong sự diều tài trí con người. Vì thế mà ta thấy có nước, trước giàu sau nghèo, cá nhân cũng thế.

Vậy chính phủ đã có quyền xem sóc đến công ích của xã hội, thì cứ theo lẽ phải là nhiên luật và thiên luật, định đoạt về sự dùng của mà những chủ của không biết dùng đến; Nghĩa là dung hòa làm sao cho sự dư thừa của tư nhân kia được xử dụng về công ích, mà chủ nhân không mất quyền lợi sở hữu của họ. Đàng khác cũng không tước quyền lợi của họ bằng sự đặt ra sưu thuế nặng. Khôn khéo của nhà hữu quyền là ở đó.

Về nền kinh tế từng gia đình, chính phủ không có quyền đem sự au bài của mình vào thay thế cho tự do của con người, nghĩa là chính phủ không được quyền đảm nhiệm lấy công việc trưởng trong gia đình.

Đức LÉON XIII trong thông điệp « Tân sự » (Rerum Novarum) nói : quyền chính phủ nào lẫn vào đến nội cung gia đình của công dân, thì đó là một sự nhầm lẫn cả thể và rất có hại. Vì làm như thế là phá tan liên lạc trong gia đình người ta.

Một điều mà chính phủ có thể pha mình vào, là liệu thế nào tất cả công nhân, những kẻ sẽ trở nên người cha trong gia đình sẽ không phải sống một cách ngày qua ngày, một là họ có phương tiện dành dụm ra để dành mua tạo được tài sản.

Thưa các Đức Giáo Hoàng nói rất đúng lý, mà lẽ ra thiên hạ phải lưu ý đến kẻ đang hướng dẫn nhân quần theo mục đích tối cao. Vì các đấng ấy, lúc nào cũng bình quyền lợi của mọi người, nhất là đề cao nhân vị, đồng thời không làm giả giám chính quyền quốc gia, nguyên chỉ có phản đối chính sách tham tàn bạo ngược cộng sản thôi.

Quốc gia nào theo chân lý đó, quốc gia đó duy trì được bền lâu nền an ninh trật tự trong dân chúng. Quốc gia nào đi ngoài con đường chân lý đó, phải đem dân chúng chà đạp đến đau khổ, vì những chân lý mà các Đức Giáo Hoàng đã nêu ra, chẳng qua chỉ là vạch rõ chân tướng của địa vị con người nêu cao nhân vị thôi. Mà thế là đi theo con đường Tạo hóa rồi, và luật thiên nhiên là đó.

MẤY CHẤT VẤN QUAN HỆ.— 1) Cái gì đi ngược nhiên luật, cái

đó bất chính. Song quyền sở hữu đi ngược nhiên luật, cho nên quyền đó không được tồn tại, cũng duy trì nữa. Thế là cộng sản đúng.

Thưa : Theo nhiên luật, mọi sự là của chung. Song có hai thứ biểu của chung : Một là « positive » mọi sự là của chung cách tích cực, nghĩa là không ai được quyền trên một sự vật nào, phải đem vào làm của chung. Hiểu thế là hiểu sai nhiên luật.

Cách thứ hai, mọi sự là của chung (négative) nghĩa là nhiên luật không phân chia rõ ràng cho ai, một đê cho con người trong các thời đại tiếp tục chia lấy cho nhau.

Như thế quyền sở hữu không đi ngược với nhiên luật, một là đi đúng nhiên luật.

Thế là đạo lý, vì con người có sẵn ngay một trật đầu mà nhiên luật phân chia được ? Con người khi sinh ra, lúc nhiều, khi ít... Những con người này chưa có, nhưng sau này mới có, thì chia làm sao cho những kẻ đó được ? Vì thế mọi sự là của chung phải hiểu là tiêu cực (négative), nhiên luật không chia.

2) Nhiên luật thì không bao giờ vi phạm đến. Song nếu quyền sở hữu là thuộc nhiên luật, thì hẳn không bao giờ vi phạm đến. Nhưng ta thấy có nhiều hoàn cảnh được phép vi phạm đến. Cho nên rõ quyền sở hữu không phải là khuôn khổ của nhiên luật.

Thưa : Những lúc mà lấn quyền sở hữu của công dân, khi đó không được nói là vi phạm quyền của họ. Trong những lúc cần kíp lắm, như khi đánh giặc, chính phủ được phép xử dụng hoặc nhà cửa hay vật dụng của tư gia, tạm gọi là xung công. Khi đó không phải là vi phạm, một là quyền tư gia hay tư nhân khi đó phải nhường vì công ích. Nếu không nhường vì công ích đó, khi bại thì cả công ích lẫn tư ích sẽ tiêu diệt. Cho nên khi hai quyền lợi va chạm nhau như thế, gọi là (confliction de droit) quyền nào bé hơn phải rút lui.

Cũng vì nhẽ đó, ta xem thấy các nước văn minh, trong khi chiến tranh cũng có xung công vật này, vật khác, nhưng sau vốn bồi thường. Như thế không phải là vi phạm.

3) Mọi người theo bản tính là như nhau, có mọi quyền như nhau, Về tình cũng như về tài. Vậy cộng sản thì hành đúng nhiên luật, cho phép con người chồng chung vợ cha, cũng như tài sản là của công hết. Ai cần thì cho ?

Thưa : Mọi người theo bản tính thì như nhau. Điều đó không đúng vì có hai bản tính, một bản tính theo loại giống (nature spécifique) cái đó thì mọi người giống nhau, vì mọi người cũng chỉ là một loài như nhau. Song có bản tính cá nhân nữa (nature individuelle) cái này không giống nhau.

Vậy quyền sở hữu trong sự lập gia đình cũng như về phương diện

tài sản là theo bản tính cá nhân. Cho nên cộng sản kết luận rất sai nguyên tắc.

Đề lộ chân tướng nguy, thuyết cộng sản đã đem ra trên kia, tôi xin đem ra một lý luận tương đương, để các bạn nhìn xem thấy là nguy hiểm đến đâu.

Mọi người bản tính như nhau, cho nên có quyền lợi trong mọi sự như nhau. Không ai được hơn kém nhau phương diện nào.

Vậy những người thông giỏi trên đời, là những người đi ngoài nhiên luật, vì thông giỏi chỉ có thiểu số. Câu ấy đúng không ?

Hay là những người biệt tài xuất chúng, là những hạng người ăn cướp tài của nhân loại ? Ai lành mạnh trí không mà suy luận thế bao giờ.

Trong lý luận của cộng sản cũng y như vậy.

4) Trong xã hội muốn bình an, thì đừng đem mỗi phân bì trong đó song sự có quyền sở hữu, có tư bản, hay là gia đình ai nấy riêng biệt, thì hay gieo họa, rối trật, sinh nhiều ghen tương. Nếu cát hết đi của là chung, vợ chồng chung, thế là an bình.

Thưa : Cũng như không có ngăn trở cuộc trị an, nếu trong xã-hội có nhiều người dốt cũng như người không dốt, thì kẻ giàu, người nghèo trong xã hội cũng không phải là mối nguy cho cuộc an bình. Đứng mặt tinh thần, kẻ thông giỏi là giàu, đứng mặt vật chất, kẻ nhiều của là giàu.

Song ai dám nói là sự thông giỏi lẻ loi kia là rối cuộc trị an, và ngược lại với nhiên luật ? Vậy cũng không nên nói kẻ giàu làm rối cuộc trị an, và ngược nhiên luật.

Cũng một nhẽ ấy, cái duyên hay sắc nó theo cá nhân, chứ đâu theo loại giống. Muốn đẹp cả cũng không được, mà muốn xấu cả cũng không được. Sự riêng tách như thế mới là hòa diện của nhân loại.

Còn như ghen tương, đó là tính xấu con người, chứ đâu có phải bản tính ? Trái lại, trong xã hội có sự chênh lệch, thì trong xã hội mới đẹp. Kẻ thông giỏi dạy cho kẻ ít học. Người nhiều của, có dịp thì hành đức bác ái. Nếu không có sự chênh lệch các phương diện, thì lấy dân có đức bác ái, và đâu gọi là công bình. Đâu là tình thương ? Đâu là đại độ ? v . . v . . v . .

H ẾT

